NĂM THỨ MƯỜI HAI • # 135 • JULY 2000

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

NHỮNG KHI BƯỚM LƯỢN
NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

BÚN ỐC ANH BẢO
MẠCH NHA

BA THẰNG BẠN CỦA TÔI
TRẦN NGỌC TUẤN

VNCR

Viet Nam California Radio

106.3 FM

Phát thanh 5 ngày mỗi tuần từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Buổi sáng: 5 AM đến 7 AM • Buổi chiều: 12 PM đến 4 PM

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt
ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

Tin Tức Thời Sự Nhanh, Chính Xác & Phong Phú
Văn Nghệ Chọn Lọc • Giải Trí Thoải Mái, Thanh Lịch
Hội Thoại, Phỏng Vấn Đề Tài Thiết Thực.

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

Trong 2 năm qua sau hai cuốn VNCR Yearbook 98-99 và 99-2000 với hàng chục ngàn ấn bản phát hành rộng rãi khắp nơi, kính mời quý độc giả và thính giả tìm đọc:

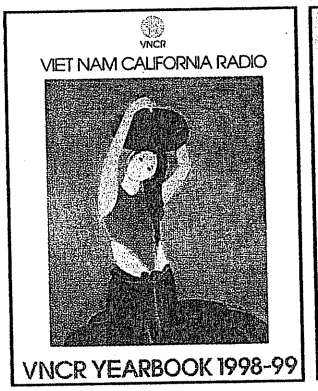

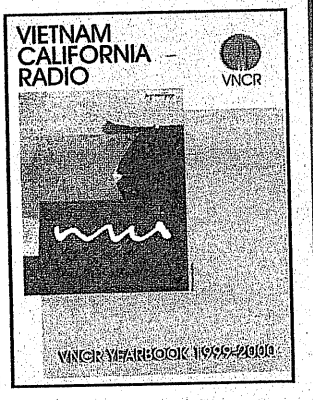

KỶ YẾU VNCR MÙA HÈ 2000

Nội dung súc tích:

* *Về đầy đủ hoạt động và hình ảnh của ngành phát thanh tiếng Việt trên toàn nước Mỹ.*
* *Địa chỉ Internet và chương trình chi tiết của các đài tiếng Việt.*
* *Đầy đủ danh sách cơ sở thương mại của người Việt hải ngoại...*

- Muốn sản phẩm được giới thiệu rộng rãi đến khách hàng khắp nơi.
- Muốn cơ sở kinh doanh được nhiều người biết đến
- Muốn ngành dịch vụ được nhiều thân chủ tín nhiệm

Quý Cơ sở Sản Xuất, Kinh Doanh, Mọi Ngành Dịch Vụ hãy đăng quảng cáo trên
KỶ YẾU VNCR MÙA HÈ 2000

Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY # A, GARDEN GROVE, CA 92840

thúy nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

Một LIVE MUSIC SHOW mới lạ chưa bao giờ được thực hiện trong lãnh vực VIDEO CA NHẠC VIỆT NAM.

Ca sĩ thần tượng của PHÁP

C*H*R*I*S*T*O*P*H*E

Với những bản tình ca bất hủ
trong thập niên 1970-1980,
được nhiều thế hệ khán thính giả Việt Nam
yêu thích như
ALINE, MAL, MAIN DANS LA MAIN
JE NE T'AIME PLUS, LES MARIONNETTES...

SẼ XUẤT HIỆN ĐẶC BIỆT TRONG VIDEO

PARIS by NIGHT 54

LIVE SHOW IN CONCERT

(Một bộ 2 cuốn)

Với

NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN
NGUYỄN HƯNG - THẾ SƠN - DON HỒ - QUỐC HÙNG
LƯU BÍCH - NHƯ QUỲNH - THIÊN KIM
Thêm một hài kịch cười mãi không thôi
KIỀU LINH - MỸ HUYỀN - QUỐC ANH - KỲ DUYÊN

Xin liên lạc: THÚY NGA

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA. TEL. (714) 839-8746 FAX (714) 839-8215

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bắc sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG
(714) 531-2773
GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ
* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.
* Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.
* Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.
NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG
SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM
14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tử Hải)

Võ Doãn Nhẫn

RỪNG PHONG, THU ĐÃ...

tuyển tập thơ văn, 264 trang

Giá US$12.00

Liên lạc tác giả:

9635 Mast Blvd, Santee, CA 92071

Tel: (619) 449-0324

E-mail: stone2000@.aol.com

"... Ông đặc biệt thành công với loại truyện không cần chuyện mà chỉ dùng như một cái khung để chuyên chở một chủ đề. Các vấn đề và biện luận ông đưa ra thường là độc đáo, được chuyên tâm suy nghĩ sâu, biến loại truyện này thành một loại đặc sắc của riêng ông. Những truyện và tiểu luận chuyên chở một ý tưởng triết lý kiểu như vậy của Võ Doãn Nhẫn đã mang lại một luồng ánh sáng khác lạ trong việc luận giải văn chương mà phần lớn chúng ta chỉ quen đi trên những lối mòn do người trước để lại..." Phạm Xuân Đài.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

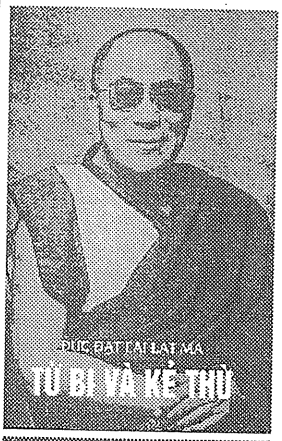

* Video: **Lễ Phong Chân Phước ANDRÊ PHÚ YÊN**
Vị Tử Đạo tiên khởi Việt Nam

* **CD-ROM: 300 NGÔI CHÙA NỔI TIẾNG VIỆT NAM**
Hơn 2200 ảnh màu và tóm tắt lịch sử của 300 ngôi chùa nổi tiếng nhất.

* **Đức ĐẠT LAI LẠT MA: Từ Bi và Kẻ Thù**
do PHƯƠNG DUNG tổng hợp những bài giảng hay nhất của Đức Đạt Lai Lạt Ma.

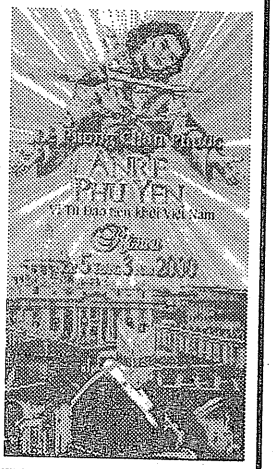

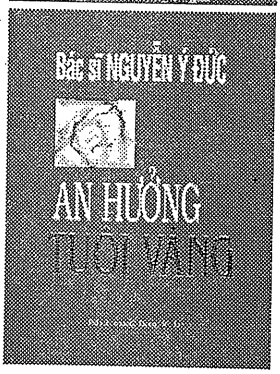

* **AN HƯỞNG TUỔI VÀNG**
của Bác sĩ NGUYỄN Ý ĐỨC
sách Y học với những hướng dẫn cần thiết dành cho người lớn tuổi.

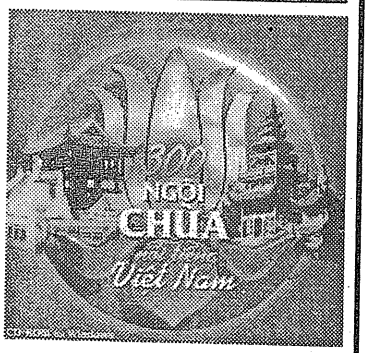

SÁCH TUYỂN CHỌN - MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

- Loanh quanh những nẻo đường (bút ký) Tác giả: Trần Doãn Nho $10.00
- Lời kinh xưa, Buổi sáng này, Nguyễn Duy Nhiên $10.00
- Chuyện lành, Nguyễn Văn Thông $12.00
- Tuyệt thư (bút ký), Nguyên Hương $10.00
- Nhan sắc (tập truyện), Dương Nghiễm Mậu $10.00
- Người nữ tu huyền chức (truyện dài), J.Ngọc $16.00
- Về miền sâu thẳm (nghệ thuật Nhật Bản), Đồng Vọng $12.00
- Giọt sương trên lưới nhện (tuyển tập truyện tình), Lê Bảo Trần $16.00
- Cuối đoạn đường tình (truyện dài), Cao Xuân Lý Mùa hạ hai mươi, Hoàng Hải Thủy $8.00
- An sinh xã hội, Medicare và phụ cấp an sinh (SSI), Nguyễn Trọng Liệu $10.00
- Bé xé ra to hay Vụ án của thế kỷ, Nguyễn Trọng Liệu $10.00
- Phong thủy dẫn giải và thực hành (2 tập), Đoàn Văn Thông $28.00
- Câu chuyện của Rampa, Trần Viết Anh Thi dịch $15.00
- Cõi người trong văn chương bình dân, Huỳnh Văn Phú $10.00
- Hương nước hồn quê, Toan Ánh $12.00
- Mạnh Tử truyện (2 tập), Tào Nghiêu Đức $29.00
- 100 truyện ngắn hay Trung Quốc (3 tập) $38.00
- Khang Hy đại đế (2 tập), Nhị Nguyệt Hà $32.00
- Nhà văn Việt Nam thế kỷ 20 (4 tập), Ngô Văn Phú $68.00
- Nhà thờ đức bà Paris (2 tập), Victor Hugo $20.00
- Trung Quốc nhất tuyệt $36.00
- Yêu đương chuyện của muôn đời $24.00
- Những gương mặt văn xuôi trẻ cuối thế kỷ 20 $16.00
- Lịch sử văn học Trung Quốc (2 tập) $40.00
- Tôn Tử truyện (2 tập), Tào Nghiêu Đức $24.00
- Tiếng xưa $15.00
- Sự tái sinh của các Lạt Ma Tây Tạng, Phương Dung $22.00
- Chuyện thâm cung dưới triều đại Hồ Chí Minh, Việt Thường $18.00

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoằng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: *Ruộng bậc thang Sapa* ảnh của Phí Văn Trung, chụp tháng 5-2000.
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường
Hí họa: Babui, Etcetera
Ảnh: Anh Thành, tư liệu

MỤC LỤC

Số 135 . Tháng Bảy 2000

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ

16 Hy vọng và thực tế ở Hàn Quốc - **Ngô Nhân Dụng**
20 Những người Cộng sản đã tự thủ tiêu mình như thế nào - **Nguyễn Hữu Lê**
26 Pháp du phiêu lưu ký - **Thành Tín**

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

32 Những sự khác biệt về phong tục và tín ngưỡng của người Chàm - **Nguyễn Văn Luận**
43 Vấn đề trọng đại nhất của nghìn năm tới - **Trần Ngọc Ninh**
53 Lạm bàn về một bộ sách - **Đặng Trần Huân**
64 Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh - **Trần Gia Phụng**

LUẬT PHÁP - KHOA HỌC

37 Những khi bướm lượn - **Trần Đức Tường**
49 Vụ án Pinochet làm rung chuyển luật pháp quốc tế - **Nguyễn Văn Thành**
61 Một chuyến viếng thăm TTVN tại Texas Tech-Lubbock - **Hoàng Quế**

VĂN

89 Ba thằng bạn của tôi - **Trần Ngọc Tuấn**
94 Bỏ hoang đời - **Song Thao**
100 Bún ốc anh Bảo - **Mạch Nha**
104 Trường hợp ông Chiểu Điền - **Endo Shusaku** - **Nguyễn Văn Thực** dịch

THƠ

39. Đêm tháng Tư - Cổ Ngư. 55. Chiêm bao - Đăng Trình. 84. Nâng cốc sầu tan - Hà Nguyên Du. 91. Thôi thì thôi cũng đành - Hồng Khắc Kim Mai. 97. Lỗ thủng - Lưu Văn Vịnh. 102. Nhà - Khánh Hà. 107. Nụ hôn - Hoàng Khanh.

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Bạn đọc viết
9 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
10 Hộp thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
11 Tin Việt Nam
57 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo - Từ Nguyên**
112 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành, Từ Nguyên, Song Thao**
116 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

Thú vị và bổ ích

Thế Kỷ 21 có thêm mục "Tin Việt Nam" rất hay và rất có ích. Xin gợi ý là khi nào trích dẫn báo chí (trong nước hoặc ngoài nước) thì nên ghi thêm *référence (tham khảo) cụ thể* (Ví dụ: *Nhân Dân* ngày mấy tháng mấy) để độc giả có thể tìm kiếm đọc thêm dễ dàng hơn.

Mục Sổ Tay hàng tháng cũng rất thú vị và bổ ích.

Xin đề nghị với *Thế Kỷ 21* nếu có thể được thì nên chuẩn bị cho năm tới (2001) một số đặc biệt làm một cuộc soát xét lại công việc làm của chính quyền trong nước trong 15 năm "đổi mới," trong đó có hai phần chính:

a. Trong nước: về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, tôn giáo, y tế, giáo dục...

b. Quan hệ đối ngoại: Việt Nam - USA; Việt Nam - Trung Quốc; Việt Nam - Asian; Việt Nam - Âu châu v.v...

Võ Nhân Trí,
(Paris, Pháp Quốc)

Truyền thống Việt Nam

Bài Tiễn Bạn Về Quê trong số vừa rồi, tác giả có nói đối với người Việt Nam truyền thống thì chết là "về với ông bà," và nhận xét rằng ông Hồ Chí Minh trong di chúc chỉ mơ việc đi gặp đồng đảng (Các Mác, Lênin), thì không phải là một người Việt Nam truyền thống.

Trước hết, thật sự khó biết thế nào là một người Việt Nam truyền thống, vào thời điểm này của lịch sử. Nửa sau của thế kỷ hai mươi đã tạo ra một sự pha tạp kinh hoàng với những biến chuyển lớn cuốn hút cả dân tộc theo, đến nỗi hầu như không có thì giờ để mà lựa chọn một cái gì hết. Chiến tranh, các loại tư tưởng mới được áp đặt, các hình thái sống mới được du nhập, sự di dân ra thế giới, các thế lực kinh tế tài chánh quốc tế ào vào làm ăn... đã làm cho người Việt Nam biến dạng hàng ngày. Từ cách sống bên ngoài đến sự tin tưởng bên trong. Quần áo chẳng hạn, đại đa số người dân mặc theo lối nào? Nếu lấy cái đa số để tìm một đặc tính chung thì chắc phải kết luận người mình hiện ăn mặc theo Âu phục, và Âu phục chắc chắn chẳng phải là quốc phục rồi. Cái hình thức gần nhất, là những gì bao bọc thân thể, đã chẳng phải là cái truyền thống, như ông cha ta vẫn mặc. Nói gì đến một sự tin tưởng sau khi chết mình sẽ đi đâu, có gì chắc là đa số người Việt vẫn còn tin rằng mình sẽ "về với ông bà?"

Ông Hồ Chí Minh là trường hợp điển hình nhất của sự vong thân truyền thống ấy. Ông ta là một nhà chính trị, và cũng là một kịch sĩ đại tài, suốt đời ông đóng kịch, có thể nói đời ông là một vở kịch dài. Việc ông xuống tàu sang Pháp khi còn trẻ tuổi, cả nước đều tin ông đi "tìm đường cứu nước," nào ngờ ông đi tìm đường tiến thân để gia đình thoát ra khỏi cảnh nghèo hèn. Khi vào con đường hoạt động cách mạng rồi thì hầu như không còn cái gì nơi ông ta là thật nữa, từ ngày sinh tháng đẻ, đến tên gọi, đến chuyện vợ con, nói gì đến những cái mờ ảo trong tâm trí ông, chẳng ai biết được nó như thế nào. Ông đóng kịch triền miên, khi khóc lúc cười, vờ vờ vịt vịt trong mọi tình huống chỉ cốt nhằm vào các thủ đoạn chính trị, và đóng kịch riết, kịch tính trở thành bản chất của ông.

Theo tôi cả cái di chúc của ông cũng không thoát khỏi điều giả dối. Ông đã gọt dũa nó đến mấy năm trước khi chết. Việc ông nói sẽ đi gặp người nọ người kia sau khi chết, nhiều người cười nói kẻ duy vật suốt đời chỉ lo một việc tiêu diệt tôn giáo mà còn nói chuyện có linh hồn, thì thật là chuyện lạ. Tôi thấy chẳng có gì lạ. Ông ta đóng kịch đấy, còn thật sự ông ta tin cái gì thì ai mà biết nổi. Ông ta muốn cái di chúc của ông có tính cách Việt Nam thì ông mượn ngay lối nói "về với ông bà" của dân tộc Việt Nam, chỉ bẻ quẹo chút xíu để phục vụ mục tiêu chính trị của ông, có thế thôi. Suốt đời chỉ có mục tiêu chính trị, thì suốt đời phải đóng kịch.

Có lẽ nơi con người Hồ Chí Minh chỉ có một điều chúng ta có thể tin là thật, đó là sự thèm khát quyền lực. Điều đó ẩn tại chỗ thâm sâu trong ông, điều khiển hết hành vi của ông. Qua những diễn biến của đời ông, nói ông là người của chủ nghĩa quốc tế cũng đúng, mà nói là người thiết tha yêu nước cũng chẳng sai. Nhưng cái ông yêu nhất, ấy là chính ông, và ông phải đóng một vở kịch dài để che dấu cái đó đi. Che dấu cốt để thực hiện cho được cái mà nó khao khát nhất, quyền lực. Cho nên nói rằng ông có phải là người của truyền thống hay

không phải truyền thống Việt Nam, thì là chỉ dựa vào sự diễn xuất của ông mà nói. Nhưng sân khấu đâu phải là cuộc đời, đâu phải là sự thật?

Lê Đình Vương
(Houston, TX)

Lại chuyện tin Việt Nam

Vài số gần đây quý báo có thêm phần "Tin Việt Nam," thấy cũng hay hay. Trên báo chí Việt ngữ bây giờ tin Việt Nam theo các hãng quốc tế thì cũng không hiếm, nhưng đó phần nhiều là những chuyện chính thức về chính trị, kinh tế có tính cách quốc gia. Tin của *Thế Kỷ 21* có vẻ đi sâu vào đời sống xã hội hơn. Nếu khai thác kỹ và có hệ thống một chút, trang tin ấy có thể phản ảnh được phần nào nhịp đập của đời sống xã hội, tức là mọi tầng lớp dân chúng tại Việt Nam.

Cách trình bày tin hiện nay chúng tôi thấy còn rời rạc, cái nọ tiếp nối cái kia một cách tình cờ không tạo ra một mạch lạc gì. Có thể nào Tòa soạn sắp xếp tin tức theo loại được không? Chẳng hạn tin "bằng cấp giả tại Việt Nam" sẽ đi cùng nhóm với tin "Úc mở trường đại học ở Sài Gòn," hoặc "quan chức cộng sản lộng hành tại địa phương" ắt có liên quan đến tin "biểu tình trước hội trường Ba Đình"... Dĩ nhiên chuyện xảy ra thì không cần biết thuộc một loại nào nó vẫn xảy ra, nhưng việc sắp xếp phân loại của người làm tin sẽ cho thấy sự tương quan giữa các sự kiện, giúp người đọc dễ có một hình ảnh về đời sống Việt Nam hơn. Để rời rạc thì dễ "đọc qua rồi bỏ," không nhìn thấy một ý nghĩa đặc biệt nào. Khi tập họp tin tức cùng một loại lại thì Tòa soạn đã làm công việc nhấn mạnh ý nghĩa đó. Và bản tin lúc bấy giờ có mang thêm tính chất hướng dẫn.

Tôi xin lỗi đã đòi hỏi nhiều thứ quá, có cái này còn đòi thêm cái nọ. Nhưng nếu Tòa soạn thấy đề nghị của tôi phù hợp với nhu cầu của nhiều độc giả khác thì cũng nên xét mà thực hiện.

Nguyễn Khải
(San Diego, CA)

Tiếng Việt đối với một người trẻ

Ngày 6 tháng 6 năm 2000

Sau khi được tin Ba tôi đã chết trong một trại tù nào đó ở miền Bắc mà tôi nhớ không rõ thì Mẹ tôi đã quyết định đưa tôi đi vượt biên. Sau sáu tháng ở đảo vừa chờ phỏng vấn để đi định cư vừa trông tin Mẹ nhưng hoàn toàn tuyệt vọng — vì trên đường vượt biên Mẹ tôi cùng một số đàn bà con gái khác bị hải tặc bắt đưa qua tàu của chúng rồi đuổi chiếc ghe chở người vượt biên còn lại ra đi.

Trong suốt 15 năm bơ vơ nơi xứ người, không biết nhờ ơn Trên hay hồn thiêng của Cha Mẹ tôi đã giúp cho tôi học hành đến nơi đến chốn, kể cả việc học tiếng Việt trong thời gian mấy năm gần đây, và bây giờ tôi đã "đọc" và "viết" tiếng Việt được. Đây là một điều tôi rất mừng cho chính tôi vì tôi cứ ngỡ mình sẽ mất tất cả.

Chính mình người Việt mà học chữ Việt đã thấy khó ơi là khó với những dấu *hỏi, ngã*, những chữ sau cùng với *o* hoặc *u - cao, cau - c* hoặc *t - bắc, bắt* v.v...

Cách đây mấy tuần tôi được dịp làm quen với tờ *Thế Kỷ 21* số 133. Trong số báo này có bài *Vấn đề trọng đại nhất của nghìn năm tới* (trang 39) của Trần Ngọc Ninh và *Một vài suy nghĩ về dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại* của Đoàn Xuân Kiên, đã khiến tôi thắc mắc về cách dùng "i" và "y" của hai tác giả. Tôi xin mạo muội có vài câu hỏi:

- Tôi thấy trong hai bài trên các tác giả dùng i và y khác với các bài khác trong tờ *Thế Kỷ 21* nói riêng, với các sách báo khác nói chung. Chúng tôi, thành phần trẻ hải ngoại đang cố học tiếng Việt cảm thấy khá bối rối, làm sao lại có sự khác nhau như vậy?

- Nếu thay y bằng i thì họ Lý sẽ thành Lí, các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần sẽ thành Đinh, Lê, Lí, Trần, như thế có ổn không? Rồi những danh từ riêng đã quen dùng như Hoa Kỳ, Thế Kỷ, liệu đổi qua Hoa Kì, Thế Kỉ thì có "tiện" không?

Đây là những ý kiến "hiếu học" của cá nhân tôi, các bạn trẻ cùng lứa với tôi chắc cũng có những thắc mắc như thế. Nếu có gì không đúng xin quý vị niệm tình tha thứ.

Lý Kim Ngọc
(Philadelphia, PA)

Vấn đề i ngắn y dài đã được đặt ra rất nhiều lần rồi. Ngay trên báo Thế Kỷ 21 cách đây vài năm nhiều người cũng đã tham gia thảo luận sôi nổi một thời gian. Đại để là có hai quan niệm: (1) thống nhất dùng i cho những chữ có âm i, để khỏi phải lúc thì i ngắn lúc thì y dài, rắc rối và không hợp lý, (2) giữ nguyên như cũ, chữ nào đã quen dùng thế nào thì cứ dùng như thế (theo quan niệm này thì họ Lý vẫn luôn luôn là Lý).

Các bạn trẻ thắc mắc là phải, vì thấy một ngôn ngữ mà lung tung quá, người viết thế này kẻ viết thế kia, ở nước

người học chữ Việt đã khó, lại còn cái nạn không thống nhất cách viết nữa, biết theo ai? Tạm thời chúng tôi đề nghị với các bạn cứ dùng theo số đông, "ai sao mình vậy," chờ khi có sự ngã ngũ mọi người Việt thỏa thuận viết một cách rồi hãy hay. Bởi vì sẽ không có lý thuyết và thực tế nào giải quyết một lần cho các bạn vấn đề này cả.

Nền y tế Mỹ

Tháng sáu, tôi được đọc hai bài báo có liên quan với nhau mà tôi thấy là một trùng hợp và bổ túc cho nhau một cách ngộ nghĩnh. Đầu tháng đọc *"Y khoa và những lầm lẫn chết người"* của Nguyễn Văn Tuấn trên *Thế Kỷ 21* số 134, và vào ngày 22/6 đọc trên nhật báo ở Little Saigon tin *"Tổ chức Y Tế Thế Giới: Pháp và Ý có nền Y tế tốt nhất - Mỹ chi phí nhiều nhất, nhưng hạng 37.*

Bản tin vừa nói là theo báo cáo của Tổ Chức Y Tế Thế Giới (World Health Organization = WHO) sau khi khảo sát 191 nước. Tiêu chuẩn xếp hạng dựa trên những điểm sau:

- Những năm khỏe mạnh của đời sống,
- Hiệu năng phục vụ, sự bình đẳng trong hệ thống y tế,
- Có đáp ứng được các nhu cầu về tài chánh và xã hội của đối tượng được phục vụ hay không?

Hoa Kỳ đứng nhất về số tiền bỏ ra và phản ứng nhanh trong việc cứu người, nhưng lại kém về hiệu quả và sự bình đẳng, được xếp hạng tổng quát ở hàng thứ 37.

Thứ hạng đó thật không gì vinh dự cho một nước tự hào có một nền y tế tiến bộ nhất thế giới, và hơn nữa, giàu nhất thế giới. Rõ ràng tiến bộ nhất, giàu nhất chưa phải là tốt nhất. Tại sao nước Mỹ thua đến 36 nước, trong đó có những nước "nhược tiểu" như Oman? Câu trả lời quả là không dễ dàng, nước Mỹ lớn quá, đa diện đa dạng quá, không bao giờ có thể giải thích bất cứ vấn đề gì bằng một vài câu ngắn ngủi.

Nếu đọc kỹ bài "Y Khoa..." của tác giả Nguyễn Văn Tuấn thì có thể thấy ra vài khía cạnh. Đây là một bài khảo sát rất hay về những rủi ro trong công tác y tế, chứng tỏ tác giả phải là người trong nghề và đã có những nghiên cứu rất sâu sắc, giúp người đọc có một cái nhìn đúng mức về việc chữa bệnh: không tin tưởng một cách mù quáng vào thầy thuốc và y dược, cũng không bi quan nghi ngờ hết mọi thứ. Ông đã cho thấy các lỗi lầm trong Y khoa là một điều không tránh khỏi, và ông cũng đặt ra vấn đề Y Đức như là một điều kiện tiên quyết cho một nền Y khoa tốt. Mặc dù tác giả đặt ra vấn đề Y Đức là chung cho giới thầy thuốc khắp mọi quốc gia, nhưng tôi nghĩ chính vì điểm này mà nền Y khoa Hoa Kỳ không ở vị trí cao trong bảng xếp hạng. Khi nền Y tế đã thành một guồng máy, và hơn nữa, một guồng máy làm ra tiền, thì thân xác bịnh hoạn của một cá nhân đưa vào đó rất dễ biến thành thuần túy một đối tượng sinh lợi (nhất là lại có một bảo hiểm sức khỏe tốt!).

"Có thể nói ngày nay bệnh nhân khó tìm được một người thầy thuốc lý tưởng, có lòng nhân từ, tế độ...; càng khó tìm hơn người thầy thuốc lo cái lo, vui cái vui của bệnh nhân, hay người thầy thuốc chỉ lấy việc cứu sống người làm nhiệm vụ mà không cầu lợi, kể công." (tr. 76)

Người thầy thuốc là một cá nhân con người, đối diện với bệnh nhân cũng là một con người, lại đau yếu, mà còn như thế, nói gì một tổ chức, một cơ cấu kinh doanh y khoa, như một bệnh viện chẳng hạn! Bệnh nhân có khi biến thành nạn nhân không biết lúc nào.

Khi nhỏ tôi vẫn nghe ông bà tôi nói câu: "Nhất thế y, tam thế suy" (một đời làm thầy thuốc, ba đời bị suy vi) tôi hoàn toàn không hiểu được. Một nghề cứu người mà sao lại thế, có thứ nhân quả nào kỳ cục như vậy? Nay có lẽ tôi bắt đầu lờ mờ hiểu. Tất cả là ở vấn đề Y Đức, như tác giả Nguyễn Văn Tuấn đã nhấn mạnh.

Hoàng Mạnh Hải
(Anaheim, CA)

Huyền thoại

Huyền thoại ngày nay nếu còn dùng, theo ý tôi là chỉ để tô điểm cho cuộc sống thêm một chút lãng mạn, là một ánh đèn tương đối mờ ảo thay thế cho vùng ánh sáng chói chang để làm êm dịu bớt thần kinh. Thế thôi. Với nghĩa đó huyền thoại là một yếu tố thẩm mỹ.

Những người tin ông Hồ Chí Minh như thần thánh không biết ông ta được bọc một lớp huyền thoại. Cái mà chúng ta biết chỉ là huyền thoại, hay đúng hơn, chỉ là những chuyện bịa đặt, họ tin như chuyện thật. Xin cám ơn ông Trần Gia Phụng đã "lột trần" hộ những cái vỏ bọc gian giảo chung quanh nhân vật này. Chẳng phải vì căm thù ghét bỏ gì, nhưng làm tỏ rõ sự thật là quan trọng hơn

cả. Sống trong lừa dối, buồn lắm.

Những nhân vật chính trị hay được tô vẽ huyền thoại nhất, nhưng cũng dễ bóc trần nhất, nhất là khi triều đại của họ đã qua, quyền lực để duy trì sự lừa dối không còn nữa. Tô vẽ là dối trá. Người diễn viên trên sân khấu thì tha hồ tô vẽ, vì công việc của họ là công việc giả, họ biết điều đó và mọi người biết điều đó, nhưng tất cả đều chấp nhận vì đó là trò chơi chung, kẻ diễn người xem. Vả lại cái giả của diễn viên chính là nghệ thuật. Nhưng khi mang nghệ thuật đó vào những lãnh vực chính trị hay tôn giáo thì là bắt đầu có tính chất lừa dối, tà mị.

Sống thành thật, trong sáng là lối sống đáng mơ ước nhất.

Trần Anh Việt
(Germany)

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Lê Hồng Hưng, Dư Bao Đồng, Mạch Nha, Hướng Dương, Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Cung Thông, Trần Vấn Lệ, Trần Ngọc Tuấn, Tam Van Nguyen, Trần Gia Phụng, Đăng Trình, Hoàng Đống, Trần Huy Sao, Khánh Hà, Nguyễn Thiếu Dũng, Quang Võ, Đặng Trần Huân.

Cáo lỗi

Vì các tác giả bận việc bất ngờ nên các bài sau đây không đến với độc giả trong số này được:

* *Sổ Tay*

* *Công cuộc nghiên cứu Việt Sử tại Bắc Mỹ*

Xin cáo lỗi cùng quý độc giả.

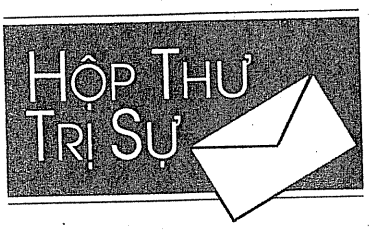

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Duc Minh Bui,MD (Huntington Beach CA), Nguyen Dang Phuc (Cincinnati OH), Thi Pham (Pihaburgh PA), Do Hong Chuc (Laguna Hills CA), Xuyen Mai (Mankato MN), Arnid Nybakk (NORWAY), Do Huy Hoang (Oklahoma OK), Phan Huu Tat (San Jose CA), Tran Tu Huyen (Oaklan CA), Phan Quang Tue (Danville CA), Nguyen Thuy Phuong (Union City CA), Bothell Lib (Bothell WA), Regional Federal Way Lib (Federal Way WA), Glenbard East high Sch (Lombard IL), Tam Le (Irvine CA), Hoang Dong (Aliso Viejo CA), Hoang Cam (Jacksonville FL), Duong Phuoc Luyen (Royal Palm Beach FL), Thanh Nguyen (Arlington VA), Thuy Ngoc Nguyen (Newark CA), Do Cuong (Bridgeport CT), Nguyen Van Cuong (NORWAY), SBS Radio Melbourne (AUSTRALIA), Rev. Nguyen Van Van (Costa Mesa CA), Nguyen Hoa Truoc (San Diego CA), Ha Nhu Tuong (Elk Grove CA), SBS Broadcasting Services (AUSTRALIA), Le Huu Thuan (Adelphi MD), Truong Mai Huong (Rowland Heights CA), Trieu Ngoc Quach (Arlington VA), Nguyen Thu Huong Denise (West Hills CA), Le Chi Toai (West Hartford CT), Nguyen Thiep (Garden Grove CA), Vy Chi Nguyen, MD (Westminster CA), DR. Khai Manh Nguyen (CANADA), New York Life Insurance Com. (New York NY), Frank Nhat Trinh (Australia), Nguyen Hoang Khuong (DENMARK).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Bui Tam Minh (San Diego CA), Diep Van Thanh (San Francisco CA), Nguyen Hung Quang (San Jose CA), Nguyen Nguyen Phuong (Denver CO).

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU
THẾ KỶ 21
TỜ BÁO CỦA
MỌI GIA ĐÌNH
NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

Dân trong nước tiết lộ và báo động: CSVN nhượng đất biên giới cho Bắc Kinh

Một nguồn tin trong nước mà chúng tôi tin rằng họ có dữ kiện đúng nhưng không thể cung cấp xuất xứ, cho hay nhà cầm quyền Hà Nội, đúng ra những kẻ chóp bu của đảng CSVN đã cố tình nhượng bộ Trung Cộng trong các cuộc đàm phán về biên giới. Hậu quả là Việt Nam đã phải lùi biên giới lại, nhường đất cho Cộng Sản Tầu.

Đây là một tin tức chúng tôi đã được nghe nói đến qua nhiều nguồn tin trong nước khác nhau. Đặc biệt anh em sinh viên trong nước đã báo động đến với cộng đồng người Việt tị nạn tại hải ngoại, rằng Lê Khả Phiêu và băng đảng của ông ta vì sự an nguy của đảng CSVN nên đã hành động như vậy. Dưới đây, chúng tôi xin đăng bài của các anh em này để độc giả thẩm định:

"Chưa có bối cảnh ngoại giao nào giữa Việt-Trung lại nhục nhã hơn là giai đoạn hiện nay, với một chính sách không rõ ràng, lại bị phân chia bởi quá nhiều phe phái điều hành trong Đảng.

Trong cuộc gặp giữa hai phái đoàn đàm phán về hiệp định biên giới Việt-Trung tại Hà Nội và tiếp theo đó tại Thẩm Quyến, Trung quốc, vào tháng Tám năm 1999 và tháng Hai năm 2000, trong khi phái đoàn Trung Cộng luôn luôn đưa ra các lý lẽ rất "anh chị" như phải xác định lại đường biên giới Việt-Trung theo ý của họ và không cần đàm phán về đường lãnh hải giữa Việt-Trung thì phái đoàn Việt Nam lại im lặng, và không có ý kiến tranh luận thực sự xác đáng.

Phái đoàn Trung Cộng đưa ra các lý do sau: Nếu tính từ cột mốc số 0 được xác lập lại sau chiến tranh biên giới Việt-Trung thì theo phái đoàn Trung Hoa, Hà Nội phải lui sâu vào 12 km mới đúng là biên giới thực sự.

Theo họ, các mồ mả của người dân tộc Trung Hoa cộng với sự tự di dời cột mốc và tạo dựng các cột mốc giả mà mục đích là lấn thêm vào trong đất Việt đã xác định rõ phải vẽ lại theo ý họ đường mốc biên giới hiện nay.

Mặt khác, họ đưa ra các lý luận về các sách sử không có giá trị tư liệu, mơ hồ nhưng phái đoàn Hà Nội được lịnh phải gật đầu với những lý luận ăn cướp trên của đàn anh Trung Cộng.

Dư luận nhân dân miền Bắc, nhất là tại Hà Nội hiện nay rất phẫn nộ vì sự "đổi chác" này của Bộ Chính Trị đảng CS. Dư luận cho rằng việc đảo Hoàng Sa và Trường Sa đang bị ăn cướp trắng trợn. Tại sao đảng CS không đưa ra trước dư luận những ý kiến bênh vực cho đất nước mà lại chọn giải pháp im lặng? Tại sao lúc Liên Xô còn đỡ đầu thì Hà Nội mạnh dạn lên tiếng phản đối? Còn nay lại chấp nhận tất cả yêu sách cướp nước của Trung Cộng? Nhà cầm quyền CSVN đang bán rẻ đất đai của cha ông để lại ư?

Chúng tôi là tầng lớp sinh viên ngay tại thủ đô Hà Nội, nay đã thấy sự kiện bán đất trắng trợn của nhà cầm quyền nên chúng tôi không thể im lặng mãi được.

Chúng tôi đã nhận được tin ngay từ Bộ Ngoại Giao Việt Nam rằng Bộ trưởng thương mại Vũ Khoan và Bộ trưởng Ngoại Giao "gật đầu" Nguyễn Dy Niên - một cận thần của Lê khả Phiêu - đang xúc tiến các cuộc ký kết chính thức các văn kiện mở rộng đường biên giới phía Bắc cho Trung Cộng.

Sắp tới, Bộ ngoại giao CSVN sẽ tung tin qua Bộ thương mại về việc áp dụng "vùng kinh tế mở" giáp biên giới Việt-Trung. Thực chất chỉ là lùi sâu biên giới về phía mình, hiến đất để người Trung Hoa có thể sang dựng nhà, buôn bán, xây dựng cơ sở hạ tầng ngay trên đất Việt Nam. Đổi lại, Việt Nam sẽ được Trung Hoa yểm trợ tối đa về quân sự khi cần thiết.

Có nghĩa là đại hội đảng lần 9 của đảng CSVN là đại hội do người Trung Hoa vẽ "kịch bản." Nhân dân Việt Nam có thể thờ ơ trước các sự kiện chính trị "ba hoa" của nhà cầm quyền. Nhưng trước sự kiện nhà cầm quyền mà đích thực là Bộ Chính Trị đảng CS đứng đầu là Lê Khả Phiêu bán đất đổi "hòa bình, lợi ích" cho bản thân Đảng CSVN thì nhân dân không thể im lặng mãi được."

Sư trụ trì Chùa Một Cột: "Cây ngay không sợ chết đứng"

Hà Nội đã ra lệnh trục xuất hai vị sư trụ trì ra khỏi

chùa Một Cột để thay thế bằng một nhà sư quốc doanh khiến cho vị hòa thượng nguyên là thủ tự đã phải cầu cứu đến Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất để báo động cho mọi người trong và ngoài nước biết hành động chen vào sinh hoạt tôn giáo của nhà nước.

Cuộc tranh chấp đã kéo dài cả năm nay giữa nhà cầm quyền Hà Nội và vị trụ trì 80 tuổi, hòa thượng Thích Thanh Khánh, và phụ tá của ngài, thượng tọa Thích Tâm Kiên, tạo sự chú ý của các giới Phật giáo khắp nơi trên thế giới.

Chuyện tranh chấp khởi đầu từ tháng Bảy năm ngoái khi nhà cầm quyền quận Ba Đình ra văn thư sa thải HT Thanh Khánh đồng thời với TT Tâm Kiên, phụ tá của ông. HT Thanh Khánh tức thì gửi thư đến các lãnh tụ Đảng nói rằng điều đó đã vi phạm nghiêm trọng đến sinh hoạt nội bộ của nhà chùa.

Ban Trị Sự Chùa Một Cột đồng thời cũng gửi kháng thư đến các cấp chính quyền nói đó là quyết định "trái luật và không văn minh." Họ trưng dẫn một nghị định của Ủy Ban Nhân Dân rằng cơ quan này chỉ có quyền chấp thuận, không phải quyền chỉ định, các nhà tu hành và những người kế thừa.

Chùa Một Cột được xây cất năm 1049 dưới đời Lý Thái Tông còn là một biểu tượng cho những nét đặc thù của văn hóa Việt Nam.

Vì thấy tranh đấu trong nước và ngay tại Hà Nội không ai biết đến sự ngồi xổm lên pháp luật của viên chức quận Ba Đình, HT Thanh Khánh đã nhờ đến Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất phổ biến tin tức ra khắp thế giới.

Trong sinh hoạt Phật Giáo, vị trụ trì khi già yếu hay trước khi viên tịch chỉ định người kế vị. Việc này theo truyền thống đã lâu đời nhưng chức việc địa phương lấy cớ TT Tâm Kiên không thích hợp cho chức vị trụ trì để cất đặt người khác.

Trong một cuộc tiếp xúc mới đây, TT Tâm Kiên cho hay việc cất cử người trụ trì khác không liên hệ gì đến tôn giáo, mà thật ra nhà cầm quyền Hà Nội muốn nắm trọn quyền khống chế mà thôi.

Phóng viên hãng thông tấn AP xin phỏng vấn viên chức Hà Nội về vụ này nhưng đã bị từ chối.

Các chức việc của đảng cũng như Hiệp Hội Phật Giáo quốc doanh Hà Nội nhằm sự kiểm soát chùa Một Cột từ lâu vì nơi đây có rất đông khách thập phương thăm viếng và có nhiều tiền cúng dường. Ban quản trị chùa giữ tiền cúng dường để lo bảo trì ngôi chùa và công tác từ thiện. Chùa cũng nằm giữa một khu có nhiều cơ sở quan yếu của đảng và nhà nước.

Nhà cầm quyền quận Ba Đình hồi tháng ba vừa qua đã ra tối hậu thư buộc TT Tâm Kiên phải rời khỏi chùa Một Cột trước ngày 30-4, nếu không sẽ bị trục xuất. Đến nay, gần hai tháng sau, TT Tâm Kiên vẫn còn ở tại chùa và chưa thấy có dấu hiệu ông bị trục xuất. Ông cho hay nếu nhà cầm quyền đến để trục xuất ông, Phật tử sẽ đến cản đường. Ông nói: "Cây ngay không sợ chết đứng."

Tỉ phú Bill Gates tặng trẻ mồ côi Bình Dương máy điện toán

Đại diện của công ty nhu liệu điện toán Microsoft tại Việt Nam trong ngày thứ tư 21-6 đã trao cho Trung Tâm Trẻ Mồ Côi tỉnh Bình Dương số tiền 43,000 mỹ kim, thông qua dự án "Equal Access."

Với dự án này, trẻ em mồ côi tại trung tâm trên có một phòng trang bị hệ thống sáu máy điện toán tối tân nối liên mạng nội bộ và nối vào hệ thống internet.

Nguồn tin trong nước nói rằng dự án này được tài trợ trong vòng bốn năm, đào tạo khoảng 200 em mồ côi, tạo điều kiện cho các em có việc làm trước khi rời trung tâm.

Được biết số tiền trên được trích từ tác quyền bán cuốn sách mới xuất bản gần đây của ông Bill Gates.

Tân trang phi trường Phú Bài

Nguồn tin từ Việt Nam hôm Thứ Năm 8 tháng Sáu cho hay chính quyền CSVN đã chấp thuận một dự án nhằm tân trang phi trường Phú Bài ở Huế với ngân khoản 33 tỉ đồng Việt Nam (chừng 2.4 triệu mỹ kim).

Một hệ thống đèn và tín hiệu cho phi cơ lên xuống ban đêm sẽ được thiết kế cùng với việc xây một đài kiểm soát không lưu có trang bị hệ thống đo khoảng cách bằng sóng VHF. Các hệ thống này sẽ giúp cho việc cất và hạ cánh phi cơ vào ban đêm hoặc những ngày giông bão được an toàn hơn.

Sau khi đã hoàn tất việc tân trang phi đạo và các đường vận chuyển phụ hồi năm ngoái, phi trường Phú Bài nay đã có thể đón tiếp các phi cơ loại A320, ATR72 và Folker. Tuy nhiên nhiều chuyến bay đến Phú Bài đã phải hủy bỏ hoặc chậm trễ trong thời gian qua vì thiếu hệ thống đèn hiệu an toàn.

Thay dự án hầm qua sông Sài Gòn bằng cầu quay

Theo nguồn tin từ Sài Gòn hôm Thứ Năm 8 tháng Sáu thì nhà nước CSVN đã quyết định bãi bỏ dự án xây đường hầm qua sông Sài Gòn và thay vào đó bằng một cây cầu quay.

Theo tin trên thì chi phí dự trù xây dựng chiếc cầu sẽ vào khoảng 77.49 triệu mỹ kim, chỉ bằng gần một nửa chi phí xây đường hầm được ước tính vào khoảng 161 triệu mỹ kim.

Chiếc cầu này sẽ là một gạch nối quan trọng cho hành lang đông tây vòng bên ngoài Sài Gòn nhằm giải tỏa tình trạng ứ đọng lưu thông hiện nay và làm giảm tình trạng quá tải của cầu Sài Gòn, cũng như góp phần phát triển khu vực Thủ Thiêm.

Theo kế hoạch dự trù thì cây cầu này sẽ cao đủ cho tầu bè cao 15 thước lưu thông dễ dàng và có chiều rộng vào khoảng 100 thước. Cầu sẽ có sáu lằn cho xe cơ giới di chuyển, hai lằn dành cho xe thô sơ và hai lối đi cho khách bộ hành.

Hà Nội phá giá gạo thị trường quốc tế

Thị trường tiêu thụ gạo trên thế giới chững lại vì các nước xưa nay nhập cảng nhiều gạo cải thiện được năng suất không mua nhiều nữa, Việt Nam mất mối hàng nên Hà Nội đã phá giá gạo để hy vọng tống đi được số lượng gạo thặng dư.

Các nguồn tin quốc tế trong hai ngày qua cho thấy, Hà Nội tranh đua cùng với Trung Cộng rao bán gạo với giá 151 mỹ kim một tấn, mức giá thấp nhất từ trước tới nay. Cùng với việc rao bán gạo với giá thấp nhất, Hà Nội còn bằng lòng bán trả chậm, một điều kiện dễ dãi xưa nay ít được áp dụng từ một nước lúc nào cũng thèm khát ngoại tệ.

Việt Nam muốn giựt lại thị trường gạo rẻ tiền (Thần Nông IRRI 10) mới đây mất về tay Pakistan. Gạo thơm được ưa chuộng khắp thế giới được giá gấp 3 lần IRRI 10 từ trước tới giờ vẫn do Thái Lan làm trùm, Việt Nam nay mới bắt đầu tung tiền sản xuất lúa giống trong kế hoạch đem diện tích trồng lúa gạo ngon lên một triệu mẫu ruộng. Đến năm 2001, Việt Nam hy vọng cung cấp lúa giống loại gạo thơm cho chừng 300,000 mẫu ruộng để xuất cảng.

Những ngày đầu năm 2000, giá gạo vẫn bán được hơn 180 mỹ kim một tấn, Pakistan đánh sụt xuống còn 165 mỹ kim. Dù mùa màng không còn tồi tệ như mấy năm trước, Phi Luật Tân, Nam Dương vẫn còn phải nhập cảng vừa để dùng ngay vừa dự trữ. Tuy nhiên đã không mua bao nhiêu của Việt Nam.

Hà Nội đặt chỉ tiêu xuất cảng cho quí đầu năm giữa 1 triệu đến 1.5 triệu tấn đã không đạt được phân nửa. Cố gắng lắm, 4 tháng đầu năm chỉ xuất cảng được 717,000 tấn. Chiều hướng này chỉ tiêu xuất cảng 4.3 triệu tấn trong năm 2000 khó hy vọng đạt được.

Bán 717,000 tấn gạo nhưng chỉ thu được 142 triệu mỹ kim. So về lượng gạo xuất cảng, chỉ bằng 48.2% cùng kỳ năm ngoái. So về tiền, trị giá kim ngạch thâu hồi chỉ bằng 39.3%, theo các số thống kê của Bộ Thương Mại Hà Nội.

Các nhà xuất cảng gạo Việt nam nói rằng việc Nam Dương năm nay chỉ nhập cảng 1.8 triệu tấn, giảm nhập cảng gạo 2.1 triệu tấn so với năm ngoái, làm đảo lộn giá gạo thế giới. Phi luật Tân cũng chỉ dự trù nhập cảng 600,000 tấn, giảm 600,000 tấn so với năm ngoái. Các nước xuất cảng tranh nhau một thị trường bị thu hẹp.

Đặc biệt, Hoa Lục với 1.2 tỉ người vốn là nước có nhu cầu lương thực lớn hàng đầu thế giới và thường xuyên nhập cảng gạo, năm nay cũng chen vào bán gạo ra thế giới.

Trước nhu cầu giành giật thị trường vốn gay go lại còn thêm cả Trung Cộng, Hà Nội muốn cứu mình bằng cách phá giá gạo thế giới xuống mức thấp kỷ lục.

Việt Nam: 65% giám đốc, tổng giám đốc không đọc được "quyết toán tài chính"

Cầm đầu các cơ sở kinh doanh của nhà nước có nhiệm vụ lèo lái nền kinh tế và làm tiền cho chế độ nhưng có đến 65% giám đốc các công ty lại không đọc được "quyết toán tài chính."

Nguyễn Minh Thông, Trưởng ban Đổi Mới Quản Lý Doanh Nghiệp Trung Ương của nhà cầm quyền Hà Nội cho biết tỉ lệ như trên, và nói rõ hơn rằng "hiện có khoảng 65% giám đốc và tổng giám đốc của các doanh nghiệp nhà nước không có khả năng đọc và hiểu được quyết toán tài chính hàng năm, làm ảnh hưởng đến hiệu quả của chính đơn vị mình" theo bản tin ngày 19-5-2000 của báo Thanh Niên.

Ông Thông giải thích tình trạng tại sao lại có quá nhiều ông bà giám đốc và tổng giám đốc lại dốt như vậy rằng "Lý do là còn tồn tại tư tưởng 'sống lâu lên lão làng' trong đề bạt cán bộ ở phần đông các doanh nghiệp nhà nước."

Theo báo Thanh Niên, tại hội nghị về đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước do nhà cầm quyền trung ương Hà Nội tổ chức ngày 18-5 vừa qua, một đề án về "sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, trong đó nhấn mạnh việc phải đào tạo và đào tạo lại đội ngũ giám đốc doanh nghiệp hiện nay" đã được đưa ra.

1.8 triệu thí sinh tranh nhau 150,000 chỗ vào đại học

Con số thống kê cho thấy có hơn 1.8 triệu thí sinh nộp đơn xin thi vào các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam trong khi chỉ tiêu thu nhận của các trường này chỉ có 150,000 sinh viên, theo tờ SGGP ngày 19 tháng 5 năm 2000.

Như vậy tính ra, hơn 12 thí sinh phải tranh nhau một chỗ ngồi trên đại học. Những người thi rớt sẽ không còn cơ hội đi học để tiến thân.

Tờ SGGP dựa vào nguồn tin của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo CSVN cho biết các con số nêu trên, đồng thời, nói số người dự thi năm nay nhiều hơn năm trước 300,000 thí sinh.

Năm nay, tại Việt Nam, số học sinh lớp 12 và bổ túc văn hóa tăng hơn năm trước 20%. Hiện cả nước có khoảng 500,000 học sinh lớp 12, khoảng 100 ngàn đến 120 ngàn học sinh bổ túc văn hóa. Phần còn lại xin dự thi vào đại học là thí sinh tự do.

Hàng năm theo ước đoán của nhà cầm quyền Hà Nội cũng như của các chuyên viên quốc tế, có từ 1 triệu đến 1.2 triệu người gia nhập thị trường lao động mỗi năm trong đó phân nửa là những người tốt nghiệp ở các trường đại học, cao đẳng công cũng như tư.

Vĩnh Phúc: tìm lại được phiến đá mài kiếm của tướng quân Trần Nguyên Hãn

Theo nguồn tin địa phương được đăng tải lại trên tờ báo Tuổi Trẻ, người ta đã tìm lại được phiến đá mà tướng quân Trần Nguyên Hãn đã dùng để mài kiếm thời ngài giúp vua Lê Lợi đánh đuổi giặc Minh.

Tờ báo nói mới đây nhân dân xã Sơn Động, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đã tìm lại được phiến đá trên sau nhiều năm mất đi từ một cơn lũ lụt lớn xảy ra hồi năm 1945.

Tả tướng quân Trần Nguyên Hãn là một trong những công thần hàng đầu giúp vua Lê Lợi đánh đuổi được quân nhà Minh ra khỏi bờ cõi hồi thế kỷ thứ 15.

Tướng Trần Nguyên Hãn quê ở xã Sơn Động, tương truyền lúc còn trẻ đã dùng phiến đá đó để mài kiếm luyện võ và theo nghĩa quân Lam Sơn diệt giặc ngoại xâm. Phiến đá hình vuông, rộng dài gần 2 mét, dày 0.8 mét và nặng hơn 2 tấn, được dân làng lưu giữ như một bảo vật hàng trăm năm nay nhưng bị thất lạc hồi năm 1945 sau một trận lũ lụt.

Tin trên nói dân làng đã nhiều lần tìm kiếm nhưng vẫn không ra tung tích. Mới đây, theo tin của một cụ ông tên Chi, dân chúng trong xã đã khai quật một địa điểm gần Ao Son gần sát sông Lô và đã tìm lại được phiến đá nói trên.

Một phần ba trẻ em từ 6 đến 17 tuổi phải làm việc thay vì được đi học

Thực tế khác xa với luật lệ. Tờ báo Phụ Nữ mới đây nói rằng luật lệ lao động tại Việt Nam buộc từ 15 tuổi trở lên mới được tham gia lao động. Trẻ em dưới 15 tuổi chỉ được làm một số công việc nhẹ nhàng không có tính cách độc hại.

Đấy là luật, là lý thuyết, còn thực tế thì trái ngược hẳn lại, báo Phụ Nữ cho biết như vậy. Người ta thấy có gần 1/3 số trẻ em ở trong giới hạn tuổi từ 6 tuổi đến 17 tuổi đang tham gia vào các loại công việc chân tay để kiếm sống.

Luật cũng nói tuổi học nghề được bắt đầu từ năm lên 13 và đến 18 tuổi mới được phép thu nhận làm các công việc nặng nhọc. Còn những thiếu niên dưới 15 tuổi nếu muốn được làm việc phải có sự ưng thuận bằng giấy tờ của cha mẹ, lại còn phải có sổ theo dõi sức khỏe định kỳ, phải bảo đảm cả tiền lương lẫn thời gian nghỉ ngơi v.v...

Về phương diện luật pháp, nhà cầm quyền CSVN còn ban hành nhiều nghị định, luật lệ liên quan đến việc sử dụng trẻ con vào công việc sản xuất. Rồi lại có luật phổ cập giáo dục tiểu học trong đó mọi học sinh được học hết tiểu học mà không phải đóng góp phí khoản nào nhưng tất cả đã phải đóng đủ mọi thứ tiền có nơi lên hàng triệu đồng. Trẻ lang thang, con mồ côi, con nhà nghèo được học miễn phí v.v...

Năm 1998, Hà Nội ban hành chỉ thị tăng cường bảo vệ trẻ em. Năm 1999, kế hoạch hành động bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn cho giai đoạn 1999-2002 được nhà cầm quyền trung ương phê duyệt. Nhưng trẻ em vẫn ngủ đường, vẫn bán vé số, vẫn bán báo bán hàng, còn ở nhà quê, hàng ngàn trẻ em đã phải bỏ học để tham dự vào

các công việc đồng áng như các tin tức mới đây cho biết.

Năm ngoái, các báo chí trong nước nói có khoảng 14,000 trẻ em sống lang thang trên đường phố các thành phố lớn đặc biệt là Sài Gòn.

Cho đến nay, Hà Nội chưa có một biện pháp cụ thể giải quyết các chuyện liên hệ đến trẻ em từ trẻ bụi đời đến sự sử dụng trẻ em vào các công việc sản xuất. Tờ Phụ Nữ ở Sài Gòn cho rằng nhà nước "chưa có một khái niệm thống nhất về lao động trẻ em, chưa xác định rõ phạm vi của đối tượng là trẻ em lao động, lao động vị thành niên, trẻ em làm việc, trẻ em lang thang v.v..." Và lại còn "Cơ chế kiểm soát và xử phạt kịp thời, yếu tố quan trọng nhất để bảo vệ thực thi luật bảo vệ trẻ em... dường như vẫn chưa khởi động." Tờ báo ngụ ý nói nhà nước chỉ làm luật bày chơi cho đẹp mặt mà thôi.

LHQ kêu điện thư ra vào VN thường trở ngại hay "mất tích"

Cơ Quan Phát Triển Liên hiệp Quốc ngày hôm qua cho hay điện thư trên mạng lưới thông tin toàn cầu (E-mail) ra vào Việt Nam thường bị "mất tích" một cách bí mật hoặc bị từ chối mà không ai biết lý do tại sao.

Đây là một trở ngại trong chuyện liên lạc thông tin hàng ngày mà cơ quan trên cũng như các tổ chức trong hay ngoài chính quyền khắc đã và đang gặp phải. Họ đã than phiền nhiều lần với các viên chức nhà nước Việt Nam nhưng không thấy phản ứng.

Nguồn tin trên đưa ra một số dẫn chứng: Các trạm trung chuyển (Servers) ngoài Việt Nam có thể từ chối điện thư từ Việt Nam. Các điện thư gửi từ Việt Nam qua một số trạm (server) luôn luôn bị từ chối (reject). Điện thư từ ngoại quốc gửi vào Việt Nam đến một số địa chỉ luôn luôn bị từ chối.

Sự từ chối E-mail, theo nguồn tin trên, không luôn luôn được thông báo cho người gửi nên người ta không biết bức thư có đến nơi địa chỉ người nhận hay không. Nhiều khi người ta có cảm tưởng là một số địa chỉ E-mail tại Việt Nam không tồn tại.

Một tổ chức cung cấp dịch vụ E-mail cho biết trung bình có 3% E-mail bị từ chối, có khi lên đến 10%. Có khi cứ một trong 25 thư E-mail không đến người nhận.

Người ta biết rằng, nhà cầm quyền Hà Nội thiết lập một bức tường lửa (Firewall) điện tử để ngăn chặn sự thông tin trên mạng lưới toàn cầu ra vào Việt Nam đến những địa chỉ nào họ nghĩ là không tốt cho chế độ. Có ít nhất hai "Trung tâm nghe nhìn" ở Hà Nội và Sài Gòn được thành lập để đọc trộm E-mail và vào các địa chỉ trên mạng lưới của các tổ chức và cá nhân trong nước mà Hà Nội muốn theo dõi.

Tình trạng kém cỏi của sách giáo khoa Việt Nam

Cho rằng các trường sư phạm đã sản xuất ra một đống những giáo chức tồi nên sách giáo khoa đã được sản xuất đầy những "bất cập," một đại biểu quốc hội CSVN nhận định như vậy khi bộ trưởng Giáo Dục và Đào Tạo CSVN ra trả lời chất vấn về hiện trạng giáo dục Việt Nam, theo báo Lao Động ngày 29-5-2000.

Lương Ngọc Toản, nguyên Thứ trưởng Giáo dục và nay là Phó chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa Giáo dục của quốc hội Hà Nội cho biết "đã có thời kỳ trường Sư phạm không có tiếp nhận học sinh khá, giỏi. Vì vậy trình độ giáo viên bị *hạn chế*. Chính những giáo viên này không đủ trình độ đã làm nặng tải thêm chương trình hiện tại." Cho đến nay, vì lương hướng giáo chức quá đạm bạc, không mấy người, dù là yêu thích, muốn theo nghề dạy học.

Trong cuộc trả lời chất vấn về vấn đề sách giáo khoa, Nguyễn Minh Hiển, bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo CSVN, nhìn nhận, "tình trạng sách giáo khoa hiện nay in sai ngày càng nghiêm trọng."

Nguyễn Minh Hiển đổ vạ cho sự tồi tệ của các sách giáo khoa như một việc làm kiếm thêm tiền của một số giáo chức trong một thời gian ngắn, không phải việc làm toàn thời gian của một ban tu thư chuyên nghiệp. Bên cạnh đó ngân sách dành cho việc này lại không được bao nhiêu. Ông nói "Một quyển sách chỉ có mười mấy triệu chia cho ba, bốn người viết trong thời gian từ ba đến bốn tháng."

Đề cập đến sự sửa đổi chương trình giáo dục trung tiểu học, Nguyễn Minh Hiển bị chỉ trích là đã cắt giảm chương trình học một cách vội vã, nhiều chỗ không chính xác, khi bị dư luận kêu ca quá nặng. Các tin tức trước đây cho hay, một số chuyên viên giáo dục Hoa Kỳ đã cố vấn cho Bộ Giáo Dục CSVN cải tổ lại chương trình giáo dục trung tiểu học. Chương trình trung học mới bắt đầu được áp dụng từ niên khóa tới trong khi chương trình giáo dục tiểu học đang được thực nghiệm tại một số trường từ năm nay.●

HY VỌNG VÀ THỰC TẾ Ở HÀN QUỐC

NGÔ NHÂN DỤNG

Sáng kiến đi Bắc Hàn của Tổng thống Kim Đại Trung mở cánh cửa hy vọng thống nhất cho dân Hàn quốc, và hòa bình ổn định cho cả vùng Á Đông và thế giới. Nhưng chúng ta cũng cần nhìn vào thực tế.

Nhiều người Việt Nam tỏ ra dè dặt về kết quả cuộc họp thượng đỉnh Nam-Bắc Hàn, vì kinh nghiệm bản thân. Ai cũng nhớ câu: "Đừng nghe những gì cộng sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm." Đừng vội tin tưởng ở những gì mà cộng sản đã ký kết, phải nhìn kỹ coi cộng sản sắp hành động thế nào.

Đây không phải là lần đầu tiên Cộng Sản Bắc Hàn đồng ý nói chuyện với Nam Hàn về diễn trình tiến tới thống nhất và bỏ ý định xâm lăng, tránh xung đột quân sự. Họ đã nói nhiều lời ngon ngọt từ năm 1972, họ đã hứa hẹn đối thoại và cho phép các gia đình đoàn tụ từ mấy năm nay. Nhưng sau đó họ đã làm gì? "Lãnh tụ vĩ đại" Kim Nhật Thành đã sai điệp viên đặt chất nổ phá tan một khách sảnh ở tận thủ đô Miến Điện, tính giết chết cả phái đoàn chính phủ Nam Hàn theo chương trình sẽ đến dự tiếp tân tại đó; rồi cho biệt kích phá nổ một chiếc máy bay hành khách của Nam Hàn, làm 115 người chết. Còn "Lãnh tụ kính yêu" Kim Chính Nhật đã cho tàu ngầm đổ gián điệp vào bờ biển phía Nam, hải quân hai bên đã bắn nhau, và khi bại lộ thì cả thủy thủ đoàn và điệp viên phải tự tử để cha mẹ, gia đình sống ở miền Bắc được yên thân. Kim Chính Nhật đã cho phép hãng Hyundai tổ chức đưa người dân miền Nam qua miền Bắc du lịch, để kiếm thêm ngoại tệ, nhưng tất cả phải đi trong giới hạn của hàng rào kẽm gai, và một bà du khách chỉ hỏi người hướng dẫn một câu ngoài "kịch bản" là bị bắt ngay, gán cho tội gián điệp!

Không ai biết chắc Cộng Sản Bắc Hàn sẽ thi hành như thế nào các thỏa ước đã ký giữa hai ông Kim. Những gì đã được ký kết còn rất mơ hồ, có khi tự mâu thuẫn. Cho nên người dân Nam Hàn rất phấn khởi nhưng cũng rất thực tế. Họ dè dặt, chờ đợi các hành động cụ thể. Ông Kim Sung Ja, 47 tuổi, nói: "Bản thỏa hiệp rất hời hợt. Chúng tôi chờ coi họ cho phép các gia đình được hội ngộ như thế nào."

Trong bản thỏa ước, ông Kim Đại Trung được gọi là Tổng thống Nam Hàn, nhưng ông Kim Chính Nhật lại mang danh hiệu Chủ tịch Ủy Ban Quốc Phòng Quốc Gia, tại sao không dùng chức vụ Lãnh tụ Đảng hay lãnh tụ quốc gia? Cũng là một thủ đoạn lắt léo khó hiểu! Bản thỏa hiệp nói: hai miền sẽ bắt tay giải quyết vấn đề thống nhất một cách độc lập với nhau. Câu đó nghĩa là gì? Khó lòng hiểu được. Hai miền sẽ theo đuổi chính sách phát triển kinh tế cân bằng của mình, câu đó nghĩa là gì? Còn việc xây dựng tín nhiệm bằng các trao đổi xã hội, văn hóa, thể thao, sinh môi, những điều đó sẽ được thi hành ra sao? Tất cả tùy thuộc ý đồ của Cộng Sản Bắc Hàn. Với những kinh nghiệm đau thương đã qua, người ta sẽ chờ coi các hành động thi hành từng bước các thỏa hiệp: thăm viếng gia đình, tổ chức các đội thể thao chung, trao đổi các đoàn văn nghệ, miền Bắc tuân theo các quy luật bảo vệ môi trường sống cho cả hai miền, vân vân.

Nhưng ngay cả khi Cộng Sản Bắc Hàn thi hành các bước cụ thể đó, thì diễn trình thống nhất có tiến bộ hay không? Một điều người dân Nam Hàn biết, là chính quyền dân chủ ở miền Nam không thể che đậy gì đối với dân chúng, còn chế độ công an miền Bắc có khả năng kiểm soát xã hội rất chặt chẽ. Các hoạt động thân hữu sẽ khiến dân miền Nam càng phấn khởi, càng hy vọng, vì ai cũng biết tin. Nhưng chế độ miền Bắc có thể chia, cắt, tách biệt xã hội ra nhiều mảng, nhiều ngăn, khép kín đối với nhau, người sống ở ngăn này không

biết chuyện gì đang xảy ra ở ngăn bên cạnh. Dân miền Bắc không được phép biết sự thực mà chỉ thấy các hình ảnh được chọn lọc để tuyên truyền. Một đội bóng bàn miền Bắc vào Nam đấu giao hữu, hay một đoàn vũ vào biểu diễn, một phái đoàn y tế miền Nam ra Bắc chữa bệnh, phát thuốc hoặc một nhóm sinh viên miền Nam ra Bắc nghiên cứu văn hóa dân tộc, mỗi hoạt động đó sẽ được mô tả đầy đủ trên báo chí tự do ở miền Nam, nhưng người dân miền Bắc có biết gì hay không, biết được bao nhiêu, trong đó bao nhiêu phần là sự thật còn bao nhiêu là tuyên truyền, bịa đặt; điều này chế độ Cộng Sản toàn quyền kiểm soát. Nghĩa là chính quyền cộng sản không những quyết định bản thỏa ước sẽ thi hành ra sao, họ còn quyết định sự thi hành đó sẽ tạo ra các tác dụng nào trên dân Bắc Hàn. Diễn trình thống nhất tùy thuộc Bắc Hàn.

Tổng thống Nam Hàn Kim Đại Trọng (trái) và Chủ Tịch Bắc Hàn Kim Chính Nhật.

Như vậy thì Cộng Sản Bắc Hàn muốn gì khi đón tiếp ông Kim Đại Trung, và Kim Chính Nhật sẽ đi thăm Hán Thành, hứa hẹn hòa bình và thống nhất? Họ cần tiền, cần gạo. Họ muốn tránh nguy cơ dân đói quá nổi loạn. Họ có thể thay đổi kinh tế một cách nhỏ giọt, giống như Cộng Sản Việt Nam đang làm, hy vọng sẽ nuôi dưỡng bộ máy cán bộ, công an bằng cơ cấu tư bản rừng rú, mà chính tư bản ngoại quốc sẽ bỏ tiền vào giúp chế độ nuôi bộ máy tham nhũng, hối lộ, ăn cắp của công đó.

Cộng Sản Bắc Hàn cũng nhân dịp này thay đổi hình ảnh của chế độ và của lãnh tụ Kim Chính Nhật trước con mắt thế giới. Ông ta chắc đã tính toán, soạn một kịch bản kỹ lưỡng, nghiên cứu từng điệu bộ, từng nụ cười để tạo cho mình hình ảnh mới, đầy thiện cảm đối với khán giả coi ti vi ở Nam Hàn và khắp thế giới. Để làm gì? Trước hết, để kiếm thêm tiền nuôi dưỡng bộ máy cán bộ, công an. Tư bản Nam Hàn và ngoại quốc sẽ đầu tư cho bộ máy tham nhũng đó thêm cơ hội vơ vét, vì kinh tế Bắc Hàn đang cạn kiệt, vơ vét không được bao nhiêu nữa.

Tất cả những điều trên nghe rất bi quan. Nhưng chỉ là những điều thực tế. Các phân tích này không cốt chứng tỏ không có hy vọng nào cho đất nước Triều Tiên được thống nhất, cũng như cho dân Bắc Hàn bớt đói khổ. Cũng không cốt chứng tỏ Tổng thống Kim Đại Trung và chính phủ Nam Hàn đã "dại dột mắc bẫy" Cộng Sản. Chính phủ Nam Hàn muốn gì, và họ hy vọng tối thiểu sẽ đạt được những gì?

Nước cờ của Nam Hàn

Phần trên đã phân tích nước cờ của Kim Chính Nhật, 58 tuổi, khi ông ta chịu gửi giấy mời Tổng thống Nam Hàn Kim Đại Trung qua họp mặt tại thủ đô Bình Nhưỡng. Trong các lần gặp gỡ, đón, đưa ông Kim miền Bắc đã bày tỏ những cử chỉ và lời lẽ thân thiện quá mức mọi người chờ đợi. Mục tiêu của lãnh tụ Bắc Hàn là được giao thương với miền Nam và thế giới bên ngoài, đảng Cộng Sản sẽ thêm phương tiện củng cố địa vị độc tôn của họ, tiếp tục thống trị 23 triệu người dân miền Bắc. Đối với ông Kim Bắc, cuộc cờ này chỉ thấy thắng, không lo thua: bất cứ lúc nào ông ta cũng có thể rút lui, xóa bỏ bàn cờ nếu thấy bất lợi, chờ ngày khác lại bày ra đấu tiếp. Hai miền Nam Bắc Hàn đã ký thỏa ước Hòa giải năm 1972, năm 1990 hai vị thủ tướng đã gặp nhau, năm 1994 cố Chủ tịch Bắc Hàn Kim Nhật Thành đã hứa sẽ gặp Tổng thống Nam Hàn Kim Vĩnh Chung, nhân khi Tổng thống Mỹ Carter đến Bắc Hàn. Tất cả các cuộc gặp gỡ, ký kết, hứa hẹn đó đều không đi tới đâu hoặc bị bỏ quên.

Còn vị Tổng thống miền Nam, ông Kim Đại Trung, 75 tuổi, đã tính toán như thế nào? Chúng tôi thử phân tích động cơ, kỳ vọng của ông Kim miền Nam, và những kết quả ông mong đạt được tùy theo phản ứng của đối thủ, sẽ thử dùng một phương pháp của kinh tế học ngày nay, gọi là Game Theory (dịch: Lý thuyết Trò chơi, nhưng dịch là lý thuyết đấu cờ có lẽ thích hợp với tiếng Việt hơn.) Nhiều nhà kinh tế học đã được giải Nobel vì khai phá ra phương pháp này. Các nhà chính trị học cũng đã thử dùng Game Theory với kết quả khích lệ.

Trong lý thuyết đấu cờ, người ta giả thiết

rằng hai đấu thủ đều thuần lý, mỗi người tìm cách đạt tới những lợi lộc cao nhất cho mình, mỗi đối thủ giả thiết phía bên kia cũng tìm lợi lộc (payoff) cao nhất cho họ. Mỗi bên tính toán coi một hành động của mình sẽ tạo ra các kết quả nào (outcomes), phân tích các nước đi của bên kia khi phản ứng với nước đi của mình, thiết lập một bảng kê những kết quả và phản ứng của đối thủ. Bảng liệt kê đó cho biết mỗi quyết định sau của mình tùy thuộc vào các hậu quả và phản ứng có thể xảy ra của đối thủ, cho thấy các biến cố đó có tính cách bất định, đầy may rủi (uncertain), mình không làm chủ được các tình trạng tương lai. Trong Game Theory người ta cũng ước tính xác suất của mỗi trường hợp, mỗi biến cố trong bảng liệt kê này.

Khi chọn một hành động, người tham dự cuộc cờ bao giờ cũng phải trả một cái giá. Đối với ông Kim miền Nam thì cái giá của chuyến Bắc du là sẽ giúp đối thủ, tặng cho ông Kim Bắc thêm cơ hội tự tô vẽ, tuyên truyền cho mình một bộ mặt mới, và giúp miền Bắc giải quyết nạn đói, còn hy vọng phát triển kinh tế, từ đó củng cố chế độ độc tài của Kim Chính Nhật. Câu hỏi là: Những lợi lộc mà miền Nam hy vọng đạt được, hoàn toàn tùy may rủi, có đáng trả bằng giá đó hay không?

Quyết định đầu tiên của ông Kim Nam là "họp hay không họp thượng đỉnh?" Nói đúng ra là "giúp hay không giúp" lãnh tụ Kim miền Bắc? Ông Kim Nam đã sẵn sàng trả cái giá đó khi ngỏ ý muốn được mời đi Bình Nhưỡng. Vậy ông đã tính toán hy vọng đạt được điều gì?

Nếu Kim Nam quyết định *"không giúp"*, thì dù không ai giúp chế độ cộng sản vẫn tồn tại ở miền Bắc, đồng bào của ông sẽ tiếp tục đói khổ, các món viện trợ nhân đạo sẽ được dùng để nuôi bộ máy công an, kéo dài chế độ khắc nghiệt. Mà trong lúc dân đói, công an vẫn no nê, nồi cơm của họ lệ thuộc hoàn toàn vào đảng Cộng Sản, họ càng gắn bó với chế độ, thì khó nói đến chuyện nhân dân lật đổ bạo quyền. Mà người miền Nam thì chắc chắn không muốn thấy miền Bắc bạo loạn, với viễn tượng hàng triệu dân tị nạn đói rét tràn qua biên giới, mà quân Bắc Hàn có thể đuổi theo! Mặt khác, chế độ miền Bắc càng cô lập, càng quẫn bách thì các lãnh tụ cộng sản càng hiếu chiến, lợi dụng tình trạng chiến tranh với bên ngoài để đè nén dân trong nước, họ sẽ đe dọa an ninh cả vùng Á Đông, có thể đe dọa bắn hỏa tiễn sang Nhật hay Mỹ.

Ngược lại, khi miền Nam quyết định *"giúp"* họ mong đem lại các phản ứng và hậu quả ra sao? Lợi lộc tối thiểu (minimal payoff) là hy vọng giảm bớt được những đe dọa về an ninh, lại hy vọng giúp một số dân Bắc Hàn bớt chết đói. Riêng khoản lợi lộc tối thiểu này có đáng trả giá mua hay không? Chắc dân chúng Nam Hàn thấy cũng "đáng tiền," và các đồng minh Mỹ, Nhật, các cường quốc Trung Hoa, Nga đều khuyến khích ông Kim Đại Trung đặt tiền đánh cá, với kỳ vọng là cùng lắm cũng coi như đã "huề tiền."

Nhưng những lợi lộc tối thiểu trên là hậu quả của phản ứng tối thiểu của ông Kim miền Bắc. Nếu phản ứng của Kim Bắc lại thuận lợi hơn, thì coi như Nam Hàn đã thắng lợi. Tất nhiên, miền Bắc phản ứng tốt thì cũng được hưởng thêm, vì đây không phải là một cuộc chơi "người mất kẻ được" (zero-sum game), mà cả hai bên đều có thể được lợi (win-win, hay positive-sum game.) Chúng ta thử dự đoán các phản ứng tốt hơn là đến mức nào, và mỗi trình độ thuận lợi hơn sẽ được tưởng thưởng ra sao. Sau mỗi phản ứng tốt hơn, phản ứng ngược lại của miền Nam và đồng minh sẽ làm gì?

Bắc Hàn có thể đồng ý ký một thỏa ước bất tương xâm, như đã ký năm 1991, sẽ đồng ý cho mở các con đường xe lửa và xe hơi qua vĩ tuyến 38, là những điều mà thỏa hiệp mới năm nay không nhắc tới. Tiến xa hơn nữa, Miền Bắc có thể cho đặt đường dây điện và điện thoại viễn liên qua biên giới, rồi xa hơn, cho các công ty miền Nam ra mở những nhà máy trong các khu công nghiệp được rào kín, sử dụng công nhân rẻ tiền ở miền Bắc. Những nhượng bộ của Bắc Hàn sẽ nhắm vào lãnh vực kinh tế, có thể mở qua lãnh vực văn hóa, thể thao, là những hoạt động tuyên truyền, nhưng chắc chắn bức tường chính trị kiên cố vẫn được củng cố ngăn cách hai miền.

Như vậy, Nam Hàn và các nước Nhật, Mỹ sẽ đáp lại ra sao? Năm 1995 chính phủ Mỹ đã nới lỏng các hạn chế cấm vận, công ty Startec Global tuần qua đã ký kết với công ty Bưu điện Điện thoại miền Bắc hợp tác mở các đường dây quốc tế.

Các doanh nhân trong phái đoàn 180 người của chính phủ Nam Hàn đã đề nghị cùng miền Bắc lập một tiểu ban thảo luận những quy tắc hợp tác trong tương lai. Những điều kiện sẽ đặt ra, như bảo đảm tiền đầu tư không bị quốc

hữu hóa, chế độ thuế khóa, quyền sở hữu trí óc, v.v. Phái đoàn miền Nam nói: Không có các quy tắc minh bạch thì không thể hợp tác kinh tế. Đây là một cách tập cho chế độ cộng sản hủ lậu sống bằng quy tắc, luật lệ.

Các công ty Nam Hàn đã có kinh nghiệm về làm ăn với cộng sản. Năm 1996, công ty Daewoo đầu tư 5 triệu mỹ kim liên doanh theo tỷ số 50-50 với thành phố Nampo để may quần áo và túi sách tay. Daewoo đã phải đem ra miền Bắc đủ thứ, kể từ cây kim sợi chỉ. Khi thiếu điện, Daewoo đã chở ra một máy phát điện bằng đường thủy. Tới lúc máy điện hư, phải chở cả bộ máy vào Nam qua đường biển để sửa chữa. Nhà máy may đóng cửa chờ đợi. Đến tháng Hai năm 1999 thì Cộng Sản Bắc Hàn cấm các nhà quản đốc của Daewoo và ra lệnh trục xuất các chuyên viên cao cấp. Từ đó, họ phải điều khiển cơ xưởng từ xa, bằng máy fax!

Đó là một kinh nghiệm khó quên. Nhưng các chuyên viên ở Nam Hàn vẫn nhìn thấy cơ hội. Một cố vấn kinh doanh, từ miền Bắc trốn vào Nam đã khuyến cáo các doanh nhân miền Nam nên tìm hiểu thêm chế độ miền Bắc để biết cần hối lộ những ai, ông Bang Young Choi nói rằng tuy nhà nước kiểm soát kinh tế nhưng các cán bộ đóng vai "tư nhân" mới có quyền quyết định. Ông Bang vẫn thấy các cơ hội mới: Những kỹ sư điện tử miền Bắc chính là những "nhân công rẻ tiền" mà các công ty miền Nam có thể khai thác!

Nếu cuộc giao thương được mở ra thì các công ty Nam Hàn có thể dần dần thay đổi cách làm ăn, lối sống và nâng cao mức sống của nhiều người dân Bắc Hàn. Chế độ Cộng Sản vẫn tồn tại, đúng như vậy, nhưng người dân và cả các cán bộ sẽ thay đổi, họ sẽ bớt lệ thuộc vào tem phiếu, hộ khẩu, là những khí cụ nặng nề kiểm soát dân chúng bao nhiêu năm nay. Ngoài ra, khi việc giao thương được tăng cường, các trao đổi về người, về tin tức sẽ tăng lên. Chế độ cộng sản bưng bít khép kín sẽ phải mở thêm cửa. Dân trí miền Bắc sẽ thay đổi, gieo rắc các ý niệm mới, như nhu cầu cải thiện đời sống vật chất, nhu cầu đi lại tự do, đến suy nghĩ, ngôn luận tự do. Đó là điều mà ông Kim Đại Trung và người Nam Hàn hy vọng sẽ đạt được nếu miền Bắc thực thi tinh thần bản thỏa hiệp mới ký.

Tóm lại, quyết định giúp chế độ cộng sản Bắc Hàn cũng tạo ra những kết quả ngoài dự trù, giúp dân chúng Bắc Hàn đồng thời chuyển hóa xã hội và lối sống, lối suy nghĩ của họ. Đó là mở đường cho cuộc chuyển hóa sau cùng là những thay đổi về chính trị. Khi đó mới nói đến chuyện thống nhất. Nước cờ của Nam Hàn tính ra chỉ có lợi. Nếu Cộng Sản Bắc Hàn không đáp ứng đầy đủ thì cũng giúp được đồng bào miền Bắc đỡ đói, nếu họ đáp ứng nhiều hơn thì sẽ giúp miền Bắc thay đổi dần dần. Kim Chính Nhật chắc hẳn cũng biết điều đó, và chúng ta sẽ coi ông ta chọn con đường an toàn và ít lợi, hay con đường nhiều may rủi hơn nhưng lợi ích cao hơn. Sau khi đã nếm mùi phát triển kinh tế, ông Kim Chính Nhật sẽ được khích lệ để mở thêm các cánh cửa giao thương mới.

Nhưng dù miền Bắc phản ứng ra sao, tình trạng an ninh ở Hàn quốc và cả vùng Á Đông cũng được cải thiện. Các doanh nhân quốc tế nhìn thấy rủi ro về chiến tranh bớt đi, họ sẽ đầu tư vào Nam Hàn và miền Bắc Hoa lục nhiều hơn. Mối lợi đó chắc cũng được các nhà lãnh đạo quốc gia chú ý tới.

NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN ĐÃ TỰ THỦ TIÊU MÌNH NHƯ THẾ NÀO?

NGUYỄN HỮU LÊ

Trong khi tự thị coi mình là người duy nhất nhận thức được và nắm vững các quy luật vận hành của giới tự nhiên cũng như xã hội, những người cộng sản bèn phân chia thế giới vốn đa cực, đa diện, đa chiều kích thành thế giới giản đơn, chỉ có hai cực "bạn-thù," "địch-ta." Cho nên khi xảy ra sự suy thoái và đổ vỡ của mô hình xã hội do họ bịa đặt ra, những người cộng sản liền lý giải hiện tượng suy thoái và đổ vỡ đó bằng nguyên nhân khách quan: sự phá hoại của "các thế lực thù địch."

Người ta kể ra hàng loạt những thế lực thù địch có thật và không có thật: chủ nghĩa đế quốc quốc tế, sự cấu kết của các lực lượng phản động trong nước và ngoài nước, những âm mưu lật đổ của các cơ quan tình báo nước ngoài... Từ nhận thức đó, họ không còn làm được việc gì khác cho dân tộc họ, quốc gia họ ngoài việc củng cố và củng cố hơn nữa nền chuyên chính mà họ gọi là của giai cấp vô sản. Sự củng cố bằng mọi giá nền chuyên chính đã dẫn tới sự hy sinh mọi quyền lợi của nhân dân, sự bóp nghẹt mọi quyền tự do và dân chủ, sự thủ tiêu trắng trợn những quyền con người, sự kìm hãm mọi tiến bộ xã hội. Từ đây, bắt đầu và không bao giờ có thể chấm dứt tấn bi kịch xã hội rùng rợn mà loài người chỉ được biết đến một cách rõ ràng sau khi những xã hội cộng sản tan rã, những bức màn sắt được xé toang.

Trong những xã hội này người ta đưa các công dân của họ trở về thời trung cổ - sự xoá bỏ toà án và toàn bộ nền tư pháp xét về nội dung. Chỉ còn lại những vở kịch độc diễn một sự xét xử làm phép, và đôi khi không cần cả nó nữa. Những "tội nhân" bị "thủ tiêu" theo các loại nghị quyết và chính sách, trước giây phút sắp thành hồn ma nơi chín suối, vẫn còn kinh hoàng không biết vì sao mình phải chết. Trong những trại tập trung vô vàn tù nhân chết mòn mà không tự cắt nghĩa nổi vì sao mình bị cầm tù.

Điều làm cho mọi người sửng sốt không phải ở các con số thống kê nạn nhân mà ở tính chất oan trái của nó: đại đa số nạn nhân chẳng những không thuộc "các thế lực thù địch," mà còn là "những đồng chí trung kiên" của những người cộng sản nắm quyền.

Tại sao có sự thanh toán lẫn nhau triền miên như thế trong nội bộ các chế độ cộng sản?

Trong một số dịp trước đây chúng tôi đã cố gắng đưa ra một cách phân tích mối quan hệ hai mặt đối nghịch giữa tư cách hình thức quản lý xã hội và tư cách thể chế chính trị của chế độ độc tài cộng sản. Kết quả là thể chế chính trị sơ cứng thường triệt tiêu những mặt tích cực của cơ chế với tư cách hình thức quản lý xã hội.

Tuy nhiên, chúng tôi chưa có dịp đi sâu phân tích tính phức tạp và nhiều vẻ của các mối quan hệ này. Nhìn sâu vào vấn đề, khái niệm thể chế chính trị (còn gọi là cơ chế) trong chế độ độc tài không phải là một khái niệm thuần nhất. *Thể chế chính trị là một cơ cấu cụ thể bao gồm những thành viên có chức quyền đảm nhận từng mắt xích cụ thể trong guồng máy lãnh đạo.* Thể chế chính trị được duy trì bởi từng con người nắm giữ quyền lực nên *cái mù quáng máy móc của nó cũng hiện hữu trong từng cái mắt xích* do nó tạo dựng nên. Mỗi thành viên trong cấu trúc thể chế cũng là một hình ảnh thể chế thu nhỏ, trong đó cũng có hai mặt trái ngược nhau là "con người chức năng" mang lý tưởng xã hội đối đầu với "con

người cơ chế." Vì là một cơ chế thu nhỏ, mỗi nhà lãnh đạo cầm đầu trong một cơ cấu tổ chức cụ thể luôn tìm cách củng cố quyền lực bằng các thủ đoạn có thể có: Kết bè cánh gồm những kẻ "ăn ý," nghĩa là những kẻ không có điều kiện hoặc khả năng "lật ghế." Và thế là cái nghịch lý thường được chấp thuận thành thông lệ là: *Tăng cường củng cố, kiện toàn tổ chức đảng bằng cách loại trừ những kẻ có trình độ và năng lực mà không ăn cánh.* Kẻ có học vị học hàm, có trình độ thực chất, dẫu lý lịch đỏ chói thì cũng thường khó phấn đấu vào đảng hơn là một "quần chúng "thường thường bậc trung." Những lập luận đã thành thông lệ khi xét kết nạp đảng viên mới thường là: "Đồng chí A có năng lực chuyên môn, có tinh thần phấn đấu cao, nhưng 'động cơ phấn đấu' chưa rõ ràng. Đồng chí B dù còn hạn chế mặt này mặt khác nhưng động cơ phấn đấu trong sáng v.v... ta có thể kết nạp rồi tiếp tục bồi dưỡng." Lý do của mọi quyết định cơ cấu thực ra nằm ở chỗ khác. Nó được mọi thành viên của đảng hiểu ngầm với nhau mà không cần nói ra: Đó là là lý do *cạnh tranh một mất một còn* của con người cơ chế. *Tăng cường cơ cấu những kẻ vô thưởng vô phạt, ít học vấn và do đó ít có khả năng vượt mặt được lãnh đạo là chiến lược phát triển của những kẻ cầm quyền. Cơ chế tổng thể* nuôi dưỡng trong mình nó những *cơ chế con* mà ở đó vì quyền lợi của tổng thể hoặc vì quyền lợi chính nó-bộ phận tổng thể, các nhà lãnh đạo mỗi cấp từ bộ chính trị đến các cấp đảng uỷ địa phương đều có sở trường *dùng thủ đoạn để tiêu diệt đối thủ cạnh tranh.* Chính vì thế trong cơ cấu quyền lực của chế độ độc tài, có hai mẫu người dễ thăng tiến là: *Mẫu người biết đểu cáng và thủ đoạn hoặc mẫu người nhũn nhặn, ba phải, dễ sai bảo và dễ bị khống chế.* Mẫu người đểu cáng thường khôn ngoan giảo hoạt. Họ không dốt nát như cách đánh giá chủ quan của các nhà chống cộng "đến chiều" vẫn thường chỉ trích. Ngược lại, họ rất thông minh và quyết đoán. Chỉ có điều cái thông minh quyết đoán của họ chỉ nhằm vào mỗi một mục đích: Duy trì cái ghế chức quyền của họ và chế độ độc tài. Ngược lại, mẫu người vô thưởng, vô phạt thường dễ được cất nhắc trong các đợt "cơ cấu" để được thăng tiến, đôi khi chỉ vì lý do vô hại kể trên đối với các phe phái đang ganh đua thoán đoạt quyền lực. Tiếc thay, *cả hai mẫu người này đều là kẻ thù của con người cộng sản chức năng- con người lý tưởng xã hội đích thực.*

Và thông thường thì trong mỗi người cộng sản có chức quyền đều có một hình ảnh cơ chế. Hình ảnh này không phản ánh một đảng cộng sản Việt Nam trừu tượng mà được cụ thể hóa trong cái cơ cấu quyền lực mà anh ta là một thành viên trong đó. Ở nhóm lãnh đạo chóp bu chẳng hạn, *thể chế chính trị bị đồng nhất với quyền lực cá nhân của nhà độc tài hoặc nhóm lãnh đạo độc tài.* Ở vào thế đứng này, các nhà độc tài vừa liên kết với nhau vừa kình nhau như địch thủ. Do hiểu rõ thế đứng của nhau và vì quyền lợi cá nhân gắn chặt với quyền lợi thể chế, họ vừa tìm cách triệt hạ nhau vừa nương tựa nhau để cùng tồn tại. Hiện tượng sùng bái cá nhân hoặc thần thánh hóa lãnh tụ trong Khối Cộng Sản chỉ xảy ra trong một thời kỳ nhất định, thường là ở giai đoạn đầu của sự xây dựng chế độ, thời gian cầm quyền của một cá thể xuất chúng về mặt gian ngoan quỷ quyệt, có ý chí quyết thắng mạnh mẽ và có tinh thần quyết đoán cao (1a). Hiện tượng này suy yếu dần khi cá thể đó không có kẻ thay thế, và số còn lại đều nằm trong tình trạng "cá đuối bằng đầu." Mặc dầu vậy sùng bái cá nhân không những không mất đi mà còn tiếp diễn ở mức độ trầm trọng hơn. Hiện tượng sùng bái cá nhân trong Khối Cộng Sản có căn nguyên sâu xa vì mục tiêu sống còn của thể chế. Người kế nghiệp có thể tâng bốc tận mây xanh vị lãnh tụ quá cố mà trước đây anh ta chẳng ưa gì, thậm chí còn thù ghét vì những lý do cá nhân là điều không lấy gì làm khó hiểu. Sùng bái cá nhân ở đây gắn chặt với *mưu mô chính trị vì mục đích quyền lực chứ không phải là sự sùng tín có thật.* Mặt trái của vấn đề là khi có điều kiện để thủ tiêu lẫn nhau, mức độ tàn bạo và bỉ ổi của họ cũng thật khó mà đo lường hết được.

Thực lực mạnh hay yếu của thủ lĩnh độc tài trong một cơ cấu thường tùy thuộc vào *vây cánh* trong bộ máy quyền lực cụ thể của một nhiệm kỳ cụ thể. Hiện tượng gây bè kết cánh để thủ tiêu đối thủ cạnh tranh trong nội bộ một cơ cấu quyền lực nào đó của đảng cộng sản là hiện tượng luôn xảy ra. Một cánh này nốc ao một cánh khác vì lý do cạnh tranh quyền lực, khi kẻ thắng lên cầm quyền thì lẽ phải cũng lập tức thuộc về kẻ đó. Cánh yếu hơn, bị loại ra khỏi vòng quyền lực ngay lập tức bị chụp lên đầu cái mũ "Xét lại"(1b), hoặc "giáo điều," hoặc một cái gì khác tệ hơn, như "làm tay sai cho địch, trà trộn vào hàng ngũ 'ta' để hoạt động chống phá"... (Hiện tượng

ngụy tạo những bằng chứng để hạ đối thủ có thật và không có thật là "chuyện hàng ngày ở huyện" trong mọi ngóc ngách của cơ chế quyền lực cộng sản, ở mọi nước mà đảng cộng sản nắm quyền. Điều đáng nói là, trong mọi hoàn cảnh, kẻ giăng bẫy, bức hại đồng chí bao giờ cũng đeo cái mặt nạ vì dân vì nước, trong khi đó thực chất vấn đề là tham quyền cố vị. Diễn đạt đúng ra phải dùng ngôn từ dí dỏm thông minh của Trần Văn Giàu là: *"Cái đít con người ta có trí nhớ. Nó nhớ cái ghế."(2))*

Một nhóm quan chức liên kết với nhau trong một cơ cấu quyền lực thường là cánh *cùng tầng*. Sự liên kết này có thể là tự nguyện, nhưng cũng có thể do sức ép của một kẻ nắm trong tay nhiều quyền quyết định sinh mạng chính trị của các thành viên. Lê Đức Thọ là một ví dụ điển hình về việc lôi kéo bè cánh bằng những thủ đoạn dọa nạt, áp chế, kể cả bạo lực. Những kẻ chịu thuần phục, dẫu không có thực quyền thì cũng còn cái ghế. Phạm Văn Đồng chẳng hạn có được cái ghế Thủ tướng lâu năm vì ông biết hèn, biết sợ liên minh Lê Đức Thọ-Lê Duẩn: *"Phạm Văn Đồng vốn lành, người ta đưa ông vào chính trường thì ông vào, người ta đưa ông ra thì ông ra. Trong cương vị thủ tướng, ông làm theo lời chỉ bảo của Bộ Chính trị, dù đứng đầu Bộ Chính trị là Trường Chinh hay Lê Duẩn, rồi phân bua với mọi người: 'Tôi là thủ tướng lâu nhất thế giới, cũng là thủ tướng khổ nhất thế giới. Làm thủ tướng thật, tôi chẳng có quyền gì hết. Bộ trưởng hay thứ trưởng có phải do tôi chọn đâu, họ làm không tốt thì không phải lỗi ở tôi.'"* (3)

Còn có một hình thức bè phái khác là hình thức mà ta có thể gọi là cánh ô dù. Cánh này hình thành bởi số quan chức *khác tầng, khác cấp*. Một thủ lĩnh độc tài cấp địa phương có thể bị lật đổ bởi đối thủ cùng cấp nhưng vẫn có thể thoát nạn và "giáng" lên chức cao hơn nhờ ô dù của bề trên theo cánh ô dù ở cấp trên. Ngược lại, khi một thành viên tai to mặt lớn trong cơ cấu quyền lực chóp bu bị giáng chức thì số phận của cấp dưới thuộc cánh anh ta cũng lao đao.

Tùy theo các cấp độ lớn nhỏ khác nhau (đứng đầu chức vụ đảng cấp tỉnh hay cấp huyện, cấp xã, cấp chi bộ và cá nhân đảng viên) mà có sự quan niệm khác nhau về thể

chế. Chức vụ càng thấp thì sự sùng bái thể chế chính trị và sùng bái những nhà lãnh đạo chính trị chóp bu càng cao. Đứng đầu cấp tỉnh chẳng hạn, mức độ sùng bái đối với cấp trung ương thấp hơn kẻ đứng đầu cấp huyện hoặc cấp xã. Đảng viên thường, không giữ chức vụ đảng thì thông thường lại là những thành viên sùng bái ở mức cao nhất những cơ quan quyền lực bên trên mình. *Càng ít quyền lực và do đó càng ít khả năng hiểu biết thực tế nội tình của một thể chế chính trị thì thói quen nô lệ càng cao. Quyền lực, và quan trọng hơn là khả năng hiểu biết về quyền lực, càng cao thì thói quen nô lệ càng thấp.* Mức độ nguy hiểm khi lâm nạn của từng cá nhân trong thể chế phụ thuộc vào vị trí quyền lực cũng như năng lực hiểu biết về cơ cấu thể chế của nạn nhân. Hơn ai hết, những người cộng sản ở cấp cao nhất biết cách thủ tiêu hoặc trừng phạt đối thủ chính trị là đồng chí của mình bằng cách lợi dụng triệt để tâm lý nô lệ được nuôi dưỡng bằng lừa bịp và bưng bít thông tin, bằng sự thần thánh hoá lãnh đạo ở các đảng viên cấp dưới cùng.

*

Cuộc đấu tranh giữa hai mặt tư cách hình thức quản lý xã hội và tư cách thể chế chính trị của chế độ độc tài cộng sản hiện diện trong hầu khắp các cuộc thanh toán lẫn nhau trong nội bộ những người cộng sản. Mâu thuẫn này thậm chí hiện diện trong từng cá nhân đảng viên cộng sản giữa một bên là con người cơ chế và một bên là con người lý tưởng chính trị. Cuộc đấu tranh trong nội tâm con người không có "đổ máu" nhưng cũng không kém phần quyết liệt. Con người "lý tưởng chính trị" thường bị "con người cơ chế" khinh khi là "ngố," là "dại dột." Ngược lại con người "lý tưởng chính trị" thường kết án "con người cơ chế" là "hoạt đầu," "cơ hội." Xu thế cuối cùng, "con người cơ chế" thường thắng thế, vì nó biết liên kết với các "đồng sự" của nó là thói ích kỷ, háo danh lợi và hiếu thắng.

Vào khoảng thập niên 50 và 60 của thế kỷ XX tại Việt Nam, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã khởi xướng phong trào thi đua "Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa." Mô hình con người mới được đưa ra thời đó là con người lý tưởng về mặt chính trị. Những đức tính của con người mới này là "Cần, kiệm, liêm, chính - Chí công vô tư," "Trung với Đảng, hiếu với dân," "Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội," "Vì nhân dân quên mình" v.v...

Các phương tiện truyền thông của đảng cộng sản hồi đó tuyên truyền rùm beng về những mẫu mực con người mới. Sách báo viết về "người tốt việc tốt" được coi là những tác phẩm mẫu mực, thậm chí trong lĩnh vực văn học nghệ thuật. Nhưng rồi "con người mới" rốt cuộc chỉ là đoá hoa điếc, nó không sinh trái, mà dần tan biến trong sự lãng quên của quần chúng bao giờ cũng lựa chọn cách sống thực tế.

Nhưng có một mẫu người khác không được quảng cáo tuyên truyền vẫn bền bỉ âm thầm và trỗi dậy mạnh mẽ. Đó chính là *"con người cơ chế."*

Trên thực tế, "con người cơ chế" là con người lấy quyền lợi thể chế chính trị đối lập với quyền lợi con người và quyền lợi dân tộc. Trên bình diện đạo đức, nó là con quái vật không tim. Nó chỉ biết có nó, và nó gắn nó với thể chế, vì chỉ có trong thể chế nó mới tồn tại. Để lừa bịp quần chúng, "con người cơ chế" bao giờ cũng trương lên cái mặt nạ "con người chức năng," "con người lý tưởng."

Một vị lãnh tụ già nua, bất tài, nhưng tham quyền cố vị thường đóng vai một nhà đạo đức hết mình vì nước vì dân. Vị này không bao giờ bỏ lỡ cơ hội thuyết giáo trước các phương tiện truyền thông hoặc trước đám đông về cái tình nghĩa sâu nặng của mình đối với nhân dân, đối với dân tộc, thề thốt "chiến đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đến hơi thở cuối cùng." Các cuộc thăm viếng của hoàng đế thời nay đối với thứ dân, thường nhằm mục đích *phô trương đạo đức bản thân* hơn là thực tâm muốn hiểu biết dân tình. Một đảng viên biết chuyện mờ ám của bề trên thường tặc lưỡi cho qua, nếu không muốn nói là phụ họa theo để mong được chia lộc. Đó là lúc con người cộng sản lý tưởng trong anh ta nhũn như con chi chi, nhường vị trí thống soái cho con người cơ chế. Nếu còn một chút hổ thẹn với cái phẩm chất "người cộng sản lý tưởng" thì con người cơ chế trong anh ta lập tức dập tắt cái lương tâm ấy đi bằng lời khuyên đầy tính thực dụng: "Đấu tranh thì phải biết tránh đâu."

Sức mạnh của con người cơ chế là ở chỗ nó có sự đồng lõa của thể chế, lấy thể chế làm chỗ dựa. Chính vì thế sau khi thủ tiêu xong cái phẩm chất "cộng sản lý tưởng" trong mình, những người cộng sản có chức quyền thường gây sức ép để thủ tiêu luôn cái phẩm chất "cộng sản lý tưởng" đối với cấp dưới, thậm chí đối với cả những kẻ đang lăm le phấn đấu để

kiếm cái thẻ đảng.

Nếu như con người "cộng sản lý tưởng" thường dùng kinh thánh mác-xít để lôi cuốn những người ngoài đảng thì ngược lại con người cơ chế thẳng thừng tuyên bố: "Không phải là đảng viên thì đừng hy vọng tiến thân, con nhé!" Bố truyền kinh nghiệm cho con như thế. Mà đó là kinh nghiệm đúng. Hiểu như thế nên con người cơ chế thường gây sức ép đủ điều đối với cấp dưới hoặc những kẻ còn "cảm tình" đảng để kiếm lộc.

Muốn tiến thân, người ta phải biết thoả hiệp và đồng lõa với con người cơ chế. Người phụ nữ đẹp biết hiến thân cho bí thư chi bộ để rút ngắn thời gian "thử thách" để được đảng kết nạp. Gã công chức quèn phải biết thủ trưởng của mình đang thích cái gì để biếu xén. Cứ như thế *cái vòng tròn luẩn quẩn dưới nịnh trên, trên nẹt dưới tạo thành một màng lưới thỏa hiệp đồng lõa từ trung ương tới địa phương, đâu đâu con người cơ chế cũng thắng thế và con người lý tưởng đành vái thua để tìm chỗ yên thân.*

Trong xu thế chung đó, những ai còn muốn giữ phẩm chất cộng sản lý tưởng thì cái giá mà họ phải trả thật là khủng khiếp. Có quá nhiều thí dụ về chuyện này. Dưới cái danh nghĩa "đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ," tổng

KHI TRUYỀN THÔNG IM BẶT

Thời đại bây giờ là thời đại của truyền thông. Tất cả hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia, tất cả các biến cố thuộc về thiên nhiên hay con người khắp nơi trên quả địa cầu, trong nháy mắt sau khi xảy ra đã được các hãng tin loan đi, các đài truyền thanh, truyền hình rồi báo chí tường thuật. Tin tức bây giờ có tính chất toàn cầu, chỉ cần ở trong một xứ sở tương đối tự do thôi, người ta có thể biết ngay gần như tức khắc mọi chuyện vừa xảy ra trên thế giới.

Thế mà bạn có thể tưởng tượng một nhân vật vào hạng nguyên thủ quốc gia đi thăm một nước văn minh vào bậc nhất ở Tây Âu vào năm 2000 này, với một bộ sậu tiền hô hậu ủng lên đến cả trăm người, thế mà ngành truyền thông ở nước ấy, gồm phát thanh, truyền hình, báo chí hoàn toàn KHÔNG ĐẢ ĐỘNG TỚI! Sự im lặng lạ lùng đó có thể xem là một biến cố lớn trong mọi ngành truyền thông nhanh nhạy kinh hoàng của thế giới ngày nay. Và ngay lập tức, chỉ vì là đối tượng của một sự im lặng, nhân vật và phái đoàn ấy đã biến thành những quái nhân, quái kiệt. Được nói tới thì nổi tiếng đã đành, mà không được nói gì hết thì bỗng nhiên cũng nổi tiếng, theo một cách khác.

Nhân vật ấy tên là Lê Khả Phiêu, tổng bí thư của đảng Cộng sản Việt Nam, cùng tay chân bộ hạ của ông ta, vừa đi thăm nước Pháp hạ tuần tháng Năm vừa rồi. Một tờ báo tiếng Việt xuất bản ở Paris sau đó đã viết rằng:

Ông Lê Khả Phiêu đã đến một cách âm thầm và ra đi trong sự lặng lẽ. Các cơ quan truyền thông đã hoàn toàn không để ý đến chuyến viếng thăm này. Không một hình ảnh trên truyền hình, không một lời trên radio...

Thật ra thì trong thời gian phái đoàn cộng sản Việt Nam ở Pháp cũng có một tờ báo nhắc tới. Đó là tờ *Libération* ở Paris, ngày 22-5-2000 đăng bản lên tiếng chung của bốn tổ chức tranh đấu cho tự do dân chủ tại Việt Nam. Trích đoạn:

Chúng tôi xin nhắc lại với công luận rằng tướng Lê Khả Phiêu là một kẻ thù quả quyết đối với các quyền tự do và không dừng tay trước bất cứ một biện pháp nào. Ông đã từng tuyên bố và nhắc lại rằng dân chủ, nhân quyền và đa nguyên đều chỉ là bịp bợm.

Chúng tôi cũng xin nhắc lại rằng tại Việt Nam hiện nay mọi tôn giáo đang bị đàn áp dã man, mọi người dân chủ hoặc đang ở tù hoặc đang bị cô lập và sách nhiễu một cách cực kỳ thô bạo.

Thì ra sự im lặng của truyền thông Pháp là có lý do. Họ tởm lợm sự độc tài, sự bóp nghẹt tự do dân chủ. Giới truyền thông Pháp một lần nữa cho thấy tinh thần nhân bản cố hữu của dân tộc này, từ bao thế kỷ qua đã là ngọn đuốc soi sáng cho loài người được sống như những sinh vật có trí tuệ, có tình thương yêu, và có tự do.●

bí thư Trường Chinh đã cách chức Kim Ngọc, bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phú, chỉ vì Kim Ngọc chủ trương lối thoát cho nông dân khỏi cái xiềng hợp tác xã, ngược với chủ trương tập thể hoá tư liệu sản xuất của đảng cộng sản.

Trong các cuộc tranh luận, những người cộng sản thức thời, thường được ngộ nhận là "cấp tiến," bao giờ cũng bị những lực lượng bảo thủ nhân danh cơ chế để hạ bệ. Vụ Ủy viên Trung ương đảng Trần Xuân Bách bị khai trừ khỏi Ban chấp hành Trung ương vì chủ trương đa nguyên trong nội bộ đảng là một trong những ví dụ điển hình.

Chế độ độc tài là môi trường lý tưởng của con người cơ chế. Nó nghênh ngang thách thức lương tri con người nhưng không ai dám lên tiếng vì nó dựa vào sức mạnh của thể chế. *Chính vì thế chế độ độc tài đã đóng vai trò thủ tiêu triệt để những người "cộng sản lý tưởng", hay nói cách khác, những người cộng sản sau khi đồng lõa với chế độ độc tài đã thủ tiêu chính mình một cách triệt để.*

Những kẻ trá hình cộng sản của một thời mơ ước không thể nhân danh lý tưởng cộng sản để duy trì chế độ độc tài vì trên thực tế trong cơ chế độc tài, những người "cộng sản lý tưởng" đã bị thủ tiêu hoặc bị triệt để vô hiệu hóa.

*

Màn tuồng "đểu cáng" độc diễn của các nhà chức sắc cộng sản đã nhanh chóng làm ô nhiễm môi trường xã hội như một thứ dịch bệnh. Chỉ trong vòng khoảng non nửa thế kỷ, cái truyền thống đạo đức lâu đời của dân tộc đã bị lối sống đểu cáng đồng hóa.

Để tìm được một chỗ dung thân trong xã hội, mỗi thân phận bé nhỏ nòi Việt, kể cả những kẻ vô can đến chính trị cũng cần học cho được bài học vở lòng của trường đời: "Thẳng thắn thật thà thì thua thiệt."

Người thầy đứng trên bục giảng thao thao bất tuyệt những tín điều mà chính mình cũng không tin.

Những tiếng nói của lương tri, trung thực của các nhân sỹ trí thức có tâm huyết không hợp với khẩu vị chính thống đang bị cấm đoán tẩy chay. Lịch sử đang chứng kiến một ốc đảo chính trị lạc lõng với xu thế phát triển của thế giới, trong đó mỗi con người chỉ có sự lựa chọn duy nhất là đồng lõa với thể chế, kể cả sự đồng lõa bất đắc dĩ.

Lối thoát của dân tộc nằm trong tay của một thể chế chính trị độc tài, trớ trêu thay không bao giờ muốn chấp nhận một khuynh hướng cải cách nào đụng chạm đến quyền lợi của nó. Thay vì tìm một lối thoát cho dân, cho nước, thể chế chính trị này đang ra sức thay hình đổi dạng để giả danh đổi mới. Những biến tướng của chế độ độc tài hiện đại trong xu thế mới của thế giới là một vấn đề đáng được quan tâm. Chúng tôi sẽ trình bày vấn đề này trong một bài viết khác.◎

Chú thích

1a - Xin tham khảo: Chế độ độc tài với tư cách hình thức quản lý xã hội và với tư cách thể chế chính trị. (*Thông điệp xanh Việt Nam*; Mục: *Tìm hiểu chế độ độc tài...*)

1b 2-3 Xin tham khảo *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên.

TULLY CLINIC

PHARMACY

VO, DAI D.

DƯỢC SĨ, TIẾN SĨ SINH HÓA

1693 FLANIGAN DRIVE, SUITE 104

SAN JOSE CA 95121

TEL: (408) 274-6698

* Bán thuốc theo toa bác sĩ
* Nhận Medical và bảo hiểm
* Tiếp đãi ân cần
* Chỉ dẫn tường tận
* Lựa chọn thuốc có phẩm chất cao

Giờ mở cửa:

Thứ Hai - Thứ Bảy: Từ 9:00AM - 7:00PM

Chủ nhân kính mời

PHÁP DU PHIÊU LƯU KÝ

(Ghi nhanh) của THÀNH TÍN

Ông Lê Khả Phiêu đi Tây. Một chuyến đi mở đầu sang phương Tây. Ông và bộ hạ hồi hộp. Họ đặt nhiều cao vọng. Sẽ mang về một thế chính trị mới. Nhiều khoản đầu tư mới. Vị trí ông được củng cố. Nhà lãnh tụ số 1 của Việt Nam. Nhà chính khách lớn. Nhà ngoại giao lớn. Nay chuyến đi đã kết thúc. Bộ máy tuyên truyền tha hồ lên giọng. Xã luận, bình luận, chùm ảnh, tin tức trên báo Nhân Dân, trên đài vô tuyến và truyền thanh Hà Nội. Vậy mà dân Việt Nam vẫn cứ hoài nghi. Thực hư ra sao? Có thật là "một chuyến đi rất tốt đẹp" như đầu đề bài báo của Nhân dân ngày 1 - 6 - 2000 hay không?

Tôi từng đi với đoàn các ngài tổng bí thư Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh. Tôi từng viết các bài báo về các chuyến đi ấy, để khoa trương thành tích theo thói thường của đảng cộng sản, coi báo chí là công cụ tuyên truyền, có nghĩa là đánh lừa người đọc. Thật đáng hổ thẹn. Nay tôi là nhà báo tự do, sống giữa Paris. Sướng thật. Tôi gặp, nghe trên điện thoại nhiều nguồn thông tin, từ các bạn nhà báo Pháp, từ các bạn nhà báo Việt, ở báo Nhân Dân và Thông tấn xã Việt Nam thường trú ở Paris, từ các bạn viết báo, làm tin, quay phim đi theo đoàn (bạn đồng nghiệp cũ của tôi), từ trong sứ quán Việt Nam, 16 rue Boileau Paris 16, từ các Việt kiều yêu nước (ngoài) ra vào sứ quán ấy.

Tôi nói lên sự thật. Ghi nhanh đôi điều về cuộc Pháp du phiêu lưu ký của ông Tổng Lê.

Sao cái đuôi dài thế!

Khi được danh sách của đoàn, ở phủ tổng thống và bộ ngoại giao Pháp, người ta thốt lên; sao mà đông thế! Gần một trăm người! Tại đó người ta phân tích ngay. Mục đích chuyến đi là để "lấy le," "kiếm chác vốn tuyên truyền và chính trị," "mối quan tâm đầu tiên là an ninh và hình ảnh trên báo chí, phim, ảnh." Còn làm việc, quan hệ làm ăn, đầu tư, thông báo tình hình, hợp tác chỉ là phụ, là thứ yếu!

Hai tổ quay phim, hai thợ chụp ảnh thời sự, sáu phóng viên nhà báo và thông tấn, tổng giám đốc thông tấn xã Việt Nam (ủy viên trung ương đảng), đích thân chỉ đạo, cùng bảy phiên dịch viên tiếng Pháp, đảm nhiệm việc săn lùng tin tức và hình ảnh, tập trung vào những tin và hình nổi đình đám nhất. Đã vậy đoàn tùy tùng gồm cán bộ văn phòng tổng bí thư, văn phòng phủ thủ tướng, bộ văn hóa và thông tin, các phóng viên thường trú của Thông tấn xã Việt Nam, báo Nhân Dân ở Paris, tùy viên báo chí của sứ quán đều được huy động vào trận.

Thật ra đoàn chính thức chỉ có tám vị: tổng bí thư Lê Khả Phiêu, phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Di Niên, bộ trưởng giao thông Lê Ngọc Hoàn, bộ trưởng y tế Đỗ Nguyên Phương, trưởng ban đối ngoại trung ương đảng Nguyễn Văn Son, thứ trưởng kế hoạch và đầu tư Võ Hồng Phúc, và đại sứ ở Pháp Nguyễn Mạnh Dũng. Thông thường ở phương Tây một đoàn cấp cao đi làm việc thì số nhân viên tùy tùng đi theo gấp hai, nhiều lắm là gấp ba số đoàn viên chính thức là vừa. Đằng này nó gấp đến 12 lần !! Gây phiền nhiễu cho chủ nhà về ăn ở đi lại không ít. Chỉ có những triều đình vua chúa ở Châu Phi và Trung Đông mới có cái đuôi dài thòng như thế!

Những cuốn băng trinh nguyên

Viên đại sứ rất nhạy cảm với việc săn lùng hình ảnh. Ông ta ra lệnh mua một loạt băng vi-đê-ô Nhật Bản và huy động cả sáu máy ti-vi loại tốt nhất của Sứ quán để tổ chức "phục kích" việc ghi hình. Để tỏ ra mẫn cán với yêu cầu khuyếch trương hình ảnh của chuyến đi lớn này, viên đại sứ còn đích thân đốc thúc việc mua thêm đáng kể các nhật báo và tuần báo Pháp từ 20 đến 30 tháng 5, mỗi loại 20 số để phân phối cho chư vị đoàn viên! Mỗi vị đoàn viên và tuỳ tùng đều hy vọng sẽ có ảnh của chính mình, nép bóng ngài tổng bí thư họ Lê, được in trang trọng trên trang nhất báo chí thành phố ánh sáng này, để về "dọa" lại bạn bè và gia đình. Họ sẽ phải trầm trồ: ghê quá! gớm quá! cho mà xem.

Ngay từ tối chủ nhật 21 tháng 5 khi ông tổng đến sứ quán Việt Nam để thăm hỏi và huấn thị, vị tổng thư ký hội Việt kiều yêu nước (ngoài) đã xun xoe chúc mừng ông và hứa hẹn chắc nịch rằng: xin các đồng chí lãnh

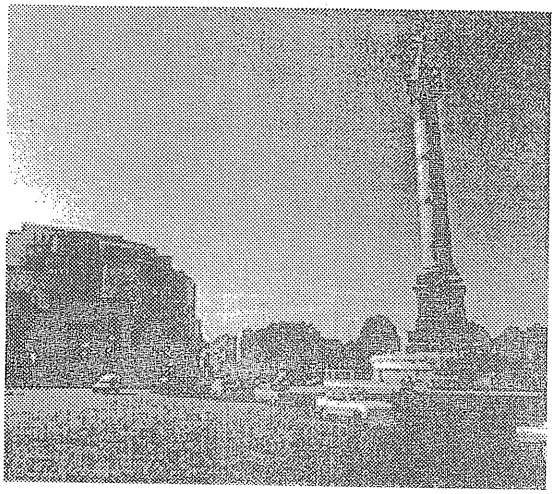

đạo yên tâm, anh chị em việt kiều đã chuẩn bị để sưu tầm đầy đủ các hình ảnh của đoàn trên ti-vi và ra-đi-ô. Chúng tôi có quan hệ tốt với báo chí Pháp! Dạ, họ sẽ tới phỏng vấn tổng bí thư và các vị khác. Nước Pháp làm việc rất là chính quy. Tổng thống đã mời chính thức thì từ trên xuống dưới họ sẽ rất là coi trọng đoàn ta!

Thế nhưng suốt hai ngày hôm sau 22 và 23 tháng 5, cuộc săn lùng hồi hộp đã chỉ thu được "những quả trứng!" Cả năm đài ti vi lớn nhất từ TF1, France 2, France 3, đến Canal Plus, và LCI đều im lặng tuyệt đối, coi như không có đoàn Lê Khả Phiêu đến Paris. Không một đài truyền hình, radio, không một tờ báo nào nói đến sự kiện tổng thống Chirac tiếp đoàn; cả bài nói ngắn, nửa trang giấy của ông Chirac chào xã giao ông Phiêu, tuy đã cố tình không nói gì đến đảng cộng sản, đến ông Hồ Chí Minh, chỉ ca ngợi nhân dân Việt Nam và tình hữu nghị Pháp-Việt, vẫn không có ai nhắc đến dù chỉ một câu, một chữ! Mặc dù không có chỉ đạo của ban tư tưởng và văn hóa!

Cho đến ngày 25 tháng 5, khi Lê Khả Phiêu kết thúc chuyến đi thăm Pháp, tất cả các đài ti vi đều giữ im lặng tuyệt đối! Họ coi như đó là một "non événement," một sự kiện vô giá trị, coi như không có, vô tích sự, không đáng làm tin, cũng không đáng truyền tin. Các băng ghi của đại sứ Việt Nam vẫn trinh nguyên, để lưu niệm về một cuộc Pháp du phiêu lưu ký. Một sự câm lặng thật hùng hồn, sâu sắc.

Những bài báo để cắt dán và lưu giữ

Toàn đoàn, gần một trăm con người hồi hộp và thất vọng. Từ ngày 23 và 24 tháng 5, đã có câu chửi đổng. "Bọn Pháp lếu láo thật! đài và báo Pháp xỏ xiên thật! chúng nó coi thường mình, khinh mình ra mặt!" Không khí trong sứ quán sôi nổi, chuẩn bị mua sắm cho đoàn sang Ý rồi trở về nước. Vẫn còn chút hy vọng hão rằng có thể họ chờ kết thúc chuyến thăm rồi đưa tin một thể từ đầu đến cuối!

Họ càng bị hẫng vì hầu hết mới sang châu Âu lần đầu! Họ quen với các chuyến đi Tầu, đi Cu ba, đi Lào và Miên trước đây, hoặc đi thăm Moscou thời cũ, khi báo Cộng Sản đưa ảnh, tiểu sử, cảnh đón tiếp chiêu đãi diễn văn chiếm đầy hai ba trang báo, với hàng chục ảnh đẹp, trang trọng, bài xã luận kêu chan chát, đầy tình nghĩa anh em bền vững.

Cuối cùng có được vài bài báo trên *Le Monde, Libération, Express, Nouvel Observateur.* Nhẹ nhàng nhất là cuả Jean Claude Pomonti phóng viên thường trú của *Le Monde* ở Hà Nội, nhưng vẫn không hợp khẩu vị ông tổng Lê Khả Phiêu vì nhận định: chưa có dấu hiệu gì có thay đổi đáng kể về chính sách đổi mới, về đại hội 9 sắp đến, có vẻ đảng cộng sản chỉ lo củng cố quyền hành. Pomonti còn đưa tin Lê Khả Phiêu trả lời phỏng vấn đã thanh minh một cách trơ trẽn: tôi là cộng sản nhưng tôi không ăn thịt người (!), và tôi đi thăm nông thôn cả ban đêm, có nhà độc tài nào dám đi đêm như thế! Lý sự cùn!

Thế rồi chính báo Le Monde số ra ngày 25 tháng 5 khi đoàn Lê Khả Phiêu từ biệt nước Pháp, đã ra một bài rất ngắn ở cuối trang trong, đưa tin ủy ban Việt Nam ở Pháp phát hành cuốn tư liệu về vi phạm nhân quyền của chế độ ông Lê Khả Phiêu về tù chính trị, về đàn áp báo chí ở Việt Nam. Cuối bài có một câu nói đến chuyến đi thăm của ông Lê Khả Phiêu ở Pháp kết thúc trong sự thờ ơ, nhạt nhẽo của dư luận.

Đăng nhiều nhất về Việt Nam mấy ngày này là tuần báo *Express*, ra 600 000 bản mỗi tuần có cô phóng viên Sylvaine Pasquier vừa bị trục xuất thô bạo ở Sài Gòn tháng Tư mới rồi. Chủ báo này nói rõ rằng không phải chúng tôi trả thù họ đâu. Chúng tôi chỉ rút ra kết luận là cần cho dư luận Pháp hiểu rõ là một chế độ độc đoán chống lại nhân dân nước mình thì không thể quan hệ bình thường với họ được, dù cho có những lợi ích kinh tế. Đó là một

phóng sự dài sáu trang báo với đầu đề "Sa lầy" và "Con hổ bất động," nói rõ đổi mới nửa vời ở Việt Nam, các vụ đàn áp nhà báo và các nhà dân chủ trong nước, tệ tham nhũng và cửa quyền không ai chịu nổi, có cả sơ đồ trại tù A 20 ở Hàm Tân chuyên giam giữ tù chính trị, tôn giáo và kết kuận: đây là một chế độ chuyên chế thuộc một thời cổ lỗ (totalitaire d'un autre âge).

Báo *Libération*, xưa kia ủng hộ cuộc chiến đấu của Việt Nam chống bom đạn Mỹ là thế, mà nay đổi hẳn giọng, với bài của Arnault Dubus nêu rõ Việt Nam đang hụt hơi, mất đà. Ông Lê Khả Phiêu chỉ mới làm được một việc dở dang, không hiệu quả là mở ra một cuộc đấu tranh dài hai năm để chỉnh đốn đảng, khi mà đảng vẫn ở trên, ở ngoài pháp luật và lớp tư bản đỏ của ông ta vẫn hoành hành. Ông ta chuyên bảo vệ ý thức hệ cổ lỗ và chống lại hiệp định buôn bán với Mỹ. Ông ta không quan tâm gì đến nền kinh tế đang đình đốn.

Bài báo "độc" nhất: một Pinochet này nữa

Để tiễn chân ông Lê Khả Phiêu, báo *Nouvel Observateur* đăng một bài báo lớn gần kín một trang của nhà báo rất nổi tiếng Delfeil de Ton, chuyên viết mục phiếm luận chính trị, không khoan nhượng với những kẻ độc tài phản dân chủ. Tít bài báo gây ấn tượng: *Một Pinochet này nữa*. Báo ra ngày 31 tháng 5 đúng ngày đoàn Lê Khả Phiêu về Hà Nội. Bài báo viết: Pinochet vừa thăm nước Pháp; không có ai đòi bắt giữ hắn. Hắn mang tên Lê Khả Phiêu, cái tên rất khó đọc. Khác với Pinochet ở Chili, tội ác thuộc về quá khứ, đã về hưu, Lê Khả Phiêu đang tại chức, đang gây tội ác, tổ chức của ông ta từng gây nhiều vụ ám sát, giết người, nhiều người chết trong biển cả khi chốn chạy chế độ độc ác của ông ta. Ông ta không cho phép một chút quyền tự do tư tưởng và tự do báo chí nào. Khác với Pinochet, Lê Khả Phiêu còn sức khỏe, chưa bị mụ mẫm vì tuổi già, có thể trả lời trước các vị quan toà.

Có thể nói bài báo này in một vết chàm lên trán vị khách quý! Đó là bài báo "độc" nhất, chắc chắn sẽ bị xé, bị kiểm duyệt khi vào Việt Nam, chắc chắn sẽ được tìm đọc ở trong nước bởi các bạn lớn tuổi cũng như các bạn trẻ đang học tiếng Pháp.

Điều lý thú nữa là bức ảnh đi kèm theo bài: Lê Khả Phiêu bắt tay thủ tướng Jospin, với một nụ cười hãm tài không chê vào đâu được, xúng xính trong một bộ đồ rộng thùng thình - một hình ảnh hệt "anh cả tẩm phố huyện," hai ống quần như hai đèn xếp - trong khi thủ tướng Jospin mỉm cười, tay giơ cao như vẫy các nhà báo đến xem một... của lạ !

Cũng cần biết *Nouvel Observateur* là tuần báo lớn hơn 100 trang, hơn nửa triệu độc giả, của phe tả, được trí thức và tuổi trẻ Pháp rất hâm mộ. Báo này từng ủng hộ mạnh "cuộc kháng chiến của Việt Nam," nay quay sang lên án mạnh mẽ ách độc đoán của đảng cộng sản. Một nét rất mới.

Cái đinh... rỉ

Trong bốn ngày ở Pháp của đoàn Lê Khả Phiêu, dư luận chính giới Pháp coi ngày 24 tháng 5 là ngày quan trọng nhất. Đó là "ngày Việt Nam ở Thượng viện Pháp" với một cuộc họp bàn tròn lớn, phía Pháp hơn 60 người và phía Việt Nam hơn 40 người tham dự. Chủ tịch thượng viện Christian Poncelet và tổng bí thư Lê Khả Phiêu phát biểu mở đầu. Sau đó các quan chức, nhà kinh tế, nhà kinh doanh ở hai phía trao đổi, từ 10 giờ đến 15 giờ. Phía Pháp đề ra tên cuả cuộc trao đổi là: "Giai đoạn hai của cuộc đổi mới ở Việt Nam?" Dấu hỏi chỉ rõ đây là một đề tài đặt ra để phía Việt Nam trả lời. Phía Pháp, từ chính phủ đến các nhà kinh doanh, muốn ông Lê Khả Phiêu và đoàn Việt Nam nói rõ: đảng cộng sản có ý chí đưa đổi mới lên một bước cao hơn hay là vẫn cứ đổi mới nửa vời, với thái độ do dự ngập ngừng? "Giai đoạn 2" của đổi mới là do bà ngoại trưởng Mỹ Albright đề ra, được các tổ chức Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế lặp lại. Qua cuộc họp bàn tròn này, chính phủ Pháp và giới kinh doanh ở Paris muốn nhắn Việt Nam rằng: tất cả tùy thuộc ở phía Việt Nam, nếu Việt Nam tỏ rõ ý chí, quyết tâm đổi mới thực sự trong hành động trên bốn mặt cụ thể: cải tổ ngành ngân hàng, cải tổ cơ sở quốc doanh, cải tổ nền tư pháp độc lập và công bằng, chống tham nhũng có hiệu quả, thì không cần phải kêu gọi, chúng tôi sẽ đầu tư, hợp tác, giúp đỡ mạnh.

Bài phát biểu mở đầu của chủ tịch thượng viện Christian Poncelet rất thẳng thắn. Không cần xã giao, ông nói rõ : Việt Nam đổi mới không rõ rệt dứt khoát, tốc độ phát triển chững lại, bộ máy hành chánh nặng nề chậm chạp; đầu tư nước ngoài giảm; tham nhũng bất trị; hiệp định buôn bán với Mỹ bị gác lại; khó khăn chồng chất. Chúng tôi mong chờ Việt Nam cho biết dự định bước vào giai đoạn 2

của đổi mới như thế nào ?

Lời phát biểu của Lê Khả Phiêu rất kỳ lạ. Ba hoa một lúc dài về độc lập và tự chủ, rồi kết thúc bằng lời hứa xuông là sẽ "đưa đổi mới vào chiều sâu." Cả cuộc họp ngỡ ngàng. Hôm qua ông tổng đột nhiên bị ốm; nôn mửa đau đầu đau bụng trong chuyến đi Poitiers. Hôm nay vẫn còn ốm chăng ?

Mọi người chờ phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Vẫn chỉ là lời xã giao chiếu lệ. Phía Pháp lại trông đợi thứ trưởng kế hoạch và đầu tư Võ Hồng Phúc, trẻ hơn, nhưng ông ta có vẻ được đào tạo ở Nga, chẳng hiểu gì về kinh tế phương Tây, như lời nhận xét của một chuyên gia của hãng dầu Total. Ông không đi vào chủ đề chính, vòng vo tam quốc về tiềm năng lao động, về hàng may dệt, hàng da, về xóa nợ. Rồi cuộc họp loãng dần, nói sang quan hệ văn hóa, du lịch, vận chuyển đường biển, nhận con nuôi. Nhiều người lẳng lặng ra về.

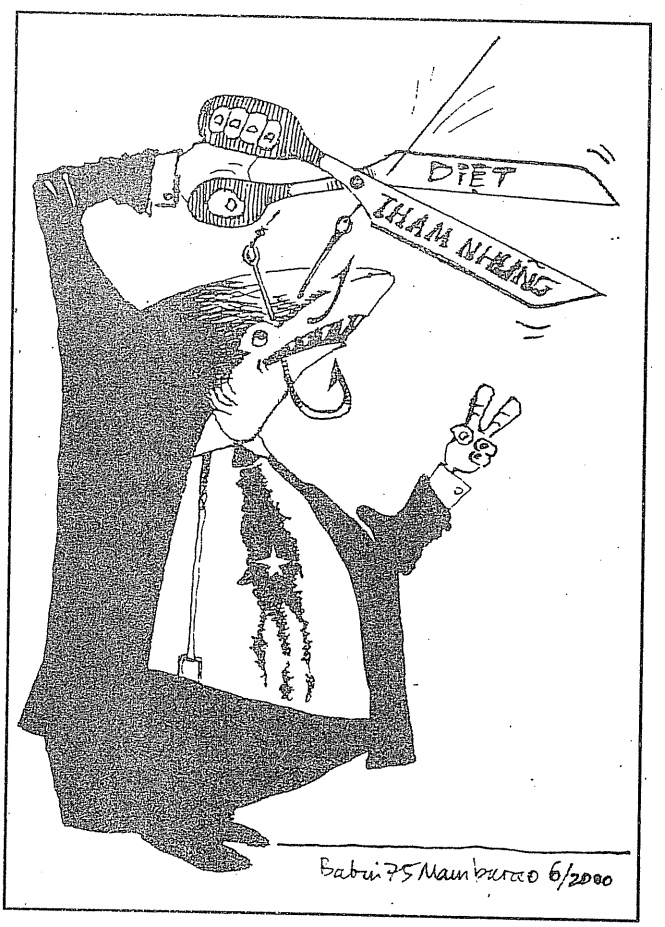

Nói trắng ra là Việt Nam quả thật đang mất phương hướng. Dừng lại thì không thể được, lùi bước thì không dám, bước tới thì run chân, sợ mất quyền, vậy thì chỉ còn biết ấm ớ hứa hẹn chung chung. Mọi người tham dự vỡ lẽ ra rằng chuyến đi này của Lê Khả Phiêu chỉ để kiếm vốn chính trị nhằm tuyên truyền gây thanh thế cá nhân. Họ không thực bụng bước tới trong đổi mới. Vậy thì phía Pháp chỉ có thể thực hiện vài công việc của khối Pháp ngữ, quan hệ văn hóa, cho học bổng, dạy tiếng Pháp. Các hãng công nghiệp Pháp còn chờ thời.

Cuối ngày 24 tháng 5, "ngày Việt Nam" ở thượng viện Pháp, cuộc đi thăm của Lê Khả Phiêu đã có thể coi là thất bại hoàn toàn cả về chính trị và kinh tế. Giới kinh doanh Pháp lắc đầu - báo *Les Echos* chuyên thông tin về kinh tế không nói về cuộc họp bàn tròn này, vì nó vô bổ, không đáng nói đến - Cái đinh của cuộc thăm chính thức Pháp của ông tổng Việt Nam hóa ra cái đinh... rỉ!!

Bóng đá giữa Elysées và Matignon

Chuyến đi thăm Pháp của ông tổng Phiêu đã có nhiều trắc trở từ đầu. Lúc đầu chỉ là do ông Robert Hue người cầm đầu đảng cộng sản Pháp mời, sau phía Việt Nam kỳ kèo yêu cầu được tổng thống Pháp mời chính thức. Ngần ngừ mãi tổng thống Chirac mới đưa ra lời mời chính thức, nhằm tìm hiểu rõ thêm phía Việt Nam và để xem nếu đảng cộng sản Việt Nam có ý định đổi mới theo hướng tích cực và tiến bộ thì Pháp sẽ đáp ứng. Nhiều lần tổng thống Chirac nói đến sự thuyết phục, nhưng cũng nhấn mạnh là Việt Nam trước hết phải tự chính mình có ý chí đổi mới đã.

Tôi được gặp một số nhà báo ở *AFP, Le Monde, Le Figaro* cùng một số quan chức ở Elysées (phủ tổng thống) và Matignon (phủ thủ tướng). Thì ra ai cũng biết trước là mời một người cầm đầu một chế độ độc đoán, phản dân chủ, một chế độ cảnh sát, một chế độ đàn áp đến Pháp, đất nước từng là chiếc nôi của tự do dân chủ và quyền con người là một vấn đề rất nhạy cảm. Những vị khách ấy đều là khách bất đắc dĩ, những vị khách cồng kềnh. Trong lời phát biểu khi tiếp ông Phiêu, tổng thống Chirac rất kín võ, không

nhắc gì đến đảng cộng sản, không khen (dù là xã giao) ông Phiêu một điều gì hết. Ông cũng không nhắc đến ông Hồ Chí Minh, biết rằng nhân vật này đang còn được lịch sử bình tĩnh đánh giá lại. Ông Robert Hue và những người lãnh đạo của đảng cộng sản Pháp cũng giữ kẽ, không mời ông Phiêu đến thăm trụ sở đảng cộng sản Pháp, cho rằng đảng cộng sản Pháp đã cải tổ thực sự, tách mình khỏi Staline và Mao, khỏi chuyên chính vô sản và dân chủ tập trung, chỉ có họ hàng xa xôi với đảng cộng sản Việt Nam. Ông Hue khôn khéo giao cho chi bộ xã (commune de Montreuil) ở ngoại ô phía đông Paris tiếp ông Phiêu trong một phòng lưu niệm nhỏ xíu về ông Hồ Chí Minh, sau khi ngôi nhà cũ ở ngõ Compoint đã bị phá. Bài phát biểu của đảng viên cộng sản già ở Montreuil khi đón ông Phiêu có lẽ là bài nói duy nhất có tí chút giá trị tuyên truyền để ông Phiêu đem về khoe ở trong nước.

Ngay khi chuẩn bị đón ông Phiêu, Elysées và Matignon đã mở cuộc đá banh, đùn đẩy cho nhau cái "của nợ" này. Matignon chối từ: khách của tổng thống mời, xin Elysées đón, chính phủ xin được miễn. Elysées trả lời: tổng thống giao cho chính phủ cùng tiếp. Ông Jospin chuyển bóng cho bộ ngoại giao; ngoại trưởng Hubert Vedrine lịch sự xua tay: chúng tôi bận lắm, tôi sẽ đi vắng. Thế là ông Jospin thuyết phục được ông Gayssot bộ trưởng giao thông, thuộc đảng cộng sản, ở trong hàng cuối của chính phủ đứng ra thế mạng. Ông Gayssot đành cắn răng làm công việc ngoại giao trái khoáy này, luôn nhăn mặt vì không có bộ máy tiếp khách! Thế là đoàn khách nặng nề, lòng thòng, bị chơ vơ ngày cuối, đi Toulouse rồi sang Ý không một nghi thức tiễn biệt. Tổng thống, thủ tướng, chủ tịch thượng viện đều hiểu thấu đáo hai điều: cái đoàn cố vòi vĩnh một chuyến Pháp du chỉ có một ý đồ ngớ ngẩn là kiếm vốn chính trị, họ không có mảy may ý chí đổi mới thật sự và hội nhập với thế giới văn minh. Họ không có tương lai!

Ngày 25 tháng 5 trong Palais Bourbon

Đúng ngày đoàn Lê Khả Phiêu từ biệt Paris không kèn không trống, không cờ không ai tiễn, trong một phòng họp Hạ viện Pháp (Palais Bourbon), có cuộc tiếp chiến sĩ dân chủ Trung Quốc Vương Đan, người hùng của Thiên An Môn 11 năm trước. Anh vừa từ Đài Bắc dự lễ nhậm chức của tổng thống dân cử Trần Thủy Biển. Phòng họp khá lớn không còn một chỗ trống. Dự tiếp có đông đảo người Pháp, Trung Quốc, Việt Nam, Miến Điện, Lào. Có phóng viên báo chí, truyền hình, một tổ quay phim từ Hồng Kông sang. Anh Vương Đan đang học ở Mỹ; anh nói đến sự thức tỉnh về dân chủ đang diễn ra khắp Á châu, nhu cầu đoàn kết phối hợp các lực lượng dân chủ khắp châu Á. Ban tổ chức mời tôi nói về chuyến đi đang sốt dẻo của đoàn Lê Khả Phiêu. Tôi nói lên sự thật, ý đồ, diễn biến và sơ bộ kết quả của chuyến đi và mong rằng những cái đầu u lì còn mê muội vì quyền lực ở Hà Nội rút ra được bài học bổ ích từ thất bại này. Bài học đó là: muốn làm bạn với thế giới, hòa nhập với thế giới thì nhất thiết phải thật lòng công nhận những giá trị phổ cập của thời đại, đó là tự do báo chí, tự do tổ chức (trong kỷ luật và luật pháp) và bầu cử tự do. Không thật lòng công nhận những giá trị phổ cập ấy thì chỉ có bị xa lánh, bị phê phán, bị cô lập và khinh miệt.

Cố đấm ăn xôi xôi lại hỏng

Tôi được biết trong đoàn ông Lê Khả Phiêu, nhiều cán bộ tùy tùng cảm nhận ra thất bại của chuyến đi. Họ được kêu gọi hãy kiên nhẫn, đoàn sẽ được báo Pháp, tivi Pháp nói đến khi cuộc thăm kết thúc. Dài cổ vẫn chẳng thấy tăm hơi! Có lẽ hình ảnh đoàn ở Pháp đã được bộ ngoại giao và giới truyền thông Pháp cất kỹ vào kho lưu trữ. Cũng là may. Vì tôi được các bạn Pháp cho xem vài ảnh chụp, và xem bức ảnh duy nhất trên báo *Nouvel Observateur* đi cùng bài (Một Pinochet khác), thì quả thật không chê vào đâu được. Người số một của chế độ mà "Cả tẩm" đến vậy, hai ống quần như đèn xếp, áo thùng thình như đi mượn vội, nụ cười toe toét như trẻ nhỏ thấy kẹo, bên một Jospin trầm tĩnh, tự tin. Người ta biết ngay vai trò chính khách là quá rộng đối với một con người "thấp" về mọi mặt đến vậy ! Xem bức ảnh mà thấy buồn, thấy xấu hổ và thấy tức cho nước mình!

Biết là trong đoàn có nhiều tâm tư, trước khi về Hà Nội, tối 29 tháng 5, ông Phiêu đã họp toàn đoàn trong sứ quán Việt Nam ở La Mã để làm công tác tư tưởng, ổn định cái đuôi lòng thòng. Ông vẫn lải nhải về chuyến đi đạt kết quả rất tốt đẹp (!), đổ tội cho các thế lực phản động (!) xuyên tạc, phá đám, và căn dặn mọi người về hãy chung một lòng ca ngợi chuyến đi, còn hăm dọa ai mà nói xấu, nói bậy nói theo luận điệu phản tuyên truyền! Thời

buổi đã thay đổi, có vị nghe huấn thị xong đã nói với bạn, trước mặt ngài đại sứ Việt Nam ở La Mã Trần Minh Quốc: Anh chị em trong đoàn có nhiều băn khoăn hoài nghi lắm! Buổi giảng dạy của ông Phiêu không chừng chỉ đẻ số, gây thêm vướng mắc. Họ đâu còn là trẻ nít.

Trên máy bay về Hà Nội, tổng bí thư ra lệnh cho tổng giám đốc thông tấn xã Việt Nam Hồ Tiến Nghị cùng phóng viên báo Nhân Dân Nguyễn Thanh Phong sản xuất ra một bài trả lời phỏng vấn của tổng bí thư cho báo đảng. Vẫn lại là một chuyến đi tốt đẹp, và có chỗ còn thêm: rất tốt đẹp. Có một chỗ ông tổng tỏ ra ngớ ngẩn đến kỳ quặc! Ông kể lại rằng ông đã làm cho thủ tướng Pháp ngạc nhiên khi giới thiệu rằng trong đoàn có một nhà kinh doanh tư nhân, mỗi năm bán sang châu Âu đến 25 triệu đô la hải sản! Thật ra, ở phủ thủ tướng Pháp, người ta kể rằng ông Jospin rất am hiểu tình hình, khi nghe ông Phiêu khoác lác quá cỡ thì thủ tướng Pháp liền mỉm cười, cắt lời: "Thế à, vậy mà tôi chưa hề nghe đến chuyện ấy!" với ngụ ý rằng: xin ngài chớ ba hoa, chánh sách của ngài đâu có cho tư nhân thứ thật làm giàu. Chắc lại là một nhà tư bản đỏ làm kinh tế cho đảng nay đem đi triển lãm với cái mũ nhà kinh doanh tư nhân, chúng tôi đâu có phải trẻ nít! Nay ngài tổng thống Phiêu lại mang về triển lãm ở trong nước cho bà con ta ở nhà! Đến hai lần dại dột! Cứ hỏi cậu phiên dịch hôm ấy thì biết thủ tướng Jospin đâu có bị lừa! và rồi bà con ta trong nước cũng đâu có dễ bị úm! hay là chính ông tổng Phiêu lại bị chính mình lừa?

Xin có ai đó là nhà tư bản tư nhân bán sang châu Âu năm qua 25 triệu đô la hải sản, xin giơ tay trình diện cho coi nào!

Làng báo Pháp ghê tởm những nhà độc tài

Tôi đã hỏi các bạn nhà báo Pháp: Sao báo các bạn không đăng tin gì về hoạt động về đoàn Lê Khả Phiêu? Có người mỉm cười. Có người trả lời ngay: chúng tôi quen dị ứng với các nhà độc tài. Một anh bạn ở báo *Humanité* đảng viên đảng cộng sản Pháp, thổ lộ : chúng tôi luôn phải tính đến suy nghĩ, tình cảm của độc giả; sơ hở là mất bạn đọc, mất tín nhiệm; đưa tin, ảnh ông Giang Trạch Dân hồi năm ngoái còn bị phản ứng, tuy ông Giang kiêm chức chủ tịch nước. Cô Sylvaine Pasquier nói rõ hơn: vì ở thời điểm này người Pháp đã biết rõ Pinochet là ai, Suharto là tên ăn cắp lớn, Fidel là kẻ hoang dâm thù hằn trí thức đòi tự do, Sadam Hussein là tên giết người hàng loạt. Lê Khả Phiêu thuộc hạng người này, tự xử sự như bạn thân của những tên độc tài này. Ông ta đại diện cho một trong bốn chế độ kiểu staline còn sót lại. Chúng tôi ghê tởm mọi tên độc tài.

Anh bạn ở báo *Figaro* có ý kiến riêng. Anh cho rằng vì máy vi tính! Tại nó hết! Vì chỉ bấm tên Lê Khả Phiêu trên mục Việt Nam là các chính khách, nhà báo Pháp có ngay tiểu sử, hoạt động, những bài nói của ông ta ở các cuộc họp trung ương, ở các buổi lễ kỷ niệm đảng. Họ biết ngay cái lưỡi gỗ của ông ta, cái đầu của ông ta có cái gì. Đất nước gặp khó khăn chồng chất, lại đi tìm giải pháp ở một cuộc tự phê bình và phê bình vô tích sự kéo dài hai năm! Cái kỳ lạ là cả bộ chính trị trung ương đảng, cả quốc hội đều cúi đầu răm rắp vâng lời một cái đầu hỏng, không bình thường!

Ở hãng tin AFP, anh bạn tổng giám đốc dẫn tôi đi thăm cả năm tầng lầu, chỉ sơ đồ các trạm AFP rải rác khắp nước Pháp và thế giới, và cho rằng: Việt Nam có vị trí quan trọng nhất trong các nước Pháp ngữ ở châu Á. Thông tin về việt Nam rất cần cân đối về nhiều mặt. Chúng tôi ngày càng biết tên, chính kiến của những nhà đối lập như Dương Thu Hương, Trần Độ, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Đan Quế. Tổ chức "phóng viên không biên giới" rất có hiệu quả trong ý định nói rõ bản chất đàn áp của chế độ Lê Khả Phiêu. Đã có nhiều thay đổi ở Việt Nam, nhưng chế độ độc quyền độc đảng là điều không thay đổi, thách thức cả thời đại này. Anh đưa tôi bản tin AFP đánh đi từ Hà Nội nói về chính phủ Thụy Điển yểm trợ Hà Nội hơn một triệu đô la nhằm hiện đại hóa thông tin, với lời phụ chú của AFP: hiện nay ở Việt Nam không có báo tư nhân và những người đối lập bị đàn áp!

Tôi muốn báo tin ngay cho anh chị em đối lập gan góc ở trong nước, tiếng nói của bạn tuy ít ỏi, bị ngăn chặn, đã và đang đánh bạt những cái loa ầm ĩ của chế độ độc đoán. Chúng ta có bạn bè rất đáng tin cậy trong làng báo nói và báo viết ở Pháp và châu Âu. Họ vừa dạy cho đoàn khách từ Hà Nội một bài học cực kỳ sâu sắc: có một hố sâu ngăn cách nước Pháp dân chủ với những chế độ độc đoán, với những kẻ độc tài thù địch của tự do, dù cho khoác chiếc áo nào!●

Paris tháng 6/2000

NHỮNG SỰ KHÁC BIỆT VỀ PHONG TỤC VÀ TÍN NGƯỠNG CỦA NGƯỜI CHÀM

NGUYỄN VĂN LUẬN

Khoảng đầu tháng 12, 1999 người Chàm định cư ở bang California đã tổ chức tại Little Saigon buổi ra mắt đặc san Champaka nghiên cứu về lịch sử và văn minh Chiêm Thành. Buổi họp mặt khá thành công nhờ xen kẽ những màn vũ cổ truyền và có nhiều khách Việt, Mỹ lên tỏ bày ý kiến. Vài ngày sau các báo Việt Ngữ đã loan tin nên nhiều bạn trẻ muốn tìm hiểu thêm về đời sống tinh thần, hay nói khác đi là tín ngưỡng và phong tục của sắc dân này.

Thông thường những nguyên nhân đưa tới sự suy vong của một dân tộc có thể là chiến tranh, thiên tai hay dịch tễ. Nhưng đối với người Chàm thì ngoài những yếu tố kể trên còn có những nguyên nhân nội bộ khá quan trọng. Đó là sự khác biệt về tín ngưỡng và những tập tục khắt khe của cộng đồng đã làm suy yếu tinh thần đoàn kết: Xem như trong thâm tâm nhiều người đã muốn xa lánh, thoát khỏi vòng kiềm tỏa của những luật lệ bất thành văn trong xã hội.

Các thiếu nữ Chàm múa quạt trước tháp vua Po Romé

Kể từ khi lập quốc trên bán đảo Đông Dương vào khoảng thế kỷ thứ hai sau Tây lịch, lãnh thổ Chiêm-thành đã bành trướng hay thu hẹp, bị phân chia hay thống nhất, tựu trung chiếm cả vùng ven biển Nam-hải từ 8 độ đến 20 độ Bắc vĩ tuyến. Các nhà khảo cổ đã tìm được nhiều di tích lịch sử của người Chàm rải rác suốt từ dãy Hoành-sơn xuống tới Biên-hòa. Tấm bia Võ-cạnh tìm thấy ở làng Phó-văn (hay Phú-vinh) huyện Vĩnh Xương tỉnh Khánh Hòa có khắc chữ Phạn rất đúng mẹo luật chứng tỏ vùng này sớm chịu ảnh hưởng văn minh Ấn Độ (1).

Tín đồ Ấn giáo thờ phụng ba vị thần linh là Brahma, Vishnu và Siva cùng vợ của hai vị thần kể trên là Laksmi và Uma. Brahma là vị thần sáng tạo hay chúa của vạn vật. Vishu là thần bảo tồn, còn Siva là thần phá hoại để tác tạo. Tượng các vị thần này được chạm nổi trên các tháp Chàm hoặc tạc nguyên hình bằng đá cùng một số các thần linh khác. Người ta cũng tìm thấy rất nhiều tượng thần linh ở các di tích lịch sử Chiêm Thành như tại Mi Sơn, Trà Kiệu, Đồng Dương (thuộc Quảng Nam). Thần sáng tạo Brahma được tạc trên các mí tháp ở

Mi Sơn hay tạc chung với các tượng khác như trên mấy bức chạm nổi ở Đà Nẵng. Thần bảo tồn Vishu thường tạc có bốn tay cầm các bảo vật như ốc tù-và, đĩa tròn, hoa sen và quả chùy. Đôi khi Vishu còn ngự trên lưng chim thần Garuda. Riêng thần Siva được tạc với nhiều dáng điệu như đứng với sáu tay cầm nhiều biểu tượng, hoặc cưỡi trên con bò thần Namdin đang tấn công địch thủ bằng rất nhiều tay, hoặc đang nhảy múa, hoặc đóng vai hộ pháp giữ cửa các điện thờ.

Bà bóng Pajao nhảy múa theo tiếng nhạc trong một lễ cúng có tính cách ma thuật.

Ngày nay người Chàm tôn sùng nhiều biểu tượng của thần Siva là qua hình thức cái linh phù: một trụ đá tròn đặt trên chiếc đế hứng nước phép khi làm lễ. Đó là hình của dương vật (linga) biểu hiện sức mạnh sinh sản. Hoặc là sự phối hợp của hai bộ phận sinh dục nam nữ bổ sung nhau (linga và yoni). Một thứ linga đặc biệt có hình mặt người khi làm lễ được khoác lên những bộ y phục gọi là Mukhalinga. Ngoài ra để biểu dương sự đồng nhất của hai nguyên lý sinh sản âm và dương, nam và nữ thì tượng thần Siva còn được tạo dưới hình thức ái nam ái nữ với bộ ngực đàn bà và bộ phận sinh dục của đàn ông! Cuối cùng thì con bò đực Nandin, hiện thân của sức mạnh tình dục cũng là biểu hiệu của thần Siva.

Do ảnh hưởng tín ngưỡng Ấn Độ, các giáo sĩ Chàm Bà-la-môn đã họp thành giai cấp "bangsa." Đứng đầu giai cấp các thầy Cả hay thầy Bà-sế (basaih) này là ba vị Po Adhya. Họ được tuyển làm giáo sĩ trọn đời nhưng vẫn có thể lấy vợ. Con trai họ sẽ nối nghiệp ông cha để duy trì giai cấp tăng lữ đó. Các thầy Cả Po Adhya coi việc thờ cúng ba vị thần linh chính là Po Inơ Nagar Thánh Mẫu tạo lập ra nước Chiêm Thành, cùng với hai vua cũng hóa thần nữa là Po Klong Garai tục gọi là "Vua Lác" được thờ tại tháp Chàm Phan Rang và vua Po Romé thờ tại tháp Chàm thuộc làng Hậu Sanh, Quận An Phước, tỉnh Ninh Thuận. Dưới hàng basaih là các vị trợ tế (camenei) có nhiệm vụ canh gác các tháp, giữ các đồ cúng, thay đổi y phục ở các tượng thờ và bày các đồ cúng tế theo đúng thứ tự cổ truyền.

Sau cùng là các thầy Cò-ke (Kathar và Modvon) có nhiệm vụ đàn hát những bài thánh ca trong các buổi lễ. Thầy Kathar sẽ kéo một thứ nhị mà tang là một chiếc mai rùa (Kuni kura), còn thầy Modvon thì đánh cái trống da chỉ có một mặt trống (baranon). Muốn thành thầy Cò-ke thì phải được sư phụ truyền dạy nghề đàn hát, cách tiên đoán hậu vận và chữa bệnh bằng những câu phù chú. Tất cả các thầy tế lễ này đều mặc y phục trắng và phải triệt để tôn trọng một số điều kiêng cữ.

Giáo sư Nghiêm Thẩm, nguyên Giám đốc Viện Khảo Cổ Sài Gòn xưa cho biết: "Kể từ khi Chiêm Thành suy vong, tuy người Chàm ngày nay vẫn theo tôn giáo của người Chàm khi xưa, nhưng thật ra họ chỉ biết cúng lễ, tin rất nhiều dị đoan và không biết cả đến tên các vị thần linh chính của tôn giáo Bà-la-môn nữa! Cũng có người Chàm không phân biệt được rõ rệt là họ thuộc đạo Bà-la-môn nên đã bảo là theo đạo Phật, họ tưởng đạo Bà-la-môn cũng là một thứ đạo Phật. (2)

Thực ra các nhà khảo cổ cũng tìm thấy nhiều pho tượng Phật tại các di tích lịch sử Chiêm Thành. Những tháp ở Đồng Dương, Đại Hưu, Mỹ Đức đã được dành để thờ Phật. Đồng Dương xưa kia là một tu viện quan trọng còn để lại dấu vết nhiều sân chùa nối tiếp nhau và những ban thờ giúp người ta tìm hiểu về đời sống của Thái tử Tất Đạt Đa (Siddharta) qua những bức chạm trổ khéo léo,

sau đem trưng bày ở viện Bảo Tàng Đà Nẵng. (3)

A. *Quan niệm về tổ tiên và nguồn gốc dân tộc* được thể hiện qua những lễ lớn hàng năm như:

1/ Lễ Bơn Katé, cử hành vào ngày 1 tháng 7 Chàm lịch (tháng 9 hoặc tháng 10 Dương lịch). Lễ này có mục đích tỏ lòng tôn kính đối với Trời, "Cha" sinh ra vạn vật, thuộc về khí dương.

2/ Lễ Bơn Cabur, cử hành vào ngày 16 tháng 9 Chàm lịch (tháng Giêng hoặc 2 Dương lịch). Lễ này có mục đích tỏ lòng tôn kính đối với Đất, "Mẹ" nuôi nấng vạn vật, thuộc về khí âm (4).

3/ Lễ Parala Rija Sah, cử hành ngày 10 tháng 2 Chàm lịch và kéo dài suốt năm ngày liền để tỏ lòng tôn kính Thánh Mẫu Po Inơ Nagar, vị tạo lập ra nước Chiêm Thành, sinh ra hạt lúa và dạy dân cách trồng cấy.

B. *Những nghi lễ có tính cách ma thuật* thường do bà bóng gọi là bà Pajao điều khiển:

1/ Cũng như các thầy Bà-sế (basaih), bà bóng Pajao thuộc về một giới riêng biệt. Muốn thành Pajao phải là nữ đồng trinh và được một bà Pajao già truyền nghề. Trung bình cứ bốn năm hoặc năm năm làng Chàm lại có một bà bóng Pajao. Các bà có nhiệm vụ nhảy múa, dâng lễ vật mời các thần linh, nhập đồng tiên tri mọi việc vì hàng năm bà bóng vẫn có dịp giao cảm với thần linh trong một giấc ngủ triền miên.

Theo một thầy Cả thì Pajao có nghĩa là "công chúa." Các bà bóng mang tên ấy là hình ảnh những công nương tôn thất thời xưa giữ việc cúng lễ trong triều đình các vua Chàm xưa. (5)

2/ Phụ tá cho bà bóng Pajao trong các buổi lễ ở tháp Chàm là những bà Kain Yan. Còn trong phạm vi gia đình thì có nữ tu Rija hay Raja Cravak và Thrvak Rija. Các bà sau này là những người có thể đã có chồng con nhưng vì có "căn đồng" được các thần linh tuyển chọn nên bắt buộc phải "ra đồng" làm lễ, nếu không sẽ bị đau ốm!

3/ Những vị thần linh hay các anh hùng dân tộc được tôn làm thần thánh đều có đền thờ riêng và được dân chúng quanh vùng đó lo việc cúng bái. Po Romé, một vị vua Chàm mất từ năm 1661, đến nay vẫn còn làm dân chúng khiếp sợ. Tháp thờ ông trên ngọn đồi thuộc làng Hậu Sanh quận An Phước, tỉnh Ninh Thuận vẫn được coi là nơi tối linh thiêng dân Chàm không mấy người dám vào chiêm bái di tượng nhà vua! Ngoài ra tất cả những vong hồn người chết, nhất là kẻ bất đắc kỳ tử, những thần linh (Yan) đều là nguồn gốc tạo ra nhiều hình thức mang tính chất ma thuật trong việc cúng lễ của người Chàm.

C. *Những nghi lễ do tập tục tạo nên,* có tính cách địa phương nhiều hơn là ảnh hưởng tín ngưỡng ngoại lai.

1/ Hamu cànrov là lễ cúng hiến có mục đích cầu xin thần linh ban cho được mùa. Lễ này tổ chức trước mùa cày cấy. Do tập tục, mỗi điền chủ sẽ biết thửa ruộng nào phải làm trước, nghĩa là được chọn làm nơi tổ chức lễ "hạ điền." Sau khi dâng lễ vật và cầu xin, người Chàm cũng xuống ruộng cày một luống bằng cách đi vòng ba lượt xung quanh thửa ruộng.

2/ Ngap kubao cũng là một lễ cúng về nông nghiệp. Cứ bảy năm một lần người Chàm ở vùng sông Gia tỉnh Ninh Thuận lại phải hy sinh một con trâu trắng để đổi lấy mùa màng thuận lợi. Theo tà thuật giao cảm (magie sympathique) họ tin rằng máu con vật phun lên những cành trâm bầu do một thầy Cả đưa ra lúc giết trâu sẽ làm cho mưa thuận gió hòa nên máu chảy càng nhiều thì mùa màng, dân cư càng thịnh vượng.

Sau cùng, chế độ mẫu hệ mà người Chàm còn duy trì đã tạo ra một tập tục đáng kể nữa là việc chôn những mảnh xương sọ người chết sau khi hỏa thiêu xuống các mộ chí gọi là Kut. Theo nguyên tắc trong xã hội mẫu hệ Chàm thì người con gái có quyền đi hỏi chồng và bên gia đình vợ có uy quyền với chàng rể rất nhiều. Thí dụ người chồng không có quyền định đoạt về tài sản của gia đình khi người vợ chết đi, hoặc khi gặp việc khó giải quyết thì con cái sẽ tìm các anh em của mẹ hỏi ý kiến chứ không hỏi cha ruột. Bởi vậy khi chết đi, thi hài người quá cố sẽ được chôn vào nghĩa trang thuộc về dòng huyết hệ bên mẹ (lignage matrilinéaire) nghĩa là không bao giờ có tình trạng hai vợ chồng sẽ được chôn trong một nghĩa trang. Hơn nữa muốn được "vào Kut" người chết phải hội đủ nhiều điều kiện khắt khe do tập tục quy định và phải tuân theo nhiều nghi thức về tang chế rất phức tạp.

Ngoài những tín ngưỡng và tập tục kể trên cũng có người Chàm theo Hồi giáo nên có những nghi thức cúng lễ và tập tục riêng của họ nữa. Theo M.Ner thì thống kê năm 1936 cho biết trên lãnh thổ ta có 90.000 người Chàm theo Hồi giáo. Trong số đó có 16.000

người ở Trung phần và 7.000 người ở Châu Đốc và Tây Ninh (6). Đến năm 1964 P.B Lafont nói rõ là trong số 40.000 người Chàm ở Trung Phần chỉ có chừng 2/3 theo đạo Bà-la-môn còn 1/3 theo Hồi giáo. Riêng miền Tây Nam phần, ở Châu Đốc có chừng 10.000 và Tây Ninh 2.000 người Chàm theo Hồi giáo.

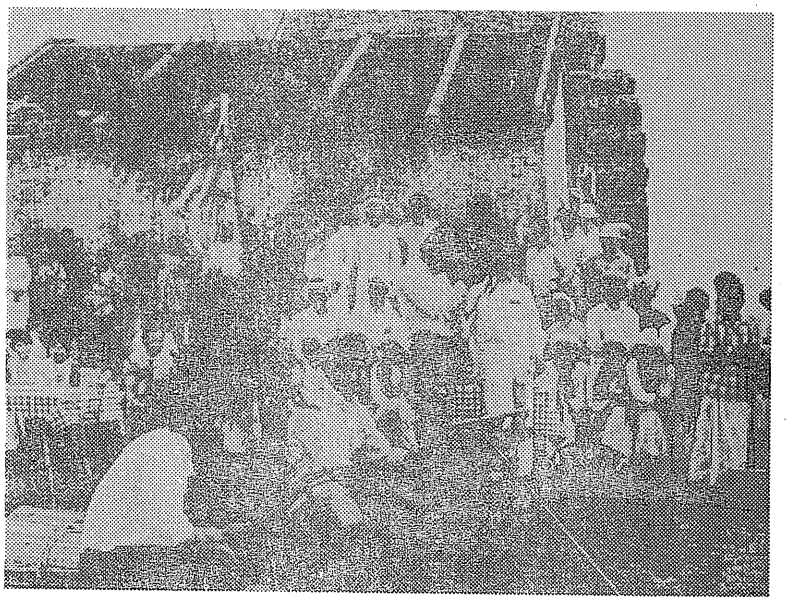

Lễ Bơn Katé, đồng bào Chàm đến hành lễ tại tháp Phan Rang.

Như trên đã trình bày, ngay từ khi lập quốc, Chiêm Thành đã chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ. Tôn giáo chính của họ là đạo Bà-la-môn và sau nữa là Phật giáo. Hồi giáo mãi thế kỷ thứ VII mới được Mahomet khai sáng ở bán đảo Ả rập. Vậy tôn giáo này đã truyền vào Chiêm Thành từ khi nào? J.P Roux trong cuốn *L'Islam en Asie* cho rằng: Đạo Hồi từ Ả Rập được các binh sĩ Thổ và người A Phú Hãn, Ba Tư truyền sang Ấn Độ. Nhưng ngay từ thế kỷ thứ VIII đã gặp sự chống đối của các ông hoàng Ấn Độ nên mãi năm 1193 Dehli mới thành kinh đô Hồi giáo ở phương Đông. Sau đó người Ấn Độ dần dần truyền bá tôn giáo này cho người Mã Lai và Chà-và. Ngay bán đảo Malacca cũng không chịu ảnh hưởng Hồi giáo sớm hơn dù các nhà buôn Ả Rập đã có dịp qua lại vùng này từ nhiều thế kỷ trước. Mãi năm 1385 người ta mới ghi nhận một vương tước Hồi giáo (sultanat) được thành lập tại miền này, sau đã bị người Bồ Đào Nha tấn công vào đầu thế kỷ XVI. Sau cùng Hồi giáo được truyền sang các nước vùng Đông Nam Á như Phi Luật Tân, Thái Lan, Đông Dương nhưng hiệu lực đã kém đi. (8)

Bởi vậy nếu ngay từ thế kỷ thứ X đã có dấu vết Hồi giáo trên đất Chiêm Thành thì rất có thể chỉ là một thiểu số người thôi, mà không chừng họ lại là người ngoại quốc chứ chưa phải dân Chàm (9). Phải nhận rằng sau biến cố 1470 khi Trà Toàn bị vua Lê Thánh Tôn đánh bại, vương quốc Chiêm Thành suy sụp khiến thần dân phải trốn chạy sang Kampuchéa và có dịp tiếp xúc luôn với người Mã Lai thì đạo Hồi mới được nhiều người Chàm theo.

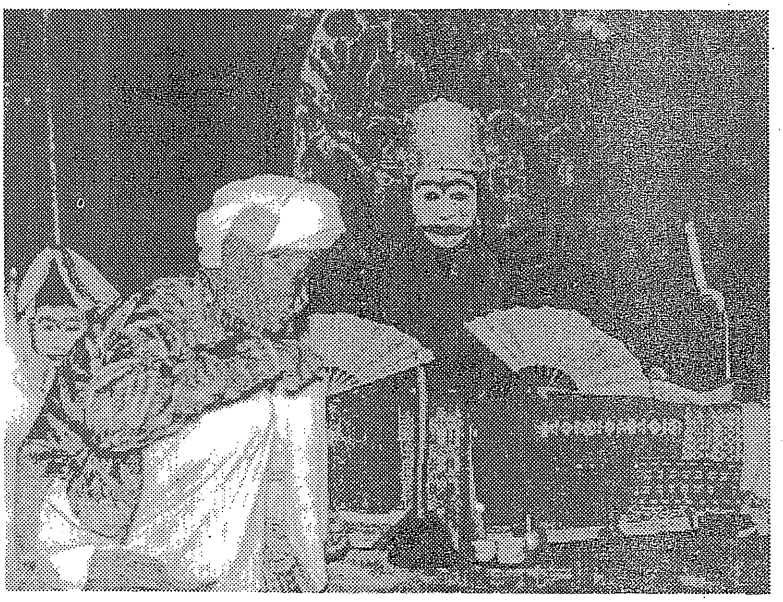

Thầy Cả Po Adhya dâng rượu trước di tượng vua Po Romé

M.Ner cũng cho biết các bô lão Chàm thú nhận khi sang Kampuchéa tổ tiên họ còn theo đạo Bà-la-môn hay chỉ hiểu biết rất ít về Hồi giáo. Chính thương nhân Mã Lai từ đảo Bornéo ghé bến Kampot rồi lập gia đình và cư ngụ tại xứ này, sau đó theo dòng Cửu Long giang

lên Biển-hồ gặp người Chàm và giúp những người này theo Hồi giáo chính thống hơn. G Maspéro cũng tự hỏi phải chăng những người Chàm đi cư ấy chỉ mới theo Hồi giáo sau khi bắt buộc rời khỏi quê hương mà thôi? Vì chính họ, vì muốn cổ xúy tôn giáo mới này, đã hô hào bà con còn ở lại trong nước nên cải đạo. Nhưng họ không đạt được kết quả bao nhiêu nên chỉ có một phần ba dân số theo Hồi giáo? Thực tế cho thấy đối với người Chàm Ba-ni ở Trung Phần thì Hồi giáo đã thất truyền và nhiều nghi thức của đạo Bà-la-môn và Hồi giáo đã ảnh hưởng lẫn nhau trong các cuộc tế lễ của dân chúng địa phương.

Tại tư gia bà Công Chúa Nguyễn Thị Thềm, Giáo sư Nghiêm Thẩm (trái) và Jar Thrang tức Lưu Quý Tân, Trưởng Ty Sắc Tộc tỉnh Bình Thuận (thời VNCH) đang kiểm kê vàng ngọc và phẩm phục của dòng vua cuối cùng Po Saong Nhung Ceng (cuối thế kỷ XIX).

Trái lại người Chàm Hồi giáo ở miền Tây Nam Phần chịu ảnh hưởng của người Mã Lai nhiều hơn: trong nhà họ nói tiếng mẹ đẻ nhưng ra phố hầu hết đàn ông Chàm biết nói tiếng Mã Lai. Nhiều người đã sang học ở trường Hồi giáo Kélantan và đọc sách giảng về giáo lý đạo Hồi in ra tại Mã Lai. Tuy nhiên ảnh hưởng văn hóa Mã cũng thay đổi tùy từng vùng: ở Châu Giang thì rất sâu đậm vì là nơi các nhà trí thức Chàm duy trì và phổ biến tập tục Hồi giáo. Ở Phun Soài cũng còn mạnh, nhưng sang tới Katambong và Ha-bao đã yếu dần. Cuối cùng ở Tam Hội và Đồng Cô-ki thì ảnh hưởng của Mã Lai chỉ còn rất ít.

Tóm lại vì sự giao lưu của hai tôn giáo chính có những quy luật khắt khe là đạo Bà-la-môn và Hồi giáo cùng những tập tục cổ truyền của vùng nông nghiệp gió mùa nên trong nội bộ dân Chàm có thể còn nhiều sự mâu thuẫn. Những việc tưởng như nhỏ mọn như kiêng ăn thịt bò của tín đồ Bà-la-môn và kiêng thịt heo của người Hồi giáo đến tập tục mẫu hệ là đàn bà có quyền hỏi chồng và con cái gặp việc khó giải quyết sẽ hỏi ý kiến cậu chứ không hỏi bố... đến việc đàn ông có thể lấy đến bốn vợ của tín đồ Hồi giáo và mỗi ngày bận rộn năm lần cầu nguyện, chưa kể hàng năm tới tháng Ramadan phải nhịn ăn suốt từ sáng đến tối dễ gây trở ngại cho mọi sinh hoạt xã hội! Ngoài ra lòng tư dục "cái chủ quan" là bản chất cố hữu còn đưa mọi người đi xa hơn nữa mà quên mất cả cộng đồng, quên cả hiện tại như Lộ Trung Cân đã nhắc tới trong bài "Xin hãy chấm dứt" đăng trong tập san *Champaka* số 1 vừa qua.●

Tài liệu tham khảo

1. G Maspéro, *Le Royaume du Champa*, Paris et Bruxelles, 1928.

2. Nghiêm Thẩm, *Tôn giáo của người Chàm tại Việt Nam*, Quê Hương số 32 tháng 2-1962.

3. Jean Yves Clayes, *Introduction à l'Etude de l'Annam et du Champa*, BAVH số 1 - 2, 1934.

4. J Leuba, *Les Chams d'Autrefois et d'Aujourd'hui*, Revue Indochinoise số 11 - 12, 1915.

5. A Cabaton, *Nouvelle Recherches Sur les Chams*, Pub de l'EFEO Vol 2, 1901.

6. M Ner, *Les Musulmans de l'Indochine Francaise*, BEFEO, T-XLI, 1941.

7. P.B Lafont, *Contribution à l'Étude des Structures Sociales des Chams du Vietnam*, BEFEO T.LII, Fasc 1, 1964.

8. J.P Roux, *L'Islam en Asie*, Paris: Payot 1958.

9. G Oliver, *Anthropologie des Cambodgiens*, Pub hors série de l'EFO, Paris 1968.

10. Nguyễn Văn Luận, *Người Chàm Hồi giáo miền Tây Nam Phần Việt Nam*, Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên, 1974.

NHỮNG KHI BƯỚM LƯỢN...

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Khi Henri Poincaré chết vào tháng Bẩy năm 1912 thế giới mất nhà bác học cuối cùng, theo đúng nghĩa dùng quen thuộc của chữ "savant," vì ông là người thông quán nhiều ngành: toán, vật lý, thiên văn, văn học. Riêng về toán, ông nghiên cứu cả toán thuần túy lẫn toán áp dụng. Ông để lại gần năm trăm bài viết về toán mới lạ và chừng ba mươi cuốn sách.

Trong bài viết này, tôi sẽ chỉ nhắc đến một công trình khảo cứu của ông, một câu chuyện có liên quan đến loài bướm. Tuy nhiên xin độc giả chớ đọc quá nhiều qua tên của bài viết, nhất là xin đừng nghĩ bài viết có liên hệ đến loài ong!

Năm 1887 vua Oscar II của Thụy Điển treo một giải thưởng 2500 crowns cho ai có thể trả lời được câu hỏi: "Thái dương hệ có là một hệ thống bền không?" Lẽ tự nhiên ta khó mà thay đổi được gì nếu thái dương hệ không bền. Nhưng con người là con người, một cây sậy có tư tưởng, tất nhiên ta muốn tìm cho biết.

Hãy thử tưởng tượng một buổi sáng chủ nhật trọng hạ, bạn thức dậy cảm thấy mát hơn thường lệ, rồi con gái bạn mang vào cho bạn tờ báo. Ngay trang đầu, với một khổ chữ lớn, tờ báo loan tin quỹ đạo của trái đất đã thay đổi trong đêm vì một biến động nào đó trong thái dương hệ. Trong khi bạn ngủ qua đêm, trái đất đã đi xa mặt trời chừng nửa triệu cây số.

Tin mừng ở chỗ quỹ đạo mới không là một hình pa-ra-bôn, vì trong trường hợp này trái đất đã bắt tay từ giã thái dương hệ để mãi mãi ra đi. Tin buồn ở chỗ quỹ đạo cũ đã biến dạng; quỹ đạo mới là một hình bầu dục rất dài, giống như quỹ đạo một số sao chổi. Các nhà thiên văn tính ra chu kỳ mới của trái đất tương đương với 1025 năm hiện tại. Vì tốc độ quay của trái đất không thay đổi, một năm mới của trái đất sẽ có tới 1025x365 = 374 125 ngày.

Mùa đông trở nên rất dài, vào những ngày trọng đông khi trái đất xa mặt trời nhất mọi vật đều đông đặc cứng, đến nỗi ngay cả những phân tử không khí cũng không lay động nhiều, không khí thường ở thể lỏng và có khi ở thể đặc. Càng ngày càng lạnh, nhân loại sẽ phải đợi chừng một ngàn năm (cũ) nữa trái đất mới trở lại vùng trời ấm áp này và ở đó cũng chẳng được lâu.

Poincaré viết một bài dài 270 trang với đầu đề "Về bài toán gồm ba cố thể và phương trình của động học" (1). Tại sao phải có ba cố thể? Một bài toán gồm hai cố thể, như mặt trời và trái đất, đã được giải hoàn toàn bởi Newton từ hơn hai thế kỷ. Bài giải của bài toán có đặc tính tuần hoàn, xuân qua thì hạ tới, năm này qua năm khác, ta nói hệ thống như vậy bền.

Thái dương hệ có nhiều hơn hai cố thể, ngoài trái đất còn có nhiều hành tinh khác, hơn nữa mỗi hành tinh lại có thể có những mặt trăng riêng của nó, liệu thái dương hệ có thể bền trong trường hợp này không? Giản dị nhất là ta khảo sát trước hết bài toán gồm ba cố thể.

Tuy nhiên đi từ bài toán gồm hai cố thể sang bài toán gồm ba cố thể không giống như chuyện thêm bát thêm đũa. Để có một thí dụ, nó không giản dị như thêm một phương trình và một ẩn số cho một hệ thống gồm hai phương trình hai ẩn số để có một hệ thống gồm ba phương trình ba ẩn số, bài toán ta thường giải ở trung học. Poincaré không giải được bài toán gồm ba cố thể tương tự như Newton đã giải bài toán gồm hai cố thể.

Poincaré không trả lời được câu hỏi của vua Oscar II, tuy vậy bài viết của ông thừa đủ độc đáo và quan trọng nên ông vẫn được giải thưởng. Đáng nhẽ trả lời trực tiếp câu hỏi, ông nhìn bài toán dưới một khía cạnh khác và đặt nền tảng cho sự phát triển của một môn hình học mới gọi là tô-pô (topology) (2), đôi khi còn gọi là "hình học màng cao su" (rubber sheet geometry).

Ta có thể nhìn công trình khảo cứu của

Poincaré như là một vấn đề vật lý hay là một vấn đề toán học, cách nào cũng được và cách nào thì đó cũng là điểm bắt đầu cho một ngành học quan trọng mới.

Vào cuối thế kỷ thứ mười chín, đầu thế kỷ thứ hai mươi những thành công của vật lý đã có lúc khiến các nhà vật lý lo sợ là hết việc (3). Thật vậy, nhiều hoạt động về vật lý cho ta cảm tưởng là tất cả những gì căn bản đều đã được khám phá. Công việc khảo cứu gần như chỉ là sắp đặt lại cho gọn ghẽ những điều đã biết hay giải quyết một số chi tiết. Nhưng đó chỉ là một thiên đường giả bởi hai sự kiện quan trọng đã xảy ra, thứ nhất là những khám phá dẫn đến một thứ cơ học mới, gọi là cơ học nguyên lượng và thứ hai là thuyết tương đối, một lý thuyết chính Poincaré cũng có phần đóng góp.

Trong thời gian hơn hai trăm năm, sau khi Newton khám phá những định luật về động học vào năm 1666, định luật của ông được dùng để cắt nghĩa rất nhiều hiện tượng vô cùng khác biệt đến nỗi giữa thế kỷ thứ mười chín ta khó mà tưởng tượng được định luật của ông có thể sai. Tuy vậy những định luật về động học này không thể áp dụng cho ánh sáng, coi ánh sáng gồm những hạt nhìn theo cách nhìn của Newton. Ta phải đợi đến giữa thế kỷ thứ 19 khi Maxwell cắt nghĩa ánh sáng chỉ là một hiện tượng điện từ.

Với công trình khảo cứu của Maxwell mà tầm quan trọng tương đượng với công trình của Newton, thế giới khoa học có thể coi như là yên ổn. Được chừng ba mươi năm! Những phát minh dồn dập đầu thế kỷ thứ 20 cho ta thấy lý thuyết điện từ của Maxwell thích ứng tương đối dễ dàng với những lý thuyết mới. Còn động học của Newton chỉ đúng khi áp dụng cho những vật có cỡ lớn trung bình, chuyển động với tốc độ không quá nhanh, và ở trong trọng trường không quá mạnh.

Một chất điểm chuyển động với tốc độ có thể so sánh (4) với tốc độ của ánh sáng hay ở trong một trọng trường mạnh thuộc phạm vi của thuyết tương đối. Những chất điểm có kích thước của những hạt cơ bản như hạt âm điện, dương điện hay nguyên tử, phân tử thuộc phạm vi của cơ học nguyên lượng.

Thuyết tương đối và cơ học nguyên lượng, nhất là cơ học nguyên lượng, đã khiến những nhà nghiên cứu vật lý rất bận rộn hơn nửa thế kỷ. Bài toán bắt đầu bởi Poincaré, được khảo cứu cặn kẽ bởi những nhà toán học, đã làm một bước tiến rất dài về phương diện toán học. Còn về phương diện vật lý nó có một giấc ngủ tương đối bình yên khá lâu.

Thành ngữ tiếng Anh có câu "chắc chắn như ngày tiếp theo đêm," nhân loại ngủ dậy mặt trời vẫn còn đó, thái dương hệ bền hay không bền không là một vấn đề cấp bách. Trong thời gian này, vật lý học trở nên một vùng đất mầu mỡ, rất nhiều phát minh sôi nổi, rất nhiều hiện tượng vật lý được cắt nghĩa một cách chính xác, phù hợp với thí nghiệm đến bốn, năm số lẻ.

Là một sinh viên bạn ngồi làm tính vật lý, thí dụ tính tỉ nhiệt (specific heat) của phân tử khí gồm hai nguyên tử (diatomic molecules), bạn thấy đường biểu diễn của tỉ nhiệt từ từ hiện ra, phù hợp với thí nghiệm từng điểm một. Từ một hoan lạc khó tả của kẻ lập lại có lẽ bạn có thể suy rộng, cảm thấy được sự say sưa, niềm hạnh phúc vô biên của những người đi trước, người đầu tiên đã xây dựng lý thuyết, đã vẽ đường biểu diễn đó từ non nửa thế kỷ trước. Đó là những nghệ sĩ bậc nhất. Thực vậy, những sáng tạo của họ có một vẻ đẹp thanh lịch, khó thể tả hết bằng lời, tương tự và cùng tính chất với những bản nhạc lớn ngoại hạng hay những bức tranh vô giá.

Tôi đi hơi xa, xin trở lại vấn đề. Gauss là một nhà toán học có một bộ óc rất phong phú nhưng không xuất bản nhiều, châm ngôn của ông, "ít, nhưng chín" (few, but ripe), trong sổ tay không xuất bản của ông có ghi nhiều vấn đề ông đã nghĩ tới và sẽ làm rạng danh nhiều nhà toán học thế hệ sau như Abel, Jacobi, Riemann v.v. Poincaré, trái lại, xuất bản liên miên, vui chơi như một con bướm (hai tiếng "con bướm" dùng cố tình) bay lượn từ hoa này qua hoa khác.

Trong cuốn *Men of Mathematics,* giáo sư E.T. Bell viết: Nhưng mà khoa học được cho đầy đủ, một người với thiên tài của Poincaré có quyền có sở thích riêng của mình (But science got enough, and a man of Poincaré's genius is entitled to his hobbies.) Sau bài viết về ba cố thể, Poincaré viết bộ sách lớn gồm ba cuốn "Những Phương Pháp Mới về Cơ Học Thiên Thể" (Les méthodes nouvelles de la mécanique céleste). Tiếp theo đó là bộ sách gồm ba cuốn khác, "Bài Học về Cơ Học Thiên Thể" (Lecons de mécanique céleste) vào khoảng năm 1905-1910.

Ông khảo sát phương diện toán học của nhiều vấn đề vật lý mới. Chính ông là người

rất bận rộn với toán của thuyết tương đối, và là nhà toán học có địa vị vững chãi đầu tiên đã khuyến cáo thế giới khoa học về Einstein và sự quan trọng của thuyết tương đối. Có lẽ ông chết hơi sớm quá khi cơ học nguyên lượng mới bắt đầu bén rễ.

Ta thường chia loại những phương trình hay gặp trong khoa học hoặc có tính thẳng (linear) (5) hoặc không có tính thẳng (nonlinear). Trong phạm vi bài viết này, định nghĩa danh từ chuyên môn "có tính thẳng" hay làm thế nào để nhận biết một phương trình có tính thẳng, đó không là một điều cần thiết. Chỉ cần biết rằng với phương trình có tính thẳng ta có thể giải tương đối khá dễ dàng, thường không cần dùng máy điện toán. Hơn nữa bài giải của loại phương trình này thường có thể được tóm tắt bằng một công thức. Trái lại, những phương trình không có tính thẳng thường rất khó giải nếu không dùng máy điện toán. (Chia loại như vậy cho tiện việc mặc dầu rất vô lý. Như nhà toán học Ian Stewart nói, cách chia loại này tương tự như chia loại động vật ra làm hai: loại có da dầy - như voi - và loại không có da dầy).

Động học của Newton đưa đến hầu hết phương trình không có tính thẳng (đôi khi cũng có phương trình có tính thẳng). Bài toán của Newton gồm hai cố thể (như trái đất và mặt trăng) được giải khá dễ dàng tuy bài toán này không có tính thẳng. Bài toán ba cố thể của Poincaré không có tính thẳng. Ngoài sự khó khăn trong việc giải, bài toán ba cố thể của Poincaré còn làm rung động một cách rất sâu sắc khía cạnh khác của khoa học.

Thường thường những định luật khoa học được diễn tả bằng những phương trình mà ta có thể giải với bất cứ độ chính xác nào ta muốn. Trong thực tế độ chính xác này chỉ bị hạn chế bởi những phương tiện ta có như thời giờ, tài chánh.

Ta có thể giản dị hóa bài toán bằng cách bỏ bớt những yếu tố mà ta nghĩ có ít ảnh hưởng trong bài toán. Thí dụ như khảo sát sự rơi tự do của một vật nặng trong một khoảng cách ngắn, ta loại bỏ sức cản của không khí. Một cách giản dị hóa khác là tìm cách đổi bài toán thành một bài toán có tính thẳng cho dễ giải hơn. Một thí dụ điển hình là bài toán về quả lắc mà ta học ở trung học, bài toán này khó giải nếu không được đổi thành một bài toán có tính thẳng.

Tất nhiên trong việc giản dị hóa bài toán ta phải cẩn thận vì có khi giản dị hóa để có được bài giải đúng cho phương trình nhưng ta đã làm nhầm bài toán! Ta không đòi hỏi khoa học phải cho ta một câu trả lời hoàn toàn tuyệt mỹ, ta chỉ muốn một câu trả lời đủ tốt với phương tiện ta có.

CỔ NGƯ

ĐÊM THÁNG TƯ

Đêm nay, đêm ba mươi tháng Tư, anh đi giữa Sài Gòn không giới nghiêm, có người cười vui, sao anh cười lặng lẽ, và anh sẽ đi, để nghe, để nhìn, để lại cười lặng lẽ, cười thiên hạ, cười mình, cười những kẻ không-giống-ai-không-ai-giống, và anh sẽ cười mãi cho da thịt khô đi, ruột gan cứng lại và nụ cười trơ ra, hóa đá.

Em đã nghĩ gì sáng, trưa, chiều, tối và đêm nay, đêm mịt mù của những đêm địa ngục, và em có khóc cho quê hương cách biển ngăn sông nghìn trùng vời vợi, khóc cho người thân kẻ còn kẻ mất, cho bạn bè thất tán mười phương, khóc cho riêng em tiếc thời thơ dại, khóc cho những ai chung một mẹ Việt Nam?

Và em có nạm nước mắt lên trời thành trăng thành sao soi đường cho anh đi tới, để nụ cười anh rồi sẽ bay lên thành mưa làm cỏ cây nảy mầm từ đá, từ bùn lầy thất vọng và sa mạc hoang mang, để nước mắt em chỉ còn phải đổ xuống mừng những mùa vàng lúa chín, gọi từng đàn chim viễn xứ sớm trở về...

Saigon 30-4-85

Giản dị hóa hay không, trong việc tìm lời giải cho bài toán ta chấp nhận một nguyên tắc rất căn bản về sự gần đúng trong đo lường và tính toán, đó là một sai lầm nhỏ lúc bắt đầu sẽ chỉ đưa đến một sai lầm nhỏ trong kết quả. Thật vậy, nếu một sai lầm nhỏ lúc bắt đầu đưa đến một sai lầm lớn trong kết quả thì ta không thể nào làm khoa học được; vì ta không thể tiên đoán, ta không thể làm thí nghiệm để kiểm chứng.

Với những kết quả ông đã nhìn thấy từ trong bài viết từ năm 1890, Poincaré viết cho đại chúng trong cuốn *Khoa Học và Phương Pháp* (Science et méthode) những giòng dưới đây vào năm 1903.

"Nếu ta biết một cách chính xác định luật của thiên nhiên và trạng thái của vũ trụ vào lúc đầu (6), ta sẽ có thể tiên đoán một cách chính xác trạng thái của vũ trụ vào những lúc tiếp. Nhưng ngay trong trường hợp những định luật của thiên nhiên không còn là điều bí mật, chúng ta cũng chỉ có thể biết một cách phỏng chừng trạng thái lúc đầu. Nếu trạng thái lúc đầu đó cho phép ta tiên đoán trạng thái tiếp sau với cùng một cách phỏng chừng, và đó là tất cả những điều ta muốn, ta sẽ nói hiện tượng đã được tiên đoán, hiện tượng được chi phối bởi định luật. Nhưng không phải bao giờ cũng như vậy; điều có thể xẩy ra là sự khác biệt rất nhỏ trong điều kiện lúc đầu sẽ đem lại sự khác biệt rất lớn ở hiện tượng cuối cùng. *Một sai lầm nhỏ về điều kiện lúc đầu sẽ tạo nên một sai lầm cực lớn ở kết quả về sau.* Tiên đoán trở nên điều không thể làm được, và ta có một hiện tượng ngẫu nhiên." (Chữ viết nghiêng trong đoạn trích trên do tôi thêm).

Nhìn lại, ta thấy nhận xét của Poincaré thật thâm thúy. Vì ta không bao giờ biết được trạng thái lúc đầu chính xác như ta muốn, hiện tượng về sau thật khó mà tiên đoán. Vì nếu không, lấy việc tiên đoán thời tiết chẳng hạn, ta chỉ việc thu thập và tàng trữ những điều kiện về khí tượng cùng thời tiết tương ứng; một thời gian nào đó sau khi có một kho tài liệu thật phong phú ta sẽ có thể ung dung ngồi tiên đoán thời tiết bằng cách giống như tra tự vị!

Poincaré đã đi trước thời ông chừng bẩy mươi năm. Như trên đã nói, vật lý bận rộn về những vấn đề khác cho mãi đến năm 1963 Edward Lorenz, một giáo sư khí tượng ở Massachusetts Institute of Technology, cho xuất bản một bài khảo cứu có nhan đề Giòng Chảy Tiên Định Không Tuần Hoàn (Deterministic Nonperiodic Flow). Đây là một bài toán vật lý nghiên cứu sự biến động của khí quyển, một mẫu rất giản dị về khí tượng. Ông cho đăng bài viết trong một tập san về khí tượng (do đấy nó nằm ngủ thêm chừng mươi năm nữa.)

Trong bài này, Lorenz giải một hệ thống phương trình vi phân (không có tính thẳng) với máy tính thô sơ của thập niên 60 và cho bài giải in ra dưới dạng một đường biểu diễn. Một lần muốn tiết kiệm thì giờ máy chạy, Lorenz bắt đầu ở nửa chừng, dùng trị số đã in ra ở giữa lần chạy cũ làm số bắt đầu, nghĩ rằng bài giải sẽ lập lại nửa cuối đường biểu diễn cũ trước khi tiếp tục tính thêm những số mới. Sau khi cho máy chạy, Lorenz bỏ đi uống cà phê. Chừng một giờ sau, khi trở lại, ông ngạc nhiên thấy máy tính không lập lại nửa cuối của đường biểu diễn. Thoạt tiên ông nghĩ có lẽ tại máy tính hỏng, có lẽ một vài bóng đèn chân không bị cháy. Quan sát kỹ hơn, ông thấy hai đường biểu diễn cũ và mới bắt đầu ở cùng một điểm nhưng rồi từ từ rẽ rất khác nhau, càng về sau thì càng không giống gì nhau nữa. Lorenz suy nghiệm ra rằng tất cả là chỉ tại điều kiện lúc đầu: những con số giữ trong máy được giữ với sáu số lẻ, con số ông in ra chỉ có ba số lẻ và đó là con số ông đã dùng (thí dụ số giữ trong máy là 0.506127, số in trên giấy là 0.506 được Lorenz dùng cho lần chạy sau.)

Vì đây là một nghiên cứu vật lý về khí tượng, kết luận hiển nhiên là có lẽ ta có thể tiên đoán thời tiết cho vài ngày tới nhưng ta làm sao mà tiên đoán nổi thời tiết cho tháng tới, hai tháng tới. Phương trình mẫu Lorenz dùng đã được giản dị hóa đến cùng cực, vậy mà với điều kiện lúc đầu chỉ khác biệt ở phần nghìn đã đưa đến những hậu quả không lường được. Phương trình cho khí tượng thực có nhiều biến số, rắc rối hơn nhiều, với những điều kiện lúc đầu như chiều gió, sự thay đổi năng lượng đến tự mặt trời, độ ẩm trong không khí, v.v. Ta làm sao đo cho thật chính xác những điều kiện lúc đầu này, và chính xác là bao nhiêu. Bạn đọc có thể tưởng tượng dùng quả cầu thủy tinh của mấy bà thầy bói để tiên đoán thời tiết cho tháng tới hay hai tháng tới cũng chưa chắc đã tệ hơn.

Lorenz cho tính chất này một cái tên rất hay là "tác dụng cánh bướm" - the butterfly effect - ý nói một con bướm vẫy cánh ngày

hôm nay ở Texas có thể gây ra giông bão ở Brazil trong tháng tới. Tác dụng cánh bướm đi liền với những bài toán không có tính thẳng đến khá bất ngờ, thế giới vật lý không thật sự được chuẩn bị tinh thần kịp để đón nhận. Tính chất này mang tên hỗn độn (chaos), và sự khảo sát tính chất này thuộc một ngành học mới gọi là hỗn độn tiên định (deterministic chaos) hay là động học không có tính thẳng (nonlinear dynamics.)

Như tiếng Anh nói, phần còn lại là lịch sử. Vật lý trở lại với Poincaré, ông được coi là người đầu tiên xét đến sự hỗn độn trong một hệ thống tiên định. Cách đây không lâu người ta dịch ra tiếng Anh và in lại một bộ sách về cơ học thiên thể của ông.

Cũng phải nói thêm là không phải tất cả những phương trình không có tính thẳng đều có tính chất hỗn độn. Và không phải tất cả những phương trình có tính chất hỗn độn luôn luôn trưng bầy tính chất đó trong mọi điều kiện. Hơn nữa tính chất hỗn độn không phải chỉ giới hạn trong hệ thống động học.

Những hiện tượng khác có mang tính chất hỗn độn ta có thể kể nhịp đập không đều của trái tim, sự lan tràn của một bệnh truyền nhiễm, một số hiện tượng trong môi sinh thí dụ như sự thay đổi dân số của một chủng loại trong một môi trường nào đó, v.v.

Ngày nay hàng năm có nhiều hội nghị quốc tế về khoa học không có tính thẳng (nonlinear science.) Nói tóm lại hỗn độn hình như có mặt ở khắp mọi lãnh vực và là một hiện tượng tổng quát hơn ta biết. Trong niên kỷ 2000, hỗn độn và khoa học không có tính thẳng sẽ còn là một ngành nghiên cứu quan trọng và sẽ còn làm các nhà khoa học bận rộn trong nhiều năm (may quá, chưa hết việc!)

Có mấy cuốn sách phổ thông tôi thấy rất hay và dễ hiểu, tôi liệt kê ở đây để nếu bạn đọc nào muốn thì đọc thêm. Cuốn *Does God Play Dice?* của Ian Stewart đọc rất vui, có một chương dùng tô-pô (không có tính toán nhưng vô cùng chính xác) để tìm hiểu quả lắc rất hay tôi nghĩ ai chịu khó đọc cũng có thể hiểu được. Cuốn *Chaos, Making of a New Science* của James Gleick rất phổ thông, một hồi là best-seller, viết cho mọi tầng lớp độc giả. Cả hai cuốn đều bàn về tính chất hỗn độn và những liên hệ trong nhiều lãnh vực khác.

Đến đây xin cho tôi mở một dấu ngoặc, James Gleick trong cuốn Chaos có nhắc đến tên Joseph Ford nhiều lần. Một mùa hè đầu thập niên 60 tôi có dịp theo một lớp Special Problem có tín chỉ với giáo sư Ford. Thường thường những lớp một thầy một trò này là để sửa soạn và tìm hiểu để dẫn đến luận án. Vấn đề ông cho hồi đó là một hệ thống kết hợp gồm hai quả lắc và khảo sát sự phân chia năng lượng giữa hai quả lắc này. Một trong những bài tôi phải đọc trước là một bài viết của nhà toán học Nga Aleksandr M. Liapunov.

Đó là một bài toán không có tính thẳng. Muốn khảo sát sự phân chia năng lượng giữa hai quả lắc thì chỉ có một cách là tính. Mà phải tính bằng máy điện toán. Đầu thập niên 60, viết chương trình cho máy điện toán và cho máy chạy là một điều vô cùng lách cách. Hơn nữa ít khi tôi ngồi qua được một giờ học ngôn ngữ Algol cho máy điện toán mà không ngủ gật. Vì vậy, sau khi đọc kỹ bài của Liapunov đã hiểu những gì cần hiểu và đã thu gọn các phương trình để sẵn sàng cho việc tính, tôi trình bầy khó khăn của tôi với giáo sư Ford. Ông hỏi muốn làm gì, tôi trả lời là tôi định làm về vật lý hạt nhân. Qua ánh mắt của ông tôi có thể đọc được những điều ông nghĩ: mấy tên thế giới thứ ba chỉ lăm le làm "Bom". Tôi không bao giờ có tư tưởng làm bom, nhưng với vốn liếng tiếng Anh của tôi hồi đó, cắt nghĩa hết được những điều định nói thật lôi thôi quá. Với hứng thú tôi có bây giờ khi đọc về mấy thứ này, có lẽ tôi nên tiếp tục với giáo sư Ford. Tôi biết tôi sẽ không ngần ngại ôm hai ba ki-lô các điện toán (7) như bạn cùng học với tôi, hàng ngày đi làm tính về hệ thống quả lắc.

Vẫn chưa hết, chỉ mấy năm sau đó tôi ngồi suốt đêm giải bài toán có trị số đặc sắc (eigenvalue problem) cho một bài viết (trong đó phải giải một phương trình có bậc rất cao) bằng tay, với sự trợ giúp của một máy tính cơ động. Luôn luôn mắc lỗi, máy tính chạy đi chạy lại lạch cạch vang trong hành lang khiến anh bạn đồng nghiệp buồng bên sốt ruột ném cho cuốn ngôn ngữ Fortran. Từ đó tôi biết dùng máy điện toán. Nếu bây giờ phải viết lại bài viết này, tôi chắc sẽ nhanh hơn nhiều. Tháng trước một anh bạn chỉ cho tôi một software giải bài toán có trị số đặc sắc, tìm bảng số đảo nghịch của bảng số 10x10 trong nháy mắt. Đáng lẽ ngồi suốt đêm bây giờ chỉ cần đủ thì giờ đánh máy 100 con số vào máy tính!

À, còn thái dương hệ có là một hệ thống bền không, bạn đọc cứ đi ngủ khỏi lo. Nếu vì

một biến động nào đó trong thái dương hệ đến nỗi quỹ đạo mới của trái đất trở thành một hình bầu dục rất dài, chắc bạn không ngủ yên qua đêm như vậy được đâu. Dào, ai hơi đâu mà lo "bò trắng răng," nếu thái dương hệ là một hệ thống không bền thì đã có con cháu mình lo. Chúng giỏi hơn mình nhiều, tôi biết con tôi giỏi hơn tôi nhiều. Bởi lẽ mọi sự lớn nhỏ mỗi khi đề cập tới tôi đều được trả lời bằng một câu, hoặc gọn "I know!" hoặc dài hơn "Bé biiếết rồi!" và câu chuyện được coi như đã hoàn toàn giải quyết.

Aylmer 05-11-1998

Chú Thích:

1. Poincaré, Henri J. - *Sur le problème des trois corps et les équations de la dynamique.* Acta Math. 13 (1890), 1-270.

2. Theo cuốn tự vị tôi có, chữ "topology" được dịch là "địa thế học", nhưng danh từ này không phải là một danh từ toán. Nhân tiện tôi kể chuyện vui dưới đây, đó cũng là một bài học về ngôn ngữ.

Tôi có anh bạn học cùng lớp, người Trung Hoa. Một hôm nhân nói chuyện ngôn ngữ anh đưa cây bút nguyên tử và hỏi tôi tiếng Việt gọi là gì. Tôi biết ngay lý do, liền trả lời tiếng Việt gọi là "bút bi." Anh hỏi tiếp có biết tiếng Tầu gọi là gì không? Tôi trả lời, "atomic pen." Anh tấm tắc khen tôi "erudite." Tôi khiêm nhượng nhận lời khen. Tất nhiên tôi không nói cho bạn tôi hay chữ "bút bi" tôi bịa ra hôm đó là nửa Tầu nửa Tây. Cho bõ ghét, một lần anh đề nghị sát nhập Trung Hoa và Việt Nam thành một nước gọi tên chung là... Việt Nam.

Nếu tôi nhớ không nhầm, bút nguyên tử xuất hiện ở Á Châu và Việt Nam vào cuối Đại Chiến Thứ Hai, đúng lúc Hoa Kỳ bỏ bom nguyên tử xuống Hiroshima. Báo Tầu bèn gọi nó là bút nguyên tử, còn báo Việt, hoặc vì lười hoặc vì thiếu óc tưởng tượng, cũng gọi là bút nguyên tử luôn. Ngôn ngữ chẳng qua chỉ là quy ước, dùng chữ "tô-pô" cho "topology" nghe cũng được lắm!

3. Năm 1928 sau khi P.A.M. Dirac viết và giải phương trình tiên đoán sự hiện hữu của hạt dương điện (positron), Max Born - một nhà bác học có giải Nobel khác - tuyên bố vật lý lý thuyết sẽ không còn gì để tìm kiếm trong vòng sáu tháng nữa. Gần cuối thế kỷ các nhà vật lý lại lo sợ hết việc, xin đọc bài nói chuyện của Stephen Hawking nhan đề "Is the End in Sight for Theoretical Physics?" (1980)

4. Theo cuốn tự vị tôi có, chữ "linear" được dịch là "có liên hệ tới đường thẳng," một vài bạn cho tôi biết chữ này được dịch là "có tuyến tính." Tôi nghĩ "có tuyến tính," nếu chưa được thông dụng (xin đọc chú thích số 2 về "tô pô" ở trên), thì dùng "có tính thẳng" hay hơn. "Có tính thẳng" tuy hơi "mách qué" nhưng hơn "có tuyến tính" ở chỗ nó chứa thêm được chữ "thẳng."

5. Có thể so sánh - comparable. Cụm chữ này dùng theo nghĩa "có cùng một độ lớn" (same order of magnitude); thí dụ tốc độ của một vệ tinh như trái đất không thể so sánh với tốc độ của ánh sáng, trái lại tốc độ của những hạt cơ bản trong vũ trụ tuyến (cosmic rays) có thể so sánh với tốc độ của ánh sáng.

6. Danh từ "lúc đầu" dùng ở đây không định chỉ lúc bắt đầu của vũ trụ, mà chỉ là một thời điểm nào đó được chọn là lúc đầu (initial conditions) trong một bài toán. Một hệ thống tuân theo một định luật nhất định, nếu ta biết trạng thái của hệ thống vào lúc đầu ta sẽ biết trạng thái của hệ thống vào lúc tiếp theo.

7. Cho đến đầu thập niên 80 hãy còn phải "punch" các cho máy điện toán.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

VẤN ĐỀ TRỌNG ĐẠI NHẤT CỦA NGHÌN NĂM TỚI

NGUY CƠ VÀ HỨA HẸN

TRẦN NGỌC NINH

(Tiếp theo)

LỊCH SỬ ĐAU THƯƠNG CỦA THỜI NÔNG NGHIỆP

Sự chiếm hữu đất đai và sự tích trữ của cải trong thời nông nghiệp có một điều phiền phức là đòi hỏi một khối lượng lớn trong một thời gian lâu dài.

Nếu thành công thì cái khối lượng cần thiết cho sự khuếch trương và tích trữ tất phải gia tăng theo thời gian. Đất có mở rộng thêm thì mới trồng trọt và chăn nuôi thêm được. Các nhà kho để tích trữ nông sản cũng phải càng ngày càng lớn; sự xây dựng lên cao cũng bị giới hạn chứ không thể vô biên.

Thêm vào đó là vấn đề dân số trong thời nông nghiệp tăng lên nhiều hơn, nhanh hơn, trong thời sự sống còn trông vào những gì sẵn có trong thiên nhiên, chỉ việc hái, bứt, nhặt hay săn bắt là của mình rồi.

Nhưng cái nguy-cơ này còn lâu dài mới đến, nhờ *khoa-học* và *kĩ-thuật*, hai hoạt-động chỉ phát khởi khi nông-nghiệp đã thành tựu.

Sự nảy mầm của một cái gì rất kì diệu nữa gọi là *lương-tâm,* mà không ai hiểu, cũng xảy ra trong đời sống nông-nghiệp. Nó mơ hồ, lạc lõng, không chủ-đích và bị thiên lệch bởi những điều-kiện của sự sống thiên-hình vạn-trạng, có lẽ lại còn bị giam hãm trói buộc trong cái bản-chất sinh-học của con người với một quá khứ sâu đến mấy chục tỉ năm mặt trời từ khi sự sống mới bắt đầu ngọ ngậy đi lên trong tối-tăm mù-mịt. Cái mà ngày xưa gọi là lương-tâm ấy cũng góp phần vào *sự tiến bộ* của con người, mà tôi định nghĩa là sự vươn lên ra khỏi thân phận của loài vật.

Những đóng góp của nông-nghiệp rất vĩ-đại, siêu-việt, mĩ-diệu, thiện-lương, và đúng là quyết định, trong sự tiến-bộ của loài người. Nhưng cái giá phải trả cũng thực là khủng khiếp; nhìn trở lại thấy không khác gì mười tám cửa ngục của Cõi Âm hay chín tầng Địa-Ngục mà Dante đã lướt qua dưới sự hướng dẫn của thi sĩ Virgile. Và đau-khổ hơn nữa là vì tất cả những đau-thương âm-ngục ấy đều là do ta tạo ra cho ta và nếu biết thì có thể tránh được gần hết, và sự tiến-bộ còn lớn hơn, đẹp hơn gấp bội.

Những đau thương này bắt đầu ngay từ lúc nông nghiệp khai sinh và đã tiếp tục không ngừng, chưa hết, cho đến ngày nay.

Nguyên-nhân sâu xa cũng là sự sở-hữu cần-thiết để vào nông- nghiệp, dưới hai hình thức: sự chiếm-hữu đất-đai để sinh-sống cố-thổ và sự tích-trữ của-cải. Hai hành-động này tạo ra những tình- trạng bất ổn dẫn đến bùng nổ, ở những mặt-giữa (*interfaces*) của hai khối văn-hóa khác biệt và giàu nghèo bất-đồng:

1. Mặt-giữa một khối nông-nghiệp cố-định và khối săn-bắt hay du- mục;
2. Mặt-giữa hai khối nông-nghiệp dị-biệt và không đồng trình độ phát triển;
3. Mặt-giữa khối dân canh-tác và khối quyền hành;
4- Mặt-giữa khối dân giàu và khối dân nghèo.

Vì ta chưa quen với danh-từ */mặt-giữa/*, nên tôi tạm dùng từ cũ là */mặt-trận/*, nhưng đây là một mặt trận không bắt buộc phải có chiến-tranh với gươm, đao, giáo, mác, cung, tên, súng, đạn để giết những thằng dân vô-tội bị động viên, mà là một thứ giới- tuyến ngăn cách sự đi lại thông-thương đầu là bằng lời nói và tư- tưởng, với một sự đấu-tranh lạnh âm-thầm liên tục cắt quãng bởi một số chiến cuộc nóng, bùng lên như những đám cháy rừng bên trên cuộc đấu tranh sống còn của các loài vật.

Diện đấu-tranh thứ nhất: Nông-nghiệp cố-thổ và du mục

Sự phát-triển nông-nghiệp xẩy ra ở vài khu vực đặc-cách của mặt đất. Chúng ta chỉ mới biết không được mười khu đất khai sinh của nông-nghiệp. Các đất này không gần nhau và bị ngăn cách bởi những trở ngại địa-lí không nhỏ. Các giống cây và các loài vật được thuần hóa để trồng nuôi không giống nhau từ đất này sang đất kia. Vấn-đề dị-biệt của thủy-thổ và sinh-thái tất-nhiên là rất quan trọng, nhưng mặt khác, những nhận-xét trên làm cho người ta nghĩ rằng trong nhiều trường-hợp, đã có sự nảy-nở độc-lập của sự trồng trọt và sự chăn nuôi ở các vùng nôi của nông-nghiệp.

Các kĩ-thuật canh-tác khác nhau cũng là một lí do nữa để chứng minh rằng sự cách biệt giữa các khu-vực nông-nghiệp tồn tại khá lâu. Ở Trung-Đông sự gieo hạt là phương-pháp chính: lúc đầu cũng còn làm rẫy, nhưng sau rồi hạt lúa mì được rắc ở đồng, rồi vào khoảng năm 3000 TKt, cái cầy được sáng chế ra với một cái lưỡi giống cái lưỡi sẻng. Đàn ông còn phải đi săn nên việc cầy là việc đàn bà. Sau khi thuần hóa được loài bò, thì người ta cột cái cán cầy vào sừng bò để cho nó kéo, còn người đàn bà đi sau dẫm chân lên một cái bàn đạp trên lưỡi cầy cho nó bấm sâu xuống đất. Nhưng với dụng-cụ còn thô sơ như thế, cái cầy chỉ cào được mặt đất và chẳng bao lâu, ở chính Mesopotamia (Lưỡng-Hà-Địa) sự thu-hoạch của nông-nghiệp bị giảm sút, thêm vào là những giặc giã liên-tục, và cả vùng dần dần suy vi. Cái cầy được truyền đi trong một khu-vực rộng ở miền bắc lục-địa Asia-Auropa và được cải tiến trong các thiên-kỉ sau; sự sáng-chế ra cái ách trên cổ bò làm cho việc cầy nhẹ-nhàng hơn và lưỡi cầy đào sâu được vào đất. Ở Auropa, ngựa được dùng thay bò.

Ở miền nam Asia, kĩ-thuật ngả về việc làm vườn, làm tược. Cái cầy đến đây chậm, qua ngả Trung Quốc. Đầu đời Hán, Triệu Đà còn gặp nhiều khó-khăn trong việc mua trâu bò về cho dân làng ruộng, vì Hán Cao-tổ chỉ cho bán trâu bò đực. Lưỡi cầy của ta bằng đồng thau, quá mềm, thua xa lưỡi cầy sắt của Tầu. Cũng như ở hầu hết cõi đông-nam châu Asia, sự làm ruộng cũng như làm vườn còn dùng vồ, cuốc, mai, thuổng, và cái cào, với cái bừa là một thứ cào lớn.

Thêm vào sự sự trồng lúa, phải cấy mạ: bứng cây mạ non từ ruộng mạ sang ruộng lúa là một kỹ-thuật của người làm vườn ươm cây ở chậu trước khi trồng xuống đất. Nếu phân bón và nước nôi không đủ thì sự thu-hoạch sẽ rất kém và không tránh được sự đói. Sự nghèo khổ mở đường cho bệnh tật, giặc-giã và những xâm-lăng từ bên ngoài. Nông-nghiệp đông và nam Asia lại còn bị một cái kém bẩm-sinh nữa, là cọc-cạch hay là què, chỉ có một chân trồng trọt mà mất chân chăn nuôi; trong khi ở Trung-Đông truyền sang Europa, sự nuôi cừu, nuôi bò, nuôi ngựa là một khu kinh-tế riêng biệt rất thịnh-vượng.

Không phải đất nào cũng rộng lượng và cho phép cấy cầy, trồng- trọt. Ra ngoài các khu nông-nghiệp, là những cánh đồng cỏ bát- ngát vạn-năm, mà sự khai khẩn gần như ra ngoài khả năng của con người chỉ có hai bàn tay và con dao phạt cỏ bằng đá mài hay xương loài vật không thể thành ruộng thành vườn được, nhưng là những bãi thả súc vật thì có thể. Những người sinh-trưởng ở đây đã đi săn nhiều đời và hiểu các giống vật của khu-vực hơn ai hết. Họ biết rõ giống nào hiền, giống nào dữ, giống nào có thể khắc phục được, và giống nào dùng được, vào việc gì như những người thợ đá biết thứ đá nào làm được đồ đập, thứ nào làm đồ đẽo, thứ nào làm đồ xẻ da thú và cạo thịt, cạo lông. Chắc chắn rằng họ đã biết bắt bò, bắt ngựa hoang để cưỡi, có lẽ đã cưỡi bò, cưỡi ngựa trần không yên không cương để rượt để săn bò săn ngựa trong cánh đồng không biên giới, và để đùa rỡn với nhau. Chân người Mongolia cưỡi ngựa từ nhỏ nên khoành ra hai bên, như thể là họ sinh ra để quắp giò trên bụng ngựa: họ không đi *bằng* ngựa, bay *bằng* ngựa, họ *"đi ngựa,"* họ *"phóng ngựa,"* họ *"phi ngựa."* Cái ý nuôi ngựa, nuôi bò, nuôi cừu đã đến với họ cùng một thời với cái ý nuôi gà, nuôi lợn và nuôi cây lúa, cây rau với các người ở dưới bờ sông, khi áp lực của sự đông người, đến cùng với những thiên-tai và thay đổi thời-tiết, dồn một giống thú trốn chạy vào gần khu người ở. Họ có thể giết cả đàn cả đống như thường-lệ trong quá-khứ, nhưng giết nhiều quá cũng có điều phiền phức vì nếu không mệt về sự giết thì cũng mệt vì sự dọn xác cho đỡ chướng ngại và hôi thối, và đỡ nạn chó rừng với kên kên. Các con vật về đông quá có thể bị quây tạm lại, rồi chăn chúng đi chỗ này chỗ nọ cho chúng ăn uống. Mỗi ngày ngả ra dăm mươi con để làm thịt ăn và đôi khi dắt ít con xuống dưới đồng bằng đổi chác lấy bột mì, rau, đậu, chà-là (date) hay vải.

Hai nếp sống bổ túc cho nhau và có thể hòa hợp với nhau mãi-mãi với những tranh chấp

nhỏ trong sự đổi-chác rồi buôn-bán.

Nhưng những dị-biệt và chênh-lệch càng ngày càng sâu, càng nặng, càng nhiều.

Những người cố thổ với việc canh tác tiến nhanh trong sự tổ-chức xã-hội và chính-quyền. Họ phân công và chuyên nghiệp, rồi buôn bán càng ngày càng phức tạp. Các làng chỉ còn để ở và làm việc cầy cấy, trồng-trọt, thả cá, nuôi gà, với vài chuyện làm ăn nho nhỏ trong nhà như đan rổ, đan rá, dệt vải, nung gạch, làm phẫu... Thành thị mọc ra để buôn bán, ăn chơi.

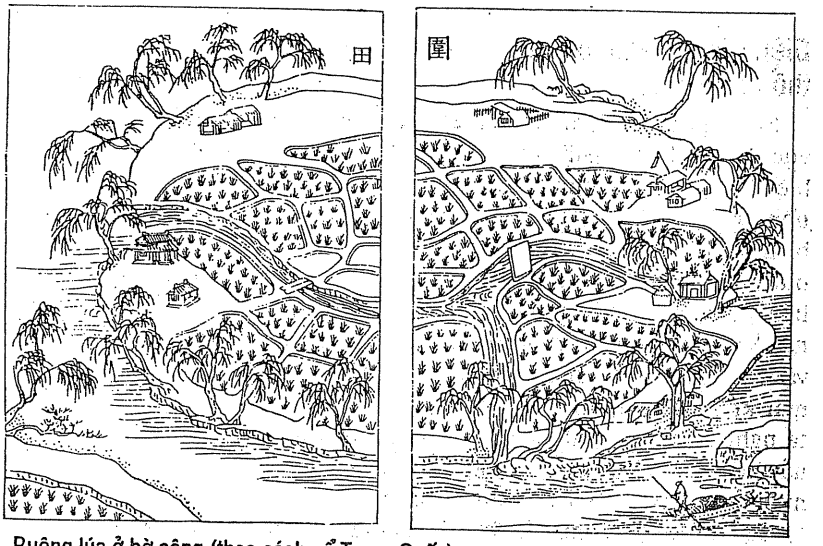

Ruộng lúa ở bờ sông (theo sách cổ Trung Quốc)

Những người làm nghề chăn nuôi còn sống nhiều với thiên-nhiên. Họ tự-do, ngang-tàng trong một không-gian vô-biên, với một mặt trời ban ngày và ban đêm chỉ có một ngôi sao. Làm du-mục thì không bị buộc vào một nơi nào nhất-định, ngoài những chỗ mà tùy mùa, mình chọn cho đàn cừu hay đàn bò của mình. Khác người nông-dân cố-thổ nhìn thấy vật gì cũng có cái "linh" và chỗ nào cũng có "thần," người du-mục hướng về một thần, chỉ có sợ một thần, có mặt ở khắp nơi, thông suốt, toàn năng, sáng tạo ra vạn vật.

Và họ khỏe, họ nhanh, họ lại nghèo.

Họ sống tản-mác, đến đâu cắm lều ở đó. Tùy theo địa-lí, họ làm thành những khối với những tên xưng khác nhau, những biểu-tượng và dấu hiệu khác nhau, với những nhân-sinh-quan riêng, hợp với tín-ngưỡng của bộ-lạc hay siêu-bộ-lạc. Nhưng không tổ chức, không tôn-ti. Giống như cát, giống như cỏ, riêng rẽ, không dính nhau. Ai tổ chức được dân du-mục, người ấy là chúa-tể của thiên-hạ. Không lâu: một đời hay vài đời, xong rồi lại tan rã, cát lại trở về là cát.

Nhưng có một định-lệ xã-hội. Là nếu dân du- mục xâm lăng một vùng nông-nghiệp canh-tác, họ có thể thắng và chinh phục vùng đất ấy một cách nhanh-chóng với sự chỉ-huy của người lãnh-tụ đã tổ chức được họ để đắt họ vào những phiêu-lưu võ-trang lớn rộng. Nếu họ đánh giết và phá phách rồi rút đi thì chỉ để lại một sự kinh hoàng khó phai trong trí óc của những nông-dân còn sống sót. Như Attila và những đàn quân Hung-nô đã từ Bắc-Asia tràn qua những cánh đồng bát-ngát của Russia, Trung-Âu sang đến Pháp và đến cửa ngõ của Roma "không để lại một ngọn cỏ dưới gót ngựa" (434-453). Nhưng nếu họ ở lại để thụ hưởng sự giàu-có yên-ổn của nông-nghiệp canh-tác, như Genghis Khan (Thành-cát-tư Hãn), Kubilai Khan (Hốt-tất-liệt Hãn), Tamerlan (Timur-i-Lang) thì dân họ sẽ bị đồng hóa và hấp thụ bởi khối nông-nghiệp. Nhu thắng cương, như người Trung Hoa nói. Kiên-trì thắng dũng-mãnh nếu ta nói bằng ngôn-ngữ đời nay. Thi sĩ Anh S.T. Coleridge (1772-1834) có viết ra trong một giấc mơ một bài thơ tuyệt-tác lạ-lùng, có một không hai trong lịch-sử văn-chương, về cái mộng của Kubilai Khan về một thành-phố tên là Xanadu, một thành-phố bay với tất cả những gì quí báu nhất, lộng lẫy nhất, huy-hoàng nhất, cung điện, vườn hoa, châu ngọc, đèn lồng, gái đẹp của khắp mọi nơi trên thế-giới, đi theo ông ta khi ông cầm quân đi viễn-chinh. Coleridge bị cắt ngang giấc mộng và bài thơ ở tình trạng dở dang vĩnh cửu. Giấc mộng của Kubilai cũng vĩnh viễn không thành! Kubilai là Đại-Hãn đã dẫn quân Mongolia chinh phục toàn cõi Trung Quốc nhưng tha sự tàn sát diệt chủng người Hoa. Ông lập ra Nhà Nguyên, cai trị Trung Quốc gần một bách kỉ (1271-1368).

Lịch sử thực phức-tạp hơn thế nhiều, như tôi sẽ kể. Tuy nhiên, mọi sự đều chỉ được lướt qua, vì đề-tài của sách không phải là lịch-sử, mà là những đau-thương lớn có thể tránh được trong lịch- sử, và chúng ta đang trong thời công nghiệp. Mặt trận thứ nhất mà ta

đang xét là diện đấu-tranh giữa dân du-mục và dân theo nông-nghiệp cố-thổ. Năm khu được xét:

1. Khu Trung-Đông, chủ yếu là Mesopotamia trong thời tiền-sử, và khu Moslem mở rộng bởi Mahomet trong thời Trung-Cổ;
2. Bán-đảo India và khu Nam-Asia;
3. Trung-Hoa và khu Đông-Á;
4- Auropa;
5- America.

[Trong khuôn khổ bài báo, tác giả tự ý cắt phần sử quan để có chỗ trình bầy đề tài chính yếu

Chúng tôi đã được sự thỏa thuận để lên khuôn phần 3, nói về Trung Hoa và khu Đông Á, trong đó có Việt Nam]

Đấu tranh lịch sử giữa du mục và cố thổ trong thời nông nghiệp ở Đông Asia

Những người đầu tiên đến Nam và Đông-Á còn để dấu-tích kết đá ở Đảo Java (sông Soho và Ngandong) khi ấy còn nối vào đất liền, và ở Bắc Trung-quốc. Họ là *Homo erectus,* Người đứng thẳng. Ở Trung-quốc, họ được tìm thấy ở Zhoukoudian (Chu-Khẩu-điếm), trong một tầng hang, với những chỗ đốt lửa và những mảnh đá ghè thành dụng cụ (chipped stones). Cùng thời, có vâm lông dài ngà cong (mam-mut), gấu hang, nai tấm (*élan/elf*), trâu, bò tố (*auroch*). Họ tuyệt chủng, tuy không có băng sơn ở Bắc Hoa, nhưng khi ấy là Băng thời III của Wurms, thời tiết lạnh lắm (700 000 T-Kt).

Đợt người sau là Người Khôn, Homo sapiens sapiens. Họ xuất hiện vào khoảng 100.000 T-Kt và còn sống bằng sự nhặt-vặt săn-bắt bằng kĩ-thuật đá đập. Họ đã nói được. Hài cốt xưa nhất là ở Dingcun. Băng-thời cuối cùng đến khoảng 10.000 T-Kt thì bắt đầu thoái lui, khi trời ấm dần lại, nước biển dâng lên, nước sông đổ xuống, lụt lớn ngập đất. Nhưng vào khoảng 5000 TKt thì người ta bắt đầu có những hoạt động mới với những đồ gốm thô sơ và chút ít trồng trọt chăn nuôi. Miền Bắc có đất vàng loess của sông rất tốt nhưng khí lạnh, nên trồng kê, nuôi lợn và chó như được thấy ở Cishan (Tây An; Hebei, Hà-Bắc); vào khoảng 3000 T-Kt thì nuôi được bò dê và cừu. Miền Nam dưới Sông Trường (Dương-Tử, Yangzi) trồng lúa gạo, truyền đến từ Bắc-Thái qua Vân-Nam, Tứ-Xuyên (Yunnan, Sichuan). Nông-nghiệp dùng cào, mai, thuổng, cuốc, vồ. Súc vật nuôi cũng có chó và lợn, nhưng rồi thêm bò với trâu. Đan rổ, rá, lẳng, làm đồ gốm đen có hoa văn, ở nhà gỗ; gần đây lại thấy rằng họ làm cột và hộp hình bát giác với những đường vạch gợi ý rằng có thể bát giác của Kinh Dịch cũng như hình mặt trời bát giác của Thái Dương Thần Nữ ở Nhật Bản đều phát xuất từ đây.

Sơ lược những phát minh có chứng tích khảo cổ là những điều ấy. Ngoài ra là huyền thoại. Huyền thoại Phục Hi, Nữ Oa. Huyền thoại Tam Hoàng, Ngũ Đế, trong đó có vua Thuấn, vua Nghiêu. Không phải tất cả các huyền thoại ấy đều gốc ở khúc uốn của Hoàng Hà. Hết thời Nghiêu Thuấn có chuyện ông Cổn rồi ông Vũ làm công việc "trị thủy" lấy lại được chín châu của vùng đất lụt, thực ra thì cũng nhờ một thời khí hậu lạnh hơn, các băng hà tăng trưởng làm cho mực nước biển rút xuống và trơ thêm đất miền doanh hải ra; ông Vũ được vua Thuấn gả con gái cho rồi sau lên ngôi vua, lập ra Nhà Hạ (Xia) với 14 đời vua nhưng vẫn còn là huyền thoại.

Ở đồng bằng Bắc Việt trong thời ấy cũng bị nạn nước sũng. Huyền- thoại Việt Nam tương đương với Đại Vũ là huyền-thoại Chử-Đồng-tử (tên đặt ra trong thời Bắc-thuộc, chữ hán nghĩa là thằng nhỏ ven sông). Hai cha con Chử-Đồng-tử là Mặt Trời và Mặt Trăng. Đây không phải là chỗ để tôi giảng ý-nghĩa của huyền thoại một cách đầy đủ; chỉ nói thêm rằng Chử-Đồng-tử liên quan đến sự lên xuống của thủy triều (như sau này Newton sẽ chứng minh một cách khoa học khi giảng về Luật Hấp lực Hoàn vũ), và vì thế mà nên duyên vợ chồng với Tiên Dung là con gái Vua Hùng thứ Ba. Chử-Đồng-tử có thể được thờ là vị kĩ-sư thủy lợi đầu tiên của Việt-Nam và thế- giới, vì đã dùng cọc đóng xuống đất cho rút nước đi để cho đồng lầy thành những *"bãi-tự-nhiên"* người ta kéo đến ở, nhà cửa mọc lên như nấm, và nông nghiệp thịnh vượng. Huyền thoại này, thực ra là một huyền thoại khai thiên lập địa, liên hệ đến sự hiểu biết và tổ chức thời gian, một sự nghiệp vĩ đại của đời nông nghiệp nhưng lại kể một thời địa-học và ghi thêm một hành động đáng gọi là vĩ tích của một anh-hùng huyền-thoại.

Bằng chứng gián tiếp về sự phát triển của cây lúa từ miền Nam lên miền Bắc rồi chuyển theo giòng nước xanh của Trường giang Dương-tử còn có trong ngữ-lí lịch sử nữa. Vì hán ngữ ngày xưa, trước hồi nhà Chu phải đem kinh đô từ miền Tây sang miền Đông để tránh cái nạn có thể bị bọn chư-hầu du-mục

và bọn di-rợ Khuyển Nhung nuôi chó đánh phá có thể mất nước, thì chỉ có chữ */hà/hé* 河 để chỉ "sông." Khi "sông" là */hà/* như Hoàng-hà thì có cái uy lớn lắm, vì cai quản sông là chức *Bá* của Ngọc Hoàng Thượng-Đế phong cho. (Ông) Hà-bá đứng trực-tiếp dưới Long Vương trong hệ phong kiến của Trời. Hà-bá ở Hoàng-hà có quân có tướng, cao nhất là Rùa "Qui". Rùa Qui có nhiệm vụ là đội cái mai (hay mu), trên mai có vạch những nét và hình làm thành cái được gọi là *Hà-đồ* để đi đôi với Lạc-thư.

Xuống đến sông Dương-tử thì không dùng danh từ */hà/* nữa. Để chỉ *sông*, từ */giang/* được dùng, mà */giang/* chính là */sông/*. Trong thời tiền sử, dân bản thổ ở miền Nam gọi sông là *kl*ɔŋ đọc kiểu Việt ngữ là [klông]. Tiếng này được giữ gần nguyên vẹn trong thái-ngữ để chỉ con sông đào. Việt ngữ đổi dần là [k'lông] rồi [lông], rồi [sông], nhưng sông Mê*k*ông vẫn giữ phụ âm đầu là [k]. Trên lưu vực sông Dương-tử, nói là [kông], và người Trung-hoa xuống đến đây ghi âm lại đúng là [kông], khi viết thì thêm bộ "thủy" cạnh âm [kông], thành 江, lâu ngày nói lệch đi là (jiaŋ) hay *giang*. Các sông hay giang ở ngoài "thiên hạ" của Trung-quốc: Trời không bổ ai đến cai quản cả và theo thi sĩ Khuất-Nguyên trong khúc *Li-tao* của ông thì ở đây thần thành ma quái hỗn độn lắm, lại thêm có tục gọi hồn, có tên là "chiêu hồn." Xuống đất An-nam và Thái-lan cho đến ngày nay, khi nào có ai tự nhiên ngất đi, người ta đôi khi còn lấy cái áo của người ấy đem lên nóc nhà vẫy tứ tung mà kêu hồn trở lại. Người ta còn chiêu cả hồn nước ở đầu thế kỉ thứ Hai mươi SKt!

Ngày nay thì đã có nhiều bằng chứng cụ-thể và trực-tiếp của khoa khảo-cổ để khẳng định rằng từ cái nôi miền Nam là văn hóa Hòa Bình (Non Noc Tha 7000 - 6000 THt), nông-nghiệp đã đưa cây lúa gạo lên Hoàng Sơn Huy ở Tứ Xuyên (5535 TKt) rồi qua Quế Lâm (Guilin), Liễu Châu (Liaochao) mà đến Giang Châu (Jiangchao) gần bể, với sông Hoài (Huai) ở miền Bắc của sông Dương Tử. Chỗ tận cùng ấy là văn hóa Ching Lieskang, một vựa thóc gạo tân thạch, có từ 5700 T-Kt và nảy nở lên cao độ vào khoảng 4000 đến 2600 T-Kt.

Một thiên kiến bắt nguồn từ sự thịnh vượng huy hoàng và khủng khiếp của châu Âuropa, nhưng cả thế giới gọi là văn minh ngày nay cũng đều bị u ám, cho rằng Âuropa là ở đan-điền của hoàn cầu, bao nhiêu sinh khí đều dồn vào đó, và từ đó phát ra những luồng lực đạo liên miên bất tuyệt làm cho lịch sử vận chuyển theo ý muốn. Thiên kiến này nghiêng về nông nghiệp và coi nhẹ sự chăn nuôi; nếu nói đến mục súc thì phần nhiều chỉ chú trọng đến những động vật lớn như ngựa, trâu, bò hay nhỡ như cừu, dê, llama, nhỏ nhất là gà, vịt, ngỗng. Tôi sửa lại sự bất công ấy ở đây vì nơi khai sinh nông nghiệp ở vực văn hóa Hòa Bình, miền Đông Nam đã thực hiện một nền kinh tế tân thạch quân bình với sự trồng lúa nước và sự chăn nuôi một động vật có lẽ là nhỏ nhất trong các động vật mà người ta biết nuôi, tôi muốn nói đến con tằm. Tằm (Ngài: *Bombyx muri)* chỉ là một con sâu, hán ngữ gọi là con trùng, nhưng khi nuôi nó thì một là người ta lấy được sợi tơ mà nó nhả ra để se làm chỉ và dệt vải gọi là lụa, hai là ăn được con nhộng nằm trong cái kén để hoàn thành sự biến hình đặc sắc của loài. Vì quan trọng cả cho sự ăn và sự mặc của con người, con tằm ở đây đóng vai trò của con cừu ở Lưỡng-Hà-địa ngày xưa, ở Anh-đảo và Úc-đảo ngày nay. Sự nuôi tằm lại gắn liền với sự trồng dâu qui mô trên đồi thành những nương. Nương dâu và ruộng lúa là hai sắc thái đi đôi của văn hóa ở đây và kết hợp với nhau như vợ với chồng và hơn nữa, như trai với gái. Huyền-thoại căn bản của đời sống là huyền thoại người con trai chăn trâu cày ruộng và cô con gái nuôi tằm dệt lụa, nối liền trời với đất, sông Ngân với sông Dương-tử hay Mêkông. Ngôn ngữ Việt-nam cũng còn giữ một dấu tích của thời xa xưa ấy trong cặp danh từ ý nhị */chú rể, cô dâu/*. Một sử gia Việt Nam, ông Hoa Bằng, vào những năm Bốn mươi của Thế kỉ đang hết, đã nêu lên giả thuyết rằng tên hai Bà Trưng có gốc ở việc tằm tang và thực ra là Chưng Chắc và Chưng Nhì theo tiếng Việt trước khi được viết bằng hán tự bởi các người chép sử của Hán triều, thành Trưng Trắc, Trưng Nhị.

Miền tây-nam Trung-quốc xưa là địa phận của nhiều nhóm nhỏ, lai lịch tối tăm và không có lịch sử. Thời nhà Chu chưa biết gì nên sau khi diệt được nhà Thương Ân (1050 T.Kt) đã đầy dân Thương xuống những đất tưởng là hoang địa này để cho chết mòn. Chẳng ngờ các cư dân ở đây đã có lúa gạo, nuôi lợn, gà, trâu, bò. Dân Miêu nuôi tằm và bắt đầu nuôi cả nhện định để làm một thứ tơ khác tốt hơn, nhưng chưa thành công (một việc mà mới gần đây, khoa học thái-tây nhờ kĩ thuật di truyền học mới tuyên bố là có triển vọng đạt tới). Miền Bắc đất Miêu là dân Dao, dân Nhao, còn sinh hoạt bằng sự săn bắt thú rừng. Miền Nam

đất Miêu là những dân mà người Trung-quốc còn gọi gồm làm một khối là *Man*, viết 蠻, có chữ *ti* 絲 là "tơ" ở trong, vì chỉ biết rằng sắc-dân này nuôi tằm quay tơ và dệt lụa. Nay ta biết rằng một số lớn những người này nói những ngôn ngữ thuộc một ngữ tộc lớn gọi là *môn* ngữ, gốc nguồn ở chân núi Himalaya gần đó. Ở gốc, nguyên-môn-ngữ liên hệ với nguyên-khme(r)-ngữ, có lẽ là lẫn lộn; mỗi nguyên-ngữ có hai thổ- ngữ chính: những điều này chỉ mới là giả thuyết và tái lập, chắc là còn sai nhiều vì các định luật biến chuyển âm thanh trong ngữ- tộc môn hay môn-khme chưa được lập thành. Có một điều rất đáng chú ý là nhiều dân tộc tại khu vực này xuống đến miền đồi núi trung du của Bắc Việt, tự gọi bằng những tên liên hệ với ngữ *môn*, tất cả hay hầu hết các tên này đều có nghĩa là "người" hay "nhóm người", và đều bắt đầu bằng phụ âm */m/:* dân Miêu mà ta đã thấy, rồi dân Mèo, Mán, Mạ, Mường. Sự trùng-hợp hay đồng tông hình thức này tắt đi khi tiến xa hơn về miền Nam Việt Nam hay đi về phương Tây sang Bắc Thái, Miến Điện và phương Nam xuống các đảo Andaman trong vịnh Siam (* Tiêm-la).

Tôi xin lỗi vì đã đi sang địa hạt dân tộc và ngữ-lí-học quá xa và phải gấp gấp trở về vấn đề chính, là một vấn đề sống chết trong tương lai gần, trong bách kỉ và thiên kỉ chỉ còn cách xa dòng chữ này có sáu ngày (lúc tôi đang viết những dòng này).

Con tằm, trong lịch sử, nhất là đối với chúng ta và trong châu Asia, quan trọng hơn con cừu nhiều, ít ra trong thời nông nghiệp trước khi có những sợi tổng hợp như nylon, tetrôn... ra đời, tranh cướp thị trường trong địa hạt quần áo lót của phụ-nữ tân- tiến.

Ở đầu của lịch sử Trung-quốc, khi Nhà Chu đuổi quan dân Nhà Thương xuống ở với dân Nam Man để thiết lập chế độ phong kiến, thì có hai luồng ngầm đã được tạo ra trong lịch sử. Luồng lịch sử thứ nhất là đường dây buôn lụa đã được dân Thương lập nên, đi về những đất gọi gồm là Tây-vực: qua Trung Á, con đường lụa đến Bắc India, rồi qua Iran, sang Trung Đông. Đường lụa không phải chỉ vận chuyển lụa và tiền, mà còn tải đạo, tức là ý-niệm. Ý-niệm lớn nhất được đưa đi từ Đông sang Tây là con số *không*, nay viết O, đọc là [zêrô]; số /không/ theo lụa đi từ India sang Arap rồi truyền sang Itali, sang Pháp, đạp đổ cách viết chữ số của Roma và làm cho toán học bước một bước dài từ toán học thái-cổ sang toán học đời nay. Con đường lụa đưa lụa sang Trung Đông và sau khi Trung Đông theo Mahomet qui tụ vào Đạo Islam (Moslem), lụa vẫn còn là một bức tường thành mà Hoa-kì và Âu-châu với vải rayon, nylon không sao vượt qua được vì Đạo cấm không được đụng chạm đến vải nhân tạo: lụa tơ tằm là vải mà Chúa Allah qua lời của Đấng Tiên Tri Mahomet truyền bắt phải dùng. Con đường lụa lại đã mở lối cho ít nhất là hai người, hai cá nhân, đã làm biến đổi lịch sử: Marco Polo làm cho châu Âuropa mở mắt ra rõ hơn với sự thực của một đại cường quốc có tên là Tần*/Ch'in/* trong thời Roma và đã thành */Sera/* "Nước Lụa" từ sau đó; và người thứ hai là Xuan Zang (Hiueng Tsang) Huyền Trang (629 - 645 SKt), còn gọi là Đường Tam Tạng, là nhà sư đã thỉnh kinh Phật từ gốc ở Tây Trúc (India) về Trung-quốc trong một cuộc du hành cực kì gian nguy theo con đường lụa mà một đứa trẻ đời nay cũng còn biết dưới hình thức một truyền-kì thần-thánh gọi là *Tây Du* in dấu đậm trong nền văn-hóa của một khối hai tỉ người.

Cơm gạo và tơ lụa của con tằm là chính yếu ở cái nôi Đông Nam, gọi là Văn-Hóa Hòa-Bình, của đại khối Asia, lên đến Chinh Lien Kang ở sông Hoài.

Cái nôi nông nghiệp Thứ hai của miền Đông Asia là văn hóa Ngưỡng Thiều, ở khu vực từ Tây An, Xi'an (Thiểm Tây, Shaanxi, 6055 TKt) đến Hukan (Hà Nam, Henan, 5485 THt), theo sự định tuổi mới bằng phương pháp C14. Sự khám phá thấy vùng văn hóa này là do J.C Anderson, một nhà khảo cổ Sweden (* Thụy Điển). Sự khảo-sát sau đó đã do Viện Khảo-cổ Trung-quốc lãnh đạo dưới sự chỉ huy của Li Chi, và sau này nữa của Kwang-chih Chang (Trương Quang Trực). Lúa gạo khó lên được vùng này vì đất khô và khí hậu nóng; kê, và ở cao hơn trên miền Bắc ở đất loess vàng của Hoàng-hà, lúa mì là hai cốc chính, với lợn và bò là hai giống vật nuôi quan trọng, lợn để ăn và bò để cày ruộng hay kéo xe cho đến khi già rồi mới bị giết để làm thức ăn. Đồ gốm có hai tầng, Dương Châu (Yangshao) và Long Sơn (Longshan).

Sự hợp nhất của hai khu nôi trên đất của Trung-quốc chỉ được thực hiện trên mặt nông-nghiệp. Đặc-tính của nông-nghiệp Á Châu là 1. việc dẫn thủy (đào vét kinh mương, tát nước) quanh năm; 2. chống lũ lụt (đắp đê) trong và sau mùa mưa; 3. việc trồng trọt có tính cách làm vườn nhiều hơn là nông nghiệp lớn; 4. còn về chăn nuôi thì không có những trại nuôi lớn, trừ sự nuôi tằm ở miền Nam.●

VỤ ÁN PINOCHET LÀM RUNG CHUYỂN LUẬT PHÁP QUỐC TẾ

NGUYỄN VĂN THÀNH

Suốt 17 tháng vừa qua, kể từ ngày 16-10-1998 cho đến nay, giới truyền thông và báo chí trên thế giới, đặc biệt tại Âu châu, không ngớt đưa tin và bình luận về nhà cựu độc tài Chí Lợi (Chilie) Augusto Pinochet, 84 tuổi, đến Anh quốc chữa bệnh rồi bị giam giữ do trát nã bắt quốc tế (un mandat d'arrêt internatioal) của thẩm phán Tây Ban Nha Baltasar Gapzon ghi 35 điều cáo buộc Pinochet về các tội như chống nhân loại, diệt chủng, tra tấn, bắt cóc, thủ tiêu những nhà đối lập... trong 17 năm cầm quyền từ 11-9-1973 đến năm 1990.

Nhiều tổ chức phi chính phủ tranh đấu cho nhân quyền như Ân xá quốc tế (Amnesty International), Theo dõi nhân quyền (Human Rights Watch) có đại diện tại hầu hết các quốc gia trên thế giới cũng như những nhà điều tra Chí Lợi do thẩm phán Juan Guzman cầm đầu và các báo chí Tây phương đưa ra con số nạn nhân gần giống nhau được liệt kê như sau: trên 3,000 người bị giết, hơn 1,000 mất tích và hàng trăm người bị tra tấn, trong đó có cả người Pháp, Bỉ, Thụy Sĩ và Tây BAn Nha. Dựa vào các tài liệu mật và những bức hình chụp được trong bốn trại tập trung, cảnh tra tấn và bắn bỏ những nhà đối lập, tuần báo Paris Match ước tính ít nhất 5,000 người bị giết hoặc mất tích.

Những nạn nhân còn sống sót và gia đình những người xấu số bị sát hại hoặc mất tích cũng như những nhà tranh đấu cho nhân quyền, đã tổ chức rầm rộ những cuộc biểu tình trước dinh tổng thống La Moneda (nơi Pinochet làm cuộc đảo chánh đẫm máu lật đổ Tổng thống dân cử Salvador Allende tại Santiago đêm 11-9-1973) và nhiều nơi tại Âu châu như Ba Lê (Pháp), Brussels (Bỉ), Luân Đôn (Anh)... đòi chính quyền Anh cho dẫn độ Pinochet tới TAy BAn Nha để bị can ra tòa đền tội trước công lý.

Trái lại, những người bênh vực Pinochet như Hội Cựu sĩ quan do chủ tịch Herman Bionez hướng dẫn, những người trong cơ sở Pinochet Foundation cũng xuống đường dữ dội và quyết liệt chống lại sự dẫn độ Pinochet tới Tây Ban Nha. Theo họ, Pinochet có công rất lớn đã cứu nước Chí Lợi khỏi họa cộng sản. Pinochet đã chặn đứng sự bành trướng của cộng sản Nam Mỹ xâm nhập vào quốc gia Chí Lợi trong thời chiến tranh lạnh. Tổng thống Chí Lợi Eduardo Frei cũng ráo riết vận động nhà cầm quyền Anh phóng thích Pinochet để nhà cựu độc tài này trở về Santiago ra Tòa án có thẩm quyền tại Chí Lợi.

Cũng cần trình bày thêm Baroness Thatcher, cựu thủ tướng Anh nổi tiếng với "bàn tay sắt bọc nhung," trong thời chiến tranh lạnh, được chính trị gia Mỹ Steve Forbes xếp trong danh sách cùng với Tổng Thống Lincoln, Washington, Reagan và Thủ Tướng Anh Sir Churchill, là một trong những người lớn tiếng ủng hộ Pinochet. Baroness Thatcher đã đến thăm Pinochet trong khi nhà cựu độc tài này bị giam giữ tại một biệt thự vùng ngoại ô Luân Đôn, được cảnh sát canh gác nghiêm ngặt, ngày 24 trên 24 tiếng, để chờ ngày dẫn độ. Chẳng những vậy, bà còn gửi nhiều bài viết cho báo Times of London nói rõ quan điểm của bà cũng như công khai tuyên bố bênh vực Pinochet về quyền đặc miễn truy tố. Động cơ thúc đẩy Bà có lập trường như vậy, vì một phần, theo các nhà phân tích và bình luận, Pinochet là bạn chí thân của bà đã cùng bà sát cánh trong cuộc chiến tranh lạnh, và phần khác, Pinochet đã tích cực giúp bà trong cuộc chiến tranh với Argentina để tái chiếm quần đảo Falkland Islands ở Nam Mỹ Châu,

diện tích 4,615 dặm vuông với dân số 5,000 người, trong thời gian Pinochet cầm quyền.

Có người chống bà đã đề nghị với chính quyền Anh dẫn độ Baroness Thatcher thì thích hợp nhất thay vì Pinochet, trong bài viết mang tựa đề "Hãy quên Pinochet, dẫn độ Thatcher " (Forget Pinochet, extradite Thatcher - *Washington Post*, Thursday, January 13, 2000.)

Pinochet

Quả vụ Pinochet (The case Kingdom of Spain V. Pinochet) gây khó khăn không ít liên quan tới ba ngành lập pháp, tư pháp và hành pháp Anh quốc. Thẩm phán Ronald Bartle thuộc Tòa Magistrates' Court (Tòa này, theo hệ thống tư pháp Anh, ở dưới Tòa Crown Court-Tòa Crown Court giống như Tòa Sơ Thẩm) ban ra một quyết định cho rằng Anh quốc có thể dẫn độ Pinochet tới Tây Ban Nha một cách hợp pháp. Nhưng quyết định này không phải là một lệnh của Tòa cho phép dẫn độ. Trái lại, Tòa Thượng Thẩm (The High Court of London) bác án của Tòa dưới và phán quyết việc bắt giữ Pinochet là trái luật vì bị cáo được hưởng quyền đặc miễn truy tố (immune from prosecution).

Cuối cùng, Tòa Án Tối Cao Anh gồm năm vị thẩm phán chuyên nghiệp nằm trong Viện Quí Tộc (Britain's Highest Court - The Law Lords of the House of Lords), phán quyết "Một vị nguyên thủ quốc gia bị cáo về tội xâm phạm nhân quyền có thể bị đưa ra Tòa xét xử gần như bất cứ ở đâu" (A former head of state charged with abuse of human rights can be brought to trial almost anywhere).

Không còn phương cách nào khác trong thủ tục thượng cáo, đàn luật sư danh tiếng biện hộ cho Pinochet được sự hỗ trợ mạnh mẽ của phe bảo thủ Anh và đặc biệt của Baroness Thatcher cùng Tổng Thống Chí Lợi Eduardo Frei, cố gắng cứu Pinochet khỏi bị dẫn độ tới Tây Ban Nha qua lá bài sức khỏe và nhân đạo. Theo giám định y khoa của bốn bác sĩ, trong đó có hai bác sĩ Anh, Pinochet 84 tuổi, bị bệnh tiểu đường, bệnh tim đã ngất xỉu hai lần khi bị giam giữ, bộ não bị tổn thương, một chân phải gần như tê liệt, hàng ngày phải uống thuốc an thần, không thể chịu đựng nổi thủ tục pháp lý lâu dài tại Tòa án Tây Ban Nha. Phía biện hộ xin chính quyền Anh phóng thích Pinochet và trả về Chí Lợi để bị cáo ra Tòa Án có thẩm quyền.

Theo luật dẫn độ Anh quốc, Tòa án không có thẩm quyền ra lệnh cho dẫn độ, chỉ có Tổng Trưởng Home Secretary Jack Straw mới có quyền cho dẫn độ hoặc phóng thích Pinochet. Quyền hành của Tổng Trưởng Straw xấp xỉ tương đương với quyền của Tổng Trưởng Tư Pháp Hoa Kỳ (roughly equivalent to Attorney General of The United States).

Thấy lá bài nhân đạo có vẻ thắng thế, bốn nước Tây Ban Nha, Pháp, Thụy Sĩ và Bỉ yêu cầu Tổng Trưởng Home Secretary Jack Straw ngưng phóng thích Pinochet và đòi cứu xét hồ sơ giám định y khoa của Pinochet. Tổng Trưởng Straw bác thỉnh nguyện của bốn nước nói trên và ngày 2-3-2000 phóng thích và trả Pinochet về Chí Lợi với lý do hoàn toàn nhân đạo.

Sáu tổ chức tranh đấu cho nhân quyền và những người trong phe chống đối sự phóng thích Pinochet đã biểu tình tại Luân Đôn ngăn chặn chuyến bay chở Pinochet về Chí Lợi đã không thành công vì đến hơi trễ. Pinochet đã đáp máy bay Boeing 707 của không lực Chí Lợi, chỉ sau quyết định của Tổng Trưởng Straw có hai tiếng đồng hồ, đang bay trên bầu trời Luân Đôn trực chỉ Santiago, không dám đáp bất cứ nước nào sợ bị bắt lại, ngoại trừ một hòn đảo nhỏ thuộc Anh quốc để tiếp tế nhiên liệu.

(BBC News:The Pinochet case-Pinochet:The politics of torture by O'shaughness-Justice and the Law-Foreign & Commonwealth Office London).

Để làm sáng tỏ phiên tòa lịch sử đã tạo một tiền lệ vô cùng quan trọng làm nền móng cho nguyên tắc pháp lý về tài phán quốc tế đưa ra tòa tại hầu hết các quốc gia trong cộng đồng thế giới, cựu nguyên thủ quốc gia xâm phạm Hiệp Ước về nhân quyền hoặc vi phạm những

tội phạm chống nhân loại, người viết xin trình bày 3 mục dưới đây:

I. Vài hàng về Augusto Pinochet

Sơ lược tiểu sử

Augusto Pinochet chào đời ngày 26.11.1915 tại cảng Valparaise thuộc vùng duyên hải Thái Bình Dương. Ông Augusto Ugarte, thân phụ của Pinochet, làm việc tại sở quan thuế Valparaise. Thân mẫu Pinochet mong muốn Pinochet theo con đường binh nghiệp. Sau khi thành hôn với Lucia, ái nữ của một nhân vật chính trị nổi tiếng, thúc đẩy chồng gia nhập quân đội, Pinochet theo học khóa Sĩ quan tại quân trường danh tiếng tại Chí Lợi. Đương sự được tôi luyện theo truyền thống quân đội Phổ (Prussian traditions) đặc biệt chú trọng về kỷ luật và lòng trung thành với Hiến Pháp.

Vào thập kỷ 1970, Pinochet tiến vào hàng tướng lãnh khá nhanh, dưới chính quyền cánh tả do Tổng Thống Salvador Allende lãnh đạo. Tháng 6 năm 1973, tướng Pinochet được Tổng Thống Allende tin cậy bổ nhiệm giữ chức Tổng Tư Lệnh Quân Đội. Chỉ vài tháng sau, đêm ngày 11.9.1973, Tướng Pinochet làm cuộc đảo chánh gây kinh hoàng chẳng những cho dân tộc Chí Lợi mà cho cả Thế giới về hành vi tàn bạo bóp nghẹt nhân quyền và tiêu diệt những nhà đối lập.

Cuộc đảo chánh đẫm máu

Ngay từ những phút đầu tiên của cuộc đảo chánh, Pinochet ra lệnh không chấp nhận bất cứ một sự chống đối nào, một sự phê bình dù là nhỏ nhặt nhất.

Quân đội tiến chiếm bằng bom đạn dinh Tổng Thống La MONEDA, bắt 77 nhà đối lập đưa tới La Villa Grimaldi, một trong bốn trung tâm tra tấn tại Santiago (L'un des quatre centres de torture de Santiago) và những nhà đối lập đó không bao giờ trở về nhà cả. Theo thông cáo của phe đảo chánh, phu nhân Tổng Thống bị chết vì bom nổ và Tổng Thống Allende tự vẫn ngay đêm đảo chánh 11.9.1973. Cái chết của hai nhân vật này hãy còn nằm trong sự nghi vấn. Hàng trăm người bị xúc lên xe bịt bùng đưa vào doanh trại quân đội. Lực lượng an ninh (LA DINA) coi họ như súc vật sắp đưa vào lò sát sinh giống như dưới chế độ Đức quốc xã vậy.

Cứu tinh hay bạo chúa

Vào thập niên 1970, cộng sản Nam Mỹ đã xâm nhập rất mạnh vào Chí Lợi, trong khi đó, Tổng Thống dân cử Allende đã ngã theo đường lối xã hội chủ nghĩa. Cán bộ cộng sản và cố vấn ngoại quốc bí mật đưa một số vũ khí đáng kể vào Chí Lợi qua vùng duyên hải chạy dài 2,630 dặm từ Bắc tới Nam.

Thấy xã hội bất ổn do lòng dân chia rẽ, nền kinh tế suy thoái trầm trọng, nạn tham nhũng lan tràn lại cộng thêm sự đe dọa hiển hiện của cộng sản có thể đưa tới cuộc nội chiến, Đại Tướng Pinochet giải tán Quốc Hội, cấm mọi hoạt động chính trị và nắm chức Tổng Thống tự phong vào năm 1974, lúc 59 tuổi, cai trị một đất nước có nhiều tài nguyên phong phú (nổi tiếng về kỹ nghệ đánh cá, chăn nuôi cừu, quặng mỏ,sản xuất đồng đứng hàng thứ nhì trên thế giới), diện tích 292,135 dặm vuông (736,626 cây số vuông) với dân số 13 triệu rưỡi, kiểm tra năm 1992.

NHÀ ÁI QUỐC

Pinochet tự coi mình như nhà ái quốc đã cứu đất nước Chí Lợi sắp rơi vào tay cộng sản, đã đem lại an ninh và trật tự từ thành thị tới thôn quê hẻo lánh. Không còn những sự xáo trộn chính trị và sự đe dọa của cộng sản chẳng những nhắm vào Chí Lợi mà còn muốn bành trướng tới các lân bang của Chí Lợi như Argentina, Bolivia, Peru.

Vào thập niên 1970, đa số dân chúng Chí Lợi hỗ trợ mạnh mẽ và chia sẻ quan điểm trên đối với Pinochet. Đặc biệt nền kinh tế, sau nhiều thập kỷ bị suy thoái trầm trọng, đã được phục hồi và sự ổn định đã trở lại khá vững vàng khắp mọi nơi trên xứ sở Chí Lợi. Tuy nhiên, thời "vàng son" đó không kéo dài được bao lâu do chế độ tàn bạo của Pinochet gây ra.

TỬ THẦN LÀM IM TIẾNG CÁC NHÀ ĐỐI LẬP

Pinochet đánh giá thấp sự chống đối ngấm ngầm của người dân cũng như đảng phái chính trị. Tử thần không khóa được miệng các nhà đối lập.

Đầu thập kỷ 1980, đảng Xã hội tập họp và tổ chức các cuộc xuống đường phản đối cuộc khủng bố của chế độ độc tài, trong khi đó, có một số đơn vị trong quân đội đã ám sát hụt Pinochet.

Quân đội đã làm áp lực buộc Pinochet tổ chức cuộc trưng cầu dân ý. Năm 1988 Pinochet bị thua với số phiếu 55% chống 43%. Dân Chí Lợi đẩy Pinochet ra khỏi Dinh Tổng Thống để nhường quyền lại cho chính quyền dân sự.

Năm 1990, Pinochet miễn cưỡng rời khỏi chức vụ Tổng Thống nhưng đòi hỏi nắm chức Tổng Tư Lệnh Quân Đội. Dựa vào sức mạnh

của quân đội, Pinochet yêu cầu ân xá cho tất cả nhân viên trong lực lượng an ninh kể cả đương sự, đã vi phạm nhân quyền trong 17 năm dưới chế độ độc tài. Một năm sau, Pinochet rời khỏi quân đội và giữ chức Thượng Nghị Sĩ trọn đời.

Vụ Pinochet đã chia rẽ công luận của người dân Chí Lợi mà còn khắp nơi trên thế giới. Nhiều nhân vật Chí Lợi nhận định phe đối lập cũng như chính quyền Pinochet, mỗi bên đều có sự sai lầm.

Pinochet có nhiều tham vọng cá nhân và chưa trưởng thành về mặt chính trị. Theo Gladys Marin, ứng cử viên Tổng Thống hiện là Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Chí Lợi, nói: "Kẻ chủ mưu trong cuộc đảo chánh là Hoa Kỳ" (The true coup plotter was the U.S.A.). Còn Thượng Nghị Sĩ Jaime Gazmuri thuộc đảng Xã hội dựa vào các tài liệu qua cuộc tiếp xúc với cựu Ngoại Trưởng Henry Kissinger, cho rằng: "Chính quyền Allende đã không phù hợp với quyền lợi của Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ" (The Allende government was incompatible with the interests of the United States.)

(Derechos Chile-The military coup, 25 years ago-The Pinochet regime in Chile by Mary Helen Spooner-Chile under Pinochet: Recovering the Truth by Mark Ensalaco.)

Tưởng cũng cần đề cập thêm nhật báo Washington Post ngày 23-3-2000 đưa tin vụ ám sát cựu Đại Sứ Chí Lợi Orlando Letelier, nhà đối lập, ngày 21-9-1976 tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, nằm ngủ yên gần 24 năm, bây giờ lại được chính quyền Mỹ khơi dậy nhằm cáo buộc Pinochet đã ra lệnh cho nhân viên mật vụ gài bom ở xe du lịch giết chết cựu Đại Sứ Letelier và gây thương tích nặng nề cho một công dân Hoa Kỳ Ponni Moffitt, bạn của Letelier, ngồi cùng xe.

Trong thời gian cầm quyền, Pinochet đã từng sát cánh với Anh và Mỹ ngăn chặn cộng sản xâm nhập vào Chí Lợi cùng các nước ở Nam Mỹ Châu. Trong khi đó, cũng vào thập niên 1970, Mỹ trải mìn, một hành động chiến tranh mà không tuyên chiến, khóa chặt các cửa biển của Nicaragua để cộng sản quốc tế không thể đổ vũ khí tiếp vận cho chính quyền cộng sản do Augusto Cesar Sandino lãnh đạo đe dọa cả vùng Trung Mỹ như Costa Rica, Honduras, Elsavador... Vụ trải mìn này đã bị đưa ra Tòa Án Quốc Tế xét xử. Theo phán quyết ngày 27-6-1986, Mỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nicaragua.

Vai trò chống cộng của Pinochet quả không phải là nhỏ trong thời kỳ chiến tranh lạnh lên đến cao độ tại Trung và Nam Mỹ Châu vậy.

II. Cuộc cách mạng củ các thẩm phán (The revolution of the Judges)

Sau khi Tòa án quân sự quốc tế Nuremberg xét xử xong những phạm nhân Đức Quốc Xã vào năm 1946, ta thấy có hiện tượng lạ đã xảy ra khắp nơi trên thế giới như tại Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Canada, Do Thái, Senegal kể cả một vài nước Cộng Sản cũ như Lithuania... Đó là các Tòa Án và thẩm phán độc lập tại các quốc gia tự do, đã truy lùng, nã bắt và xét xử những phạm nhân Đức Quốc Xã còn sót lại chạy trốn khắp nơi trên thế giới hoặc những người vi phạm những tội buôn lậu ma túy, rửa tiền, tổ chức giết người trong đường giây ma túy quốc tế.

Hiện tượng nói trên được các nhà nghiên cứu và luật gia coi như cuộc "cách mạng của các thẩm phán." Trường hợp của Pinochet cũng nằm trong hiện tượng đó. Việc bắt giữ Pinochet, theo sự nhận xét của luật gia nổi tiếng trên thế giới Samuel Pisar, trả lời cho "sự đòi hỏi phổ quát ngày nay là những kẻ phạm tội chống nhân loại phải bị truy lùng tới tận cùng trái đất, bất cứ ở đâu và bất kỳ lúc nào, có thể tìm thấy họ để đưa họ ra xét xử trước công lý" (The arrest of Pinochet, observed jurist Samuel Pisar, answers: " an almost universal clamor today that those who commit crimes against humanity must be persued to the ends of the world, whenever and wherever they can be found, and brought to justice.)

Từ nhiều thập niên vừa qua, có hai vụ án đáng được lưu ý được coi như cùng loại vụ bắt giữ Pinochet:

1. Vụ Alolf Eichmann

Aldolf Eichmann, chuyên viên "tử thần" của Hitler, nằm trong bộ máy giết sáu triệu người Do Thái tại Âu Châu (1939-1945), bị nhân viên mật vụ Do Thái bắt cóc năm 1960 tại Argentina và giải về Jerusalem xét xử về những tội phạm chống nhân dân Do Thái và những tội phạm chống nhân loại. Bị can đáng lẽ phải ra tòa Nuremberg nhưng đã dùng nhiều lý lịch và thông thành giả trốn tránh tại nhiều quốc gia và cuối cùng bị mật vụ Do Thái phát giác và bắt tại Argentina.

(Còn tiếp)

LẠM BÀN VỀ MỘT BỘ SÁCH VĂN HỌC

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Năm 1986 Võ Phiến cho xuất bản *Văn Học Miền Nam Tổng Quan* được độc giả đón nhận với hảo ý, rồi cuốn sách được nhật tu và tái bản năm 1988. Đây là cuốn đầu trong bộ sách mà Võ Phiến gọi là Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam 1954 - 1975 như ghi ở trang 5 cuốn đầu tiên.

Lý do cuốn Tổng Quan được hoan nghênh và nghe đâu đang sắp in lần thứ ba vì trong đó Võ Phiến cho độc giả những nhận xét tổng quát mà khá đủ về mọi sinh hoạt văn học Việt Nam Cộng Hòa từ độc giả, tác giả, ngành xuất bản cho tới các giai đoạn, các bộ môn văn học. Phần cuối ông đã dành hơn ba chục trang tiểu sử và tác phẩm nhiều nhà văn khiến ta nhớ tới cuốn *Tiểu Truyện Các Tác Gia Hiện Đại* của Trần Phong Giao do nhà xuất bản Lá Bối đang in dở dang vào đầu năm 1975 thì giữa đường đứt gánh.

*

Biên khảo là một loại sách khô khan, kén chọn độc giả nhưng với thành công ban đầu như vậy là một điều phấn khởi và độc giả tin tưởng chờ đợi những cuốn kế tiếp mà Võ Phiến hứa hẹn với sự làm việc cẩn trọng vốn có của ông.

Mười ba năm sau, năm 1999, nhà xuất bản Văn Nghệ, Westminster, CA cho trình làng sáu cuốn tiếp theo của bộ sách, một công trình tỉ mỉ và lâu năm. Vì là nối tiếp cho cuốn Tổng Quan sáu cuốn sau ngoài bìa mang tên *Văn Học Miền Nam* cho gọn. Riêng sáu cuốn có tên là *VHMN* này dày khoảng 2750 trang, bắt đầu từ trang 491 và kết thúc ở trang 3238.

Tại sao sáu cuốn Văn Học Miền Nam chính thức bắt đầu bài vở ở trang 501 trong khi cuốn Tổng Quan chỉ mới chấm dứt ở trang 328? Theo chúng tôi nghĩ có thể tác giả chừa lại một số trang để sau này nếu cần bổ túc cho cuốn Tổng Quan thì khỏi phải có những trang bis hay ter. Sống ở Mỹ, ảnh hưởng văn hóa Mỹ thì cách đánh số trang cũng theo cách đánh số nhà rất thực dụng của Mỹ. Ta không lạ khi thấy có những con đường mà nhà đầu mang số 1, nhà cuối mang số 500 chẳng hạn nhưng đếm chỉ có 400 nhà vì số nhà đánh cóc nhảy để chừa cho những nhà sắp xây hoặc chẳng bao giờ xây.

Cũng như ở Mỹ người Giao Chỉ phải nói pha trộn tiếng Mỹ. Như một diễn giả sinh trưởng tại Việt Nam tuổi cũng quá tứ tuần diễn thuyết cho đồng bào Việt lại mở đầu rằng: "Tôi xin trình bày *sáp dếch* này nó liên quan tới *pô ly tích* và *ê cô nô mích,* để chứng minh là Việt cộng không tôn trọng cái *hiu mân rai* của người dân." Sống ở Mỹ phải theo lối Mỹ. Nói như Việt cộng thì: "Cũng tốt thôi!"

Sáu cuốn *Văn Học Miền Nam* gồm ba cuốn 1, 2, 3 nói về truyện, cuốn 4 ký, cuốn 5 tùy bút, kịch và cuốn 6 thơ. Sáu cuốn sau này là một hợp tuyển, trích những bài văn của nhiều tác giả để người đọc vì thiếu sách có thể thưởng thức được một mẫu tác phẩm của đa số tác giả mà nay không có điều kiện tái bản. Chủ yếu của soạn giả là giới thiệu những tác phẩm cho nên trong gần 3000 trang sách phần trích tác phẩm chiếm khoảng trên 65%, phần còn lại soạn giả phê bình nhận xét từng tác giả trước khi trích đăng tác phẩm của họ.

Có những bài Võ Phiến viết cách đây chừng vài ba chục năm, từ 1962, 1963, 1973 khi giới thiệu Linh Bảo, Đỗ Tấn, Trần Thị NgH... (trang 869, 2852, 1531) nhưng đa số là những nhận xét viết sau 1975 khi ông đã ra hải ngoại, có những bài viết ngay đầu năm 1999 như khi nói về Vương Hồng Sển, Nguyễn Đình Toàn... (2283, 2953).

Khi giới thiệu mỗi tác giả từng bộ môn cũng có sự dài ngắn khác nhau. Viết về Doãn Quốc Sỹ, Võ Phiến đã bỏ ra tới 44 trang (573), Thế Uyên, Thanh Tâm Tuyền, Nhất Linh...

đều trên hai chục trang trong khi nhiều văn, thi sĩ khác chỉ được nhắc tới trong hai trang như Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Thị Vinh, Giản Chi, Văn Quang... (1037, 1137, 2879, 1655) thậm chí Dương Hùng Cường, Tuyết Hương... chỉ có vài câu (688, 1627).

Về điểm này Võ Phiến đã nói ngay từ đầu là chuyện viết về một người đài hay ngắn không nhất thiết phản ảnh một sự đánh giá nào (504). Tuy nhiên rất nhiều người đọc - có thể vì thiếu tinh thần tự lập chăng - nên vẫn cứ bị ám ảnh với cách đánh giá của nhiều soạn giả từ điển Tây phương.

Đã có những soạn giả cân nhắc rất kỹ sự lựa chọn người để ghi vào sách và tính toán từng giòng khi nói về một nhân vật. Nếu tôi không lầm thì cuốn từ điển nhỏ *Petit Larousse Illustré* rất phổ biến của Pháp, mỗi năm in lại một lần, bốn năm có bổ sung, khi phát hành ấn bản 1960, có tờ báo văn học Pháp đã tỏ ra mừng rỡ khi thấy trong cuốn mới này đã có hai tài tử điện ảnh Fernandel và Brigitte Bardot. Nhưng cô đào *xếch xy* không có tên chung với các danh nhân khác mà chỉ là một bức tranh in cạnh tên họa sĩ Hòa Lan Van Dongen là tác giả bức chân dung. Người Pháp rất dè dặt trong việc lựa chọn nghệ sĩ điện ảnh trong khi lại rộng lượng với các diễn viên kịch nghệ. Cho tới ấn bản kể trên hình như tài tử điện ảnh chỉ có hai người trong từ điển *Petit Larousse Illustré* là Charles Chaplin và Fernandel.

Người đọc sách cũng như người nghe hát thường hay có thói quen so sánh với những tác phẩm đi trước, trình bày trước và đó cũng là một trong những bất lợi cho người sáng tác sau khi mà tác phẩm trước xuất hiện lúc thể loại đó còn hiếm hoi và đã từng gây ấn tượng mạnh tới người thưởng ngoạn.

Võ Phiến sắp xếp các tác giả được đề cập theo thứ tự ABC và phân loại theo các bộ môn. Khi Vũ Ngọc Phan viết *Nhà Văn Hiện Đại* ông xếp theo tác giả, vì vậy mỗi tác giả chỉ được kể tới một lần trong bộ môn xuất sắc nhất, rồi ở cuối bài mới nói tới những bộ môn khác mà ông cho là kém quan trọng. Hoài Thanh, Hoài Chân viết *Thi Nhân Việt Nam* sau gần năm chục trang giới thiệu tổng quát *Một Thời Đại Trong Thi Ca* mới lần lượt nói từng nhà thơ với lời nhận xét tiểu sử, trích thơ và có cả ảnh các tác giả. Nhiều tuyển tập thi ca sau này thì gom các tác phẩm của người khác in chung không giới thiệu, không tiểu sử thì cuốn sách chỉ thuần túy là một hợp tuyển, soạn giả chỉ có công gom và chọn theo ý riêng mình để đem in.

Sáu cuốn *VHMN* cũng giống như một hợp tuyển bổ sung cho cuốn Tổng Quan nhưng Võ Phiến cũng công phu đọc và giới thiệu từng tác giả trước khi trích in. Có những tác giả được nói tới trong ba cuốn khác nhau như Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Đình Toàn, Nhã Ca... hay trong hai cuốn khác nhau như Mai Thảo, Lê Tất Điều... trong khi có nhiều vị cũng viết nhiều thể loại nhưng Võ Phiến chỉ lựa chọn một bộ môn như Nhất Linh, Nguyễn Thị Hoàng, Hà Thúc Sinh... Do đó trong phần truyện nói tới 50 tác giả, ký 22, tùy bút 4, kịch 10, thơ 32 nhưng không thể đơn giản cộng những con số đó lại để nói rằng Võ Phiến đề cập tới 118 tác giả.

Sự lựa chọn của Võ Phiến khiến ta nhớ tới một câu trong bài *Những Chuyến Xe Trong Đời* của nhạc sĩ Lê Mộng Bảo mô tả cuộc đời từ đứa trẻ nằm trong xe nôi tới người từ già cõi thế nằm trong xe tang. Đoạn giữa cuộc đời chuyến xe mà người phụ nữ mong đợi là chiếc xe hoa mà nàng hồi hộp bước lên. Nhưng có phải ai cũng bước lên vui vẻ đâu. Bởi vì *"Duyên tơ, có người chỉ một xe đầu, có người vài lần thương đau, có người chẳng bao giờ đâu!"*

Khi giới thiệu Mai Thảo và Thế Uyên, Võ Phiến đã nhấn mạnh về khía cạnh phóng túng trong tác phẩm của hai tác giả này. Ông phân tách thái độ những nhân vật trong *Mười Đêm Ngà Ngọc* và *Cửa Trường Phía Bên Ngoài* mà Mai Thảo đã tuyên ngôn ca tụng tình yêu với nhân vật là những ngươi chồng, người vợ bỏ người hôn phối, bỏ con cái để *bay lên trời cao, ca hát giữa vùng ánh sáng* với những người tình mới (900, 901, 902). Khi nói về Thế Uyên, Võ Phiến tốn nhiều giấy mực về khía cạnh dục tình. Ông dẫn chứng bằng những sự kiện của nhân vật trong truyện Thế Uyên như con gái dậy thì đứa nào cũng dâm nhưng sợ đau, những chuyện liên quan tới giao hợp hay không giao hợp giữa những cặp nhân tình, với em nhỏ mười sáu tuổi, trong hầm trú ẩn nấp bom đạn, dưới gầm giường v.v... (1481).

Bởi đâu Võ Phiến lại thắc mắc nhiều đến thế? Phải chăng vì là một người đã lớn tuổi, đã quen cái đạo lý trọng những nền tảng tinh nhần của Việt Nam xưa cũ ông đã không thể thích hợp với lối sống của xứ sở mới mà ông đang sống. Giở báo ra ta thấy súng ống là trò chơi hợp pháp, trẻ lên ba mang súng của bố ra

chơi, mười một tuổi xách súng bắn chết năm người, đàn ông lấy đàn ông, đàn bà lấy đàn bà được hợp pháp hóa ở một số tiểu bang, một trăm năm mươi phụ nữ cởi truồng giữa đường phố đông người qua lại. Mở ti vi thì thấy những chuyện loạn luân, dâm dục, sa đọa của trai gái vị thành niên, chuyện đổi vợ đổi chồng công khai, chuyện không quen biết bỗng nhiên được giới thiệu và cấp tiền cho đi ngủ khách sạn với nhau, chuyện triệu phú tuyển vợ khi hàng vài chục thiếu nữ chưa quen biết lượn trước mặt để ông lựa chọn như một chợ gà trong các chương trình ti vi chiếu trên cả nước như *Jerry Springer, Change of Heart, Blind Date, Who Want to Marry a Multimillionnaire v.v...* Phải chăng vì lo sợ cho thế hệ thiếu niên Việt Nam quên nền đạo lý Việt Nam cũ nên ông đã nhắn khéo các tác giả Việt Nam đừng đổ dầu thêm nữa.

Khi nói tới một tác giả, Vũ Ngọc Phan theo cách viết mà các tác giả ngoại quốc áp dụng từ lâu nghĩa là viết nguyên tên họ hay biệt hiệu Nguyễn Du, Tú Xương, Khái Hưng mà không có những chữ cụ, ông, bà hay anh, chị đi kèm đằng trước vì nhà văn đủ mọi lứa tuổi và giới tính. Nên khi gọi đủ tên họ là một vinh dự cho danh nhân rồi, giống như khi lấy tên những vị đó đặt tên đường hay những công trình to lớn. Hầu hết nhà văn, nhà báo của ta mặc nhiên chấp nhận điều đó.

Võ Phiến nói thẳng là ông gọi các nhà văn bằng hai tiếng ông, bà trừ với Lê Tất Điều, Nguyễn Mộng Giác ông gọi trống không là Điều, Giác vì là bạn thân lâu năm (819, 824). Như vậy với những nhà văn khác hẳn ông cũng gọi bằng tên họ không thôi. Không hẳn thế, vì Võ Phiến không thống nhất trong cách gọi. Với cây bút đã cửu tuần như Vương Hồng Sển (2283 - 2288) ông chỉ gọi bằng tên họ không thôi như nhiều nhà văn khác, nhưng khá nhiều lần ông gọi ông Bình Nguyên Lộc, ông Mai Thảo, ông Phan Tùng Mai, cụ Vi Huyền Đắc v.v... (515, 896, 2563).

Nhưng cái phần của *VHMN* khiến cho một số độc giả không mấy hài lòng có lẽ chính ở sự lựa chọn tác giả nào để đưa vào sáu cuốn

ĐĂNG TRÌNH

CHIÊM BAO

Ta về thăm quê cũ,
Xóm làng xưa thân thuộc đâu còn.
Đứa cháu giăng cho ta cái võng
dưới tàng cây vú sữa.
Bốn bề yên vắng,
Đồng vọng tiếng chim cu
ngày sắp Tết.
Bìm bịp kêu nước lớn.
Giòng nước đục phù sa
chảy lờ đờ từ ngàm vô ngọn
đem theo những đám lục bình.
Vẫn còn cây dừa lão năm xưa
chim chìa vôi làm ổ trong bộng.
Có con chim sâu nhỏ
chuyền trên cành cây cam còi cọc,
kiến vàng đã bỏ đi.
Hàng rào bông bụp không người tỉa xén,
um tùm
Những chậu kiểng xác xơ
như đời người dâu bể.

Ôn chuyện cũ ấu thơ,
Những ngày xưa rất vội.
Tan như bong bóng mưa.
Ta bỗng thương đời.
Ta bỗng thương mình.
Đời chỉ thế hay sao?
Đêm mịt mù tăm tối,
Trời đất mang mang.
Đốt mẩu nến lên soi
Bạch lạp vẫn sầu muôn thuở trước
Nhỏ hoài lệ trắng xuống thiên thu!

VHMN. Có người thắc mắc vì sao còn thiếu nhiều nhà văn, nhà thơ đã có những tác phẩm xuất sắc chẳng hạn như Đoàn Thêm, Cung Trầm Tưởng, Hà Huyền Chi, Du Tử Lê v.v...

Cũng biết trước là sẽ có người phiền trách về điều đó nên ở trang 506, 507 ông đã trình bày sự thiếu sót sẽ có của ông. Ông viện dẫn người đi trước là Vũ Ngọc Phan và Hoài Thanh. Thực ra thì bộ *Nhà Văn Hiện Đại* hay cuốn *Thi Nhân Việt Nam* không phải là toàn bích, (mà làm sao có được một tác phẩm toàn bích dù viết bởi nhiều người?). Đã có dư luận cho rằng Vũ Ngọc Phan thiếu vô tư khi bỏ quên Nguyễn Bính, mà chọn Nguyễn Giang. Khi chọn Tô Hoài mà quên Nam Cao dù rằng khi đó tài của hai người không biết ai hơn ai khiến nhiều người nói Vũ Ngọc Phan thiên vị vì Tô Hoài khi đó viết cho báo *Hà Nội Tân Văn* mà ông là chủ bút.

Võ Phiến đã lựa chọn những tác giả để giới thiệu vào bộ sách của ông theo nhận xét chủ quan và theo những sách mà ông đọc được. Vì thế cũng có thể có những tác giả thân quen được ông đọc đầy đủ, thấy được cái hay, mà có những cuốn sách hay mà ông vô tình không được biết. Chắc chắn là ông đọc đầy đủ tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Ngọc Tuấn, Lê Tất Điều, Võ Chân Cửu... là những người cộng tác thân thiết với ông hoặc là cùng quê hương Bình Định. Thì cũng như Vũ Ngọc Phan hiểu sâu sắc những người cộng tác trong *Hà Nội Tân Văn* hay Nhất Linh phát hiện sớm và hiểu sâu sắc các cộng tác viên *Phong Hóa, Ngày Nay* hay những người thân trong đại gia đình.

Hơn nữa bộ sách đã mang tên Văn Học Miền Nam thiết tưởng cũng nên nói tới những trào lưu, những tác giả đã gây xôn xao một dạo dù rằng có thể sau này chìm lắng. Để người đọc cũng có thể qua đó biết được cả mặt xôn xao mà hời hợt trong một giai đoạn văn học.

Có thể nói một trong những khó khăn nhất của người viết phê bình văn học vẫn là sự lựa chọn ai để đưa vào sách, đánh giá sao vừa ý mình mà lại hợp lòng đại đa số độc giả, được độc giả cho là hợp ý. Đó cũng là chuyện làm dâu trăm họ, mang lấy nghiệp thì đành chịu mọi búa dìu.

Phương tiện truyền thông tân tiến hơn thì ý kiến, dư luận cũng phổ biến nhiều cách hơn và sâu rộng hơn. Sau khi bộ sách ra đời hẳn Võ Phiến đã đọc nhiều bài nói về công trình của ông, trên báo chí, phát thanh, trên *internet*...

Lời khen, lời giới thiệu dè dặt thường xuất hiện trên báo chí nhưng lời lẽ mạnh bạo nặng nề thường xuất hiện trên internet, phương tiện truyền thông không ai phủ nhận được là tối tân nhất hiện nay. Ngoài những công dụng hữu ích không tiền khoáng hậu, *internet* cũng là con dao hai lưỡi vì cái tự do tuyệt đối của nó. Không ai kiểm duyệt, không có ông chủ bút, chủ nhiệm nào có quyền ý kiến gì về bài của mình cả. Mình làm tác giả kiêm chủ nhiệm, kiêm chủ bút, tự mình phóng bài lên mạng lưới chả ai ngăn cấm. Thế nên mới có những chuyện sex, những chuyện kiểu bảy đêm khoái lạc như vụ Monica Lewinsky được những người có quyền lực tối cao của nước Mỹ cho phép phóng lên, những tuyên ngôn đao đo búa lớn của những tổ chức hay các cá nnhân chẳng biết lý lịch ra sao kêu gọi thế giới, những quảng cáo khoác lác, những bài chửi nhau chát chúa tay đôi, tay ba của các chính đảng hay cá nhân tung hoành qua không gian. Phải chăng vì thế người phát minh ra computer đã sáng suốt nhìn thấy mặt xấu của nó nên đã ngăn ngừa lạm dụng khi đặt ra một thùng rác điện tử mang tên là *recycle bin*.

Với cuốn *Tổng Quan* ra đời mười ba năm trước và sáu cuốn tiếp theo gần đây bộ *Văn Học Miền Nam* dù sao vẫn đáng có trong tủ sách để chúng ta có một số tài liệu tìm hiểu về văn học quốc gia giai đoạn đệ nhất và đệ nhị cộng hòa ở miền Nam. Bộ sách có thể không làm hài lòng mọi người lưu tâm tới văn học nhưng vẫn là một công trình công phu mà ta nên đóng góp ý kiến để cho tác phẩm hoàn hảo hơn.

Cộng sản sau khi chiếm miền Nam Việt Nam đã mở chiến dịch tịch thu, đốt bỏ các tác phẩm văn học bằng những pháp lệnh từ cấp chính phủ. Bây giờ họ còn khôn khéo hơn, cho phép in lại một số rất nhỏ những văn phẩm cũ cho ra vẻ tự do, hòng xóa đi chuyện đốt sách sau 30.4.75 nhưng trong kế hoạch trường kỳ, họ vẫn ngấm ngầm xóa bỏ nền văn học miền Nam.

Trong thực trạng ấy nếu phía chúng ta không có người làm công việc soạn thảo những sách về một nền văn học đã qua và nếu không có người góp ý, ai ai cũng thờ ơ, chẳng làm gì cả mà chỉ ngồi chỉ trích thì lớp trẻ sau này lấy gì để biết về văn học miền Nam đã kéo dài và rạng rỡ suốt hơn hai chục năm ở phần đất chưa rơi vào tay cộng sản.●

Tháng 7. 2000

HOÀNG HẬU TRẺ NHẤT THẾ GIỚI: RANIA CỦA JORDAN

THANH THẢO

Trong vài tuần lễ gần đây, khi những quốc gia Trung Đông đang có những thương lượng lịch sử hầu đem lại cái khung cho nền hòa bình chung cuộc trong vùng, có lẽ ít ai chú ý đến một sự việc, tuy nhỏ thôi, nhưng cũng là một hành động chưa hề xảy ra tại những quốc gia Trung Đông theo Hồi Giáo, đó là sự tháp tùng của Hoàng Hậu Rania thuộc Jordan, cùng các con, theo chồng là Vua Abdullah, thăm viếng quốc gia Saudi Arabia. Giáp ranh những quốc gia Israel, Lebannon, Syria, Iraq và Saudi Arabia, Jordan là một tiểu vương quốc giàu có. Tuy vậy, những quốc gia theo Hồi Giáo có cùng những tập tục, truyền thống lâu đời. Một trong những tập tục đó là coi phụ nữ thuộc giai cấp thấp hơn trong xã hội, với rất ít quyền hạn. Thậm chí, cho đến hôm nay, phụ nữ tại Saudi Arabia còn chưa được quyền lái xe, và khi ra ngoài đường phố phải đeo mạng che mặt. Thế thì sự tháp tùng của hoàng hậu Rania chắc chắn phải bị nhìn là một hành động khó thể chấp nhận tại đây. Hoàng hậu Rania là một người phụ nữ như thế nào? Và bà đã đối phó ra sao khi bị mời ngồi đợi trong phi cơ hoàng gia tại phi trường Saudi trong lúc lễ nghi quốc khách được cử hành để chào đón chồng bà, vua Abdullah?

Hoàng hậu Rania

Rania, 29 tuổi, là hoàng hậu trẻ nhất thế giới hiện nay. Với nhan sắc diễm lệ, trẻ trung, và trí thông minh cùng với kiến thức thâu thập được khi học theo chương trình Tây phương, Rania là biểu tượng của sự thay đổi được mong đợi từ lâu của những thiếu nữ thế hệ mới tại Jordan nói riêng, và cả những quốc gia Trung Đông theo Hồi Giáo, nói chung. Sinh trưởng tại Kuwait, trong một gia đình người Palestine, Rania và song thân đã dời cư từ vùng Tây ngạn sông Jordan vào thập niên (19)60s. Thân phụ là một bác sĩ Y khoa, và ông đã cho cả ba con theo học chương trình Tây phương, do đó, Rania là sự dung hòa của hai nền văn hóa Đông Tây. Kinh nghiệm sống tại những nơi dời cư còn cho Rania một cái nhìn chính xác về hoàn cảnh sống của người Palestine, người Jordan, hoặc vùng lân cận.

Nhưng Rania cho biết bà không hề mơ ước hay nghĩ rằng mình sẽ trở thành hoàng hậu. Khi cả gia đình một lần nữa bị buộc phải dời cư vào năm 1990, vào lúc Iraq lấn chiếm Kuwait, và quân PLO trợ lực cho Iraq, gia đình bà đã đến định cư tại Amman, Jordan. Tại đây, Rania đã nhận công việc làm cho công ty Apple Computer. Vào một buổi chiều đầu năm 1993, khi được mời dự tiệc trong đó có sự hiện diện của Thái Tử Abdullah, hai người đã được giới thiệu. Có lẽ thành ngữ "Tiếng sét Ái Tình" áp dụng rất đúng trong trường hợp này vì tháng Sáu cùng năm, cả hai đã làm lễ thành hôn. Hiện nay vua và hoàng hậu xứ Jordan có hai con và hoàng hậu Rania đang mang thai năm tháng người con thứ ba.

Vua Abdullah cho biết ông rất tin yêu và tôn trọng ý kiến của vợ mình, hoàng hậu Rania, cũng như ông luôn

luôn trợ lực Rania trong tất cả những công việc bà làm. Và cho đến nay, mỗi lúc có những buổi họp báo, ông đều muốn Rania góp ý. Trong khi người dân Jordan và những quốc gia Trung Đông mong đợi Vua của họ và nhất là hoàng hậu Rania nên sống cuộc đời vương giả, và hoàn tất những trách nhiệm gia đình của mình, còn việc chính trị hay xã hội là những điều nên để cho người khác lo, thì hoàng hậu Rania đã gây ra rất nhiều tranh luận về những việc làm của bà. Chẳng hạn, bà đang đụng chạm vào một trong những điều cấm kỵ tại những quốc gia Hồi Giáo Trung Đông, đó là dùng tên tuổi và tiếng nói của mình ủng hộ một cuộc tranh đấu chống lại hủ tục giết con gái vì danh dự gia đình tại những quốc gia này. Những thiếu nữ bị chính cha hay anh em trai của mình giết bằng những phương cách dã man, chỉ vì họ bị mất trinh tiết chẳng hạn. Dù Quốc Hội Jordan đã hai lần bác bỏ dự luật liệt kê hủ tục giết con em vì danh dự này thành tội giết người, bà Rania đã không bỏ cuộc. Đầu năm nay, bà đã trợ giúp một cuộc biểu tình diễn hành qua tòa nhà Quốc Hội để đòi hỏi công lý cho vấn đề này.

Rania cũng dùng cương vị của mình để nói lên tiếng nói chung cho phụ nữ vùng Trung Đông rằng, khác với cái nhìn tổng quát, đóng khung của người ngoại quốc, phụ nữ Trung Đông cũng là những người gặp khó khăn hàng ngày vì phải đương đầu với vấn đề cân bằng công việc làm và bổn phận trong nhà. Hoàng hậu Rania đã nói rằng: "Cái nhìn của người Tây phương là phụ nữ Trung Đông rất bảo thủ... và nhiều khi không có kiến thức học vấn. Trong khi đó, Trung Đông, hay Jordan nói riêng có rất nhiều phụ nữ thông minh, và có tư tưởng cởi mở, nhưng phải tránh đương đầu với khó khăn của hiện trạng xã hội nên chúng tôi đành dùng cách nhẹ nhàng khéo léo hơn khi tranh đấu cho những mục tiêu của phụ nữ." Dùng sự khéo léo trong những từ ngữ để khỏi gây sự bất đồng với cư dân những làng mạc tại Jordan, nơi cho đến nay vẫn là do phái nam cai trị, hoàng hậu Rania đã giải thích việc cho những người phụ nữ nghèo vay tiền là "để giúp mua thêm bánh mì cho gia đình," thay vì "để tăng thêm quyền lực." Khi được hỏi về tệ trạng bạo hành trong gia đình tại xứ này, hoàng hậu Rania đã khéo léo nhấn mạnh rằng bà đang nỗ lực vận động để đem thêm "sự an toàn trong gia đình" cho những phụ nữ bản xứ, thay vì "giảm bớt bạo động trong gia đình."

Trẻ, đẹp và thông minh, bất khuất bạo lực, lại còn có những tư tưởng tiến bộ, dĩ nhiên hoàng hậu Rania không được giới giàu có bảo thủ tại Jordan và những quốc gia Ả Rập ưa thích. Bà đã bị những người trong giới này trêu chọc rằng "Bên dưới lớp áo dài truyền thống và mạng che mặt, hoàng hậu mặc cả một bộ âu phục thời trang danh tiếng." Nhưng trái lại, giới trẻ và những người tranh đấu cho nhân quyền của phụ nữ Ả Rập thì lại ngưỡng mộ bà. Theo lời một nhà tranh đấu trẻ tuổi, cô Asma Khader thì hoàng hậu Rania đang gửi một thông điệp chung cho phụ nữ toàn khối Ả Rập rằng: "Chúng tôi là những người tự tin, có thể hội nhập vào đời sống chung của quần chúng, nhưng vẫn giữ được những giá trị văn hóa của dân tộc Hồi Giáo Trung Đông."

Trở lại với chuyến công du của vua Abdullah và sự tháp tùng của hoàng hậu Rania. Tại Amman, vì không muốn gây sự xáo trộn bất lợi cho chồng, bà đã đợi trong phi cơ cùng hai con. Tuy nhiên, sau khi những lễ nghi quốc khách đã được thực hiện, bà đã tháp tùng chồng tại tất cả những nơi chốn vua Abdullah được mời. Trả lời phóng viên Newsweek, hoàng hậu Rania cho biết: "Tôi không thấy có việc gì lạ lùng trong việc vợ theo chồng công du hết. Mặc dù là một người Ả Rập hoàn toàn từ nguồn gốc cho đến sự giáo dục, nhưng tôi sẽ nói tiếng nói chung của thế giới." Ở kỷ nguyên này, khi hệ thống tin học ngày một phát triển vượt bực, và khi mạng lưới điện toán Internet tạo môi trường mở mang kiến thức, có lẽ khối những quốc gia Ả Rập đang cần thêm nhiều phụ nữ như hoàng hậu Rania của xứ Jordan.

Triển Lãm Quốc Tế Hannover

"EXPO 2000" MỞ ĐƯỜNG VÀO TÂN THẾ KỶ

TỪ NGUYÊN

Sau Tây Ban Nha năm 1992, Bồ Đào Nha năm 1998, đến lượt Đức tổ chức cuộc triển lãm quốc tế năm 2000, mở đường cho thế giới đi vào thiên niên kỷ mới. Đây là lần đầu tiên cường quốc này tổ chức cuộc triển lãm quốc tế

Một cảnh trong Expo 2000

mà trước đây người mình quen gọi là đấu xảo quốc tế. 180 nước trên hoàn vũ, (1) trong đó, chuyện lạ lùng, lại không có nước Mỹ, đã tham dự cuộc họp mặt ở phía bắc nước Đức trong thành phố Hannover và đặt tên là Expo 2000.

Trước thềm thiên niên kỷ, những người đứng ra tổ chức Expo 2000 này mời gọi thế giới suy nghĩ về cảnh sống tương lai của nhân loại. Vì vậy mà nếu các cuộc triển lãm quốc tế trước đây phô trương những tiến bộ kỹ thuật và kỹ nghệ thì Expo 2000 ở Hannover cho thấy bằng cách nào kỹ thuật có thể phục vụ con người mà vẫn gìn giữ được cân bằng với thiên nhiên. Tiêu đề của cuộc triển lãm là : "Con Người - Thiên nhiên - Kỹ thuật : Một thế giới mới An lạc."

Những Nhà riêng

Sáng kiến phô diễn chủ đề được dành cho các nước và các tổ chức quốc tế tham dự. Expo 2000 có chừng hơn 50 nước có khu nhà riêng của mình, một dịp để phô trương tài nghệ cho dân và xứ mình. Nhật Bản làm tòa nhà bằng giấy đã được chế biến, tiếc thay vì lý do kỹ thuật đã bị hạn chế rất nhiều kỳ công. Khu vực của nước Pháp như một khu rừng dưới kiếng. Lâu đài của Hòa Lan, cao 40 thước, trình bày trong năm tầng lầu tất cả thắng cảnh đặc biệt của nước này. Những nước Ả Rập Emirat đưa du khách, trên lưng những con lừa, đi thăm cảnh sống của họ từ thời xa xưa cho tới thời đại văn minh ngày nay... với một khung cảnh sống tiện nghi trong sa mạc.

Một đặc điểm của kỳ triển lãm này là có những khu vực dành cho chủ đề: Với một diện tích 100 000 thước vuông, một khoảng không gian quy tụ 11 cuộc triển lãm nhắm về tương lai: sức khỏe, môi sinh, công việc làm, thực phẩm, năng lượng, cuộc sống trong thế kỷ 21, thông tin, v.v.. rồi đây sẽ như thế nào được trình bày và giải thích sống động trên màn ảnh, trên sân khấu. Ví dụ như cuộc sống hằng ngày trong năm 2030 trên bốn lục địa tại Aix-la-Chapelle, Dakar, Sao Paulo và Thượng Hải. Một chuyến viễn du trên hoàn vũ từ miền Hạ Saxe của nước Đức, 30 năm sau hôm nay.

Tới hết tháng mười

Có ít nhất 18 000 cuộc biểu diễn đủ thứ, đủ loại từ ngày mở cửa 1.6 đến 31.10 trong khuôn viên của Expo 2000 rộng 160 mẫu tây. Mỗi ngày có một cuộc đốt pháo bông "La Flambée" bên bờ hồ Expo 2000. Thanh thiếu niên có chỗ nhảy nhót: một discoteck có tới 4000 chỗ. Đại cương chương trình như sau:

Từ 1 tới 4.6 : Lễ khai mạc Expo 2000 với Manu Dibango, Khaled, Youssou N'Dour, v.v..

8.6 : Hòa nhạc với Santana.

19 đến 25.6 : Trình diễn thể dục, thể thao

21 - 25.6 : Ban nhạc Scorpions và dàn nhạc đại hòa tấu của Berlin

23.6 : Ngày của nước Pháp.

Từ 1.6 đến 30.9 : Đại hội điện ảnh ngoài trời.

6.7 : Trình diễn của

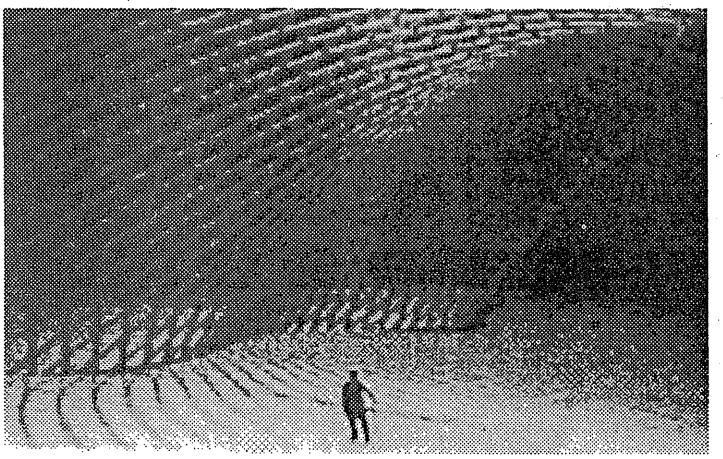

Gian hàng Nhật Bản

Patricia Kaas

22-23.7 : Trình diễn vở kịch "Faust" của Goethe, đạo diễn là Peter Stein (diễn 48 xuất cho đến 17.9)

24.7 : Hòa nhạc của Ray Charles

31.8 : Đại hội Vũ quốc tế (cho tới 1.10)

17-19 : Hòa nhạc của Nina Hagen.

31.10 : Bế mạc.

Chờ đợi: 40 triệu

Ban tổ chức dự trù 40 triệu người tới dự, trung bình 8 triệu mỗi tháng và hơn 250 000 mỗi ngày. (Mở cửa mấy ngày, BTC cảm thấy bi quan hơn nhiều, không biết có tới một nửa số đó không.) Hai năm trước đây, tại Lisbon, người đi xem chỉ tới 10 triệu, nhưng tại Sevilla, Tây ban nha năm 1992, người đi xem lên tới 41,3 triệu. Kỷ lục cho đến nay vẫn là Osaka năm 1970 với 64,2 triệu. Cuộc triển lãm đầu tiên trên thế giới cách đây 150 năm: 1851 ở Luân đôn. (2)

Sau cuộc triển lãm, thành phố tổ chức được hưởng dụng những gì đã được trưng bày. Đó là The Rotunda ở Wien, 1873, Independence Hall ở Philadelphia, 1876, đặc biệt là Tháp Eiffel còn lại cho đến giờ đã khánh thành trong cuộc "đấu xảo" năm 1889. Hay gần đây nhất, Lisbon, thủ đô của Bồ Đào Nha được thêm một cây cầu và một trung tâm hội nghị với máy móc trang bị thật tối tân. Dân chúng giữ nhịp độ làm việc trong những ngày triển lãm vì thế mà Lisbon trở thành một trong thủ đô nhộn nhịp ở Âu châu.

Cũng có người chống

Những người chống đối chính sách "toàn cầu hóa" lại hẹn nhau biểu tình trước cổng Expo 2000. Họ chống điều gì? Chống một nền văn minh "phi nhân," "lệ thuộc vào kỹ thuật," "tư bản thao túng hoạt động kinh tế" và mưu đồ "hồi phục nước Đức của thời trước." Họ kêu nhau từ mạng lưới internet : www.expo-no.de hay www.expo-calypse.de. (Bài này viết trước ngày khai mạc. Bạn đọc muốn biết thêm, nhất là diễn tiến từ ngày khai mạc đến nay xin vào trạm internet của ban tổ chức : www.expo2000.de (TN)

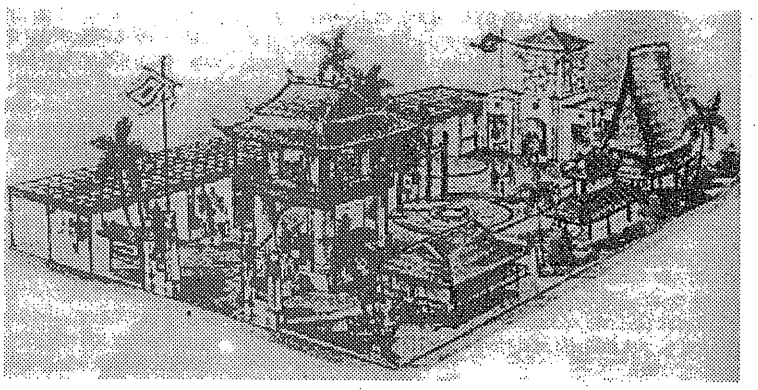

Mô hình gian hàng Việt Nam

Chú thích

1. Trong số có 130 nước đang phát triển, Đông Âu hay Trung Âu mà Công ty Hỗ trợ kỹ thuật Đức GTZ đã thuận cấp ngân khoản 100 triệu DM để các nước nầy dựng khu nhà riêng của mình.

2. Con số của Reuters: 1900 Paris 48,1 triệu người đi coi; 1904 St.-Louis 19,7; 1910 Bruxelles, 13; 1913 Gand, 11; 1915 San Francisco, 18,9; 1935 Bruxelles, 20; 1937 Paris 34; 1939 New York, 44,9; 1958 Bruxelles, 41,5; 1967 Montreal, 50,9; 1970 Osaka 64,2; 1992 Sevilla, 41,3; 1998 Lisbon, 10; 2000 Hannovre, sẽ có bao nhiêu triệu người xem?

EXPO 2000 NẰM CẠNH CHÙA VIÊN GIÁC

Chùa Viên Giác do Thượng Tọa Thích Như Điển trụ trì nằm sát cạnh khuôn viên của Hội chợ triển lãm EXPO 2000 nên khi bạn đọc đến Expo 2000 nên dành thì giờ viếng thăm Chùa. Địa chỉ của Chùa là: Karlsruher str. 6 30519 HANNOVER. Điện thoại 0511 87 96 30, fax.: 0511 87 90 963. e mail : chua@viengiac.de hay viengiactu@t-online.de.

Trong dịp này Chùa cũng đã được tu chỉnh, xếp đặt gọn gàng và trang trí đẹp hơn hầu có thể tiếp đón du khách tới đây tìm hiểu Phật giáo và văn hóa dân tộc Việt Nam. Đại lễ Vu lan năm nay sẽ được tổ chức trong chùa vào trung tuần tháng 8 (từ 18 đến 20 tháng 8).

Bình thường, đồng bào từ xa tới có thể tạm trú trong chùa nếu có thông báo trước nhưng chắc rằng trong dịp này, nhiều tổ chức hội đoàn đã đặt trước người tới sau khó có thể giữ chỗ cho đoàn của mình. Ngay cả chỗ đậu xe cũng không dễ và từ lâu đã có người đặt chỗ rồi. Đây là lần đầu tiên thành phố nầy đón triếp du khách tới hằng chục triệu. ●

MỘT CHUYẾN VIẾNG THĂM TRUNG TÂM VIỆT NAM TẠI ĐẠI HỌC TEXAS TECH - LUBBOCK

HOÀNG QUẾ

Trước khi đi thăm Trung Tâm Việt Nam tại thành phố Bubbock, tôi phải mở bản đồ ra tìm xem thành phố này nằm ở đâu trong bang Texas. Nhiều người ở Hoa kỳ đã lâu cũng chẳng biết Lubbock ở đâu, cứ gì tôi.

Khi trên máy bay từ Dallas-Forth Worth đến Lubbock, nhìn xuống thì thấy những cánh đồng mênh mông, được các máy cày khổng lồ cày theo hình tròn (mô hình tưới nước vòng tròn), tất cả là một màu xanh biếc. Đúng vậy, tháng sáu là mùa trồng bông gòn và chung quanh thành phố Lubbock là các cánh đồng mênh mông của loại cây bông gòn mới chớm lớn.

Mục đích chuyến viếng thăm của tôi tại Đại học Texas Tech tại Lubbock, là thăm Trung Tâm Việt Nam (TTVN) - Việt Nam Center, nơi có văn khố lớn nhất nhì Hoa Kỳ về Việt Nam. Tôi không phải là nhà sử học nhưng nghiên cứu về kinh tế Việt Nam cho nên tôi tò mò đến xứ "cò bay thẳng cánh" này.

Tại phi trường đã có anh Khanh, một người Việt Nam làm tại TTVN ra đón. Anh là một cựu sinh viên Luật và QGHC đã lưu lạc tại Lubbock và nay là cánh tay mặt của ông giám đốc Trung Tâm Việt Nam.

Vừa ra khỏi phi trường, anh đã lái xe cho tôi đi một vòng thành phố để cho tôi một ý niệm tổng quát về Lubbock và trường Đại học Texas Tech. Ở đây, các con đường rộng thênh thang, ít xe và dân chúng lái xe một cách hiền hòa chứ không phải lúc nào cũng tức giận như ở New York, hay gấp rút như ở California. Cũng có thể tài xế ở đây lái xe một cách thong dong vì họ đã quen lái máy cày. Một nét đáng yêu của đời sống nông nghiệp, dù là nông nghiệp cơ giới hóa. Và chỗ nào cũng thấy nhà thờ, các chung cư với nhiều nhà rộng rãi, xây cất theo lối mới rất hữu tình.

Lubbock là một thành phố sạch sẽ, nhà cửa, khu chợ búa được thiết kế thẳng thớm, gọn gẽ. Thành phố cũng có nhiều tiệm ăn Việt Nam, Thái và Tàu. Số người Việt Nam tại đây chừng trên dưới 100 người và coi bộ các tiệm nail VN cũng rất thành công đúng theo một nhận định của một báo Hoa Kỳ cho rằng dân VN đã thành công trong thị trường "nail" cũng như các dân thiểu số khác thành công trong nghành bán rau, chạp phô (Nam Hàn tại New York) hay bán báo (Ấn tại New York). Dân chúng ở Lubbock rất hiền hoà, ngoan đạo và đặc biệt là rất hiếu khách. Thời tiết rất nóng và có lẽ mùa lạnh cũng khá lạnh vì đây là khí hậu lục địa.

Sáng sớm ngày hôm sau, một ngày nóng bức (người ta đi làm sớm như ở Việt Nam), anh Khanh ghé chở tôi đến thăm ban giám đốc của trung tâm. Trung tâm nay đang tạm trú tại một căn nhà chính của ĐH, gần khoa toán của trường ĐH Lubbock. Giáo sư Reckner, giám đốc TTVN là một giáo sư sử học và một cựu sĩ quan hải quân từng làm cố vấn tại vùng bốn chiến thuật Việt Nam. Ông cho biết là đại học Texas Tech (TTU) nằm trong hệ thống ĐH bang Texas, có trên 25,000 sinh viên và có hai trung tâm phụ tại thị xã Amarillo và El Paso.

TTU nằm trong một vùng nông thôn trồng bông, đậu phụng, bắp và nuôi bò, nên trường này chuyên môn về các công nghiệp chế biến phục vụ nông nghiệp (bông gòn, dệt, ngành lạnh, chế hột gòn thành dầu ăn, bảo quản thịt bò...) TTU cũng có một trường Y tế rất lớn nhằm phục vụ cho nông thôn. Họ có chương trình y tế nông thôn qua hệ thống truyền hình (Tele Video medecine). Dịch vụ y tế là đứng thứ hai trong quận Lubbock, sau nông nghiệp.

Nói về TTVN, ông Reckner cho biết về trung tâm và khả năng của trung tâm trong những năm tới. TTVN có một ban hành chính nhỏ, số lớn nhân viên còn lại lo về văn khố. Giáo sư Douglas Pike, người rất quen thuộc trong giới nghiên cứu về Việt Nam và đảng CSVN từ nhiều năm, là biên tập viên tờ "Indochina chronicles" của TTVN.

Trung Tâm Việt Nam

GS Reckner cho biết Trung tâm VN là một văn khố về VN được ngân sách hệ thống Đại học Texas tài trợ và cứ hai năm lại được mang ra xét lại. Ngân sách hệ thống TTU sẽ gánh việc xây dựng TTVN, một trung tâm đồ sộ được ước tính trên 20 triệu US$. Đây là một cố gắng của nhiều người có đính nhiều ít về tình cảm với Việt Nam. TTVN dự trù sẽ có diện tích trên 145,000 sq ft trong đó phân nửa sẽ được dành cho một viện bảo tàng về lịch sử và văn hoá Việt Nam. Ngoài ra TTVN còn có khu về văn khố, các lớp học, các giảng đường dùng cho các buổi thuyết trình về Đông Nam á, về văn hoá hay lịch sử. Việc xây cất TTVN sẽ khởi công vào năm 2001. GS Reckner cũng cho biết là sẽ còn phải mất nhiều công để gây thêm quỹ xây dựng và bổ túc cho TTVN.

Cũng như các ĐH khác tại Hoa Kỳ, ngân sách TTVN trông vào sự tài trợ tư nhân qua các endowment và các đóng góp cá nhân khác. Hội đồng Quản trị của TTVN có Đề Đốc Zumwalt (cựu tổng tham mưu hạm đội 7 HK trong thời kỳ chiến tranh VN, nay đã qua đời), tướng Westmoreland, cựu Đại sứ Bùi Diễm, ông W. P. Bundy, GS D. Pike v.v...

TTVN đã và đang làm những gì?

Liên tiếp trong ba ngày, tôi được anh Khanh dẫn đi thăm văn khố. Người đứng đầu văn khố, một tiến sĩ trẻ rất say mê về VN, dẫn chúng tôi đi tham quan và cắt nghĩa một cách tỉ mỉ và đầy hãnh diện "đất dụng võ" của anh. Với tính chất hiếu khách của dân Texas, anh giới thiệu những thành tựu của Trung tâm. Cuốn catalogue của TTVN dày trên 100 trang, được chia ra nhiều mục chuyên môn, luôn luôn được cập nhật những tài liệu mới.

Một trong những mục đích chính của TTVN là lưu trữ tài liệu về các vấn đề liên quan đến VN. Họ làm việc này để các thế hệ sau có tài liệu gốc để nghiên cứu và đánh giá lịch sử. Hiện giờ TTVN có mấy trăm triệu trang tài liệu gốc, phim, ảnh, băng thu thanh, hình, affiche, tranh, cờ, bản đồ v.v... về:

* Tài liệu chính thức, gồm sách và thư từ của các cơ quan hay tư nhân

* Phim, ảnh, băng cassette tài liệu của tư nhân

* Thư từ của các cơ quan cũ và cựu chiến binh

* Sách vở, ấn phẩm

Văn khố "D. Pike collection" gồm nhiều tài liệu nghiên cứu trong thời giam chiến tranh, tài liệu của Đại sứ E. Bunker thuộc thời gian các "tướng lãnh VN đảo chính," Tết mậu thân, về Quân đội Nhân dân của CS, kháng chiến VN chống cộng sau 1975, về tị nạn VN tại Mỹ... tài liệu thuộc về quá khứ và hiện tại.

Có nhiều tài liệu của quân đội Hoa Kỳ, các tài liệu cá nhân thuộc các đơn vị tác chiến gởi tặng làm tài liệu sử. Nhiều cá nhân tặng TTVN các tài liệu riêng làm chứng cho nhiều thời gian, địa điểm như W. Colby collection (những tài liệu khi ông ta làm Đại sứ tại VN, chương trình CORDS, khi ông ta làm CIA), Bùi Diễm papers (tài liệu nghiên cứu về Việt Nam), V. Croizat papers (về tổ chức các giang đoàn giúp HQVN), vv. Có các bộ tài liệu của Hiệp hội phi công Trực thăng (Việt Nam Helicopter pilot association project), tài liệu của các cố vấn tại VN, đặc biệt tài liệu của VNCH rất phong phú, ví dụ có đầy đủ Công báo Việt Nam từ 1949 đến 1975 (chỉ thiếu có tháng 4 1975), quốc hội, hạ nghị viện, tài liệu Việt Nam Press (Việt Tấn Xã), phim ảnh... có cả microfilm của nhật báo Chính Luận. Công báo VN là do công của ĐS Bùi Diễm đã tìm tòi nhiều nơi kể cả ở bên Pháp và mang về trữ ở đây. TTVN cũng có nhiều vật kỷ niệm như viên gạch của "Hỏa Lò - hay Hanoi Hilton," các cờ của Mặt trận Giải phóng Miền Nam bị quân đội HK bắt được, hình ảnh và phim về chiến dịch Lam Sơn, các trận An Lộc, Quảng Trị, của Nhẩy dù, Biệt Động Quân, TQLC Việt Nam Cộng Hòa...

TTVN còn có nhiều phim ảnh, địa đồ, sách vở, tài liệu thu thanh (oral history) của các chứng nhân kể cả phía CS, ấn phẩm của VNCH cũng như các ấn phẩm hiện nay tại VN.

Khi các tài liệu được gởi tới TTVN, nó được khám nghiệm để trừ mọt, mối hay các loại bọ khác hầu trừ các ảnh hưởng xấu trong việc lưu trữ. Các tài liệu này được vào catalogue và dự trữ trong các thùng theo thứ tự được TTVN định, theo chương trình vi tính và dự trữ trong các phòng được giữ với một nhiệt độ nhất định và được bảo vệ bằng một hệ thống phòng lửa hiện đại. Khi có cháy, hệ thống nước không tưới một lần tất cả như các hệ thống phòng hỏa hiện nay mà chỉ được tưới theo các hệ thống sensor tránh làm hư hỏng các tài liệu dự trữ trong văn khố.

Các tài liệu này nay được trữ tạm tại một nhà cỡ gấp năm lần thư viện Westminster, nơi đa số người VN tại hải ngoại sống, hay bằng

thư viện chính của Đại Học UCI tại Irvine. Điều đặc biệt là tòa nhà này chỉ chứa các tài liệu gốc về VN mà thôi. Các dự án chính của TTVN hiện nay gồm:

* Thu thập các dự kiện về kinh nghiệm HK tại VN
* Thu thập và trữ các tài liệu VNCH
* Khuyến khích học về kinh nghiệm VN
* Trao đổi với các viện ĐH tại VN
* Xây dựng tòa nhà Việt Nam
* Phân tích và trình bầy các dữ kiện về VN, Lào và Cam Bốt
* Thành lập thư viện trên mạng Internet về VN

TTVN cũng có phòng làm việc tối tân cho các người nghiên cứu, sinh viên, học giả đến làm việc tại TTVN. Họ có thể đọc, tham khảo, chụp tài liệu trong phòng làm việc có đủ máy photocopy, máy computer, microfilm, vv.

TTVN đang cố gắng sắp xếp và đưa lên mạng Internet của TTU các tài liệu đang dự trữ tại đây. Đây là một công việc đòi hỏi sự cần cù, nhiều thời gian và nhân lực. Tại đây có rất nhiều sinh viên làm bán thời gian lo tổng kết các tài liệu nhận được và cho vào ngân hàng tài liệu (databank) của TTVN. Trong tương lai các tài liệu của TTVN sẽ được nối liền với mạng của các thư viện Hoa Kỳ để các học giả có thể sưu tầm mà không phải đến Lubbock trừ khi muốn coi tài liệu gốc. Văn khố tại Hà Nội không thể so sánh với Trung tâm này. Trước hết ở đây các tài liệu được tham khảo tự do, và được bảo quản một cách nghiêm chỉnh hầu tránh việc hư hỏng. Mặt khác, tài liệu được đưa lên mạng giúp việc truy tìm được nhanh chóng, trong khi tại VN các tài liệu để ngổn ngang, tìm kiếm rất khó khăn và thường có nhiều thứ được coi là "mật."

TTU cũng đang thương thuyết mua lại các sách được xuất bản tại miền Nam trước 1975. Một phái đoàn TTU do ông Viện trưởng Montford sẽ viếng thăm VN trong tháng Bảy này và phái đoàn này sẽ nêu lên với VN việc này. Viện trưởng Montford là một cựu thượng nghị sĩ của bang Texas và là người ủng hộ TTVN. Ông là cựu công tố viện cho toà án quân sự HK trong thời kỳ chiến tranh VN và đã trở về hành nghề luật sư trong thời gian rất lâu trước khi ra nắm chức viện trưởng TTU. Ông được báo chí coi là người có uy tín nhất Lubbock trong nhiều năm qua và rất thân cận với ông Bush.

Quá khứ cho thấy là tại VN mỗi triều đại nắm quyền đều muốn triệt hạ và tiêu hủy các tài liệu, phá các di tích lịch sử trước họ. CSVN còn độc hơn vì họ có chính sách tiêu diệt hết các tài liệu, mồ mả, tất cả những gì dính đến VNCH. TTVN làm một chuyện mà nhiều thế hệ VN sau này sẽ phải mang ơn vì họ đang cố trữ các tài liệu cho tương lai. Các nhà nghiên cứu lịch sử thế giới hay Việt Nam tương lai có thể dựa vào văn khố lớn lao của TTVN này để nghiên cứu về một thời kỳ đặc biệt, trong đó lần đầu tiên Hoa Kỳ dính líu nhiều đến Việt Nam.

Ngoài vấn đề gìn giữ văn khố, TTVN cũng tổ chức các cuộc hội thảo về các đề tài lịch sử, có sự hiện diện nhiều nhân vật VNCH hay ngay cả CSVN, hoặc giới đại học VN. Tham gia các Hội thảo này năm ngoái (1999) có Đô đốc Zumwalt, Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng, Đỗ Quý Toàn, Lê Văn Tiên, vv. Chủ đề năm 2000 sẽ là kinh nghiệm văn khố trên thế giới.

TTVN của Đại học Texas Tech tại Lubbock đang làm một việc rất cần thiết cho tương lai, nhất là khi các con em chúng ta muốn tìm lại nguồn gốc đất nước của mình và về cuộc chiến tranh Việt Nam. TTVN cũng giúp các tài liệu lịch sử về chiến tranh VN để con em chúng ta có một cái nhìn trung thực hơn về cuộc chiến đấu của VNCH. TTVN cũng sẽ là một bảo tàng viện về văn hoá và lịch sử Việt Nam.

Tóm tắt, TTVN đang cố công sưu tầm, mua lại, lưu trữ các tài liệu liên quan đến Việt Nam, và trong tương lai, đây sẽ là một nơi tốt nhất cho các học giả, sử gia, sinh viên và tất cả những ai muốn nghiên cứu về Việt Nam. Tài liệu từ cả hai miền Nam Bắc Việt Nam trong thời chiến và nhiều loại tài liệu rất phong phú khác sẽ giúp TTVN đóng vai trò ấy một cách tốt đẹp.

TTVN luôn luôn cần sự đóng góp của tất cả người Việt Nam chúng ta, nhất là những người còn các tài liệu gốc, bất cứ dưới dạng ấn phẩm, phim ảnh, hình, băng... Có thể liên lạc:

Dr. J. Reckner, Director of Việt Nam Center
Texas Tech University, PO. Box 41045,
Lubbock, Texas 79409-1045
Tel: (806) 742-3742

Chúng ta cũng có thể liên lạc bằng tiếng Việt với:

Ông Lê Công Khanh, Vietnamese specialist - Texas Tech University, địa chỉ và số điện thoại như trên.

Các bạn ở xa có thể liên lạc và biết thêm về TTVN qua web: http://www.ttu.edu/vietnam/.

LỘT TRẦN HUYỀN THOẠI HỒ CHÍ MINH

TRẦN GIA PHỤNG

(tiếp theo)

5. Huyền thoại giải phóng dân tộc

Trong *Tự phán* hay *Phan Bội Châu niên biểu*, Phan Bội Châu cho biết rằng năm 1920 (canh thân), ông gặp hai nhân vật Liên Xô tại Bắc Kinh là Grigorij Voitinski và một viên tham tán tòa đại sứ Liên Xô tại Bắc Kinh. Khi Phan Bội Châu ngỏ ý muốn nhờ Liên Xô giúp đỡ đưa du học sinh Việt Nam sang Liên Xô du học, viên tham tán nầy chỉ vẽ cặn kẽ, và hứa rằng Liên Xô sẽ giúp đỡ tận tình với điều kiện là phải chấp nhận "*...tín ngưỡng chủ nghĩa cộng sản, học thành rồi về nước tất phải gánh lấy những việc tuyên truyền chủ nghĩa Lao Nông ... ra sức làm những sự nghiệp cách mạng.*" Viên tham tán nầy yêu cầu Phan Bội Châu dùng tiếng Anh viết sách kể hết chân tướng người Pháp. Những đòi hỏi của người Liên Xô về *"tín ngưỡng chủ nghĩa cộng sản"* làm Phan Bội Châu e ngại, nên ông tránh mặt, không gặp lại người Liên Xô. Phan Bội Châu giải thích rằng ông không viết được tiếng Anh, nên ông *"không lấy gì trả lại thịnh ý ấy."* (40) Đây là một lối nói xã giao, chứ thật ông Phan có thể vượt qua vấn đề ngôn ngữ bằng cách nhờ những người khác làm giúp, bằng chứng là Phan Bội Châu không biết tiếng Nhật, nhưng cũng đã nhờ Lương Khải Siêu giới thiệu tiếp xúc với hai chính trị gia Nhật Bản là bá tước Đại Ôi Trọng Tín (Okuma Shigenobu) và tử tước Khuyển Dưỡng Nghị (Inukai Ki). Ngoài ra, giả dụ trong trường hợp Phan Bội Châu thật lòng muốn tiếp xúc, chắc chắn toà đại sứ Liên Xô tại Bắc Kinh có những thông ngôn Hoa ngữ, có thể viết bút đàm với Phan Bội Châu.

Ở đây cần chú ý một điểm là tại Nga, cuộc cách mạng cộng sản diễn ra vào ngày 7-11-1917 (41). Đảng Cộng Sản Liên Xô phải tốn một thời gian từ 1917 đến 1922 để tiêu diệt nhóm Bạch Nga bảo hoàng còn lại ở trong nước, ổn định tình hình nội bộ, nắm quyền thật vững chắc, mới bắt đầu bành trướng thế lực ra nước ngoài vào đầu đầu thập niên 20. Nhu cầu vận động các nước thuộc địa nổi lên tranh đấu chống lại các cường quốc thực dân đang là kẻ thù của Liên Xô nằm trong sách lược nầy. Chính vì vậy mà Nguyễn Ái Quốc được cộng sản quốc tế sắp đặt cho qua Liên Xô để thụ huấn trở thành một thứ "chiến sĩ tiên phong" trong việc truyền bá chủ nghĩa cộng sản ở Á Châu, và cũng chính từ đó mà Nguyễn Ái Quốc đã hình thành quyển *Bản án chế độ thực dân Pháp* năm 1925.

Nếu viên đại diện Liên Xô tại Bắc Kinh yêu cầu Phan Bội Châu phải chấp nhận *"...tín ngưỡng chủ nghĩa cộng sản, học thành rồi về nước tất phải gánh lấy những việc tuyên truyền chủ nghĩa Lao Nông ..."* thì những người Việt khác theo Đệ tam Quốc tế Cộng sản, như Hồ Chí Minh, chắc chắn đều phải làm thế.

Điều đó có nghĩa là khi đến Liên Xô đầu năm 1924, Hồ Chí Minh, lúc đó lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, chắc chắn phải tuyên thệ thực hiện những điều nầy mới được Liên Xô chấp nhận, và **cũng có nghĩa là ngay từ đầu, Hồ Chí Minh chịu làm tay sai cho Liên Xô, biến nước Việt Nam thành một nước cộng sản chư hầu của Liên Xô, và thực hiện nhiệm vụ quốc tế cho Liên Xô, nghĩa là kiếm cách đánh phá những địch thủ của Liên Xô. Hồ Chí Minh và những người cộng sản che giấu rất kỹ điều nầy.** Phải chăng do tâm lý ẩn ức vì cả cha lẫn con đều bị thất bại trên đường quan lại của Pháp, không xin được vào học trường Thuộc Địa Paris để ra làm quan cho Pháp, mà Hồ Chí Minh cam tâm làm như thế, để đạt cho được tham vọng quyền lực mà ông hằng khao khát?

Sau khi làm việc trong phái bộ Borodin tại Trung Hoa, Nguyễn Ái Quốc không được Đệ tam quốc tế tín nhiệm nên bị giữ lại ở Liên Xô một thời gian, từ 1933 đến 1938. Trước khi thế chiến thứ nhì bùng nổ (1939), tại viễn đông, Nhật Bản hoành hành mạnh, tranh giành những quyền lợi của Liên Xô ở Mãn

Châu, và Triều Tiên, nhất là từ khi giới quân phiệt kiểm soát được chính quyền ở Nhật Bản, và thi hành chính sách bành trướng đế quốc (42). **Đệ tam quốc tế cộng sản liền sai Nguyễn Ái Quốc qua Trung Hoa trở lại vào đầu năm 1939 nhằm thực hiện những điệp vụ chống Nhật ở Á Châu.** Để thấy rõ bản chất tay sai cộng sản quốc tế của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam, xin đọc đoạn sau đây của bộ sử do chính các tác giả Hà Nội viết:

"Sau một thời gian nắm tình hình cách mạng Việt Nam và Đông Dương, ngày 10-5-1941, thay mặt Quốc tế Cộng sản, Hồ Chủ tịch triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng Cộng Sản Đông Dương lần thứ 8 ở Pắc Bó. Các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên, cùng một số đại biểu của Xứ uỷ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, và một số đại biểu hoạt động ở nước ngoài đã tham gia Hội nghị.

"Hội nghị phân tích sâu sắc tình hình thế giới và trong nước, vạch rõ triển vọng của cuộc chiến tranh thế giới và khẳng định: Nếu sau Chiến tranh thế giới lần thứ I, xuất hiện nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên là Liên Xô, thì cuộc chiến tranh đế quốc lần này sẽ làm cho cách mạng nhiều nước thành công, sẽ có thêm nhiều nước xã hội chủ nghĩa ra đời. **Đảng nhấn mạnh phải xem cách mạng Việt Nam như một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, lúc nầy là một bộ phận của phong trào dân chủ chống phát xít, đặc biệt là phải tích cực ủng hộ Liên Xô và cách mạng Trung Quốc."** (43)

Vì đã mật kết đi theo con đường cộng sản Liên Xô, Hồ Chí Minh dùng chiêu bài giải phóng đất nước và độc lập dân tộc để dẫn cuộc chiến tranh chống Pháp thành cuộc chiến tranh giữa hai thế lực tư bản và cộng sản, lồng trong khung cảnh nội chiến giữa hai khuynh hướng quốc gia và cộng sản. Trong cuộc xâm lăng miền Nam từ năm 1960, Lê Duẩn, tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam đã từng nói: **"Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc..."** (44)

Như vậy, trước sau như một, Hồ Chí Minh và đảng CSVN luôn luôn kiên định vai trò "lính đánh thuê" cho Liên Xô và Trung Quốc bằng xương máu của dân tộc Việt Nam. **Chính Hồ Chí Minh và đảng CSVN đã đồn các thành phần phần quốc gia về phía phải kiếm cách liên kết với Pháp, và sau nầy với Hoa Kỳ, để chận đứng nạn cộng sản trên đất nước chúng ta, và để khỏi bị cộng sản Việt Nam tiêu diệt.**

Với sự hỗ trợ tích cực của Liên Xô và Trung cộng, cuộc bành trướng của cộng sản tại Việt Nam có thể chia thành ba giai đoạn: (1)thiết lập các căn cứ tại Việt bắc từ đầu thập niên 40 và cướp chính quyền năm 1945; (2) dùng chiêu bài giải phóng và độc lập để kêu gọi dân chúng chống Pháp, và chiếm lĩnh một nửa đất nước, từ vĩ tuyến 17 trở ra bằng hiệp định Genève năm 1954; (3) Hồ Chí Minh và đảng CSVN tiếp tục mở cuộc chiến tranh xâm lăng miền Nam từ năm 1960 cho đến năm 1975.

Khi chưa chiếm được miền Bắc, Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam đã tổ chức cuộc cải cách ruộng đất. Cuộc cải cách nầy được tiếp tục năm 1954 cho đến năm 1956, gây kinh hoàng cho nhân dân miền Bắc, giết chết hàng triệu người, và nhất làm làm tê liệt mọi sức đối kháng của người dân, làm hỏng hết các giềng mối luân lý đạo đức gia đình, con cái tố cha mẹ, vợ chồng tố nhau, anh em tố nhau, bà con không dám nhìn mặt nhau. Một sĩ quan cấp tiểu đoàn trưởng quân đội cộng sản Hà Nội tuyên bố: *"Ông ấy* [chỉ Hồ Chí Minh] *biến những con người lương thiện thành những con quỷ.* **Ông ấy là quỷ vương."** (45)

Về phương diện văn hóa, Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản dẹp bỏ hết các tôn giáo, tịch thu hết sách vở cũ, chỉ cho nhà trường dạy về chủ nghĩa cộng sản, lịch sử cộng sản, những nhà văn nhà thơ cộng sản. Đề thi văn chương ở đại học và trung học chỉ quanh quẩn những bài thơ của Hồ Chí Minh và Tố Hữu. Từ năm 1956 đến năm 1958, các văn nghệ sĩ không ca tụng chế độ cộng sản bị đem ra đấu tố và tù đày trong vụ án gọi là *Nhân văn giai phẩm*. Sau đó, các văn nghệ sĩ muốn sống còn phải im hơi lặng tiếng, viết theo chỉ thị của đảng.

Cuộc đánh phá các văn nghệ sĩ nầy còn nhắm mục đích lâu dài là chận trước các tiếng nói đối lập để họ khỏi cản trở công cuộc xâm lăng miền Nam. Văn nghệ sĩ vốn là những người nhạy cảm trước nỗi đau khổ của đồng bào, nếu để họ tự do ngôn luận, thì khó có thể thi hành kế hoạch xâm lăng mà không bị họ phát hiện hoặc phản đối.

Về phương diện kinh tế, Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản gọi là giải phóng, nhưng đã loại bỏ nền kinh tế tự do, để trói buộc dân Việt vào chính sách kinh tế chỉ huy theo kiểu Liên Xô và Trung Cộng, tịch thu hết đất đai, dồn nông dân vào các hợp tác xã nhà nước, quốc hữu hóa các công ty xí nghiệp của tư nhân. Nền kinh tế Bắc Việt hoàn toàn suy sụp

và kiệt quệ dưới chế độ cộng sản của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh phải nhờ đến viện trợ của Liên Xô và Trung Cộng. Người ta kể rằng một cây kim may cũng phải nhờ Trung Cộng viện trợ. Càng nhờ vả thì càng mất tự do, và phải trả bằng nguyên vật liệu như than đá, quặng sắt ... mà cho đến nay vẫn còn chưa trả hết.

Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản tiếp tục áp dụng chiêu bài giải phóng dân tộc với miền Nam sau năm 1954. Năm 1972, người Hoa Kỳ bắt tay được với Trung Cộng, thay đổi chiến lược chính trị ở Á Châu, tìm cách rút quân ra khỏi Việt Nam. Hiệp định Paris năm 1973 đã đưa Việt Nam Cộng Hòa vào tư thế lúng túng. Cộng sản Bắc Việt, với sự hậu thuẫn hùng hậu của Liên Xô và Trung Cộng, tiến chiếm miền Nam năm 1975.

Những chính sách áp dụng ở miền Bắc năm 1954 lại được đem ra áp dụng ở miền Nam. Về tôn giáo, văn hóa, chính trị, cộng sản buộc miền Nam đi vào quỹ đạo cộng sản. Về kinh tế, lần nầy cộng sản trúng vố bở vì từ năm 1954 đến năm 1975, miền Nam càng ngày càng phồn thịnh, dân chúng giàu có. Cộng Sản lấy được 16 tấn vàng của kho bạc miền Nam, tịch biên tất cả những nhà tư sản mà Hà Nội gọi là "mại bản," (46) đổi tiền nhiều lần để kiểm soát tình hình lưu thông tiền tệ, quốc doanh tất cả công ty xí nghiệp... Miền Nam là vựa thóc của đất nước, nhưng dưới chính sách kinh tế chỉ huy của cộng sản, dân chúng miền Nam đói rách nghèo khổ cùng cực hơn bao giờ cả.

Trong bản tuyên bố ngày 2-9-1945 mà cộng sản gọi là bản tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh viết: "*Chúng* [chỉ thực dân Pháp] *lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong bể máu. Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân... Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến do dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ nguyên liệu. Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng. Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần cùng. Chúng không cho các nhà tư sản ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn...*" (47)

Nay chúng ta ứng dụng những lời do chính tay Hồ Chí Minh viết, và từ miệng Hồ Chí Minh đọc, vào chính sách của chế độ cộng sản ở Việt Nam, như nhà tù nhiều hơn trường học, như quốc hữu hóa đất đai, công ty xí nghiệp, đánh tư sản ... thì nghiệm ra rằng "chúng" là cộng sản chứ chẳng ai khác. (48)

Do những thay đổi ở Trung Cộng khi Đặng Tiểu Bình trở lại cầm quyền năm 1978 sau khi Mao Trạch Đông từ trần (1976), do chủ trương Glasnost (Cởi mở) và Perestroika (Tái cấu trúc) của Gorbachev khi ông lên làm tổng bí thư đảng Cộng Sản Liên Xô năm 1985, do những biến động ở Đông Âu năm 1989, sự sụp đổ của đảng Cộng Sản Liên Xô năm 1991, và nhất là do cuộc cách mạng thông tin liên lạc bằng hệ thống vi tính và mạng lưới viễn thông quốc tế, đảng Cộng Sản Việt Nam không còn bưng bít và gò ép được dân chúng nữa, nên bắt buộc đảng Cộng Sản phải thay đổi về kinh tế, nhưng vẫn độc tôn về chính trị. Khẩu hiệu "Chống Mỹ cứu nước, giải phóng dân tộc" trước đây trong thời chiến tranh, nay trở thành khôi hài với dân chúng và mỉa mai đối với những người đã chết trong cuộc chiến vì khẩu hiệu nầy, khi nhà cầm quyền Hà Nội tha thiết mong mỏi Hoa Kỳ trở lại Việt Nam vào giữa thập niên 90.

Theo nghĩa tầm nguyên, giải phóng là cởi mở ra cho tự do, nghĩa là đưa một cái gì từ tình trạng bị giam hãm kềm kẹp đến tình trạng được thoát ly và tự do, tức từ chỗ xấu đến tốt hơn. Đàng nầy, với đảng CSVN, giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước có nghĩa là biến Việt Nam thành chư hầu của Liên Xô, Trung Quốc, nô lệ hóa dân chúng Việt Nam theo tín điều cộng sản, đặt nhân dân Việt Nam dưới chế độ độc tài, độc đảng, bóc lột, phá hoại, đầy ải và bần cùng hóa nhân dân một cách có hệ thống, có bài bản của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam.

Trong lịch sử Việt Nam, khác với những cuộc chiến tranh giải phóng trước đây, Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản là trường hợp đầu tiên và duy nhất đã lợi dụng tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, khát vọng độc lập tự do của nhân dân, đưa ra chiêu bài giải phóng đất nước, kêu gọi dân chúng theo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, "đế quốc" Mỹ, để áp đặt một chế độ độc tài bóc lột khắc nghiệt hơn cả ngoại bang thực dân. **Lợi dụng khát vọng độc lập tự do của dân tộc Việt Nam để tước đoạt tự do của người Việt Nam, sử dụng xương máu của giống nòi để phục vụ quyền lợi đảng phái riêng tư và quyền lợi của quốc tế cộng sản, là một tội lỗi lịch sử ngàn năm bia miệng...**

6. Huyền thoại "Tư tưởng Hồ Chí Minh"

Sau năm 1975, Việt Nam suy sụp dần dần với chính sách kinh tế chỉ huy và sự cai trị hà khắc của chế độ cộng sản. Cao điểm của sự suy sụp là việc ông Đỗ Mười, uỷ viên bộ Chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam, chỉ huy cuộc cải tạo công thương nghiệp miền Nam, thực chất là đánh "tư sản" năm 1978, ngăn sông cấm chợ, cấm cản tiểu thương, đày ải dân thành thị đến các vùng hoang địa, cưỡng bách lao động trong những công tác thủy lợi thiếu nghiên cứu, tung quân xâm lăng Campuchia, chỉ để tránh sức mạnh của người dân trong nước. Dân chúng đói khổ ta thán, tinh thần cán bộ đảng viên sa sút theo.

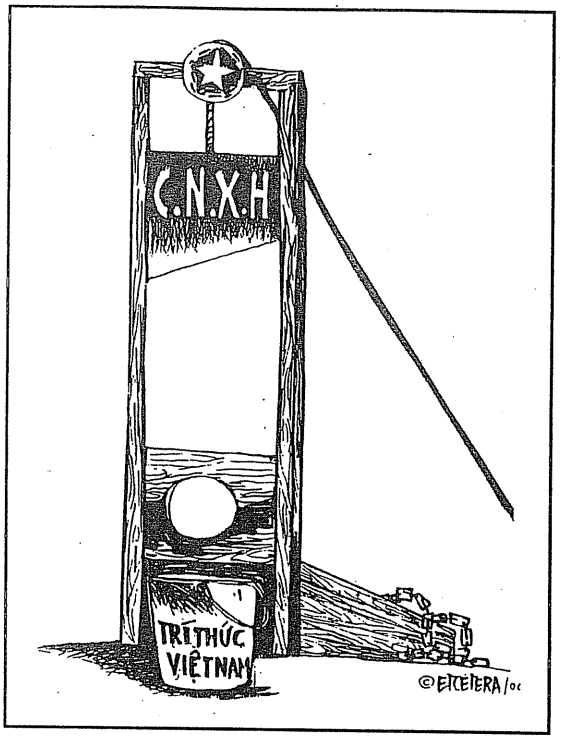

Để kiếm cách tuyên truyền cổ võ dân chúng hưng phấn trở lại, nhà nước cộng sản Hà Nội đánh bóng hình tượng Hồ Chí Minh, đã chết từ năm 1969 trước khi miền Nam bị cưỡng chiếm. Họ tổ chức cuộc "rước đuốc bác Hồ" xuyên Việt, từ lăng mộ Hồ Chí Minh ở Hà Nội lên các tỉnh miền núi Bắc Việt, và quan trọng nhất là từ Hà Nội tiến xuống các tỉnh phía Nam vào khoảng tháng 10-1980, giống như kiểu rước đuốc của nhà độc tài Hitler năm 1933 ở Nuremberg (Đức).

Ánh đuốc bập bùng lung linh gây không khí huyền hoặc theo nghi lễ cổ xưa cũng không làm tan đi băng giá lạnh lùng trong tâm hồn dân chúng Việt Nam đã triền miên khổ đau vì nạn độc tài cộng sản. Càng về nam, dân chúng càng ít hưởng ứng, nên sau chặng đường từ Tuy Hòa vào Nha Trang thì cuộc rước đuốc tan rã. Dân chúng cần cái ăn cái mặc, chứ không phải là những lời nói suông. Vì không xuống quá Nha Trang, do đó ở Sài Gòn và trong nam, dân chúng ít nghe biết chuyện rước đuốc nầy.

Năm 1989, Đông Âu bắt đầu biến động và thoát khỏi đế quốc Liên Xô. Sau đó đến lượt Liên Xô, chiếc nôi của Cộng Sản Quốc Tế, sụp đổ năm 1991. Khẩu hiệu chiến lược hàng đầu mà đảng Cộng Sản Việt Nam thường sử dụng: *"Chủ nghĩa Mác - Lê bách chiến bách thắng"* không còn hiệu nghiệm. Đảng CSVN lâm vào tình trạng lúng túng, không biết làm sao tiếp tục tuyên truyền với đảng viên và dân chúng, vì nói rằng chủ nghĩa Mác-Lê bách chiến bách thắng, nay sao lại sụp đổ tan tành chóng vánh ngay tại quê hương của Lenin? Đảng CSVN vội quay qua cầu cứu Hồ Chí Minh lần nữa, đưa thêm "tư tưởng Hồ Chí Minh" tiếp theo sau chủ nghĩa Mác Lê, nghĩa là từ nay nền tảng của ý thức hệ cộng sản Hà Nội là chủ nghĩa Mác xít - Lê nin nít và tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó mới xuất hiện chuyện "tư tưởng Hồ Chí Minh". Điều 4 chương 1 hiến pháp năm 1992 của cộng sản Hà Nội chính thức công khai việc nầy.(49)

Tưởng cũng nên thêm ở đây, khi Liên Xô sụp đổ, ở Hà Nội việc duy trì xác ướp Hồ Chí Minh gặp khó khăn cả về kỹ thuật lẫn tài chánh. Người ta đã nghĩ đến việc thiêu xác ông ta. Việc nầy đã được báo chí và đài phát thanh nói đến, nhưng do nhu cầu chính trị cần nêu cao "tư tưởng Hồ Chí Minh," nên Hồ Chí Minh vẫn còn được nằm trong ngôi mộ đồ sộ ở Hà Nội với sự cố vấn của các chuyên gia Nga.

Hồ Chí Minh từ trần ngày 2-9-1969, nhưng Lê Duẩn và bộ chính trị đảng CSVN sợ xui xẻo vì trùng với ngày quốc khánh của Hà Nội, đã sửa đổi ngày chết là 3-9, và sửa đổi luôn cả chúc thư của Hồ Chí Minh. (50) Đồng thời đảng CSVN xây dựng nấm mồ Hồ Chí Minh thật đồ sộ, tốn kém, gọi là lăng theo từ ngữ vua chúa thời quân chủ, nhằm lợi dụng huyền thoại và nấm mồ bề thế Hồ Chí Minh để uy hiếp tinh thần dân chúng, và tạo hào quang cho những kẻ kế thừa. (51)

"Tư tưởng Hồ Chí Minh" là gì? Không thấy đảng Cộng Sản Việt Nam trình bày một cách

có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Có người đã từng hỏi Hồ Chí Minh vì sao ông không viết sách về lý thuyết cộng sản, thì ông trả lời ông không cần viết, vì đã có Mao Trạch Đông viết rồi. (52) Hồ Chí Minh không có tư tưởng gì, nên những kẻ thừa kế tha hồ vẽ vời sáng tác mọi chính sách và gắn cho nhãn hiệu Hồ Chí Minh.

Theo dõi những bài diễn văn, những khẩu hiệu do ông Hồ đưa ra, mọi người đều nhận biết rõ ràng tất cả đều do ông Hồ cóp nhặt từ các nhà tư tưởng văn hóa và chính trị đông tây. Ví dụ bài diễn văn khai sinh chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do ông Hồ đọc ngày 2-9-1945, thường được đảng Cộng Sản gọi là bản "Tuyên ngôn độc lập," hoàn toàn vay mượn của các văn bản Pháp và Mỹ. (53) Mọi người sẽ không lấy làm lạ nếu biết rằng người giúp ông Hồ viết bản văn nầy là một thiếu tá người Hoa Kỳ, Archimedes L. A. Patti. (54)

Trong bài nói chuyện tại lớp học tập chính trị khoảng hơn 3.000 giáo viên cấp 2 và cấp 3 miền Bắc (dạy từ lớp 6 đến lớp 12 trung học), do bộ Giáo Dục tổ chức tại Hà Nội ngày 13-9-1958, Hồ Chí Minh viết: *"Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người."* (Báo Nhân Dân ngày 14-9-1958) Câu khẩu hiệu nầy được sách vở Cộng Sản xem là tư tưởng vĩ đại của Hồ Chí Minh về kế hoạch đào tạo nhân tài cho đất nước, thật ra là câu nói của Quản Trọng các đây hơn hai ngàn năm. (55)

Một trong những khẩu hiệu hàng đầu được xem là tư tưởng Hồ Chí Minh để huấn luyện và giáo dục cán bộ cộng sản là *"Chí công vô tư, cần kiệm liêm chính,"* thật ra rút từ lời dạy của Nho giáo cũng đã trên 2.000 năm. Với các phạm trù nầy, Nho giáo đã đào tạo không biết bao nhiêu thế hệ quan lại thanh liêm trước đây phục vụ quần chúng. Ngược lại, lời sao chép của Hồ Chí Minh chỉ là cái vỏ bọc che đậy một hệ thống cầm quyền tham ô nhũng lạm từ trên xuống dưới, mà bất cứ người nào ở trong cũng như ngoài nước, kể cả người ngoại quốc đều biết.

Còn việc Hồ Chí Minh bảo rằng *"Không có gì quý hơn độc lập tự do,"* thì mọi người đều đã biết, chính nhờ lợi dụng tinh thần độc lập dân tộc và lòng yêu thích tự do của dân chúng mà Hồ Chí Minh và đảng CSVN đã đưa dân tộc Việt Nam vào vòng nô lệ cộng sản Nga Hoa.

Nêu lên vài ví dụ trên đây để thấy rằng những điều gọi là tư tưởng Hồ Chí Minh, chỉ là sự cóp nhặt danh ngôn của những vĩ nhân thế giới, rồi đề tên họ Hồ vào. Sở dĩ ông Hồ và các thuộc hạ của ông mạnh dạn mượn tư tưởng của người khác làm của ông Hồ, vì từ năm 1954 đến 1975, Bắc Việt sống hoàn toàn bưng bít, không có bất cứ một sách vở xưa cũ hay một phương tiện truyền thông nào đến với dân chúng, ngoài sách đảng, báo đảng, và đài phát thanh đảng. Trong tình hình đó, Hồ Chí Minh muốn cóp nhặt của ai thì tha hồ mà cóp nhặt, không ai biết gì để có thể so sánh. Rủi ro có người nào phát hiện, người đó cũng không dám lên tiếng dưới chế độ độc tài của ông. Ngay cái tên "Nguyễn Ái Quốc," ông Hồ mượn của Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường và Nguyễn Thế Truyền (56), và cái tên "Hồ Chí Minh" ông Hồ mượn của Hồ Học Lãm (57). Chẳng những lấy tên "Hồ Chí Minh" của Hồ Học Lãm, năm 1940, Nguyễn Ái Quốc còn chiếm dụng luôn danh xưng Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội gọi tắt là Việt Minh do Hồ Học Lãm và Nguyễn Hải Thần lập ra ở Nam Kinh (Trung Hoa) vào năm 1936 để đánh lừa những người yêu nước Việt Nam và cả chính quyền Trung Hoa để được giúp đỡ.

Theo tài liệu của đảng Cộng Sản Việt Nam, *Bản án chế độ thực dân Pháp* do Nguyễn Ái Quốc đưa ra năm 1922, do chính ông khởi viết từ 1921 (58). Thật ra, Nguyễn Ái Quốc không viết được sách nầy, vì lúc đó ông ta không đủ trình độ Pháp văn để viết sách, (59) và ông ta đã cóp nội dung bài "Đông Dương chính trị luận" của Phan Chu Trinh (đã được Jules Roux, bạn của Phan Chu Trinh, dịch ra tiếng Pháp để gởi cho chính phủ Pháp và Albert Sarraut sắp qua làm toàn quyền Đông Dương). *"Bài nầy Quốc chỉ sửa chút ít, viết lại đề tựa khác 'Bản án chế độ thực dân Pháp,' nhờ luật sư Phan Văn Trường sửa chữa, viết lại nhiều trang, viết lời tựa trước khi in và phổ biến."* (60)

Chẳng những ông Hồ "mượn" tư tưởng vĩ nhân thế giới làm tư tưởng của mình, cóp sách của người khác rồi sửa chữa làm sách của mình, ông ta còn mượn luôn thơ của người khác để làm thơ mình. Tác phẩm được coi là nổi tiếng của họ Hồ là *Ngục trung nhật ký* [Nhật ký trong tù]. Nhà nghiên cứu Lê Hữu Mục đã phân tách tỉ mỉ tác phẩm nầy và đi đến kết luận như sau: *"Phần phân tích ở trên chứng thực già Lý là chủ nhân của những bài thơ xây dựng theo kĩ thuật thơ Đường; những bài thơ nầy chiếm hết ba phần tư tác phẩm. Phần còn lại có thể coi là của Hồ Chí Minh. Tôi chỉ nói là*

có thể vì tôi không khẳng định được rõ ràng bài thơ nào đích thực là của Hồ Chí Minh, bài thơ nào thuộc về các tác giả khác." (61) Từ phát hiện của nhà nghiên cứu Lê Hữu Mục, có lẽ cũng cần nên cẩn án lại cẩn thận những tác phẩm mang tên Hồ Chí Minh có phải thực sự của ông ta không? (62)

Không biết ông Hồ đã tự cóp nhặt hoặc đạo văn, hay những thuộc hạ của ông muốn tâng bốc ông Hồ, đã cóp nhặt và đạo văn giúp cho ông Hồ. Nếu như thế thì họ đã hại hình tượng Hồ Chí Minh của họ. Tai hại một cách công khai nhất là bộ chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam đã thêm phần "tư tưởng Hồ Chí Minh" sau chủ nghĩa Mác-Lê. Hồ Chí Minh không bao giờ là một nhà tư tưởng, cũng không phải là một lý thuyết gia chính trị. Trong sách *Ho Chi Minh,* Jean Lacouture đã ít nhất hai lần nói rằng ông Hồ không phải là một lý thuyết gia, dù lúc viết sách nầy Lacouture là một ký giả còn thiên tả. (63) Mọi người đều đã từng nghe nói đến Marxism (Mác-xít), Leninism (Lênin-nít), Stalinism (Xítalin-nít), Titoism (Titô-ít), Maoism (Mao-ít), nhưng không bao giờ nghe nói đến "Hoism" (Hồ-ít). (64) Ông Hồ thật sự chỉ là một nhà chính trị giỏi thực hành, một chiến thuật gia (tactician), ứng biến mau lẹ, có tài đóng kịch, đặc biệt rất sắt máu và tàn ác dị thường. (65) Việc bộ chính trị đảng CSVN đề cao tư tưởng Hồ Chí Minh, công khai đưa vào hiến pháp, làm cho người ta càng thêm chú ý, và càng để lộ trước mặt mọi người rằng ông Hồ chẳng có tư tưởng nào đặc sắc. (66)

Sau sự sụp đổ của các đảng cộng sản tại Liên Xô và Đông Âu, bộ chính trị đảng CSVN tưởng rằng thổi phồng huyền thoại "tư tưởng Hồ Chí Minh" nhằm gây hưng phấn dân chúng. Thực chất việc trên đã làm cho chủ nghĩa nầy càng thêm mất ý nghĩa và không quyến rũ được ai. Ngày nay, chủ nghĩa Mác-Lê, và hình tượng Hồ Chí Minh chỉ còn là chiếc phao để đảng Cộng Sản duy trì quyền lực độc đảng độc tài dựa trên bạo lực mà thôi. **Trong khi đó, dư luận trong nước cũng như trên thế giới đều lên tiếng hô hào loại bỏ điều 4 hiến pháp 1992, nghĩa là chẳng những loại bỏ đặc quyền tối thượng của đảng CSVN, mà còn loại bỏ luôn chủ thuyết Mac xít - Lê nin nít và cái gọi là "tư tưởng Hồ Chí Minh."**

Tóm lại, những huyền thoại về Hồ Chí Minh do ông tự tạo ra, hay do các thuộc hạ của ông dựng nên, đều là những phấn son giả tạo tô điểm hình tượng Hồ Chí Minh (67). Phải thẳng thắn thừa nhận rằng những huyền thoại nầy một thời đã đánh lừa được nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Gần đây, trong một cuộc phỏng vấn, sử gia Jean Louis Margolin, giáo sư tại Université de Provence (Pháp), tác giả sách *Livre Noir du Communisme* [Sách đen chủ nghĩa cộng sản], đã nói: *"Thành thật mà nói, vào những năm 60, tôi đã từng xuống đường biểu tình ủng hộ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, tôi đã từng reo mừng với những cuộc chiến thắng tại Cam-bốt cũng như tại Việt Nam. Tôi từng nghe nói đến những vụ tàn sát Tết Mậu Thân 68, nhưng tôi tin và nghĩ rằng đó chỉ là sự tuyên truyền của Mỹ. Không phải chỉ một mình tôi, mà tôi tin rằng rất nhiều người cùng thời với tôi đã bị sai lầm vì những tuyên truyền sai lạc của cộng sản." (68) Dần dần, dòng sông thời gian đã rửa sạch lớp phấn son giả tạo, làm bay đi những huyền thoại, để lộ ra khuôn mặt thật của Hồ Chí Minh. Cũng phải thẳng thắn thừa nhận rằng Hồ Chí Minh là một nhân vật lớn của lịch sử hiện đại Việt Nam. Ông đã lập nhiều thành tích đáng kể và đáng nể. Những thành tích nầy tốt hay xấu, có lợi hay có hại cho nhân dân Việt Nam, đó là sự phán xét của nhân dân. Lột trần những huyền thoại Hồ Chí Minh là việc làm cần thiết để trả lại cho Nguyễn Sinh Cung những gì thật sự của Nguyễn Sinh Cung.*

Chú thích

40. *Phan Bội Châu niên biểu,* đăng trong *Phan Bội Châu toàn tập* [gồm 10 tập], tập 6, do Chương Thâu sưu tầm và biên soạn, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1990, tr. 272.

41. Nếu theo lịch mới do giáo hoàng Grégoire 13 (giáo nhiệm từ 1572-1585) ban hành, và hiện đang áp dụng trên toàn thế giới, cuộc cách mạng Nga xảy ra vào ngày 7-11-1917. Cuộc cách mạng nầy thường được gọi là "Cách mạng tháng 10" vì lúc đó, Nga chưa dùng lịch Gregoire, vẫn còn dùng lịch cũ đặt ra từ thời Julius Caesar (102-44 tr.CN). Ngày 7-11 lịch mới là ngày 26-10 lịch cũ.

42. Cuộc tranh chấp Nhật Nga bắt đầu từ sau khi Minh Trị thiên hoàng (trị vì 1868-1912) canh tân nước Nhật và đưa Nhật Bản lên hàng cường quốc. Năm 1905, Nhật đại thắng Nga tại Đối Mã (Tsushima), nằm trong eo biển giữa Nhật Bản và Triều Tiên. Do trung gian của Hoa Kỳ, hai bên ký kết hòa ước Portsmouth, (New Hampshire, đông bắc Hoa Kỳ) ngày 5-9-1905. Hòa ước nầy thừa nhận ưu thế của Nhật tại Triều Tiên, đồng thời Nga chịu nhường cho Nhật tất cả những quyền lợi chính trị và kinh tế ở nam Mãn Châu, kể cả bán

đảo Liêu Đông (Liaotung) cũng như ở miền nam đảo Saklalin. Từ đó cho đến khi thế chiến thứ nhì bắt đầu, Nga, rồi Liên Xô mất dần hết những quyền lợi ở Mãn Châu và Triều Tiên.

43. Nguyễn Khánh Toàn, *sđd.* tt. 320-321. Những chữ viết hoa theo nguyên bản. Dòng in đậm do người viết nhấn mạnh.

44. Vũ Thư Hiên, *sđd.* tr. 422, phần chú thích.

45. Vũ Thư Hiên, *sđd.* tr. 249.

46. Mại bản (comprador) : từ ngữ được dùng khi Trung Hoa tiếp xúc với Tây phương, để chỉ những người địa phương làm trung gian buôn bán với các doanh nghiệp nước ngoài.

47. Trần Dân Tiên, *sđd.* tr. 113.

48. Đề nghị một tòa báo hay một tư nhân nào thử lấy đoạn văn trên, đừng ghi xuất xứ từ bản tuyên bố ngày 2-9-1945 của Hồ Chí Minh, đặt câu hỏi trắc nghiệm với người Việt ở ngoài cũng như ở trong nước: "Chúng" là ai? Chắc chắn kết quả trả lời chữ "chúng" là cộng sản Việt Nam.

49. Sau đây là nguyên văn điều 4 chương 1 của hiến pháp năm 1992 của chế độ cộng sản Hà Nội: *"Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc,* **theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.** *Mọi tổ chức cửa đảng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật." (Tài liệu rút từ Internet). Điều 4 nầy chẳng những chính thức xác nhận bên cạnh chủ nghĩa Mác Lênin, "tư tưởng Hồ Chí Minh" là kim chỉ nam hành động của đảng CSVN, mà còn đặt đảng CSVN đứng trên hiến pháp, và mọi quyền hành trong nước đều nằm trong tay đảng CSVN vì "là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội."*

50. Thành Tín, tức Bùi Tín, *Hoa xuyên tuyết,* tr. 118.

51. Chẳng những việc xây lăng và bảo vệ xác ướp rất tốn kém, việc duy trì lực lượng quân sự để bảo vệ lăng cũng vô cùng tốn kém từ 1969 đến nay. Tư lệnh quân đội bảo về lăng là một sĩ quan cấp tướng, với ít nhất hai tiểu đoàn chính quy, và không biết bao nhiêu cảnh sát vừa nổi vừa chìm đứng gác, với một lượng điện và nước tiêu dùng bằng một quận lớn, trong khi dân chúng thiếu thốn.

52. Oliver Todd, *bđd., sđd.* tr. 277.

53. Lời mở đầu của bản tuyên bố ngày 2-9-1945 mang âm hưởng Pháp và Mỹ:
"Hỡi đồng bào cả nước,
"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng.
"Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được tự do sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc."
"Lời bất hủ ấy trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.
"Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:
"Người ta sinh ra tự do bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi."
"Đó là những lẽ không ai chối cãi được..." (Trần Dân Tiên, *sđd.* tr. 112.)

54. Stanley Karnow, *sđd.* tr. 138.

55. Quản Trọng: Tên là Quản Di Ngô, năm sinh năm và mất không rõ, sống vào thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên. Ông làm tể tướng, phò Tề Hoàn Công lập bá nghiệp thời Xuân Thu (722-479 tr CN). Ông có công trong cải cách kinh doanh, thuế vụ, được Tề Hoàn Công kính trọng gọi là "Trọng phụ"(cha già), nên người đời gọi là Quản Trọng. Quản Trọng cho hành nghề mãi dâm công khai và đánh thuế, nên ông cũng được thờ là tổ lầu xanh và là thần "Bạch mi" (Lông mày trắng). Tác phẩm để lại: Quản Tử, gồm những tư tưởng triết lý chính trị. Câu của Quản Trọng là: *"Nhất niên chi kế tại ư thụ cốc; thập niên chi kế tại ư thụ mộc; bách niên chi kế tại ư thụ nhân"* (Kế một năm trồng lúa, kế mười năm trồng cây, kế trăm năm trồng người.) Ban sáng lập viện Đại học Đà Lạt, Việt Nam Cộng Hòa, dùng ý câu nầy làm phương châm "Thụ Nhân" của nhà trường.

56. Nguyễn Thế Anh, bđd., *sđd.* tr. 29.

57. Chính Đạo, *Việt Nam niên biểu nhân vật chí,* Nxb. Văn Hóa, Houston, 1997, tt. 168-169. Lữ Giang, *sđd.* tt. 110-111. Hồ Học Lãm (? - 1942): Người Quỳnh Đôi, Nghệ An, qua Nhật theo cụ Phan Bội Châu trong cuộc Đông du (1905-1908). Năm 1909, ông bị trục xuất khỏi Nhật, qua Trung Hoa, học khóa 2 sĩ quan Bảo Định Quân, rồi phục vụ trong quân đội Trung Hoa. Trong thập niên 1920, Hồ Học Lãm sống ở Hàng Châu, giao thiệp thân cận với Cường Để, Phan Bội Châu và những nhà cách mạng Việt Nam ở Trung Hoa. Có thể nói ông là gạch nối giữa những nhà hoạt động cách mạng Trung Hoa và Việt Nam. Ông lấy tên Hồ Chí Minh khoảng năm 1937. Tên nầy được Nguyễn Ái Quốc "mượn" dùng lần đầu khoảng cuối 1940.

58. BNCLSĐ, *sđd.* tr. 29.

59. Tờ trình của viên chánh kiểm soát quân đội và người Đông Dương tại Pháp, gởi toàn quyền ngày 12-9-1923, nói về việc Nguyễn Ái Quốc viết và nói tiếng Pháp như sau: *"...Những bài ký tên Nguyễn*

Ái Quốc không phải do ông ta viết... Người Việt Nam ấy [Nguyễn Ái Quốc] chưa đủ khả năng nói và viết tiếng Pháp trôi chảy..." (Hứa Hoành, *Những phú hộ lừng danh,* Nxb. Văn Hóa, Houston, TX, 1999, tr. 226, trích dẫn tài liệu của Đặng Hữu Thụ, *Nhà cách mạng Nguyễn Thế Truyền,* tr. 124.) Điều nầy hữu lý vì Nguyễn Ái Quốc tức Nguyễn Sinh Cung (hay Côn) học chưa hết năm thứ nhất trường Cao đẳng tiểu học Quốc Học (tương đương với lớp 6 Trung học đệ nhất cấp ngày nay) thì đã bỏ học vào tháng 4-1908.

60. Hứa Hoành, *sđd.* tr. 224.

61. Lê Hữu Mục, *Hồ Chí Minh không phải là tác giả "Ngục trung nhật ký,"* Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, Canada, 1990, tr. 94. "Ông già họ Lý," người bị giam chung với họ Hồ vào đầu thập niên 30 tại khám lớn Victoria ở Hồng Kông.

62. Gần đây, tuyển tập *Quốc Học, trường tôi* do nhà xuất bản Thuận Hóa ấn hành tại Huế năm 1996 có đăng bài thơ "Tầm hữu vị ngộ" của Hồ Chí Minh. Tuyển tập trên chú giải rằng bài thơ nầy của Hồ Chí Minh gởi cho Võ Nguyên Giáp năm 1954, và "mới được phát hiện." Theo ông Tuệ Quang Tôn Thất Tuệ, trong bài "Ai là tác giả bài Tầm hữu vị ngộ?", tạp chí *Hương Văn,* California, số 5, 2-1999, tt. 91-96, nếu nói rằng bài thơ nầy của một lãnh tụ (Hồ Chí Minh) tặng cho một ông tướng (Võ Nguyên Giáp), được sáng tác năm 1954, mà sao đến năm 1990 mới phát hiện? Hai người nầy đều là những nhân vật quan trọng đầu não của chế độ Hà Nội, mà sao bài thơ có thể thất lạc một thời gian dài? Ông Tuệ Quang đi sâu vào chi tiết bài thơ và nhận xét: "*Tóm lại, bài thơ 'Tầm hữu vị ngộ,' xét về hình thức lẫn nội dung, không phù hợp với thi cách và khuynh hướng của ông Hồ.*"

63. Jean Lacouture *sđd.* tt. 58, 153: (1) tr. 58: Lacouture trình bày nhận xét của đảng viên cộng sản Pháp Joseph Ducroux, cùng hoạt động với họ Hồ ở Trung Hoa: "*He devoted little time to doctrinal wranglings. He was first and foremost a militant, an organizer.*" (Ông ta ít dành thời giờ để bàn cãi chủ thuyết. Trước hết và trên hết ông là một người tranh đấu, một nhà tổ chức.) (2) tr. 153: "*Ho ... has never been a theorist like Truong Chinh.*" (Hồ ... chưa bao giờ là lý thuyết gia như Trường Chinh.) Từ gần cuối thập niên 60 trở đi, khi chứng kiến chính sách hiếu chiến và tàn bạo của cộng sản, Jean Lacouture mới thấy mình sai lầm, dần dần từ bỏ lập trường thiên tả.

64. Charles Fenn, *sđd.* tr. 47.

65. Vũ Thư Hiên, *sđd.* tr. 459. Oliver Todd, bđd., *sđd.* tr. 276, 295.

66. Gần đây, trên tạp chí *Cộng sản* số 24 ra ngày 15-12-1999 có đăng bài "Tư tưởng Hồ Chí Minh với quá trình trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta" của ông Võ Nguyên Giáp, đại tướng hưu trí quân đội cộng sản, được báo *Lao Động* đăng lại và đưa lên trang Web ngày 20-12-1999. Trong bài này, về tư tưởng Hồ Chí Minh, có đoạn ông Võ viết: "*Đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã có một chuyển biến nhảy vọt về chất, giải phóng dân tộc đã gắn với giải phóng giai cấp, giải phóng con người, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, chủ ngĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế chân chính.*" Thật ra, chính Lenin đã dùng chiêu bài giải phóng và độc lập dân tộc, xúi giục các nước bị trị đứng lên chống các nước tư bản đế quốc, vì các nước tư bản lúc đó là địch thủ của Liên Xô, đồng thời để bành trướng chủ nghĩa cộng sản, hình thành ra một loại đế quốc đỏ mới do Liên Xô lãnh đạo. Cũng vì Hồ Chí Minh đã có "tư tưởng" gắn liền với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa quốc tế cộng sản nên Việt Nam mới bị chiến tranh triền miên, và bị đói khổ như ngày nay. Bài viết của ông Võ cũng không đưa ra được thế nào là tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoài những luận điệu tuyên truyền để huấn luyện quân đội cộng sản mà thôi.

67. Sau đây là cuộc đối thoại giữa Oliver Todd và Nguyễn Khắc Viện, một tác giả cộng sản: "*Tôi đùa với Viện: 'Nếu Hồ không có thực thì chắc ông đã sáng chế ra.' Viện cười ha hả: 'Lẽ dĩ nhiên, ông nên nhớ rằng nước chúng tôi trước hết là một nước nông nghiệp, chúng tôi thích thần thoại. Huyền thoại và huyền thoại, phải công nhận là huyền thoại do chúng tôi tạo ra thật là hấp dẫn.'*" (*Oliver Todd, bđd., sđd.* tt. 273-274.) Để hiểu thêm cung cách ngụy tạo huyền thoại của cộng sản, hãy cùng đọc đoạn sau đây của Trần Đăng Khoa. Năm 1998 ở trong nước, Trần Đăng Khoa ấn hành tác phẩm *Chân dung và đối thoại,* trong đó có bài "Tố Hữu và bài thơ Hoan hô chiến sĩ Điện Biên." Trong bài nầy, Trần Đăng Khoa kể lại rằng, trong một lần nói chuyện, ông ta đã hỏi Tố Hữu: "*Thế từ lúc mở màn đến khi kết thúc chiến dịch, anh có lên Điện Biên bao giờ không? " Tố Hữu trả lời: "Không! Nào mình có biết Điện Biên ở đâu mà đi. Đi sao được... Mình hỏi mấy chú đã đến Điện Biên rồi. Hỏi xem ở đấy có những cái gì, mới biết những địa danh như thế đấy chứ, biết cả ở đó có cam, có mơ ... Sau nầy khi viết, mình cứ lôi nó ra, đưa vào thơ, cứ nhét bừa vào... Này, xem ra không thể tin được vào cánh văn nghệ được đâu hỉ. Phịa, toàn là phịa. Chỉ có điều là mình phịa như thật...*" (Tài liệu rút từ Internet, http//www.viet-bao.com/tc_canhen/Chandung_Doithoai, ngày 30-1-2000)

68. Cuộc phỏng vấn do Thanh Thảo thực hiện, nguyệt san *Việt Nam Dân Chủ*, số 40, California, tháng 1-2000, tài liệu rút từ Internet.

BÌNH GỐM VIỆT NAM BÁN TRÊN NỬA TRIỆU MỸ KIM

KIỀU QUANG CHẨN *

Ngày 17 tháng 11 năm 1999 Sotheby - nhà đấu giá nổi tiếng tại Luân Đôn đã bán một chiếc bình hoa của Việt Nam với giá 326.000 pounds (521.000 USD). Đây là con số kỷ lục cho một món đồ gốm Việt Nam từ xưa tới nay. Sự kiện này đã gây nên ngạc nhiên và thích thú cho giới sưu tầm trên thế giới.

Năm 1984 cũng tại Luân Đôn - khi giới sưu tầm còn chưa quan tâm nhiều tới gốm Việt Nam, ông Allber Piccus đã nhờ Christie's cho đấu giá bộ sưu tập gốm Việt Nam, thế mà một tỷ phú người Nhật - ông Matsuoka từ Tokyo đã mua gần hết các đồ gốm quan trọng (1). Đặc biệt là chiếc bình xanh trắng (hoa lam) vẽ rồng thế kỷ XV có giá 115.000 USD.

Năm 1997 J. Stevenson và J. Guy đã cho xuất bản cuốn *Vietnamese ceramic a separate tradition* thế giới bắt đầu chú ý đến gốm cổ Việt Nam (2). Không hiểu có phải nhờ tiếng vang của cuốn sách này hay không, mà sau đó một chiếc đĩa xanh trắng (hoa lam) Việt Nam cũng đã bán được với giá 97.000 USD.

Trong khi đó, rất đáng tiếc, người Việt Nam vốn rất thích sưu tầm đồ cổ, nhưng hầu hết lại sưu tầm đồ sứ đồ ngọc, đồ ngà... Trung Quốc. Ngay cả nhà sưu tầm lão thành và nổi tiếng nhất miền Nam - học giả Vương Hồng Sển, vào những năm cuối đời cũng đã thú nhận ông đã "quá thờ ơ với gốm Việt Nam." Hiện tượng đáng buồn này có lẽ xuất phát từ nhiều nguyên nhân: phần vì tật vọng ngoại, phần vì các món gốm đẹp đã được xuất cảng tới nhiều nơi trên thế giới từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 17 nên chẳng còn mấy đồ gốm đẹp đến được tay người yêu gốm. Thêm nữa, trước năm 1975, ở trong nước cũng như ngoài nước không có nhiều học giả nghiên cứu gốm Việt Nam. Do không có sách dẫn đạo, nên ở miền Nam trước 1975 hầu như không có một bộ sưu tầm gốm Việt nào.

Mấy năm qua, nhờ sưu tầm nghiên cứu gốm Việt Nam, chúng tôi đã nhận ra gốm Việt có một ngôn ngữ thật sống động. Gốm không chỉ kể lại cho chúng ta nghe nguồn gốc và lịch sử nước nhà mà còn là sứ giả của dân tộc đi tới các nền văn hóa khác, để nối kết các bến bờ xích lại gần nhau.

Những mảnh gốm đầu tiên của dân tộc ta đã ra đời trong nền văn hóa Bắc Sơn cách chúng ta bảy, tám ngàn năm.

Thế rồi đến Phùng Nguyên (2000 BC) trải qua Đồng Đậu, Gò Mun, Đông Sơn, gốm luôn luôn có mặt trong một dòng chảy liên tục để tạo nên một chứng cứ vững mạnh cho lý luận về nguồn gốc bản địa của nền văn hóa Đông Sơn (3).

Từ sơ sử (proto History) bước vào lịch sử - gốm Việt Nam luôn gắn liền với lịch sử thăng trầm của dân tộc. Trong khoảng thời gian người Hán đô hộ 10 thế kỷ, dù kiểu dáng có chịu ảnh hưởng của Tàu, nhưng men và xương gốm vẫn theo cung cách bản địa. Đó cũng là lẽ thường, vì như một nhà nghiên cứu Newzeland đã định nghĩa gốm - *body from the earth...*

Đến thế kỷ 10, khi đất nước đã giành lại được độc lập, hàng loạt các làng gốm đã nổi lửa lò, sản xuất những đồ gốm men xanh - tuy chưa được chau chuốt, song không kém phần quyến rũ. Vào thời điểm này, Con đường tơ lụa trên biển (Maritime silk road) đã được thiết lập. Thống trị thị trường gốm thế giới lúc này là các lái thương nam Trung Hoa và Ả rập. Nhiều đồ gốm men xanh, trong lòng có dấu con kê hình vuông, giống hệt các đồ gốm tìm thấy cả ở Nam Trung Quốc và miền bắc Việt Nam có mặt trên nhiều hải cảng thế giới. Nhiều người đã đặt câu hỏi, phải chăng gốm Việt Nam đã tham gia vào cuộc gặp gỡ Đông - Tây quan trọng này?

Bước sang thế kỷ 11, trong niềm vui tưng bừng của kỷ nguyên độc lập - gốm Việt Nam cũng bước vào một khúc ngoặt mới. Gốm men ngọc ra đời. Có lẽ, vì bị vẻ đẹp tao nhã và sang trọng của nó quyến rũ nên, các nước "Trả Oa, Lộ Lạc..." đã ghé bến Vân Đồn - thương cảng lớn nhất trên vùng biển Hạ Long thơ mộng,

một di sản văn hóa và cảnh trí của nhân loại vừa được UNESCO công nhận, để mua gốm. Cuối thời Lý sang thời Trần, một dòng gốm mới ra đời - gốm hoa nâu độc đáo trên nền men ngà rất đặc trưng. Hiện ta chưa biết lò nào làm ra các đồ gốm loại này. Tài liệu ta có dưới tay chỉ là các lò ở phủ Thiên Trường - Nam Định ngày nay, nơi các vua Trần sau khi đánh thắng giặc Nguyên - Mông nhường ngôi cho con, lui về xây chùa dựng tháp, tụng kinh niệm Phật.

Đến khoảng giữa thế kỷ 14, men tiền lam (pre cobal) ra đời trên nền men trắng đục như một tín hiệu mùa xuân của gốm hoa lam trong thế kỷ sau.

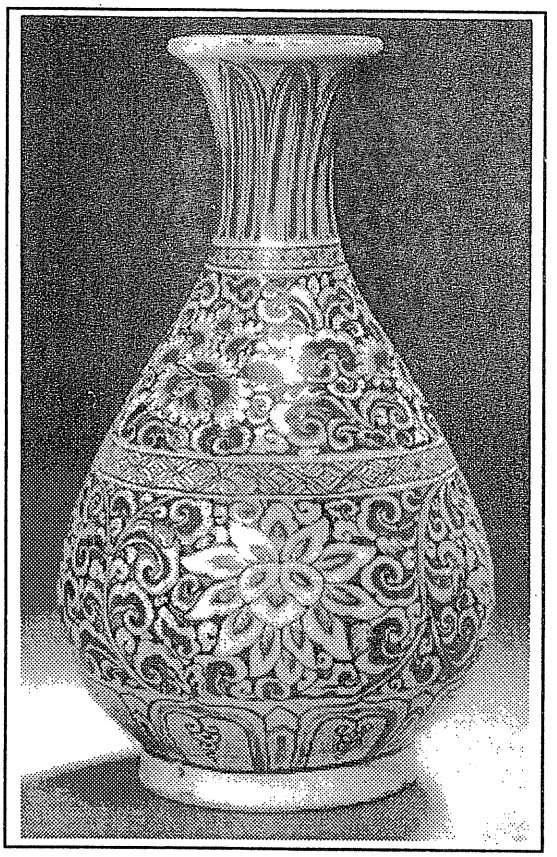

Người thợ gốm thời Trần không chỉ làm ra bát đĩa, bình vại mà ta còn gặp cả hình ảnh của tù binh Champa qua các tượng gốm. Gốm không gợi cho ta những cuộc chinh phạt mà chỉ như muốn thông báo cho ta biết sự tham góp của nền văn hóa Chăm vào nền văn minh Đại Việt.

Giá trị của gốm Trần đã được lịch sử xác tín qua hai hiện tượng: Gốm là một trong những mặt hàng trong cống phẩm cho nhà Nguyên và đã "lên thuyền" của các thương nhân đến Dazaifu Nhật Bản và các cảng thị bên bờ biển Đỏ (Fustat, Al Tur, Jufa...)

Đến cuối đời Trần "vì họ Hồ chính sự phiền hà" nên quân Minh thừa cơ nhảy vào "nướng con đen trên ngọn lửa hung tàn" (Bình Ngô đại cáo) hẳn là các lò gốm không còn nổi lửa. Phải mất 20 sau cuộc chiến tranh giành độc lập gian khổ do Lê Lợi lãnh đạo thành công, gốm Việt Nam lại có vận hội mới.

Vào lúc này, Luật Hồng Đức, bộ luật đầu tiên của đất nước, đã ra đời - nó đã từng là nền tảng cho bộ dân luật của Việt Nam cộng hòa. Ruộng đất tư nhân đã được công nhận, cá nhân con người đã bắt đầu được quan tâm. Xã hội thịnh vượng đến mức đồng tiền đúc ra cũng đẹp hơn cả mọi thời, đến nỗi người Tàu ở nam Trung Hoa đã lén sang buôn lậu tiền Đại Việt mang về nước bán. Trong khi đó, bên ngoài nhà Minh ban bố chính sách cấm vận. Đấy là cơ hội vàng cho gốm Việt Nam nhảy vào thị trường thế giới. Gốm Việt Nam lúc này không chỉ có mặt ở 32 địa điểm khảo cổ học ở Đông Nam Á mà còn đến hàng chục nơi ở Nhật Bản kể cả cố đô Kyoto và hấp dẫn cả các Sultan A Rập .

Gốm đã ra đi từ bến cảng nào? Phố Hiến, Vân Đồn hay cả Hội Thống, Lạch Trường miền Trung? Nhà khảo cổ học chưa cho ta biết thật rõ ràng. Song tại nhiều cảng đã tìm thấy những mảnh gốm còn vương đầy trên bến bãi. Người thợ gốm thế kỷ XV đã gởi loại sản phẩm nào của đất nước ra đi? Đó là các đồ gốm hoa lam (Blue and White) vẽ cầu kỳ, đồ gốm hoa lam kết hợp với vẽ màu (tam thái) trên men (enamel) rực rỡ sắc màu như chiếc bình "nửa triệu" vừa nói trên và nhiều loại gốm đơn sắc (monochrome) đẹp đến sững sờ cả nhà sưu tầm thời hiện tại.

Thế kỷ XVI không chịu nổi cái ngột ngạt của nền tư tưởng Khổng Mạnh, Mạc Đăng Dung - người con của biển, muốn tạo nên một nền kinh tế "trọng thương" cởi mở đã giành được ngôi báu. Nhờ chính sách của họ Mạc, các làng gốm Xứ Đông (Hải Dương) đặc biệt là làng gốm Bát Tràng trở nên thịnh vượng trong thị trường nội địa với những chân đèn độc đáo, những bát hương cầu kỳ khắc ghi cả tên thợ, tên lò, tên cả người đặt hàng cho đền chùa, đình miếu.

Sau Mạc đất nước rơi vào cảnh "huynh đệ tương tàn, nam bắc phân tranh." Cả vùng gốm

xứ Đông dần dần tắt lửa lò chỉ còn lại Bát Tràng. Tuy không đẹp như gốm Chu Đậu song, W J Buch trong bài viết về Công ty Ấn độ - Hà lan và Đông Dương cho biết, các thương nhân Hà Lan đã mua nhiều đồ gốm Bát Tràng trong đó cả những viên gạch nổi tiếng. Ông còn cho biết thêm, năm 1670 tàu Hà Lan mang đi 214 160 chiếc đồ gốm ở Đàng Ngoài. Thương nhân Hà Lan cùng một chuyến với tơ lụa cất theo 24 720 đồ gốm loại hảo hạng. Dường như, cuộc sống thời chiến đã làm cho cái cao sang của gốm hoa lam không mấy thích hợp nên gốm sành với sự giản dị và khỏe khoắn đã làm một cuộc bùng nổ với các tên lò mà ta đã quen như : Thổ Hà, Phù Lãng, Hương Canh, Mỹ Cương, Mỹ Xuyên, Mỹ Thiện... Màu nâu đỏ khoẻ khoắn của sành lại lọt vào mắt của giới trà đạo Nhật Bản. Gốm Việt Nam lại một lần nữa vượt đại dương đến Osaka, Sakai...

Thật đáng tiếc, trong khi đó, giới quý tộc Trịnh - Nguyễn và đặc biệt là các ông vua của vương triều Nguyễn sau này, dường như đã quên mất lịch sử vàng son một thời của gốm lại đi đặt các đồ dùng trong cung vua phủ chúa tại lò Cảnh Đức trấn Giang Tây, Trung Hoa. Các nhà nghiên cứu gọi loại gốm này bằng một tên gọi - chưa thật chính xác, là Bleu de Hue.

Tôi đang có dưới tay không ít bài báo ngợi ca đồ Bleu de Hue và lạ hơn, một số người đã xếp loại gốm này vào phạm trù gốm Việt Nam. Tôi coi đó là một sự lầm lẫn không đáng có. Tôi không phản bác những ai ca ngợi gốm Bleu de Hue, song tôi chỉ muốn lưu ý các bạn về cảm xúc của ông Jules Speelman sau khi mua được chiếc bình "nửa triệu." Ông nói "So với đồ sứ Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản, chiếc bình này có phần trội hơn về phẩm chất. Hơn nữa, đồ Trung Hoa có rất nhiều, còn đây có thể được coi là bảo vật duy nhất của Việt Nam." Tôi tin vào những gì ông nói là đúng. Vì, khi làm catalogue các chuyên viên của Sotheby không thể tìm được một chiếc bình thứ hai để so sánh.

Theo các tài liệu đã công bố, trên thế giới hiện chỉ có hai món đồ cùng thế kỷ thứ XV có hoa văn tương tự như hoa văn trên chiếc bình là: một chiếc đĩa có chân ở Viện Bảo tàng quốc gia Tokyo và một chiếc đĩa vẽ hình con dê ở Viện Bảo tàng Boston.

Chúng tôi đã có hân hạnh đôi lần giới thiệu gốm cổ Việt Nam cho người ngoại quốc. Theo ý kiến tôi, gốm Việt Nam có vẻ đẹp tuy thua kém gốm Trung Hoa nhưng có phần vượt trội so với các quốc gia khác trong khu vực. Đặc biệt, trong khoảng thời gian cuối thế kỷ XV gốm đa sắc (polychrome) của Việt Nam có phần nào tỏ ra đẹp hơn, hấp dẫn hơn gốm Trung Hoa cùng thời.

Lần nào cũng vậy, trong số thính giả đều có người Trung Hoa đứng lên bày tỏ sự không tán thành. Theo họ, gốm Việt Nam không bao giờ có thể hơn được gốm Trung Hoa. Tôi phải giải thích rằng, trong lịch sử 2000 năm đúng là gốm Việt Nam có thua kém gốm Trung Hoa về nhiều mặt, nhưng, trong khoảng thời gian 25 năm cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI tôi chưa thấy một tiêu bản gốm polychrome nào của Trung Hoa đẹp hơn những đồ polychrome của Việt Nam.

Ngày 12 tháng 3 vừa qua tại Nam California, có một cuộc họp về gốm Việt Nam với Viện Bảo tàng Bowers ở Santa-Ana, Tiến sĩ J. Jochen May từ Frankfurt và cả Roxana Brown - một nhà nghiên cứu tiền phong về gốm Việt Nam, đã hoàn toàn đồng ý với quan điểm của chúng tôi. Chúng tôi cũng rất vui mừng được biết, tại vùng biển gần Cù Lao Chàm vừa được khai quật một con tàu đắm. Người ta đã tìm được khoảng 300.000 hiện vật gốm Việt Nam trong lòng con tàu bất hạnh, trong đó có nhiều đồ polychrome có cả gốm mạ vàng. Niên đại của con tàu được dự đoán khoảng nửa cuối thế kỷ XV. Tuy chưa được tận mắt nhìn thấy, song những tin tức đó càng làm chúng tôi thêm tin tưởng vào quan điểm của mình.

Giới sưu tầm trên thế giới đã dự đoán rằng, trong một tương lai gần, chiếc bình gốm Việt Nam nói trên sẽ có giá gấp nhiều lần. Chúng ta hẳn chưa quên, năm 1998 một chiếc bình vẽ rồng của Đại Hàn có niên đại thế kỷ XVII đã bán được 8,4 triệu USD cho công ty Samsung. Người Đại Hàn sau khi trở nên giàu có đã bắt tay ngay vào việc thu góp lại những di sản văn hóa quốc gia bị thất thoát ra ngoài.

Được biết, các triệu phú trẻ Việt Nam ở thung lũng Hoa Vàng (Silicon valley) đã bắt đầu chú ý và nghiên cứu đến nguồn gốc và di sản văn hóa nước nhà. Đấy là những người sẵn sàng bỏ nhiều tiền để mua lại những di sản văn hóa Việt Nam từ trong tay người nước ngoài với một niềm tự hào dân tộc rất đáng được trân trọng.

** Hội viên Viện Khảo cổ học Hoa Kỳ*

ĐI GIỮA LÒNG QUÊ HƯƠNG

Ký

HOÀNG NHƯ AN

(Tiếp theo)

Cổ cúng, Việt Cộng

Thứ Ba 7 tháng 12, 1999

Một phái đoàn gồm hai bác sĩ và rất nhiều thợ vịn là các em sinh viên và y tá đi huyện Nông Cống, quê hương của bà Triệu Thị Trinh. Chương trình gồm có khám bệnh, phát thuốc và làm "hearing screening" các em nhỏ.

Riêng tôi vẫn phải theo phái đoàn sản phụ khoa. Cũng tốt thôi vì tôi cảm thấy mình vừa giúp đỡ vừa học hỏi được nhiều và rất "enjoy" cảm tình nồng hậu của tất cả các anh chị bác sĩ đang làm việc tại nhà thương phụ sản này. Chị bác sĩ Phó Giám đốc luôn đi theo giúp đỡ khi có dịp vì chính chị cũng phải thi hành đầy đủ bổn phận của mình, nghĩa là vẫn khám bệnh hay giải phẫu. Chị rất cởi mở và cố gắng nói chuyện với các người Mỹ của phái đoàn mặc dầu chị nói được rất ít tiếng Mỹ, đa số phải nhờ tôi thông dịch. Tất cả mọi người đều muốn biết tôi qua Mỹ từ năm nào, người ở đâu, làm việc bên Mỹ như thế nào, có gia đình chưa, có mấy con... Tôi cảm thấy một mối tương quan và cảm thông tha thiết với những người đồng nghiệp của mình. Những người này phải làm việc vất vả hơn tôi nhiều trong những điều kiện khó khăn với một số thù lao thật ít ỏi. Đấy là những bác sĩ đương làm việc tại một nhà thương tỉnh khá lớn. Nếu phải làm việc ở những trạm khám bệnh những vùng hẻo lánh thì chắc điều kiện còn khó khăn gấp bội.

Công việc vẫn tiến hành êm đẹp ở phòng khám ngoại chẩn. Các bác sĩ Việt Nam hôm nay được xem máy colposcopy nhiều hơn (họ gọi là máy soi col), và không khí phòng khám vẫn rất nhộn nhịp với nhiều câu hỏi và nhiều câu nói đùa vui vẻ. Bà nữ hộ sinh hôm nay có một em sinh viên đi theo để thông dịch. Đến giờ trưa, thấy hai người trở qua phòng khám ngoại chẩn, tôi hỏi thăm:

"Sao cháu? Hôm nay có gì lạ không?"

"Có, cô ơi. Bà đỡ đẻ cho một em bé. Mẹ bé nói sẽ đặt tên em là Nam Mỹ tức là Việt Nam và Mỹ đó cô."

Bà nữ hộ sinh cũng vui vẻ kể lại mọi chuyện cho tất cả mọi người nghe và rất vui vẻ khi biết tên em bé có nghĩa là Vietnam America.

"Nhưng cô ơi, cháu 'made a lot of mistakes.' Cổ tử cung mà cháu dịch là "cổ cúng" làm mọi người cười quá xá. Mà cháu còn xài một danh từ mà có thể làm cho người ta giận nữa đó cô."

"Danh từ gì mà làm người ta giận?"

"Cháu xài danh từ 'Việt Cộng.' Chắc cháu cứ nghe danh từ này hoài quen tai nên cứ nói đại."

Tội nghiệp cho cháu tôi. Tiếng Việt đối với cháu có nhiều cạm bẫy quá, cũng như tiếng Mỹ đối với cô thôi cháu à. Bà nữ hộ sinh cũng kể lại câu chuyện thông dịch của em cho mấy người Mỹ kia nghe. Tất cả mọi người cười thoải mái.

Trưa nay, phái đoàn được đãi ăn ngay tại phòng làm việc của bác sĩ giám đốc. Các chị chắc là trong tổ "hậu cần" đã nấu ăn mời cả phái đoàn cùng ăn. Phái đoàn sản phụ khoa này thật sướng, được chiều đãi quá xá, trong khi các anh chị đang mổ bên kia thì làm việc hầu như không ngừng nghỉ, chỉ được ăn sandwich hay bánh trái thôi.

Buổi chiều cũng là một buổi học và giảng. Ông John đem theo một cuốn video về "giải phẫu nội soi" chiếu cho các anh chị bác sĩ xem, tôi vẫn phải đóng vai thông dịch viên bất đắc dĩ. Một lần nữa, anh bác sĩ trưởng khoa tỏ ra có rất nhiều kinh nghiệm về cách mổ này. Mổ nội soi hay laparoscopy là thay vì rạch một

đường thật dài, bác sĩ chỉ cần rạch một lỗ hay nhiều lỗ nhỏ trên người bệnh nhân, đút ống nội soi có gắn máy quay video ở đầu vào trong rồi nhìn trên màn ảnh TV để mổ. Dùng cách này ít mất máu, ít cắt, đốt nên bệnh nhân mau lành hơn, nhưng cũng có nhiều biến chứng có thể xẩy ra. Anh Hùng trưởng khu mời các bác sĩ Mỹ vào dự khán một cuộc mổ nội soi chữa bệnh hiếm muộn ngày mai do anh sẽ thực hiện. Hai ông bà vui vẻ nhận lời.

Xong việc sản phụ khoa, tôi lại quay về nhà thương đa khoa, tiếp tục thăm hỏi những em đã mổ và khám cho những em sẽ mổ.

Thật trễ, phái đoàn đi huyện Nông Cống mới về. Báo cáo tình hình: khám 300 người, làm *hearing screening* hơi thất bại vì trẻ con nhiều ráy tai quá, máy không "work," em sinh viên đi theo ngồi lấy ráy tai chết bỏ luôn! Mọi người xúm vô chọc cô sinh viên y khoa năm thứ ba UCLA này:

"Natalie! You've seen enough ear wax to last a whole life of practice ahead."

Natalie được nghe nói về phái đoàn này và đã lên *web site* để tìm hiểu, sau đó điền đơn xin đi theo phái đoàn, và cảm thấy rất may mắn được nhận cho đi theo. Em đã cùng với ba về thăm quê ở Huế từ một tuần trước đó để cứu trợ nạn nhân bão lụt và ở lại luôn để tham dự vào phái đoàn. Em nói tiếng Việt khá thành thạo và vẫn giữ được giọng Huế của mình nghe thật nhẹ nhàng và vui tai. Em rất năng động và có mặt trong hầu hết những công tác của phái đoàn, từ trong phòng mổ cho đến thông dịch trong tất cả những chuyến khám bệnh, từ khu nhi khoa cho đến nhãn khoa, sản phụ khoa... Em là *roommate* của tôi trong hai đêm và "mẹ con" tụi tôi đã "adopt" nhau, xưng hô mẹ con thật vui vẻ. Tôi thấy hơi tiếc đã không cho con mình đi theo. Thật là một dịp bằng vàng cho các em trau dồi tiếng Việt và chứng kiến tận mắt những cảnh khổ đau của con người nói chung và quê hương của cha mẹ các em.

Một ngày vui đã trôi qua. Mọi việc đều êm đẹp. Tất cả các cuộc mổ đều thành công, không có biến chứng gì. Mọi người thở phào nhẹ nhõm.

"Sự cố năm 2000"

Thứ Tư 8 tháng 12, 1999

Tám giờ sáng, phái đoàn đã có mặt ở nhà thương đa khoa. Phái đoàn sản phụ khoa trong đó có tôi đứng lóng ngóng chờ xe qua nhà thương phụ sản. Mãi không thấy xe, mọi người quyết định đi bộ qua. Ông John yêu cầu tôi theo ông đi kiếm mua một ống chất nhờn (lubricating jelly) để khám bệnh. Tôi và ông vào mấy tiệm thuốc tây ngay phía ngoài nhà thương. Không khác gì những tiệm thuốc tây ở Sài Gòn ngày trước. Thuốc cũng rất nhiều nhưng không có thứ ông John muốn tìm. Tôi và ông đi bộ về nhà thương phụ sản. Ông John tỏ ra là một người có nhiều tình cảm và quan tâm đến những người bệnh rất nhiều dù ngoài mặt ông có vẻ là một người hời hợt, ham vui, lúc nào cũng nháy mắt với mấy cô gái trẻ trẻ. Tất cả những dụng cụ khám bệnh và thuốc ông đã tự mua hoặc xin được của những hãng thuốc để đem theo, ngoài thuốc của phái đoàn.

Đến nhà thương phụ sản, mọi người thấy rất tối tăm. Hóa ra cúp điện. Thế này thì làm sao mà mổ, nhất là mổ nội soi nữa. bác sĩ giám đốc băn khoăn, phân trần mãi:

"Ít khi nào bị mất điện như thế này lắm. Nếu có thì cũng được báo trước. Chắc là tại mưa bão thôi."

Phái đoàn đành vào phòng mổ tham quan. Khu giải phẫu của nhà thương này khá rộng, với nhiều phòng mổ. Mọi người được đưa vào phòng thay dép. Thay vì mang những túi giấy bao giầy lại thì ở đây người ta mang những đôi dép nhựa chỉ dùng trong phòng mổ. Phòng rửa tay thì treo la liệt những găng tay đã được giặt. Không có mask (che mặt) bằng giấy cho mọi người. Người nào cũng phải "thủ" riêng mask của mình nên không có dư cho khách. May thay ông John đã đem theo một số mask nên nhờ người xuống phòng ngoại chẩn lấy đủ cho mọi người.

Tôi đứng trong một phòng mổ trống nhìn vơ vẩn ra ngoài cửa sổ. Chung quanh nhà thương là những ruộng lúa xanh mơn mởn khác với quang cảnh đầy xi măng và gạch đá chung quanh những nhà thương ở Mỹ.

Các bệnh nhân vẫn được đưa vào phòng mổ sửa soạn sẵn. Bệnh nhân mổ nội soi cũng đã được chuẩn bị sẵn sàng dù không biết là có mổ được hay không.

Và đèn bỗng dưng bật sáng. Mọi người reo hò. Thế là công việc cứ tiến hành như chưa bao giờ bị ngưng đọng cả. Thế mới biết các anh chị này đã có nhiều kinh nghiệm đối phó với những "sự cố" như vậy. Anh trưởng khoa cho biết:

"Nhà thương cũng có một cái máy phát điện để nếu mất điện mà đang mổ thì dùng."

"Nhưng nếu đang mổ nội soi mà bị mất điện thì làm sao?"

"Thì đành chuyển thành mổ thường vậy. Nghĩa là tắt máy, mổ lại."

Cuộc mổ nội soi bắt đầu. Anh trưởng khoa Hùng tỏ ra thật thành thạo và có khiếu về giải phẫu. Những động tác của anh thật chính xác, dễ dàng. Hai người bác sĩ Mỹ không ngớt khen ngợi và luôn luôn muốn tôi dịch lại những lời khen của họ cho anh. Tuy ở Mỹ đã lâu nhưng đây là lần đầu tiên tôi được xem mổ nội soi nên cũng thấy rất hào hứng. Đang mổ, TV bỗng tắt phụt. Mọi người nhốn nháo. May quá! chỉ là cái ông phó nhòm đi theo bác sĩ giám đốc chụp ảnh bước nhầm lên một cái dây điện làm dây sút ra. Anh Hùng nói đùa:

Tiến hành ca phẫu thuật

"Thế mà tưởng 'sự cố năm 2000' xẩy ra rồi chứ!"

À, đó là cách họ nói con *Y2K bug.*

Vụ mổ vừa chấm dứt, chưa kịp khâu lại những vết mổ (rất nhỏ) thì điện lại cúp. Hú hồn! Mấy anh bác sĩ bỏ ra ngoài hút thuốc. Các bác sĩ Việt Nam hút thuốc hơi nhiều. Ai trong phái đoàn cũng thấy vậy. Phái đoàn này thì toàn là những người không hút thuốc nên rất để ý chuyện này nhưng cũng chỉ nhận xét thầm với nhau thôi.

Trở lại phòng ngoại chẩn. Bệnh nhân cũng đã chờ đợi thật đông. Lại khám bệnh, thông dịch túi bụi. Tôi đã bắt đầu quen với những danh từ Bắc kỳ lạ tai nên hỏi bệnh một cách thành thạo hơn và hiểu rõ hơn về bệnh nhân của mình. Chị bác sĩ phó giám đốc giải thích:

"Nhân viên nhà nước có bảo hiểm sức khoẻ nên họ đi khám không phải trả tiền. Những người còn lại thì có trả nhưng rất ít."

Tỉ lệ phá thai ở đây thật cao. Phụ nữ nào cũng đã có ít nhất là một hai lần nạo thai. Con số thông thường là bốn năm lần. Thảo nào khu "kế hoạch hóa gia đình" ở đây lại đồ sộ đến thế. Có điều tôi thấy người ta nói đến chuyện nạo thai rất tự nhiên, như một chuyện phải có thôi, khác với lối thú nhận một cách hơi thiếu tự nhiên và hơi do dự của những bệnh nhân ở Mỹ. Phá thai là một cách ngừa thai ở đây. Bây giờ ở Việt Nam cũng ít ai còn có nhiều con nữa. Đa số chỉ hai, ba đứa thôi.

Buổi chiều lại là một buổi thuyết giảng nữa. Cái máy chiếu slide ông John đem theo đã bị cháy bóng từ ngày đầu vì các ông sơ ý không dùng adapter cho loại điện cao thế hơn ở Việt Nam. Ông John đành phải giảng theo lối cổ điển vậy, nghĩa là chỉ có bảng trắng bút xanh mà thôi. Nói chung ông nhấn mạnh đến cách dùng những phương pháp định bệnh giản dị và hiệu quả, có thể thực hiện dễ dàng, hơn là dùng những phương pháp trị bệnh hay định bệnh cầu kỳ và nhiều khi không cần thiết. Ngay cả ở Mỹ, các vị giáo sư vẫn thường nhấn mạnh đến việc hỏi bệnh sử thật tỉ mỉ và khám bệnh một cách thật cẩn thận hơn là dựa hoàn toàn trên những thử nghiệm cầu kỳ.

Thứ Năm 9 tháng 12, 1999

Sáng nay, tôi cùng ông Clarke đi về tòa nhà Khoa Nhi, một tòa nhà nằm tận cuối nhà thương. Khuôn viên nhà thương này rất rộng lớn, mỗi khu là một tòa nhà riêng biệt. Những đường cống rãnh lộ thiên nằm ngang dọc, bốc lên một mùi khó chịu. Những dây kẽm chằn ngang, trên phơi quần áo tung bay. Chuột chạy từ nhà này sang nhà khác ngay giữa ban ngày.

Khoa Nhi nằm tận cùng, khuất trong một góc nhà thương. Tôi hỏi ông Clarke:

"Khu nhi khoa này có bao nhiêu giường, ông có biết không?"

"À, họ nói với tôi là có 80 giường nhưng số bệnh nhân chắc có lẽ nhiều hơn vì có thể có hai em cùng nằm một giường."

Ông Clarke có rất nhiều kinh nghiệm về những nhà thương ở Việt Nam.

Các anh chị bác sĩ ra đón. Họ đã quen mặt ông Clarke. Một anh bác sĩ thật trẻ tuổi nói tiếng Anh đã thông dịch mấy ngày hôm nay. Các anh chị thật là niềm nở, vui vẻ. Họ đang họp buổi sáng để bàn về tất cả các ca bệnh khó và sẵn sàng chia xẻ với tôi những chi tiết về các bệnh nhân này. Ông Clarke thì đã quen với những ca bệnh này vì ông đã có mặt ở đây ba ngày liên tiếp. Các anh chị đã làm việc trong những điều kiện thật ngặt nghèo. Một thử nghiệm đếm các tế bào máu (complete blood count) thật giản dị, có thể có kết quả trong vòng hai tiếng đồng hồ ở nhà thương Mỹ có thể phải chờ đến ba ngày mới có ở đây. Muốn thử lao cho các em, phải chờ bốn, năm em cần thử thì mới mở một ống thuốc, nếu chỉ có một em thì khỏi làm. Cấy máu, cấy những chất lấy từ mụn nhọt ra, cấy nước tiểu tìm vi trùng, chỉ được làm khi nào phòng thử nghiệm có môi trường cấy, còn nếu không thì vô ích, chẳng bao giờ có kết quả cả. Cho nên em nào cũng được cho thuốc trụ sinh mới và mạnh tối đa. Nhà thương không có thì cha mẹ bệnh nhân phải bỏ tiền túi ra mua.

Hết giờ họp buổi sáng, tôi vẫn chưa trông thấy một bệnh nhân nào. Sáng nay ông Clarke có hứa sẽ cho một bài giảng về bệnh Kawasaki và những bệnh thông thường của các em bé sơ sinh. Có tôi thông dịch, ông mừng lắm. Ông Clarke chuẩn bị cho những chuyến đi Việt Nam cẩn thận vô cùng. Ông đã đi tham dự một khóa hội thảo kéo dài một tuần về những bệnh nhiễm trùng, đọc thêm nhiều về những bệnh thường có ở xứ nhiệt đới và đã mua những bộ slide về những bệnh thường gặp ở những xứ Á châu để làm tài liệu giảng dạy. Ông đã nghỉ hưu nên có rất nhiều thì giờ.

Tôi và ông vào phòng họp để chuẩn bị buổi thuyết trình. Các anh chị bác sĩ đã sốt sắng chạy đi mượn cái máy chiếu slide (cái máy độc nhất của nhà thương) và giúp bỏ những tấm slide vào máy. Chẳng mấy chốc phòng đã đầy người. Hầu như tất cả nhân viên của khoa nhi đều có mặt.

Buổi giảng tiến triển một cách êm đẹp. Bệnh Kawasaki là một bệnh khá thông thường, được thấy hầu hết ở những em bé gốc người Á Đông như Việt Nam, Phi Luật Tân, Nhật Bản... không biết có thấy nhiều ở Việt Nam không nhưng tôi đã thấy rất nhiều ở Mỹ. Bộ slide của ông Clarke thật rõ, đẹp và đầy đủ. Tất cả những người tham dự đều hiểu rõ ràng và đặt nhiều câu hỏi. Tôi cảm thấy biết ơn ông Clarke. Ông là người thật khiêm tốn, nhã nhặn và chứng tỏ đã bỏ rất nhiều thì giờ và suy nghĩ tìm cách giúp cho những chuyến đi Việt Nam của ông hứng thú và bổ ích. Thật là một cách tiêu thì giờ nghỉ hưu của mình một cách tuyệt diệu.

Xong buổi thuyết trình là giờ ăn trưa. Chúng tôi hẹn 1 giờ 30 sẽ quay trở lại với một buổi học nữa, có đề tài ly kỳ hơn là "bệnh AIDS của trẻ em." Tất cả những người có mặt đều yêu cầu được nghe thêm và xem thêm những hình ảnh của các bệnh nên mới có một buổi giảng thêm "bất thần" như vậy. Họ đã hi sinh luôn giờ ngủ trưa chứng tỏ mọi người đều có tinh thần học hỏi thật cao và có vẻ rất thích thú với bài giảng. Những khuôn mặt thật chăm chú, những đôi mắt mở to hết cỡ. Tiềm năng dân tộc mình thật to lớn không thua bất cứ một dân tộc nào trên thế giới, sao dân mình vẫn cứ lao đao, lận đận? Ông Clarke trao tặng bộ slide vừa mới được chiếu xong cho các anh chị bác sĩ trong khu. Ông thật có lòng. Tôi càng cảm thấy kính trọng ông nhiều hơn.

Chúng tôi quay về tòa nhà mới, nơi hầu hết phái đoàn tập trung ở đó, xoay quanh những cuộc mổ. Hôm nay, chị bác sĩ phó giám đốc bệnh viện, cũng là một bác sĩ nhi khoa, đã huy động nhân viên nấu cơm cho phái đoàn mổ ăn. Các chị đem theo đầy đủ cơm, canh, món xào, kho, nước uống, trái cây đủ hết. Thế này là nhà thương đa khoa đã bắt chước nhà thương phụ sản. Tất cả những nhân viên này đã hi sinh giờ nghỉ trưa của mình để tỏ lòng ưu ái với phái đoàn.

Sau bữa ăn trưa, tôi đi lục lọi trong đống thùng hành lý của phái đoàn tìm thùng đồ chơi đã mang theo. Trước khi đi, tôi lục hết nhà để thu thập những đồ chơi còn tốt mà con tôi không còn muốn chơi nữa, kể cả cái máy chơi gameboy và các game điện tử, mang theo một thùng đồ chơi lớn. Cả phái đoàn cũng đã mang theo thật nhiều thú nhồi bông và quần

áo, đa số chèn theo những thùng dụng cụ.

Tôi và ông Clarke khệ nệ xách theo những túi đồ chơi và thú nhồi bông trở lại khu nhi khoa. Chị bác sĩ trưởng khu "tiếp thu" những món này và cất vào văn phòng của chị, khóa lại thật cẩn thận chờ sau buổi giảng mới tính.

Có lẽ bệnh AIDS bao giờ cũng thu hút được nhiều chú ý mặc dù những trẻ em bị AIDS ở Việt Nam chắc chẳng bao giờ được chữa trị như ở Mỹ. Các anh chị nghe rất chăm chú và tiếp tục đặt nhiều câu hỏi, nhiều câu ra khỏi đề tài luôn. Anh bác sĩ phó trưởng khoa là người đặt nhiều câu hỏi nhất và những câu hỏi của anh không phải lúc nào cũng dễ trả lời. Chẳng hạn anh hỏi:

"Thế tôi hỏi chị nhé, bệnh hen suyễn ấy mà, ở Mỹ dùng thuốc gì để chữa?"

Tôi kể ra những thuốc chữa suyễn. Anh ngắt lời:

"Không, tôi muốn nói là chữa cho khỏi hẳn ấy, có thuốc gì không?"

"Dĩ nhiên là không rồi vì suyễn thường là tình trạng dị ứng của cơ thể nên cứ trở đi trở lại."

"Thế thì đâu có gì hay!"

Ông này muốn gây chuyện đây. Nhưng thôi, sẵn dịp này tôi nói luôn:

"Sẵn dịp anh Kế đây đề cập đến bệnh hen suyễn, tôi xin có đôi lời thưa với các anh chị. Bệnh suyễn ở trẻ em không có thuốc chữa cho dứt hẳn, chúng ta đã biết. Nhưng các trẻ em suyễn sẽ bị nặng hơn nếu em hít phải khói thuốc lá. Mà tôi có một nhận xét là các anh hút thuốc hơi nhiều, kể cả các anh bác sĩ nữa. Các anh biết không, hút thuốc không chỉ có hại cho chính bản thân các anh mà còn hại cho những người chung quanh rất nhiều nữa. Trên thực tế đã có nhiều trường hợp ông chồng hút thuốc mà bà vợ lại chết vì ung thư phổi do hít khói thuốc của chồng từ năm này qua năm khác. Các em cũng vậy. Các anh có biết là hiện nay ở Mỹ số người bỏ thuốc càng ngày càng gia tăng, mà các công ty thuốc lá thì bị đánh thuế rất nặng để chính phủ lấy tiền chữa những bệnh do thuốc lá gây ra. Những công ty này bèn chĩa mũi dùi qua các xứ Á Châu đông dân như Tàu, Việt Nam, Indonesia... Nhiều khi lúc đầu họ cho không thuốc lá cho mình nghiện rồi mới bán thuốc. Vì thế tỉ lệ hút thuốc ở những xứ này rất cao. Và tiền lời của các công ty này càng ngày càng tăng. Các anh thử nghĩ xem mình có nên đem sức khỏe của mình ra giúp cho họ có nhiều tiền bỏ túi không. Mà lại hại nhiều cho cả những người thân của mình nữa. Xin các anh bỏ hút thuốc đi, nhất là các anh bác sĩ phải làm gương trước cho những người khác."

Tôi không ngờ mình có can đảm nói lên những câu có vẻ "dậy đời" như thế. Nhưng đã quen nói thẳng từ hồi nào tới giờ, tôi cảm thấy không thể bỏ lỡ cơ hội để nói lên những điều mình thấy cần phải nói. Dân xứ nghèo, kiếm được tiền ăn đã khó rồi, mà còn hút thuốc quá nhiều để làm giàu cho những công ty lớn tiền rừng bạc bể. Quả là một sự bất công không thể tưởng được.

Tất cả mọi người im lặng, nhưng tôi cảm thấy đã có một tác dụng nào đó đánh động vào tâm tư họ.

Sau buổi giảng, chị bác sĩ trưởng khoa nói với tôi như phân trần:

"Các anh này cũng biết hết cái hại của thuốc lá mà vẫn cứ hút đấy chị."

"Vâng, ở đâu cũng vậy hết chị ơi. Khó nói lắm, nhưng mình vẫn cứ phải nói thôi. Mà bác sĩ khu nhi khoa thì lại càng nên bỏ thuốc lắm."

Tôi đề nghị với chị cho tôi và ông Clarke đi thăm một vòng khu nhi khoa. Từ hồi đầu tuần tới giờ, ông Clarke chỉ toàn khám bệnh hàm thụ, chưa từng trông thấy em bệnh nhân nào. Ông nói với tôi:

"They wouldn't let me see the patients."

Chị trưởng khoa sốt sắng chấp thuận lời yêu cầu của tôi. Chúng tôi ghé vào phòng chị lấy mấy gói đồ chơi rồi bắt đầu cuộc viếng thăm khu nhi.

Và đây là nơi mà tôi đã được mở mắt ra trong chuyến đi này. Tôi thấy những bệnh tôi rất ít khi hoặc là không khi nào gặp ở Mỹ. Những em bé sơ sinh với bệnh xuất huyết vì thiếu vitamin K. Một em bé năm tuổi bị liệt nửa người thình lình mà không định bệnh được vì không có một máy móc, thử nghiệm gì cả. Nhiều em bị viêm thận sau khi bị nhiễm trùng cổ họng do vi trùng "Strep". Nhiều em bị "nephrotic syndrome." Một em vừa mới định bệnh là ung thư máu, truyền ít máu rồi cho về vì chẳng có thuốc hay bác sĩ chuyên khoa về máu nào để chữa cho em. Nếu muốn, gia đình em phải lên Hà Nội để chữa, một điều khó thể thực hiện được cho những gia đình nghèo khổ này. Một em ba tuổi bị sưng hạch ở cổ thật to nhưng không thể định bệnh đúng là vi trùng gì vì chẳng có kết quả cấy vi

trùng nào cả. Em được chữa với những trụ sinh "khổng lồ" nhất bằng nhiều mũi chích thịt mỗi ngày (tưởng tượng nỗi sợ hãi của em)...

Hai tiếng đồng hồ ở khoa nhi nhà thương đa khoa Thanh Hóa đã đem đến cho tôi nhiều cảm xúc hơn cả tuần tôi ở Việt Nam. Dù chỉ mới đi thăm được hai phòng bệnh. Tôi không thể tưởng tượng được sức chịu đựng, sự đau khổ của các em bé Việt Nam và gia đình của các em. Hầu như tôi đã quên những hình ảnh của nhà thương Chợ Rẫy, Hồng Bàng, Nhi Đồng, Nguyễn Văn Học..., những nơi tôi đã thực tập 25 năm về trước. Bây giờ nhớ lại, tôi thấy hình như nước mình đã đi giật lùi. Năm lên chín, tôi đã vô nằm nhà thương Nhi Đồng ở Saigon. Tôi cũng là một trong những đứa bé này đây, nằm mắt mở thao láo nhìn những ông bà bác sĩ nói chuyện về mình. Nhưng kỷ niệm đó không đến nỗi quá u ám. Tôi nhớ một căn phòng khá rộng, nhiều nắng. Và má tôi đã mua mấy món ăn thật ngon cho tôi ăn.

Theo dõi báo chí Việt ngữ ở Mỹ, tôi đã từng được đọc về những ca mổ vĩ đại thành công ở Việt Nam. Tưởng như chừng y khoa ở xứ mình đã tiến bộ nhiều lắm. Nhưng hãy nhìn ở đây, một nhà thương cấp tỉnh, một trung tâm lớn "referal center" của một tỉnh bốn triệu dân mà nguyên một khu nhi có trên 100 em nằm không có được những thử nghiệm căn bản nhất. Thậm chí một cái ống nghe cũng khó kiếm, họ không có cả dụng cụ soi tai, soi mắt. Các anh chị bác sĩ ở đây đã làm việc trong những điều kiện khó khăn vô cùng.

Tối hôm đó, sau bữa ăn, cả phái đoàn đã họp ở ngay tại phòng ăn. Mỗi người đều đưa ra ý kiến và nói lên cảm tưởng của mình. Đa số các anh chị đều nói lên những khó khăn khi làm việc trong phòng mổ. Các ông bà trong phái đoàn sản phụ khoa cũng nói lên những nhận xét về sự làm việc tích cực và lòng ham học hỏi của các anh chị bác sĩ nhà thương phụ sản mà tôi hoàn toàn đồng ý. Ông Clarke thì đưa nhận xét là khoa nhi thiếu thốn quá nhiều và ông có cảm tưởng là các bác sĩ khoa nhi thiếu căn bản, không khám bệnh một cách cẩn thận. Tôi cũng giơ tay xin nói dù bình thường tôi là một người rất nhút nhát.

Tôi kể lại cảm xúc của mình khi nhìn thấy những em bé sơ sinh mắc bệnh ngặt nghèo chỉ vì thiếu một liều vit K giá chừng 50 xu, những thiếu thốn về thử nghiệm căn bản, dụng cụ khám bệnh. Có thể các bác sĩ khoa Nhi không thể khám bệnh kỹ hơn vì họ chẳng có một dụng cụ nào cả. Họ như bị trói tay không làm gì hơn được. Tình trạng này lâu ngày sẽ đưa tới tâm trạng thây kệ, tới đâu hay đó vì "order" thử nghiệm mà làm gì khi không có kết quả, định bệnh mà làm gì khi không có cách chữa. Tôi so sánh những phương tiện ở nhà thương phụ sản với khu Nhi. Tại sao có sự chênh lệch dữ dội đến thế? Không ai có câu trả lời.

Tất cả mọi người đều tỏ vẻ thông cảm cho sự phẫn nộ và xúc động của tôi. Việt Nam ít có những chính sách y tế cộng đồng. Những gì căn bản nhất đều ít được để ý tới. Mà chính những phương cách y tế cộng đồng được thực hiện hàng loạt như chích Vit K cho em bé sơ sinh, làm Pap smear cho phụ nữ... là những phương tiện hữu hiệu để giúp cho sức khỏe của dân chúng và tiết kiệm được rất nhiều tiền chữa những bệnh ngặt nghèo khi đã quá trễ.

Bác sĩ Chẩn đưa ra câu hỏi: Năm tới chúng ta sẽ đi đâu? Hầu hết mọi người trong phái đoàn đều muốn trở lại nhà thương Thanh Hóa một lần nữa để mang theo những thứ mà họ nghĩ là cần thiết và cũng để đánh giá những gì mình đã thực hiện được lần này.

Thứ Sáu 10 tháng 12, 1999

"Are you feeling better today?"

Đó là câu hỏi tất cả mọi người hỏi tôi sáng hôm sau khi thấy mặt tôi trong phòng ăn. Tôi chỉ biết cười gượng. Tôi và chị Kiều đã bàn và đồng ý với nhau là sẽ cố "viện trợ" cho khu nhi khoa tội nghiệp một cái phòng thử nghiệm nho nhỏ có khả năng thực hiện những thử nghiệm nhỏ căn bản. Ngoài ra cũng nên có một tủ sách nho nhỏ để tra cứu vì rõ ràng họ thiếu sách, thiếu người giảng huấn... Chị Kiều cũng sẽ đưa ra đề nghị là nên có chính sách chích vit K cho tất cả các trẻ sơ sinh lên ông Phó Vụ Trưởng Vụ Hợp Tác Quốc Tế trong buổi tiếp tân của phái đoàn vào ngày mai tại Hà Nội. Gì chứ kêu gọi quốc tế viện trợ những dose thuốc vit K cho các trẻ em sơ sinh, chị nghĩ là không ai có thể chối từ. Mong là chúng tôi sẽ thực hiện được những gì đã dự định.

Đã quyết định được những gì phải làm, tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Biết rằng không dễ đâu nhưng còn hơn là chẳng làm gì cả. Tôi và ông Clarke trở lại khu Nhi Khoa.

Sáng nay chúng tôi viếng khu bệnh thận và

khu những trẻ em hơi lớn hơn. Lại một lần nữa, những bệnh ít thấy ở Mỹ lại được thấy rất nhiều ở đây. Đa số những bệnh này là hậu quả của những bệnh nhiễm trùng, thí dụ như "viêm thận sau khi bị sưng cổ họng do vi trùng Strep" (post strepotcoccal glomerulonephritis), "sốt thấp khớp" (rheumatic fever)...

Trở lại văn phòng chị bác sĩ trưởng khoa, tôi nói với các anh chị bác sĩ:

"Sau khi đi viếng khoa nhi ở đây về, chúng tôi có họp và xin đưa đề nghị sau đến các anh chị. Chúng tôi sẽ cố gắng xin hoặc mua những gì cần thiết để thiết lập một phòng thử nghiệm nho nhỏ ngay tại khu nhi này như kính hiển vi, lò cấy, dụng cụ làm gram stain... nếu các anh chi ôn lại cách làm những thử nghiệm căn bản để có thể tự mình làm lấy, không cần phải chờ phòng thí nghiệm trung ương rất lâu như tôi thấy hôm qua. Các anh chị nghĩ sao? Tháng ba tới, bác sĩ Kiều sẽ trở lại đây và mang theo những dụng cụ này."

"Sợ không có dung dịch làm thử nghiệm chứ."

"Chúng tôi sẽ ráng cung cấp đầy đủ."

Tôi cảm thấy sự do dự của họ. Tôi đã mua thêm việc cho họ, chắc vậy. Các anh chị này phải trực ngay tại nhà thương bốn, năm ngày một lần rất vất vả. Lương của họ dưới 40 đô la một tháng, thấp hơn cả bác tài lái xe buýt của chúng tôi. Không biết có ngoại bổng gì không mà theo luật thì các anh chị không được mở phòng mạch tư làm thêm. Trước khi qua đây, tôi đã định mang theo một cái CD ROM chứa cả mấy cuốn sách nhi khoa trong đó để tặng họ, thầm nghĩ họ sẽ sử dụng được, nghe nói họ cũng xài computer dữ lắm. Tới đây mới biết là mình lầm. Các anh chị này chưa bao giờ đụng vô cái computer. Anh Hoàng cho biết:

"Tụi em nghèo lắm, làm gì có tiền mua computer chị."

Thật vậy, anh là một bác sĩ trẻ, thật trẻ, chắc mới ra trường một hai năm. Anh biết nói chút tiếng Anh và đã theo giúp ông Clarke mấy ngày vừa qua.

Tôi hỏi chị trưởng khoa:

"Chị nghĩ là khu này cần gì nhất hiện nay, nếu không phải là phòng thí nghiệm nho nhỏ này?"

"Tụi tôi muốn một cái máy siêu âm tim cầm tay, mang theo được." (chắc chị muốn nói portable ultrasound)

Tôi hơi thất vọng. Bệnh nhân ở đây hết 70 phần trăm là bệnh nhiễm trùng. Chị cần gì máy siêu âm tim? Ông Clarke nói đúng, họ không thấy ra những cái căn bản, chỉ muốn những gì có vẻ tân tiến nhất mà thôi.

Rời khoa nhi, tôi trở lại phòng hồi sức. Sáng nay, phái đoàn mổ những ca cuối cùng. Tới phiên tôi phải trụ trì phòng hồi sức. Gặp mặt tôi, anh bác sĩ Phượng vội bàn giao ngay, anh phải trở lại Hà Nội liền. Đa số các em vừa mới ra khỏi phòng mổ . Chỉ có một vài em đã tỉnh, các em khác còn ngủ mê mệt. Chỉ cần theo dõi nhịp thở, nhịp tim của các em, thỉnh thoảng đo độ oxygen trong máu và coi xem em có chảy máu nhiều quá không. Các em mổ sứt môi, hàm ếch và mắt này đều đã khá lớn, trên năm tuổi.

Tôi lấy tờ chỉ dẫn ra đọc và giải thích rõ ràng cho cha mẹ các em. Tờ này chị Kiều và tôi đã soạn theo tài liệu của ông McComb và những tài liệu khác. Vì bị sứt môi hay hở hàm ếch, giọng nói của các em bị biến dạng, toàn giọng mũi, chữ phát âm lại không rõ ràng. Các em phải được cho tập nói trở lại và tập sử dụng môi, lưỡi, hàm... Theo tài liệu của ông Mc Comb, tụi tôi soạn mấy bài tập cho các em và đã được những trận cười thỏa thích khi mọi óc nghĩ ra những bài tập chữ đ như *đêm đông đốt đèn đi đâu đó...*, chữ b như *bà ba béo bán bánh bèo bên bờ biển...*, chữ t như *thầy thằng tám túng tiền...* Giờ đọc lại những giòng này cho cha mẹ các em, tôi thấy họ cũng cười, hi vọng họ sẽ cố tập cho các em.

Lần lượt, các bác sĩ gây mê đẩy thêm những em đã mổ xong vào. Nhân viên phòng hồi sức tha hồ bận rộn. Cũng may là mấy ngày qua không có một biến chứng nào nguy hiểm cả nên tinh thần phái đoàn lên rất cao. Tổng cộng số ca mổ có thể lên đến hơn 100, một con số khiêm nhường nếu so với số em cần giúp của cả nước, nhưng là một con số đáng kể cho phái đoàn làm việc chỉ trong một tuần lễ trong những điều kiện khó khăn nhất.

Buổi chiều, phái đoàn thực hiện xong hết những vụ mổ và hồi sức cho các em vào khoảng ba giờ. Một số các anh chị trong phái đoàn đem hết những túi đồ chơi và kẹo đi phân phát cho các em, cũng như đem những dụng cụ y khoa để lại cho nhà thương. Khu nhi khoa được tặng một kính hiển vi và một bộ soi tai, mắt. Một buổi họp chung cho phái đoàn và nhân viên nhà thương được tổ chức. Tôi rất ngại những buổi họp như thế, dù biết là cần thiết. Hết ông này tới bà kia lên lập lại những câu cám ơn và những lời nói hoa mỹ.

Tôi trốn.

Tôi về lại khách sạn, thay một bộ đồ "dân sự" và lại tiêu vài tiếng đồng hồ lang thang trên những con đường nhỏ, quan sát thật kỹ từng góc phố, từng căn nhà, từng mẹt rau, sạp bán hoa, lồng gà, sạp bán thịt, tôi vào một tiệm uốn tóc nhỏ để "phi dê" mái đầu. Cô chủ tiệm uốn tóc này còn trẻ lắm, chừng hai mươi mấy thôi. Cô có vẻ rất lành nghề và làm việc rất cẩn thận. Tôi mượn mấy cuốn tạp chí xem trong khi cô làm việc. Chẳng mấy chốc tôi đã biết gần hết tâm tình mấy cô ca sĩ, mấy anh nhạc sĩ Việt Nam. Tới chừng cô ngưng làm việc, tôi mới thấy tóc mình rụng tơi tả khi cô nhẹ đưa những đường lược. Thôi chết rồi, cô dùng thuốc gì không biết , đã làm cháy hết cái đầu tóc của tôi, tóc trở nên dòn và gẫy từng đoạn. Tối đó về, nằm xoa đầu tôi mới "khám phá" ra thêm là trên đầu mình có hai vùng tóc đã bị cháy đến tận gốc, chỉ còn lại những sợi ngắn thật ngắn xoăn tít như tóc mấy anh chị da đen. Chỉ biết tự an ủi là cũng còn may chưa bị cháy đến tận gốc hết cả cái đầu. Bây giờ chỉ có cách chải tóc kéo qua che bớt những chỗ đó, kiểu mấy ông hói đầu.

Mãi đến gần sáu giờ tối, phái đoàn đi chủng viện Trung Linh mới về tới. Tội nghiệp cô bác sĩ Hoa và anh bác sĩ Peter, hai người Việt Nam trẻ tuổi lớn lên tại Mỹ, đi trong phái đoàn này. Ngồi xe hơn năm tiếng đồng hồ đi và về, khám bệnh mờ người. Cũng may là có các sơ và các em sinh viên đi theo giúp đỡ rất nhiều, lo hỏi bệnh và đo huyết áp cho bệnh nhân trước. Lần này, máy thử tai làm việc rất tốt nên thu thập được nhiều dữ kiện về các em. Các sơ ở chủng viện có một phòng khám bệnh nho nhỏ và một khu săn sóc những người bệnh nặng chờ chết (hospice), rất cần được giúp đỡ nên đã được tặng thêm một số dụng cụ và thuốc men. Cần phải kể đến sự giúp đỡ của ông Jim, một dược sĩ. Nhờ công của ông, phái đoàn có rất nhiều thuốc đem theo. Ông còn hứa sẽ ủng hộ phái đoàn dài dài trong những chuyến đi tới.

Thứ Bẩy 11 tháng 12, 1999

Các bác sĩ giải phẫu và bác sĩ nhi khoa đi thăm các em một vòng tại khu hàm mặt. Tất cả các em còn ở lại đây hết. Các em mổ từ đầu tuần thì vết thương đã se mặt, chạy chơi được. Các em mới mổ thì hãy còn đau nhưng nói chung không có một biến chứng gì cả. Các ông bác sĩ chỉnh hình gồm có bác sĩ Harold McComb, bác sĩ Wan Ho, và bác sĩ Lê Thanh Cảnh từ Úc qua. Các ông là những người mang trọng trách thật nặng nề trong chuyến đi này. Ông nào cũng rất vui vẻ, nhã nhặn, khiêm tốn và sẵn sàng đóng góp. Các ông tận tụy chỉ dẫn các anh bác sĩ Việt Nam khu hàm mặt và có hứa sẽ giúp một số dụng cụ mổ.

Thế là một tuần đã trôi qua như một giấc mơ. Thật vậy, tôi có cảm giác mình đang sống trong một giấc mơ. Bật ra khỏi nếp sống thường ngày, không theo một sinh hoạt nhất định, tôi thấy mình như không phải đang sống thực mà là đang ở trong một thế giới khác. Chứ còn gì nữa, một thế giới khác rất quen thuộc nhưng cũng rất xa lạ. Quen thuộc vì tôi đã sống qua thế giới đó 25 năm về trước. Xa lạ vì nó khác quá đi với những gì quen thuộc hằng ngày của tôi bây giờ. Tôi cũng đã học hỏi được nhiều trong chuyến đi này. Tôi cảm thấy không thể không về nữa. Tôi muốn được trở về hoài, thăm lại những khuôn mặt Việt Nam gầy ốm, đen đủi của những em bé nghèo, những khuôn mặt nhẫn nhục, chịu đựng của những người dân nghèo, làm được một cái gì đó với hy vọng một ngày nào, dân mình sẽ không còn hoặc bớt đi nhiều những đau thương quá rõ nét như hiện nay.

Tôi biết còn rất nhiều người không đồng ý với chuyện về Việt Nam làm những việc như tôi đang làm. Họ cho rằng như vậy là giúp cho chế độ. Tôi cũng đã từng nghĩ như vậy. Nhưng không làm gì hết đã mấy chục năm qua, mình cũng không cải thiện được gì cả. Chi bằng cứ làm đi, làm rồi sẽ thấy còn nhiều khuyết điểm cần sửa chữa, cần tìm cách làm tốt hơn. Cũng như những người mới học tiếng Anh. Nếu không nói đại đi rồi ý thức được những lần mình nói sai để lần sau sửa lại thì rất lâu biết nói.

Trở về Hà Nội, trở về với những con đường đông xe gấp mười lần Thanh Hóa. Những lề đường đầy người với những cửa hàng con con cũng như cửa hàng đồ sộ. Mọi thứ cũng giống như Thanh Hóa, chỉ ở một bình diện lớn hơn mà thôi.

Và trở về Mỹ, với một cái nhìn rõ hơn về con người và quê hương Việt Nam. Tôi hy vọng mình vẫn giữ được chủ định làm việc của mình, làm những việc nhỏ nhoi chỉ để mang tới những giúp ích thật nhỏ chỉ cho một vài người thôi, cũng đủ cảm thấy sung sướng đời, không phải "cũng đủ lãng quên đời." Không, tôi muốn nhớ hoài cuộc đời với những hình ảnh đau thương và hạnh phúc của nó.

VÀI NÉT VỀ NGHỀ TRỒNG LÚA TẠI KHU VỰC Á CHÂU GIÓ MÙA

THÚC NGUYÊN

Cây lúa (Oriza) là cốc loại chính của khu vực Á Châu Gió Mùa. Hạt của nó, hạt gạo, là một thực phẩm bổ dưỡng, đã nuôi sống những dân tộc khu vực này hàng trăm thế hệ trước đây, trong đó có dân Việt ta. Để có cơm ăn, người nông dân phải lao động cần cù, tỉ mỉ và liên tục hàng ngàn năm trên những cánh đồng lầy lội, chân đạp bùn, đầu đội nắng.

Những cánh đồng ấy đã tạo nên phong cảnh nông nghiệp, nổi bật trong những phong cảnh đẹp nhất do con người dựng nên. Lúc đất còn đang được cày bừa, những thửa ruộng nâu đậm ngăn cách nhau bởi những bờ đất nhỏ, trông chẳng khác nào bàn cờ. Rồi cây mạ được cấy. Ruộng mạ xanh mơn mởn, bằng phẳng như một tấm thảm nhung trải rộng mút tầm mắt, trông thật êm ái. Lúc lúa lớn lên, cánh đồng xanh ngắt, bát ngát thẳng cánh cò bay, nhấp nhô sóng gợn theo từng cơn gió mùa, thơm mùi lúa con gái. Đến mùa gặt, cánh đồng rực rỡ màu vàng óng, thơm mùi lúa chín, biểu tượng cho no đủ, chen lẫn màu nâu bạc của áo quần người nông dân, biểu tượng cho cần lao.

Cây lúa không những chỉ in dấu trên phong cảnh của khu vực Á Châu Gió Mùa, nó còn đi sâu vào ngữ vựng, vào tâm lý, vào tín ngưỡng của con người.

Thật vậy, trong ngôn ngữ Việt, những từ ngữ xuất phát từ nghề trồng lúa rất phong phú: đồng cạn, đồng sâu, ruộng chiêm, ruộng mùa, ruộng sẩm, ruộng thuấn, nương, nương bậc, rẫy..., cày vỡ, cày rang, cày ải, cày lật, cày sâu cuốc bẫm, cuốc xáo, cuốc xới, bừa ngả, bừa chín, đập đất, xáo đất, be bờ, đào mương, dẫn nước, tháo nước, tát nước..., ngâm thóc giống, gieo mạ, giậm mạ, nhổ mạ, cấy mạ, cấy mau, cấy thưa, gặt lúa, đập lúa, phơi thóc, xay thóc, quạt trấu, giã gạo, rê gạo, sảy cám, sàng tấm..., vo gạo, thổi cơm, đồ xôi, xay bột... Cũng như phần lớn những dân tộc ở Á Châu Gió Mùa, khi người Việt nói "ăn cơm," có nghĩa là ăn bữa trưa hoặc ăn bữa tối; chẳng hạn, chúng ta mời nhau "ăn cơm tây," có nghĩa là ăn bữa ăn làm theo bếp Pháp, tuy bữa ăn đó chẳng có cơm.

Người nông dân khu vực Á Châu Gió Mùa gắn bó chặt chẽ với ruộng nương, với mồ mả tổ tiên, không ưa ly hương, ngại phiêu bạt. Họ bình dị như đồng áng, không thích đổi thay, ghét sóng gió. Họ có tinh thần thực tế, coi "áo cơm là đạo cả," không màng tới những chuyện phù phiếm, ai mang lại ấm no an lạc đều là nhà cầm quyền tốt. Họ cũng hiền hoà, lấy châm ngôn "chín bỏ làm mười" làm lẽ sống.

Trải qua nhiều ngàn năm, sự liên hệ giữa việc trồng lúa và mật độ dân số rất mật thiết. Sự tăng nhân khẩu đi song song với sự tăng sản lượng thực phẩm đã khiến họ nảy ra tín ngưỡng phồn thực.

Không một nền văn minh nào khác có những dây liên hệ vừa đa dạng vừa gắn bó chặt chẽ và bền vững với thời gian như thế. Cho nên, chúng ta cùng nhau tìm hiểu nghề trồng lúa, tức là tìm hiểu nền văn minh nông nghiệp của giống nòi để tự hào về gốc gác của mình.

1. Nói qua về nghề nông thô sơ và nghề trồng cốc loại

Trong thời cổ, nam bộ khu vực Á Châu Gió Mùa là địa bàn của người Úc, người Vedda, người Négrito, người Mélanésien (1). Họ còn để lại những hài cốt và những dụng cụ bằng

đá đẽo (pierre taillée), chủ yếu là những rìu hình bầu dục, rải rác từ lưu vực sông Ấn (Indus) đến bờ biển Đông Dương, có niên đại từ năm đến mười hai ngàn năm.

Nền văn hóa đồ đá giữa (la culture mésolithique) Hoà Bình của người Mélanésien, có niên đại từ tám đến mười một ngàn năm, trải rộng từ Đông Ấn đến Hoa Nam và Đông Nam Á. Nghề nông thô sơ của họ đã được xác nhận bằng sự hiện diện của một số nông cụ bằng đá mài sơ sài đào được ở những di chỉ thuộc nền văn hóa này: Bengale và Assam ở Đông Ấn và Bangladesh, Tứ Xuyên và Quảng Tây ở Hoa Nam, Luang Prabang ở Thượng Lào, Hoà Bình ở Bắc Việt, Niah ở đảo Kalimantan (Bornéo)...

Riêng tại những di chỉ thuộc thời kỳ Hoà Bình muộn ở Bắc Việt, có niên đại tám ngàn năm, người ta đã khai quật được nhiều nông cụ như: mai, bàn đập, cối xay, cối giã. Những nông cụ này cho phép ta biết được chủ nhân của chúng đã biết trồng cốc loại, nhưng không thể biết được đích xác là loại nào.

Vào một thời điểm nào đó của lịch sử, những bộ lạc da vàng, phát tích từ Tây Tạng, tạm gọi là người Nguyên Đông Nam Á (Proto-Austro-oriento-asiatique), men theo những dòng sông lớn hoặc vượt qua rặng Hy-mã-lạp-sơn mà lọt vào khu vực Á Châu Gió Mùa bằng nhiều đợt trong nhiều ngàn năm, mang theo rìu đá mài (pierre polie) hình chữ nhật và rìu đá mài có mộng (hache à tenon).

Người Nguyên Đông Nam Á đã hỗn hợp hoặc ít hoặc nhiều với đám thổ trước để khai sinh ra những tộc người mà ngày nay những nhà nhân chủng học gọi là Anh-đô-nê (Indonésien) hoặc Nguyên Mã Lai (Proto-Malais), Ôt-strô-nê (Austronésien) hoặc Thứ Mã Lai (Deutéro-Malais) hoặc Mã Lai vắn tắt, Munda, Môn-Kmer, Việt-Mường, Thái, Tạng-Miến, Miêu Tử (2). Những tộc hỗn chủng này có thể được gom chung vào một chủng, tạm gọi là người Đông Nam Á. Đại khái cũng có người đã gom chung những tộc người này vào một chủng và gọi là chủng Nam Á (race austro-asiatique), chủng nam Mông Cổ (race sud-mongole)...

Người Nguyên Đông Nam Á cũng đã kết hợp nền văn hóa uyên nguyên của mình với nền văn hóa đồ đá giữa Hoà Bình của thổ dân trước để khai sinh ra nhiều nền văn hóa đồ đá mới (la culture néolithique), chẳng hạn: nền văn hóa Bắc Sơn ở Bắc Việt, có niên đại từ tám đến mười ngàn năm, nền văn hóa Quỳnh Văn ở bắc Trung Việt, có niên đại năm ngàn năm, nền văn hóa Kbal Roméas ở Cao Miên, có niên đại năm ngàn năm...

Người Nguyên Đông Nam Á đã biết trồng lúa chưa? Chắc hẳn là chưa, vì cho đến bây giờ, xứ Tây Tạng, nơi phát tích của họ, vẫn không trồng được lúa. Vậy người Đông Nam Á chỉ có thể được thừa kế nghề trồng lúa của bên tổ tiên thổ trước.

2. Lược sử nghề trồng lúa

Theo Heine Geldern, tây bộ Trung Quốc là nơi phát sinh ra nền văn hóa Anh-đô-nê, cũng là nơi mà nền văn hóa Cổ Ấn bắt nguồn. Như thế có nghĩa là nền văn hóa Anh-đô-nê và nền văn hóa sông Ấn có một gốc chung.

Nền văn hóa huy hoàng sông Ấn phát sinh từ cuối thiên niên kỷ bốn trước Công nguyên, bị người A Lợi An phá hủy ở giữa thiên niên kỷ hai trước Công nguyên. Chủ nhân của nó là một cộng đồng gồm năm tộc, do người Munda và người Hắc Ấn (3) lãnh đạo. Theo René Grousset trong "Histoire de l'Asie," những cư dân da nâu bị người A Lợi An chinh phục thuộc hai ngữ phái khác nhau: người Munda và người Hắc Ấn. D.G.E. Hall trong "Đông Nam Á sử lược" cũng phát biểu rằng người A Lợi An khi tới Ấn Độ, gặp một nền văn minh với hai yếu tố Munda và Hắc Ấn. Những di chỉ thuộc nền văn hóa này ở Mohenjo-Daro và Chanhou-Daro bên sông Ấn, ở Harappa bên sông Ravi, ở Kalibang bên sông Satledj, ở Rangpur và Lothal bên vịnh Cambay, ở Bihar và Nadoho bên sông Hằng cho thấy nghề trồng lúa mì (blé), lúa mạch (orge), lúa (riz) đã đạt đến một trình độ cao với một hệ thống kênh dẫn và thoát nước, đập, đê bằng đá (gabarband), những kho chứa nông sản, những xe bò và thuyền chở nông sản, những cân...

Theo một số sử gia, người Khmer khi nam tiến đã xuyên thủng một khối những dân tộc và chia họ ra làm hai nhóm: một nhóm đi lên phương bắc và đến Quý Châu bây giờ, ấy là nhóm Thái, nhóm kia xuống phương nam, ấy là nhóm Anh-đô-nê. Hall cho rằng người Nguyên Mã Lai (Anh-đô-nê) và người Thứ Mã Lai (Mã Lai) từ tây bộ Trung Quốc di cư đến địa bàn hiện tại của họ. Theo thư tịch Trung Quốc, người Tam Miêu, tức Sơn Miêu, tức Miêu Tử, bị người tộc Hán đánh bại, phải bỏ lưu vực sông Hoàng Hà mà lui xuống lưu

vực sông Dương Tử, rồi lui xuống tây bộ Hoa Nam và vùng Đông Nam Á. Trước khi di cư xuống phía nam, những tộc người kể trên đã biết trồng lúa.

Theo truyền thuyết Trung Quốc, ông vua thứ ba trong Tam Hoàng là Thần Nông (3217?-3077? TCN), tức Địa Hoàng, là người đầu tiên đẽo ra lưỡi cày bằng gỗ và dạy dân làm ruộng. Nhân vật thần thoại này, còn có tên Viêm Đế, tức "Vua Xứ Nóng," gốc gác ở lưu vực sông Dương Tử, nghĩa là ở trên địa bàn của người Nam Man. Do đó, ta có thể suy ra dân cư ở lưu vực sông Dương Tử đã biết làm ruộng từ một thời rất sớm. Điều cần để ý là ở lưu vực sông Hoàng Hà, địa bàn ban đầu của tộc Hán, cho đến nay vẫn không trồng được lúa.

Cổ thư Trung Quốc còn chép rằng người Giao Chỉ và người Việt Thường, nghĩa là hai dân tộc Nam Man ở trung lưu sông Dương Tử, đã giao tiếp với tộc Hán từ hậu bán thiên niên kỷ ba trước Công nguyên, những nhóm dân ở chân núi và ở những bãi đất bồi bên đầm lầy đã biết nghề trồng lúa (đừng nhầm hai danh từ riêng Giao Chỉ và Việt Thường ở đây với Giao Chỉ và Việt Thường là hai trong mười lăm bộ của nước Văn Lang xưa; cũng đừng nhầm Giao Chỉ ở đây với Giao Chỉ là một trong chín quận của bộ Giao Chỉ, thuộc địa phiá nam của triều Hán sau năm 111 trước Công nguyên).

Cũng theo cổ thư Trung Quốc, đầu triều Chu (nhà Chu: 1134-255 TCN), người Miêu Tử ở miền đất giữa hồ Phiên Dương (bắc Giang Tây) và hồ Động Đình (bắc Hồ Nam) đã biết trồng lúa, nhưng kỹ thuật còn kém. Theo chữ Hán, chữ "Miêu" là chữ "Điền" (ruộng), trên có dấu "Thảo" (cỏ), đồng nghĩa với "lúa chưa trổ bông," làm ruộng mà để cỏ mọc trên ruộng thì lúa khó trổ bông mẩy hạt được, là làm ruộng kém. Theo tục truyền của người Mèo và người Dao, chính người Lô Lô biết trồng lúa lâu đời, đã truyền nghề lại cho họ.

Trong thời Xuân Thu (722-481 TCN), ba

HÀ NGUYÊN DU

NÂNG CỐC SẦU TAN

lúc xuống núi
chấp kinh đời
nương trong bát nhã
ngát trời uyên nguyên
thế tà
động náo
man thiên
khẩm khoang tiết liệt
đắm thuyền nghệ nhân
bão hoang loạn
lụt căn phần
bản truy đốn bản
trên sân cỏ phàm
tráng đâu mà
sĩ hề cam?
cung rơi
kiếm vứt
ôm chầm họa hao!
mất thơ túi
mất rượu bầu!
may thời sĩ
với trăng sao xứ người!
sĩ về
cuộc rớt mồng tơi!
trăng buồn
kiếm
sĩ
vàng đôi tay gầy!
đời kiêu bạt
phế tàn lây!
nghe tâm huyết lụn
phơi bày nghiệt oan?
sĩ hề
sĩ chẳng hề than!
sĩ về nâng cốc
sầu tan
chẳng hề!

nước Nam Man lớn ở lưu vực sông Dương Tử là Sở, Ngô, Việt [tức Ư Việt hoặc Vu Việt (4)] đã có kỹ thuật trồng lúa cao. Vua của họ cố gắng khuyến nông để đạt đến chỗ phú cường. Chẳng hạn, theo sách "Sử Ký" của Tư Mã Thiên viết vào cuối thế kỷ hai trước Công nguyên, vua Câu Tiễn nước Việt đã theo kế hoạch kinh tế của Phạm Lãi và Kế Nhiên mà kiến thiết xử sở, trong đó có điểm quan trọng hàng đầu là khuyến khích nghề nông và nghề nuôi tằm để tăng sản lượng.

Khi miền bắc và miền tây của khu vực Á Châu Gió Mùa bị người tộc Hán và người A Lợi An thôn tính, người Đông Nam Á phải lui về Đông Dương, Nam Dương, Phi Luật Tân với người đồng chủng, cũng đã biết nghề trồng lúa từ rất sớm.

Theo "Hán Thư" của Ban Cố (nhà Tây Hán: 208 TCN - 8 SCN), thổ dân đảo Hải Nam, tức là người Lê (5) đã biết trồng lúa: đàn ông làm ruộng, trồng lúa nếp và lúa tẻ, đay và gai, đàn bà trồng dâu, nuôi tằm.

Theo Jean Bruhat trong "Histoire de l'Indonésie," người Mã Lai ở Nam Dương, trước khi chịu ảnh hưởng của Ấn Độ, đã biết nghề trồng lúa. Vào những thế kỷ đầu Công nguyên, những ruộng lúa đã trải rộng ở Sumatra, Java, Bali, Kalimantan.

Sách "Giao Châu Ngoại Vực Ký" viết về lưu vực sông Hồng và sông Mã như sau: "Xưa kia, Giao Chỉ chưa có quận huyện (chưa bị người tộc Hán đô hộ và đặt làm quận huyện), đất có lạc điền theo nước triều lên xuống. Dân khai khẩn đất ấy mà ăn, gọi là lạc dân."

Người Thượng ở cao nguyên Đông Dương đã biết trồng lúa từ thời cổ, lúc còn bàn cứ miền duyên hải Trung Việt, trước khi bị người Chàm (6) đánh đuổi vào khoảng những thế kỷ đầu Công nguyên. Bài hát "Lia Bông" (Mừng Lúa) đã nói lên điều ấy:

Lúa miền biển cả,
Lúa xứ hoa đào,
Lúa trên miền cao
Đất ông Kớp Fúp,
Đến tận mặt trời.
Lúa xứ Ko Đun,
Lúa mọc gần biển
Lúa nhiều như cát.
Sao lúa ở đó
Không về với ta?

Các nhà khảo cổ học đã đào được ở Hoa Nam, Việt Nam, Cao Miên những lưỡi rìu, lưỡi cày, lưỡi liềm, lưỡi hái bằng đồng thuộc nền văn hóa Đông Sơn. Cái lưỡi cày do Oslov Jansé đào được ở Thanh Hoá rất đẹp.

Hạt thóc cháy tìm thấy ở di chỉ Đồng Đậu có niên đại 3.300 năm. Phấn hoa lúa tìm thấy ở di chỉ Tràng Kênh tại Hải Phòng có niên đại 3.400 năm. Theo tạp chí "Tiến bộ" của Miến Điện, việc phân tích bằng phương pháp phóng xạ chất C14 hạt thóc cổ nhất Đông Nam Á cho biết một niên đại là 5.500 năm, cổ hơn những hạt thóc ở Ấn Độ và Trung Quốc khoảng 1.000 năm.

C.O. Sauer cho ta biết Đông Nam Á là trung tâm trồng lúa cổ nhất thế giới. Theo M.O. Cosven, quê hương của cây lúa là Đông Nam Á.

Năm 333 trước Công nguyên, nước Việt bị nước Sở diệt. Người Việt di cư xuống miền nam dãy Ngũ Lĩnh với người đồng tộc, lập ra nhiều nước lớn nhỏ, gọi chung là Bách Việt (7), hoặc vượt biển xuống các đảo phương nam, đó là tộc Mã Lai. Một nhóm khác vượt biển sang Đài Loan rồi ngược lên phía bắc, dùng quần đảo Lưu Cầu (Ryu Kyu) làm bậc chuyền chân để đến đảo Cửu Châu (Kiushu), đó là những chiến sĩ Hùng Tang (Kumazo); họ chinh phục người thổ dân Hà Di (Ainu), rồi bành trướng sang các đảo Tứ Quốc (Shikoku) và Bản Châu (Honshu), hỗn hợp với những bộ lạc từ bắc xuống và từ Triều Tiên sang để khai sinh ra dân tộc Nhật Bản.

Ichiro Hori trong "Folk religion in Japan, continuity and change," cho biết nghề trồng lúa ở Nhật tương tự như ở Đông Nam Á. Theo những công trình khảo cổ học, nghề trồng lúa ở Nhật có trước tiên ở nam bộ, từ đảo Cửu Châu đến miền Đông Kinh (Tokyo), rồi mở rộng sang tây bộ, đến bán đảo Noto vào thế kỷ thứ ba trước Công nguyên. Những hạt thóc cháy và những vết vỏ trấu in hằn lên những đồ gốm của nền văn hóa Đại Ôi (Yayôi) có niên đại trên hai ngàn năm. Nền nông nghiệp này có lẽ do những bộ lạc Ama (Người Ngoài Biển) đem đến.

3. Việc mở rộng diện tích canh tác

Tại những miền dân số tăng quá nhanh, người xưa phải tìm cách mở rộng diện tích canh tác.

Cổ thư Trung Quốc nói tới việc "chống bùn" của nước Phù Nam xưa. Người Phù Nam đã biết tẩy những cánh đồng chua nước mặn thành những cánh đồng trồng trọt được. Công trình này phải dựa vào một hệ thống kênh dẫn

và thoát nước hữu hiệu. Cho đến nay, người ta còn thấy vết tích một hệ thống kênh đào ở Đồng Tháp Mười, phần lãnh thổ phía đông của nước Phù Nam xưa. Người Pháp, khi còn cai trị Việt Nam, đã khai thông và mở rộng một trong những kênh này, đó là kênh Vĩnh Tế.

Tại lưu vực sông Hồng, việc mở rộng diện tích canh tác đã được thực hiện từ một thời rất sớm. Câu đồng dao dưới đây đã nói lên điều ấy:

Ông đếm cát,
Ông tát bể,
Ông kể sao,
Ông đào sông,
Ông trồng cây,
Ông xây rú,
Ông trú trời.

"Ông tát bể" là kỹ sư kiến tạo đê ngăn nước mặn để lấy thêm đất đai ven biển và "Ông đếm cát" là đạc điền viên. Thế kỷ trước đây, Nguyễn Công Trứ đã thực hiện công trình này để lập ra hai huyện Kim Sơn và Tiền Hải.

Tại miền thượng du, tuy đất rộng người thưa, nhưng đất đai kém màu mỡ, người xưa đã theo phương pháp du canh, đổi chỗ canh tác, cũng giống như những dân tộc thiểu số ngày nay còn làm, đặc biệt là người Mèo. Người ta chọn một cánh rừng bằng phẳng, có đất tốt và gần bờ suối, đốn ngã những cây nhỏ; khi những cây này khô, người ta đốt rừng làm nương rẫy; tro trở thành phân bón khá tốt. Sau hai hoặc ba năm, đất đai bị cằn cỗi, người ta đổi chỗ canh tác; thường thì sau vài chục năm, người ta quay lại nương rẫy cũ. "Ông xây rú" đảm trách việc khẩn hoang.

4. Các loại lúa

Rất nhiều giống lúa được trồng ở khu vực Á Châu Gió Mùa, nhưng có thể gom vào ba loại chính về phương diện nhu cầu nước: loại lúa nước sâu, loại lúa nước nông và loại lúa cạn.

Loại lúa nước sâu sống được trong những miền đất trũng như Bengale ở Đông Ấn và Bangladesh, hạ lưu sông Irrawady ở Miến Điện, lưu vực sông Ménam ở Thái Lan, ven hồ Tonlé Sap ở Cao Miên, Đồng Tháp Mười ở Nam Việt, Sơn Nam Hạ ở Bắc Việt, Sumatra ở Nam Dương... Lúa có thể chịu đựng được một mực nước rất cao, miễn là "chân trong bùn, đầu đội nắng," như các giống lúa Chiêm, Rự, Ba Giăng, Nếp Mại, Nếp Mây trong những ruộng chiêm ở Bắc Việt, chịu được 3m nước, các giống lúa Sạ, Rạ, Nanh Chồn, Nếp Than, Nếp Cẩm trong những ruộng sẩm ở Nam Việt chịu được 5m nước, giống lúa nổi ở Cao Miên chịu được 6m nước... Lúa lớn thi với mực nước dâng; khi nào nước dâng quá nhanh, lúa vươn theo không kịp, nó sẽ chết sau mươi ngày bị ngập đầu. Lúa nước sâu có năng suất cao, không cần phải chăm sóc. Có giống không cần phải cấy, như các giống lúa Sạ, Rạ ở Nam Việt. Có giống chỉ cần một thời gian rất ngắn là xong một vụ, như giống lúa Ba Giăng (ba trăng) ở Bắc Việt, cấy tháng Sáu và gặt cuối tháng Tám Âm lịch.

(Còn tiếp)

Chú thích:

1. Người Úc có thân hình dong dỏng, cao trên trung bình, từ 1,65m đến 1,66m, xương hông hẹp và chân rất dài, da nâu đậm, tóc đen và quăn, lông và râu nhiều, trán lép, khung mắt rất lồi, mũi tẹt và rộng, môi dày, cằm lẹm. Hiện nay, họ ở giữa đảo Úc Đại Lợi và rải rác ở quần đảo Sonde.

Người Vedda có thân hình thấp nhỏ, từ 1,54m đến 1,56m, da nâu đậm, tóc đen dài và gợn sóng, lông và râu rất thưa, trán lép, khung mắt rất lồi, mặt ngắn và rộng như mặt trẻ con, mũi tẹt và rộng, môi hơi dầu. Họ gồm nhiều dân tộc thiểu số ở Nam Ấn (Chenchu, Uruli, Kurumba, Gond, Malé...) và miền núi phía đông Tích Lan (Vedda).

Người Négrito có thân hình rất thấp, từ 1,47m đến 1,50m nhưng cân đối, da nâu đậm hoặc đen, tóc xoắn, lông thưa, mũi rộng nhưng không tẹt, môi hơi dày. Họ gồm nhiều dân tộc thiểu số ở Ấn Độ (Kâdar, Pulayar, thổ dân đảo Andaman...), ở Malacca (Sémang...), ở Nam Dương (Kubu, Tapiro...), ở Phi Luật Tân (Aeta tức Negrito del Monte, Ata, Ati...)

Người Mélanésien có thân hình hơi thấp, từ 1,60m đến 1,65m, mình đậm, tứ chi lớn, da nâu đỏ hoặc nâu đậm, tóc dài và xoắn như tổ chim, trán lép, khung mắt lồi, mặt nặng, mũi thường rộng và lõm, môi dày, cằm lẹm. Họ là thổ dân đảo Nouvelle Guinée (Papou), đảo Nouvelle Zélande (Maori), đảo Nouvelle Calédonie (Canaque) và hai quần đảo Mélanésie và Micronésie.

2. Người Anh-đô-nê tức Nguyên Mã Lai gồm rất nhiều dân tộc thiểu số ở khắp Đông Nam Á: ở Miến Điện (Wa, Palaung...), ở Thái Lan (Chong, Akba...), ở Lào (Khmụ, Phủ Nội, Nghé, Alak, Allo, Sinh Mun, Sek...), ở Cao Miên (Samrê, Kouy, Por, Saoch, Biat...), ở Việt Nam (Thượng...), ở Malacca (Senoi, Sakai...), ở Sumatra (Batak, Adjet, Minang Kabao, Blas...), ở Sulawesi (Alfuru, Toala...), ở

Bornéo (Dayak, Dusun, Murut, Punan...), ở Luận (Igorot, Ifugao, Kalinga, Bontok...), ở Mindaro (Alagan, Buhid...), ở Mindanao (Batangan, Ubo, Ilanun...)

Người Mã Lai tức Thứ Mã Lai là hậu duệ người Lạc Việt xưa ở duyên hải Hoa Nam. Họ gồm những bộ lạc thổ dân đảo Đài Loan (Paiwan, Pepo Hoan, Tayal, Sinh Phiên, Ami, Boutan...) và đảo Hải Nam (Lê), mấy dân tộc thiểu số ở Hoa Nam (Choang, Lý, Xa...), dân tộc Chàm xưa, chín dân tộc lớn ở Phi Luật Tân (Tagalog, Ilocano, Kapampangan, Bicol, Pangasinan, Cebuano, Ibaloy, Hiligaynon và Waray), những dân tộc đa số ở Mã Lai Á và Nam Dương, dân tộc Mérina tức Hova ở đảo Madagascar bên Phi Châu.

Người Munda gồm nhiều dân tộc thiểu số ở Ấn Độ (Chota, Munda, Khasi, Nilgiri, Naga, Salva, Santal...) và thổ dân đảo Nicobar.

Người Môn-Khmer gồm người Khmer là dân tộc chính ở Cao Miên và người Môn ở Hạ Miến. Người Môn lập ra nước Sudhammavati ở Hạ Miến vào thế kỷ ba, bị người Miến diệt; lập nước Haripunjaya ở thượng lưu sông Ménam, bị người Thái diệt năm 1292; lập nước Dvâravati ở hạ lưu sông Ménam trước thế kỷ bảy, bị người Khmer thôn tính rồi người Thái diệt năm 1287. Ngày nay, họ là dân tộc thiểu số ở miền Pégou của Miến Điện.

Người Việt-Mường gồm người Việt Nam và người Mường ở ven dãy núi đá vôi ở Bắc Việt. Họ đều là hậu duệ của người Văn Lang xưa.

Người Thái ở Hoa Nam, Bắc Việt, bắc Trung Việt và Thượng Lào gồm năm nhóm: phân biệt bằng màu sắc y phục phụ nữ hoặc nơi bàn cứ: Thái Khảo tức Thái Trắng, Thái Đam tức Thái Đen, Thái Đèng tức Thái Đỏ, Thái Nưa tức Thái Thượng Nguồn và Phu Thái tức Thái Núi.

Người Tạng-Miến gồm nhiều dân tộc ở Tây Tạng (Poba, Kampa, Ssamba, Hồng Mao Nhi, Dchiahour, Tây Phiên...) và ở dãy Hy Mã Lạp Sơn (Bhotia, Lepcha, Sherpa, Malla, Newa, Ladha...), nhiều dân tộc ở Miến Điện (Miến, Chin, Katchin, Kakyen, Lissou, Mosso...), nhiều dân tộc thiểu số ở Hoa Nam, Bắc Việt và Thượng Lào (Lô Lô, La Hủ, Sila, Lão, Hà Nhì...).

Người Miêu Tử tức Sơn Miêu là hậu duệ người Tam Miêu xưa ở Hoa Bắc. Hiện nay, họ ở rải rác tại Hoa Nam, Bắc Việt, Thượng Lào, gồm năm nhóm: Hmong tức Mèo, Hmao (?), Hmoob tức Khỏa, Hmub tức Đồng và Hyao tức Dao, còn gọi là Diêu hoặc Mán.

3. Người Hắc Ấn (Mélano-Indous) tức Dravidiens là nền tảng của các dân tộc ở bán đảo Deccan bây giờ, mà các nhóm lớn là Tamil, Télougou, Kanara...

4. Nước Sở. Theo cổ thư Trung Quốc, xưa, ở miền Hồ Bắc, Hồ Nam bây giờ, có một dân tộc Nam Man bàn cứ, lấy núi Kinh Sơn làm trung tâm điểm, vì vậy gọi là rợ Kinh Man. Một người quý tộc Hán tên là Hùng Dịch, con của Mị Giục Hùng, lập một quốc gia ở đây vào thế kỷ thứ mười hai trước Công nguyên, ấy là nước Sở. Các vua Sở, nhất là Hùng Cừ, mở mang bờ cõi ra miền Hán Đông và nước Sở trở thành một nước cường thịnh ở thời Chiến Quốc (453-221 TCN). Sau, nước Sở bị nước Tần thôn tính năm 222 trước Công nguyên.

Nước Ngô. Theo thiên Thái Gia Ngô Thái Bá trong "Sử Ký" của Tư Mã Thiên, hai ông hoàng Ngô Thái Bá và Trọng Ung, con của Thái Vương nước Chu, lập ra nước Ngô ở cuối thế kỷ mười hai trước Công nguyên trên đất của người Nam Man ở lưu vực sông Hoài. Nước Ngô bị nước Việt diệt năm 496 trước Công nguyên.

Nước Việt tức Ư Việt. Theo "Tả Truyện" của Tả Khẩu Minh, vua Hùng Cừ nước Sở, sau khi chinh phục được các nước Hán Đông, cho người con út là Chấp Tỳ miền Việt Chương. Ông hoàng trẻ tuổi này lập ra nước Việt ở miền Chiết Giang bây giờ. Nước Việt trở nên cực thịnh ở thế kỷ năm trước Công nguyên, dưới triều vua Câu Tiễn. Sau, bị nước Sở diệt năm 333 trước Công nguyên.

5. Người Lê là thổ dân đảo Hải Nam, gồm người thục Lê, nghĩa là người Lê đã chịu thuần thục, đã chịu đồng hóa với người tộc Hán; và người Sinh Lê là người Lê không chịu đồng hóa.

6. Người Chàm chiếm lãnh miền duyên hải Trung Việt có lẽ từ những thế kỷ đầu Công nguyên, dồn người Anh-đô-nê lên miền cao nguyên. Năm 192, người anh hùng Khu Liên giết huyện lệnh huyện Tượng Lâm (một huyện ở cực nam của quận Nhật Nam, lúc đó là thuộc địa của người tộc Hán, bây giờ thuộc tỉnh Quảng Nam) rồi lập ra nước Lâm Ấp. Năm 336, vua Phạm Văn thống nhất miền bắc. Vua Harivarman IV (1074-1086) thống nhất đất nước và đặt quốc hiệu là Champa (Chiêm Thành). Nước này bị người Việt diệt năm 1693. Hiện nay, người Chàm còn ở rải rác tại Phan Rang, Phan Thiết, Châu Đốc của Việt Nam và Kampot, Tonlé Sap của Cao Miên.

7. Các nước Bách Việt gồm nhiều nước lớn nhỏ của hệ Âu Việt (Thái) và hệ Lạc Việt (Mã Lai) ở phía nam dãy Ngũ Lĩnh, được thành lập sau khi nước Việt bị nước Sở diệt năm 333 trước Công nguyên. Các nước lớn đáng kể là: Đông Việt tức Đông Âu, Tây Việt tức Tây Âu, Mân Việt, Nam Việt. Cổ thư Trung quốc có nói tới Cửu Mân, Bát Lạc, Lục Âu. Các nước Bách Việt trước sau đều bị người tộc Hán diệt và đồng hóa. Riêng dân tộc Việt Nam, có lẽ vì lập quốc từ trước thời Bách Việt rất lâu, đã thoát được cuộc Hán hóa.

BA THẰNG BẠN CỦA TÔI

Truyện

HOÀNG NGỌC TUẤN

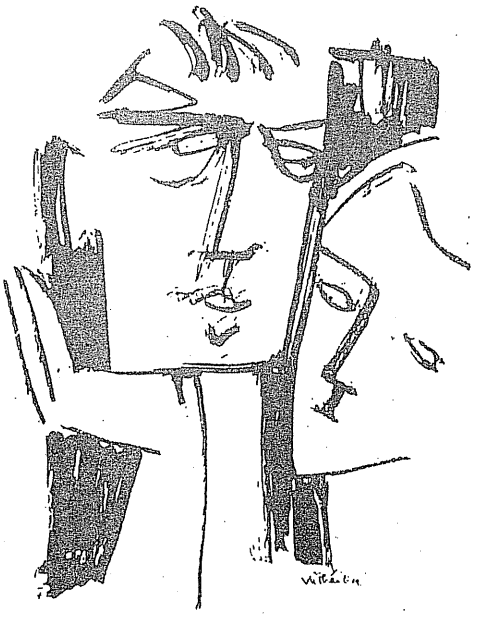

Tình yêu đem lại hạnh phúc, nhưng trong đó có cả sự ngây ngô và rách việc.

Tình bạn ngọt ngào, nó ẩn chứa đức hy sinh, lòng vị tha, sức chịu đựng, tính kiên nhẫn.

Nếu so sánh tình bạn với tình yêu trai gái, tình bạn dễ chịu hơn bởi vì nó không sướt mướt, không dỗ dành, hờn giận, ghen tuông. Vì vậy, người đàn ông thường có những tình bạn cao quý, thủy chung với nhau hơn đàn bà, bởi tố chất đàn ông thích nghi với các điều tôi vừa nêu.

Tôi có ba người bạn. Tôi yêu chúng và cũng thương cảm lắm nên ngồi viết câu chuyện này. Câu chuyện chắp vá, vụng dại, còn mạch văn thì lúc tắc lúc thông y hệt cuộc đời mà chúng ta đang sống.

1. Thằng Liêm

Thằng Liêm - kỹ sư chế tạo máy. Tôi không rõ nó giỏi hay không, chỉ biết nó hết sức vụng về khi chữa xe đạp, đù là lên dây phanh.

Vợ nó là bác sỹ nha khoa. Tôi chắc, vợ nó giỏi chuyên môn.

Hồi mới yêu nhau hai đứa tới nhà, khi tôi ngoác cái mồm cá ngão ra cười, vợ nó nhòm dậy nhìn vào miệng tôi và nói: Anh bị sâu chiếc răng hàm thứ tư. Giỏi quá chứ còn gì! Tốc độ mở và khép miệng e rằng chỉ kém tốc độ ánh sáng, tốc độ âm thanh... Thế mà nó vẫn phát hiện rất chính xác, chỉ thoáng nhìn.

Lấy nhau tròn hai năm, chúng sinh con. Thằng bé nom giống người hành tinh khác xuống thăm trái đất trong các bộ phim khoa

học viễn tưởng. Dị nhân này lặng lẽ âm thầm nhìn mọi người bằng con mắt nghi ngờ. Thứ nó thích ăn nhất là thuốc đánh răng, thích chơi với gián và khi khách ra về bao giờ cũng đòi khám túi, chỉ lúc ấy nó mới cất tiếng: Có ăn cắp cái gì ở nhà tao không?

Khi nghe tôi phàn nàn, thằng Liêm bảo: Đó là dấu hiệu thiên tài, các nhà hiền triết thời La Mã cổ đại cũng đều vậy.

Vợ nó nói thêm: Răng thằng nhỏ nhà em tốt lắm, cắn đứt cả dây thép.

Tới nước này, tôi đành bó tay hàng nhưng cũng cố vớt vát: Bạn bố mẹ tới nhà, lúc về đòi khám túi, lại còn xưng mày, tao...

Thằng Liêm bảo: Việc dùng đại danh từ nhân xưng không quan trọng, mày nên gỡ khỏi đầu các quan điểm đang mắc bệnh giang mai. Nó là mẫu người hiện đại, mẫu người của tương lai. Việc khám túi khách rất tuyệt. Xã hội mà tao và mày đang sống nếu không biết nghi ngờ thì tồn tại thế chó nào được! Các bậc lãnh đạo còn thế huống hồ các công dân tí hon.

Nhờ vào vợ, gia đình thằng Liêm sống sung túc, vợ nó đặc trách việc chữa răng cho cán bộ cao cấp.

Vợ nó nói: Nhổ hoặc chữa một cái răng sâu cho các cụ, gia đình em thừa tiền tiêu mấy tháng. Chồng em là kỹ sư chế tạo, em chỉ mong anh ấy chế tạo được người máy sinh học biết nhổ răng và nói chuyện.

"Để làm gì?" - tôi hỏi.

"Thay thế em, và trả lời các câu hỏi."

"Các cụ hay hỏi chuyện lắm sao?"

"Vâng! Ví như... Cô đã có chồng chưa? Sao nom người vẫn gọn thế... Một ngày cô ăn mấy bữa? Thích ăn gì? Dân chúng có kêu ca chúng tôi không...

Em trả lời: Dạ! Cháu có chồng rồi, ngày nào cũng đi bơi nên người gọn vì sợ chồng chê. Ăn ngày ba bữa, thích thịt chó và uống rượu Làng Vân. Nhân dân chẳng kêu ca gì, họ tin các chú lắm và nói... Nước mình thật có phúc khi các chú lãnh đạo - chú xem có nước nào "phát triển kinh tế thị trường theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa" như nước ta không, một sự sáng tạo vượt tầm thế kỷ. Chú ấy khuyên em: Ăn thịt chó thì tốt, nhưng không nên uống rượu, khi say dễ sa ngã.

Em trả lời: Cháu uống rượu với chồng, nếu không tự chủ nổi cũng chẳng sao. Sa ngã với chồng hoàn toàn không vi phạm đạo đức. Chú cười: Ừ! Sa ngã với chồng chỉ phá vỡ kế hoạch sinh đẻ. Em nói: Thưa chú! Có rất nhiều cách tránh thai."

Tôi nói với thằng Liêm: Chúng mày thật xứng đôi, chồng kỹ sư vợ bác sỹ.

Thằng Liêm bảo: Trí thức là tầng lớp sinh ra để bị sỉ nhục, đa số điên khùng chứa đầy ẩn ức, là lũ hoạn quan, là thằng hề - thân phận chẳng khác gì con điếm.

Tôi thở dài ngán ngẩm...

"Hãy ký gửi tiếng thở dài của mày cho các cửa hàng chuyên bán đồ cũ!" Nó bảo.

Tôi ít khi thấy thằng Liêm cười, nếu có cũng đầy khinh bạc. Tôi nói: Mày hạnh phúc, thành đạt trong cuộc sống, nhưng sao lúc nào cũng rầu rĩ?

Nó trả lời: Người nào cười được trong cuộc sống hiện tại là những kẻ không biết mình đang bị xúc phạm. Tao cũng có cười, cười mỉa, cười nửa miệng. Nói như thằng Chương nhà văn bạn tụi mình, thì cười như vậy thà khóc còn hơn...

2. Thằng Chương - Nhà văn

Thằng Chương - nhà văn, bạn của chúng tôi nuôi một con chó.

Con chó này có tài hùng biện, mặc dù nó ghẻ lở khắp mình, mắt toét, giun sán luôn lòng thòng sau đít.

Tôi từng thấy nó cất tiếng sủa thuyết phục cả bầy chó, không rõ nó thuyết phục kiểu gì mà cả lũ chó kia im tiếng, vẫy đuôi đưa cặp mắt thán phục nghe nó sủa.

Riêng chủ nó - thằng Chương, chẳng bao giờ thuyết phục được ai, nó chỉ có tài mê hoặc lũ choai choai chứa chất những tư tưởng nổi loạn, khác người.

Thằng Chương thường tới nhà tôi vào khoảng hai giờ sáng. Từ ngày thân nhau, chưa bao giờ nó tới vào ban ngày. Nó luôn xuất hiện trong dáng điệu, tâm trạng của kẻ cô đơn không ai trò chuyện, ngay cả con chó lúc đó cũng thế, thất thểu, đuôi cụp, mắt nhìn xuống, dường như nó và ông chủ đang nổi tiếng kia gặp phải cơn đại họa vừa ở đâu đó trút xuống hai số phận, chó và người.

Tôi bảo với thằng Chương: Mày cầm lấy chìa khóa nhà tao, lúc nào muốn đến thì đến, khi đi nhớ khóa cửa. Đồ ăn, đồ uống tao để trong tủ lạnh cứ tùy nghi sử dụng, đêm hôm khuya khoắt, bố bấm chuông con làm sao ngủ được.

Nó nói: Chỉ những thằng đần độn như mày mới ngủ nhiều. Ngủ là chết lâm sàng con ạ!

Tôi hỏi nó: Sao mày không cặp bồ cho đỡ cô đơn, mấy cô sinh viên, một lũ bạn đọc say mày như điếu đổ?

Nó bảo: Tao là thầy, là nhà truyền giáo đang rao giảng cho chúng một tôn giáo mới, phải có ranh giới rõ ràng. Mày chưa hiểu về đàn bà, sinh vật này mưu mô và khó hiểu như triết học.

Tôi ngắt lời: Kể cả mẹ mày?

"Cũng có thể, nhưng tao không dám kết luận, bởi mẹ tao mất khi tao chưa đủ trí tuệ để tìm tòi thế giới xung quanh."

Với thằng Chương, tôi hay tranh luận, nhiều khi khá căng thẳng.

Tôi nói: Thơ văn là thế giới ảo, nên lưu ý chân mày đang đi trên mặt đất.

Nó bảo: Thế giới ảo ấy chính là cái bóng vĩ đại của đời sống thật! Người viết văn phải biết cách đưa hai thế giới ảo, thật lên trang sách. Tao không quan niệm thơ văn làm chức năng tô đẹp, nó phải biết phá vỡ, khiêu khích, tuyên chiến với các loại tín điều, để mỗi con người tìm thấy chính mình, từ đấy họ sẽ cải tạo xã hội.

"Chẳng lẽ không còn cái đẹp hay sao?"

"Có chứ! Song manh mún thiếu liên kết, bởi vậy sự bất nhân tâm lấn lướt và chiếm thế thượng phong. Tao có thể hoang tưởng, nhưng chẳng ai đánh thuế ước mơ. Ngày nào đó, khi tất cả những điều tốt đẹp quy tụ, nó sẽ thiêu rụi mọi thứ rác rưởi trong tâm linh, trong chủ thuyết, một lớp người mới hình thành, lúc đó tao sẽ làm thơ ca ngợi tình yêu, và viết chuyện tình..."

"Cái gì sẽ quy tụ mọi sự tốt lành?" Tôi hỏi nó.

"Tao đang tìm kiếm..." Nó trả lời.

Thằng Chương tới nhà và ra đi lúc nào, tôi cũng chẳng biết. Buổi sáng, nhìn đống vỏ bia trên bàn xếp hàng như mấy chú lính mới nhập ngũ, dài hay ngắn là tôi đoán được tâm trạng.

Nó thường viết cho tôi vài dòng trên tờ giấy nhem nhuốc:

Thằng Đần!

Tao đi đây, tối mai quay lại. Hôm qua tao phát hiện ra điều này. Các bậc lãnh đạo nước mình rất khác người. Họ ăn bằng đít, ỉa bằng mồm và làm tình bằng nghị quyết.

Cũng có lúc nó viết thế này:

Thằng Đần!

Tao là hạnh phúc nhất trong bọn cầm bút. Chúng nó suốt ngày kêu cạn đề tài, tao thì không thế. Chỉ riêng cái sổ hộ khẩu (diễn nôm ra là sổ miệng người), cũng đủ chất liệu cho tao viết tiểu thuyết...

... Tôi kể chuyện này với thằng Liêm, nó nói: Thằng Chương có cá tính mạnh, mày nghĩ nhiều làm gì. Cuộc đời mỗi người mỗi kiểu, nhiều khi nó đúng cũng nên. Tao không cho nó là thằng bệnh hoạn.

Bệnh hoạn - hai chữ này làm tôi nhớ mẹ thằng Vũ. Mẹ nó đã có lần đề cập tới chứng bệnh mang tên "Hoang Tưởng Vĩ Nhân." Mẹ nó nói với tôi: Bệnh này mới xuất hiện từ thế kỷ 20, trong tương lai sẽ đi vào thế kỷ 21...

HỒNG KHẮC KIM MAI

THÔI THÌ THÔI CŨNG ĐÀNH

... Muốn ở lại không đành tâm về
Bịn rịn muối Mỹ Khê Tiên Sa Đà Nẵng
Chớm dậy thì
Bày đặt học viết chữ yêu
Trên trang giấy sông Hàn
Làm thơ tình thạch nhũ
Giọt Non Nước đá mòn
Đọng miết trên môi
Môi chưa biết thoa son
Đã biết thẹn thùng
Khi anh nâng cằm dạy miếng hôn
Nóng hổi

Cuối cùng thì cũng phải về
Về bên kia nửa quả địa cầu
Giấu chặt tình thương tuổi nhỏ
Những hẹn hò thanh xuân
Quê hương
Nắng dãi mưa dầu
Âm ỉ mãi trong lòng

Thôi thì thôi cũng đành...

3. Thằng Vũ - Sĩ Quan Quân Đội

Tới nhà thằng Vũ, tôi luôn có cảm tưởng lạc vào doanh trại quân đội.

Bố thằng Vũ là Trung Tướng - Tư Lệnh Quân Khu.

Mẹ nó đeo quân hàm Trung Tá - Chủ Nhiệm Khoa Thần Kinh Học Viện Quân Y. Còn nó, Đại Úy - Kỹ Sư, Binh Chủng Xe Tăng.

Nói doanh trại quân đội cũng chẳng ngoa, chỉ nhìn dây phơi quần áo sau nhà đã thấy chất lính đậm đặc, quần áo lót cũng may bằng vải nhà binh. Còn trong nhà thùng đựng gạo làm từ hòm tên lửa phòng không tìm nhiệt A72, màu sơn tường cũng vậy, kể cả bình cắm hoa bằng vỏ đạn, vật duy nhất mang tính chất dân sự là chiếc đàn piano Yamaha lạc lõng ở góc phòng khách.

Bố thằng Vũ hay nói chuyện với tôi, ông bảo: Thế hệ các cháu ít quan tâm quá khứ, chỉ biết hiện tại. Thuở trước, khi phá kho thóc của phát xít Nhật, bác chưa tròn 14 tuổi...

Thằng Vũ nói: Hào hùng gì! Chẳng qua vì đói và bị kích động. Một đất nước sản sinh ra nhiều anh hùng trong chiến tranh, đó là điều bất hạnh.

Bố nó bảo: Mình có muốn đánh nhau đâu, nhưng tình thế bắt buộc...

Tôi nói: Không thiếu biện pháp tránh hy sinh xương máu, tự hào gì sự mất mát đau thương...

Thằng Vũ chêm vào: Tới râu và dép lãnh tụ cũng biến thành bài hát. Tiên sư mấy thằng nhạc sỹ!

Bố thằng Vũ mặt đỏ gay: Hỏng hết! Chúng mày ăn nói lung tung phủ nhận quá khứ!

Mẹ nó bảo: Mỗi thời một khác, ông ơi!

Nếu như thằng Chương làm tôi khổ sở về tinh thần thì thằng Vũ lại làm tôi đau đớn về thể xác.

Vào năm cuối, khi nó đang học tại trường Đại Học Quân Sự, một hôm nó tới nhà rủ tôi đi uống rượu nhắm với chân gà nướng. Tôi hơi ngạc nhiên, thằng này có mấy khi bia rượu. Hóa ra, đó là cái cớ, nó kể:

"Tao đang yêu một con bé trường nhạc, theo đuổi cả mấy tháng rồi mà không ăn thua. Mày lắm mưu, thử nghĩ xem có cách nào giúp tao?"

Tôi bảo: Tốt hơn hết nên quên nó đi và tìm đứa khác, thiếu gì đàn bà con gái.

Nó nói: Nhưng tao không quên được, dù đã lấp chỗ trống hàng tá đứa con gái khác, sắp thi tốt nghiệp mà học không vào.

Nghe nó nói, tôi thấy xót xa. Tôi đã từng trải qua tâm trạng như thế, chỉ có điều tôi vượt qua được bằng công việc và các niềm đam mê khác, cũng có thể tôi là thằng hời hợt.

Tôi bảo: Thôi được, cho tao một ngày suy nghĩ...

Mất thằng Vũ sáng lên: Tao đặt hết niềm tin vào mày.

Cái mưu tôi bầy (nghĩ lại thật trẻ con): Khi cô bé mà nó đang trồng cây si đi học thêm ngoại ngữ vừa tan trường, tôi cùng mấy đứa bạn đóng vai du côn giở trò sàm sỡ.

Thằng Vũ lao lên đánh, nó đấm tôi thật tình đến nỗi mắt mũi sưng vù phải nằm lì trong nhà hơn mười ngày sau mới dám thò mặt ra phố.

Cuối cùng thì thằng Vũ cũng toại nguyện. Cảm kích trước hành vi hiệp sĩ, cô bé trường nhạc giờ đã thành vợ nó.

Khi yên bề gia thất, vợ nó bảo với tôi: Anh là người viết kịch bản kiêm đạo diễn và diễn viên thuộc loại xoàng. Em biết ngay mưu của mấy anh từ ngay hôm đó, nhưng em xếp nó vào loại phim hoạt họa. Em yêu anh Vũ cũng vì cái tính trẻ con đó, quý bạn bè anh Vũ vì sự ngây ngô nhưng thật tình, biết hết mình vì bạn...

Khi nghe vợ nó nói, tôi chỉ mong đất nứt ra để có chỗ chui xuống.

Thằng Vũ hay kể với tôi về môi trường nó đang làm việc. Nó bảo: Đơn vị tao khối thứ bán ra tiền. Tôi hỏi: Ai mà mua xe tăng? Nó nói: Nguyên chiếc thì chẳng ai mua, nhưng phá ra từng mảnh thì khối nơi mua. Tao biết có những chiếc xe còn rất tốt, nhưng khi cấp trên tạo ra cớ gì đấy nó sẽ biến thành sắt vụn. Còn xăng, dầu... Hàng ngàn thứ linh tinh.

"Sao mày không lên tiếng?"

Nó bảo: Chính vì lên tiếng cho nên tao đeo quân hàm đại úy hơn sáu năm rồi mà chưa lên cấp tá.

Làm sỹ quan thời bình, ai cũng nghĩ chữ thọ to bằng quả núi, ấy thế nhưng không.

Thằng Vũ bị thương hỏng một mắt trong cuộc tập trận hiệp đồng binh chủng. Tôi tới viện quân y thăm nó, nghĩ nó buồn, song không phải nó cười và bảo: Bây giờ nhìn đời mờ mờ ảo ảo, thấy đời đẹp thật!

Bố thằng Vũ thì nói: Con cứ yên tâm phục vụ trong quân đội. Cuturov nhà quân sự lỗi lạc của nước Nga cũng bị chột mắt.

Tôi hỏi: Tao không hiểu sao mày lại chọn binh nghiệp làm con đường tiến thân?

Nó trả lời: Bố tao ép duyên, tao không hề muốn lấy súng đạn, xe tăng làm vợ...

Vợ thằng Vũ bảo: Anh Vũ nhà em rất có năng khiếu âm nhạc, nếu anh ấy sáng tác chắc chắn sẽ trở thành nhạc sỹ có tài. Nhưng đừng sáng tác hành khúc nhé!

"Em cứ yên tâm, anh chỉ viết tình ca..."

Vợ nó nói: Thế mà lúc trước khi tán tỉnh em, anh sử dụng biện pháp hết sức võ biền.

Thằng Vũ bảo: Con người anh là khối mâu thuẫn vô cùng lớn...

Bố nó từ nãy im lặng, giờ ông lên tiếng: Nếu không có thế hệ già này viết nên những khúc quân hành hùng tráng, thì tụi mày đâu có không khí thanh bình như bây giờ mà ngồi viết tình ca. Sỹ quan như mày chỉ làm giảm sức chiến đấu của quân đội.

Thằng Vũ nói với bố: Bố yêu quá khứ bố có. Chúng con không sinh ra trong giai đoạn ấy nên không yêu. Không có khúc quân hành mà bố và bạn bè bố viết, chắc bây giờ còn thanh bình hơn. Bố hãy tháo quân hàm mặc đồ dân sự đi với con, bố sẽ thấy một cuộc chiến khác, dữ dội hơn, mất mát nhiều hơn trên mảnh đất này....

Thằng Vũ nói tới đấy, từ kẽ mắt băng kín rỉ ra giòng nước mắt lẫn máu, và mủ, vợ nó cuống lên: Anh nằm yên, tránh xúc động mạnh.

Bố nó lặng lẽ đứng lên bỏ ra ngoài, ông lẩm bẩm: Lũ trời đánh!

Tôi bảo: Thôi mày! Đừng gây chiến với ông già nữa.

Vợ nó nói: Vợ chồng em phải ở riêng thôi, bố suốt ngày nhắc tới các chiến dịch, các trận đánh...

4. Bệnh Điên Và Cái Chết Của Bạn Tôi

Sinh nhật tôi năm đó chỉ có vợ chồng thằng Liêm.

Chúng tôi ngồi trong quán "Đồng Quê" ở ngoại ô thành phố. Quán ngoài vườn, chỉ có tiếng chim và xào xạc gió. Tĩnh lặng, có cảm tưởng cả thành phố chết hết chỉ mấy đứa chúng tôi còn sống.

Không bao giờ chúng tôi gặp lại thằng Chương nữa. Nó chết trong một chuyến đi thực tế trên Tây Nguyên.

Tôi nhớ buổi cuối cùng gặp gỡ. Nó tới nhà tôi vào buổi chiều (một trường hợp ngoại lệ). Nó đi một mình, không thấy con chó có tài hùng biện kè kè bên cạnh. Tôi hỏi: Con chó đâu rồi? Thằng Chương trả lời: Nó đã bỏ tao đi theo tiếng gọi tình yêu. Mày thấy chưa, giống cái có ma lực ghê gớm. Nghị lực, thông minh, bản lĩnh, kiêu hãnh... Chẳng là gì cả, cái của nợ xác thịt công phá đến tàn lụi không phải chỉ riêng con người, mà cả con vật cũng không thoát nổi.

Tôi bảo: Đừng triết lý vặt, tao sẽ tìm cho mày con chó khác.

Đêm ấy, hai chúng tôi thức trắng. Tôi "Tổng Động Viên" tất cả bia, rượu trong nhà, lại còn ra phố mua thêm mấy chai rượu gạo, chẳng đứa nào say. Tôi không thể nhớ hết thằng Chương nói những gì với tôi. Câu cuối cùng thì tôi nhớ nguyên văn:

"Bấy lâu nay tao suy niệm ra điều này. Nhân tính của thế hệ mình bị bào mòn, rơi vãi mỗi ngày một ít, cho tới khi muốn dùng nó, bỗng giật mình vì thấy chẳng còn được bao nhiêu."

Mờ sáng, tôi tiễn nó ra đầu phố. Nhìn cái dáng đi cứ lao về phía trước, hối hả, vội vã của người ham việc, tôi thấy thương nó.

Thằng Chương đang sải bước đột nhiên dừng lại, nó nhìn tôi cười và nói: Quay vào nhà đi, thằng dần, khi nào tao về sẽ mang cho mày chiếc váy của con gái vùng cao, để mày đắp thay chăn.

... Thằng Liêm phá vỡ hồi tưởng của tôi, nó bảo: Uống! Ly này cầu nguyện cho linh hồn thằng Chương sớm siêu thoát.

Men rượu ứa ra lạnh từng kẽ ngón tay.

Vợ thằng Liêm nói: Còn ly này cầu mong cho anh Vũ sớm khỏi điên.

Tôi hỏi thằng Liêm: Mày thấy bệnh tình thằng Vũ có giảm không?

Thằng Liêm trả lời: Hy vọng là qua khỏi, nó suốt ngày lảm nhảm... Hành Khúc... Tình Ca...

Vợ thằng Liêm bỗng hỏi chẳng đâu vào với đâu: Liệu người điên có ý thức được mình đang điên không hở hai anh?

Thằng Liêm làu bàu: Hỏi vớ hỏi vẩn, làm sao mà ý thức được!

... Tôi ngửa mặt nhìn trời, những vì sao mai bắt đầu xuất hiện. Nếu như, mỗi người khi chết hóa thân thành một ngôi sao, thì thằng Chương bạn tôi là ngôi sao nào trên cõi thăm thẳm kia? Nếu điều ấy có, tôi tin, thằng Chương sẽ là ngôi sao ở cách xa trái đất hàng nghìn năm tốc độ ánh sáng, và những kẻ dung tục như tôi chẳng bao giờ thấy được.

BỎ HOANG ĐỜI

* SONG THAO

Trời trắng xóa những hạt tuyết đổ xuôi xuống như rải muối. Những hạt tuyết dư thừa. Thành phố đã trắng phau dưới hai chục phân tuyết. Từ trên tầng lầu thứ mười chín nhìn xuống, những ngọn đèn vàng khè nhạt nhòa như những con mắt ngái ngủ. Vàng từ những khuôn kính vắt vẻo trên những tòa cao ốc kênh kiệu. Vàng từ những chiếc cầu uốn mình như dáng nhảy của loài chó sói. Vàng từ những con đường co quắp trong giá lạnh. Vàng từ những công viên buốt căm căm một vũng tuyết vô hồn. Vàng từ những căn nhà nhỏ bé nằm im lìm cam phận. Tiếng Thăng yếu ớt. Chỗ đó nhìn xuống khu trung tâm thành phố thấy thật đẹp. Tôi chỉ thấy buồn. Phố phường nhộn nhịp giờ co quắp ủ rũ như một người bệnh kinh niên. Chiếc máy hát bên giường Thăng đều đặn một bài nhạc buồn. Xin cho đi lại từ đầu. Tôi rùng mình. Đi lại làm sao được. Bước đầu của tôi đã hỏng. Hỏng bét. Vì Thăng.

Ngày cưới Thăng tôi không được làm cô dâu, chỗ mà từ ngày đầu biết yêu tôi vẫn nghĩ là của mình. Sự mất mát này làm tôi ngộp thở. Tấm thiệp cưới in rất đẹp, nhìn vào là thấy ưng ý liền, đã bị tôi vò xé thành một đống bầy nhầy ngay khi nhận được. Đêm cưới Thăng, tôi ôm một chai rượu và một bao thuốc lá lẻn ra vườn sau của nhà trọ ngồi ngẫm phận mình. Thuốc lá đắng ngắt làm tôi ho sặc sụa. Nuốt khói đâu có phải thói quen của tôi. Cả đời tôi chỉ nhìn Thăng hút bây giờ tôi mới ngang ngạnh cắm điếu thuốc lên môi. Ho xong tôi lại kéo mạnh khói vào miệng để ho nữa. Tôi hành hạ thân xác mình như hành hạ cuộc đời. Chất rượu cay xè ở đầu lưỡi đắng chét như đời tôi. Tôi đổ rượu vào cổ họng như trút tất cả hằn học vào cái tôi hẩm hiu.

Thăng và tôi là một cặp đẹp đôi, đám bạn tôi nói vậy. Tôi chưa bao giờ soi chung một tấm gương với Thăng nhưng vẫn nghĩ là họ nói đúng. Có Thăng bên cạnh người tôi như vững vàng hơn. Mất Thăng tôi như chiếc đũa mất một chiếc đũa. Không gì vô duyên và vô dụng như một chiếc đũa lẻ loi. Trách ai được? Chẳng là tôi tự hại tôi hay sao?

Đám bạn sinh viên cùng trọ học trong một nhà như một đám chị em trong gia đình đông con. Mỗi đứa có một đời sống riêng nhưng không lơ là với đời sống của những đứa khác.

Khi tôi đã ngột ngạt với khói thuốc, khô khốc với những hớp rượu, tôi chẳng còn là tôi nữa. Tôi dựa ngửa vào vách tường, nước mắt xuôi dòng chảy miết, hận Thăng, hận con bạn trời đánh Thanh Xuân. Cần gì đời, cần gì phải khóc. Tôi cười, cười cho lòng dạ con người. Đáng gì những thứ rẻ tiền đó. Cười chán lại thấy tiếc đắng họng. Tôi lại khóc.

Chính đám bạn đã vực tôi vào nhà, xúm quanh an ủi tôi. Mỗi đứa một câu, mỗi đứa một cách, đứa nào cũng muốn nâng mặt tôi lên vênh váo với đời. Câu nói của Trâm Anh, máu tếu đầy người, còn theo tôi tới bây giờ. Mày đẹp như minh tinh, sang như bà hoàng, con gái như tao còn phải mê huống chi tụi đàn ông. Tao bảo đảm sẽ kén rể cho mày, bét ra cũng nặng gấp đôi thằng Thăng gầy gò ốm yếu của mày.

Thăng nằm đó. Đúng là gầy gò ốm yếu. Tôi mỉm cười nhớ tới con bạn vui tính cũ. Thăng mở mắt lúc nào tôi chẳng rõ.

"Em nghĩ gì mà cười vậy?"

Tôi nén được tiếng cười thêm.

"Nghĩ tới chuyện chúng mình ngày xưa."

Thăng thở dài, giọng dè dặt.

"Em còn giận anh không?"

Có bao giờ tôi oán giận Thăng không nhỉ? Tôi lắc đầu.

"Có bao giờ em giận anh đâu!"

Im lặng. Mãi sau Thăng mới buông nhẹ.

"Nhưng anh vẫn giận anh!"

Tôi bước tới bên giường, cúi xuống hôn lên trán Thăng, nhỏ nhẹ.

"Chuyện xưa rích xưa rang rồi anh ơi!"

Tôi đã dối lòng. Tôi đâu đã xếp được cái xưa rích xưa rang đó vào chiếc rương cổ tích trong tôi. Nhưng quả thực tôi không giận Thăng. Tôi giận cái ngờ nghệch của mình ngày đó. Bạn bè với nhau, tôi lạ gì Thanh Xuân. Nó như một cái mạng nhện biết ướn mình theo gió. Bọn con trai, như lũ ruồi muỗi không mắt, lao vào là dính cứng mấy ai gỡ ra. Chiêu thức của nó mềm oặt mà ngàm cứng ngắc: lí lắc, nhõng nhẽo, buông nắn đến chóng mặt. Đã vậy nó lại có duyên ngầm. Và thông minh. Nó biết phối hợp tất cả các trò vặt vãnh làm thành cái mạng lưới chắc chắn. Lạng quạng xà vào dính là cái chắc. Tôi chẳng nhớ đứa nào trong đám bạn gái tụ họp nhau tại nhà Thanh Xuân bữa đó quăng cuộc tình của tôi với Thăng ra chiếu. Mỗi đứa một câu xào xạc như cả bầy ong vo ve ngọ nguậy. Tôi ngồi nghe mà lòng bồn chồn nửa ngượng ngùng nửa sung sướng. Hình như tôi là người may mắn nhất trong đám bạn. Tôi đã có được con người khá ăn khách là Thăng. Những câu nói trả qua trả về giữa đám con gái đã phảng phất có mùi tị nạnh. Nghi à, chừng nào mày chán anh chàng Thăng thì vứt qua tao nghe, tao đặt cọc trước rồi đấy nhé! Cả bọn nhao nhao tranh nhau. Giả bộ cho vui nhưng biết đâu đấy. Tôi cũng nhắm mắt hòa vui với bầy bạn nhộn nhạo. Ừa, nhưng tụi bay tranh nhau vậy biết truyền cho đứa nào, để tao cho mỗi đứa một mảnh. Từng ấy cái miệng lại ào ào đòi xí phần. Cho tao mái tóc đi! Cho tao cái miệng nói ngọt ngào, còn có ngọt lắm không thì tao chưa biết! Con nhỏ che miệng đỏ mặt cười ré lên. Cho tao đôi bàn tay khéo léo của chàng, có khéo thật không Nghi? Cả lũ lại bưng miệng cười ồn ào. Tụi bay im hết đi, đừng xí hết phần của tao! Để tao hỏi xin con Nghi cái... ruột của chàng! Từng ấy thân hình vật vã trong tiếng cười sặc sụa. Nói được câu quỉ quái như vậy chỉ có cái miệng của Thanh Xuân. Nó vỗ vào vai tôi bằng một tay, tay kia bưng miệng đỡ tiếng cười chảy dài chảy dọc những giọt nước mắt. Tiếng nói nằm trong tiếng cười không phát ra được gọn ghẽ. Nhé... Chịu không?

Giọng đứa nào từ góc phòng bay ra. Mày đòi thứ của hiếm như vậy ai cho khơi khơi. Phải nhào vào mà cướp. Ba bốn giọng tranh nhau vừa cười vừa nói. Sợ gì, Thanh Xuân. Cướp là nghề của mày mà! Ba mươi giây xong ngay chứ gì, phải không Thanh Xuân? Thanh Xuân nhìn quanh, giọng đùa giỡn. Tao là tên cướp có gia giáo, đâu có cướp bậy cướp bạ được. Từng ấy cặp mắt đổ dồn vào tôi. Sao mày, Nghi? Tôi sôi tự ái. Đứa nào có giỏi làm gì được thì làm.

Tiếng bánh xe lịch kịch ngoài hành lang. Cửa mở. Chiếc khay đồ ăn bằng kền trắng xám lơ lửng trên tay người đàn bà mập mạp băng qua cửa.

"Chào bà. Mời ông dùng bữa. Ông nhớ ăn cho hết kẻo bác sĩ la."

Quay sang tôi, bà nhoẻn miệng cười.

"Bà phụ tôi một tay bắt ông ăn dùm. Ông lười ăn lắm đó."

Tôi cười lịch sự. Nụ cười phải cố gắng lắm mới vẽ ra được. Một chút xót xa cắn nhói tim tôi. Ai cũng tưởng tôi là vợ Thăng. Không phải vợ sao túc trực bên giường bệnh lo lắng từng cơn bệnh lên xuống. Tôi nén người đến sửa soạn bữa ăn cho Thăng. Một cục thịt bằng nắm tay con nít, vài lát rau, chút khoai nghiền

nát nằm bên, ly nước cam, ly sữa, ly nước sôi có túi trà nằm trên chiếc đĩa nhỏ, chiếc bánh ngọt bằng ba ngón tay. Tôi cắt thịt thành từng lát nhỏ. Thăng uể oải. Ăn mà như bị phạt phải ăn.

"Miệng mồm nhạt thếch, ăn gì cũng như nhai trấu ấy!"

"Thịt thà rau trái sang như ăn tiệm tây thế này mà bảo là trấu."

"Em ăn đi!"

Thăng lừ mắt với tôi. Tôi thấy tức cười. Anh như một đứa con nít phải dỗ dành.

"Em mà ăn thì anh chẳng còn gì để ăn đâu! Anh ăn dùm em đi."

Tôi nhẹ nhàng gỡ chiếc nĩa từ những ngón tay khô gầy của Thăng, xâu một miếng thịt đút cho Thăng ăn. Anh miễn cưỡng há miệng, nhai trệu trạo. Khổ hình anh chịu đựng tôi chỉ có thể chia xẻ bằng cặp mắt ái ngại. Tôi muốn mà đâu có ghé vai vác dùm anh nỗi cực nhọc của một xác thân rệu rạo được.

Da thịt anh đã lịm xuôi. Da thịt tôi cũng chỉ còn chút leo lét. Vậy mà tình yêu anh vẫn cứ như ngọn lửa đỏ trong tôi. Bền bỉ và ấm áp. Thuở yêu anh, tôi cũng là một người tình chừng mực. Tôi chiều được vòng môi anh, chiều được đôi tay anh, nhưng không thể chiều được thân xác nóng bỏng của anh. Tôi nghĩ anh đứng trên những thường tình, cao hơn những tục lụy. Nhưng tôi đã lầm. Anh cũng là là như bao nhiêu đàn ông khác. Đầu anh dễ dàng tra vào chiếc lưới rộng mở của Thanh Xuân. Con nhỏ đó đã ra tay thì chẳng có anh đàn ông nào cưỡng lại được. Thăng không phải là một ngoại lệ. Tôi hiểu được điều này quá muộn. Cái giá tôi phải trả quá cao.

Nỗi đau của một cuộc tình lỡ làm đứt đoạn đời sinh viên của tôi. Tôi không còn tâm trí cho sách vở. Đành bỏ dở năm học trở về với gia đình. Tạm thời cho tới mùa khai giảng năm tới, tôi tính trong cái đầu hỗn mang của tôi. Nhưng rồi tôi kiếm được việc làm chẳng thiết quay về với trường ốc nữa. Đời sống tôi rũ rượi. Tôi cháy túi chẳng còn một đồng bạc để hòng gỡ lại vốn liếng.

Cha mẹ tôi níu người thăm dò từng hơi thở của tôi. Tôi sống lơ lửng như một cụm mây đen. Buồn tình và đơn độc. Mẹ tôi xót xa muốn kéo tôi trở về với thực tế bằng cách của bà: dỗ dành tôi lấy chồng. Tôi ừ ào chẳng thiết tha nhưng cũng chẳng muốn làm buồn phiền người đã cho mình cuộc sống. Mẹ tôi lân la tiến tới. Tôi xuôi tay phó mặc cho mẹ. Lấy ai cũng được. Không phải Thăng, đàn ông người nào cũng như nhau. Tôi lấy chồng cho mẹ, còn tôi dửng dưng.

"Chào bà! Tôi xin phép làm vệ sinh cá nhân và thay áo quần cho ông."

Cô y tá phốp pháp pháp cười lịch sự sau câu nói. Tôi dợm đứng lên đi ra ngoài.

"Bà có thể ngồi không sao. Nếu giúp được tôi một tay thì quý quá!"

Mặt tôi sượng trân. Người tôi túng rối trong chiếc ghế bành rộng rãi. Thăng cũng lúng túng không kém. Anh nhìn tôi. Tôi nhìn lại anh. Đôi mắt tôi chạy hoang. Đôi mắt anh dật dờ. Tôi thu hết sức đứng lên.

"Tôi ra ngoài một chút cho khoảng khoát. Cô lo cho anh ấy giùm tôi!"

Mặt Thăng giãn ra thư thái. Cô y tá tủm tỉm nhìn tôi. Tôi chẳng đọc được những gì dấu sau nụ cười nghề nghiệp đó. Tôi rảo bước như chạy trốn khỏi cửa phòng. Trốn cái tê tái đang rần rần tỏa ra khắp châu thân.

Hành lang bệnh viện lặng ngắt. Tôi nhìn vu vơ những bức tranh treo hai bên tường. Mặt hồ bình lặng, cỏ hoa êm đềm, cây cối tĩnh lặng... Tranh Monet dìu dịu dìm tôi vào cõi an bình cho tâm hồn. Tôi lững thững qua từng mặt tranh. Như một kẻ nhàn du ghé qua một phòng triển lãm.

Cuối hành lang là cửa thang máy. Hai băng ghế dài kê sát hai bên tường không một bóng người. Tôi ngồi xuống chôn mắt trong bàn tay chống trên thành ghế. Cửa thang máy mở đóng từng chập nhả ra những bóng áo choàng trắng vội vàng hấp tấp. Những bước chân khỏe khoắn nện trên sàn gạch bóng loáng. Tiếng đế giày của các cô y tá và sinh viên thực tập rộn rã lách cách. Tôi mở mắt ra bắt gặp cái nhìn của bà bác sĩ điều trị cho Thăng ngồi trên ghế trước mặt.

"Chào bà."

Tôi lật đật chào lại.

"Chào bác sĩ."

"Tôi mới ghé qua phòng. Ông nhà hôm nay khá lắm. Tươi tỉnh. Thoải mái. Đó là dấu hiệu tốt."

Tôi chẳng buồn cải chính sự hiểu lầm của bà bác sĩ dịu dàng như một nữ tu. Tôi cố tươi nét mặt.

"Vâng, tôi cũng thấy vậy. Anh ấy chịu ăn và ngủ đều hơn. Được như vậy là nhờ sự tận tình của bác sĩ. Cám ơn bác sĩ nhiều."

"Bà nên giữ một nửa câu cám ơn cho bà. Bệnh này thuyên giảm được một phần là vì

thuốc nhưng phần quan trọng hơn là tinh thần của người bệnh. Bà là người giữ được tinh thần của ông nhà."

Bà bác sĩ rọi cặp mắt trìu mến lên mặt tôi. Tôi như một diễn viên vụng về trên sân khấu, quên vở nên ú ớ chẳng biết đối đáp ra sao.

"Đó chỉ là bổn phận của tôi. Tôi cố gắng giữ cho nhà tôi..."

Cửa thang máy xịch mở sau tiếng chuông nhẹ tênh cứu tôi ra khỏi vũng lầy. Bà bác sĩ vội vàng giơ tay chào trước khi biến mất trong chiếc hộp đầy nhóc người.

Tiếng "nhà tôi" như một cục xương chắn ngang cổ làm tôi ngọng nghịu. Trong cuộc sống vợ chồng với Thường tôi đã bao phen thốt ra với cõi lòng khô khốc chẳng mảy may xúc động. Như chỉ để xác nhận với mọi người một liên hệ xã hội chứ không dính líu gì tới tình cảm. Mà thật ra Thường với tôi có dính líu gì đâu cho tới ngày xỏ cho nhau chiếc nhẫn ràng buộc. Mẹ tôi gả tôi cho mẹ Thường. Đúng là như vậy. Tôi vất vưởng với cuộc tình lỡ thì chẳng nói làm chi nhưng Thường cũng nép một bề dưới tay bà mẹ là điều làm tôi khá bỡ ngỡ. Rồi tôi cũng nhìn ra. Đó là bản tính anh. Thường như cái tên anh!

LƯU VĂN VỊNH

LỖ THỦNG

long nhong lưng lạc đà
cõng thơ vào sa mạc
thi sĩ say hồn bướm
nhập nhoạng xác diều hâu

tôi nhìn người đào rượu
dưới mả vườn đất nâu
tu một ngụm trời trắng
hỏi lòng bay về đâu

tôi cầm cây gậy ước
dẫn ngoại sử về quê
dậu xanh dài bầu mướp
chẳng biết đi hay về

đôi giầy tôi đã thủng
một lỗ xanh da trời
trăng sao lọt vào đấy
đi đâu cũng thế thôi!

Thường nhợt nhạt trong cuộc sống. Quan ba cũng ừ quan tư cũng gật. Anh sẵn sàng xếp hàng sau mọi người, cúi thấp hơn mọi người, thu mình nhỏ hơn mọi người. Khi nói chuyện, anh luôn luôn che miệng bằng bàn tay phải mở rộng, làm như sợ những câu nói vốn đã hiền khô chạm tới người đối diện. Cặp mắt e dè, dáng đi thui thủi, nụ cười gượng gạo sẵn sàng được dập tắt làm anh luôn luôn ở trong tư thế ọp ẹp.

Anh chiều chuộng tôi, không phải như một người chồng yêu thương người vợ, mà anh chỉ cư xử đúng với cung cách của anh: chịu lép vế trước mọi người kể cả người đáng lẽ anh phải như một cội cổ thụ chở che ấp ủ. Tôi không thấy nơi anh một người chồng. Anh sống bên tôi như có như không. Tôi không giữ được chút gì nơi anh. Cả tâm hồn lẫn thể xác. Cả những giọt ân ái mà phải chờ tôi gật đầu anh mới được thả sâu vào thân tôi.

Ở với nhau ba năm tôi cứ nhơn nhơn như không trước cặp mắt sốt ruột của mẹ chồng. Bà nóng lòng mong cháu mà bụng tôi cứ lạnh tanh trơ khấc. Miền đất sâu thẳm trong tôi như một bãi đất hoang bướng bỉnh chẳng thèm bao dung những hạt giống của anh. Tôi chẳng lấy đó làm bận lòng nhưng mẹ Thường đứng ngồi không yên. Bà chạy đôn chạy đáo hết níu cửa chùa tới nắm áo mấy ông thày bói thày tướng. Như thể sức khỏe của bụng tôi nằm trong đám khói nhang mờ mịt tận đâu đâu.

Tôi tức mình tìm tới một nơi rõ ràng hơn. Bà bác sĩ sản khoa rầu rầu cho biết bụng dạ đàn bà của tôi vô phương cưu mang được những hạt giống của chồng. Tôi thấy mình coi bộ ít rầu rĩ hơn bà bác sĩ có lòng. Có hay không có thêm những sinh vật nhợt nhạt luôn

che miệng khi nói chẳng phải là mối bận tâm của tôi. Tôi thẳng thắn nói cho Thường biết. Anh ừ hử như nghe chuyện của hàng xóm. Anh mách mẹ anh lúc nào tôi chẳng biết. Đúng ra tôi biết khi bộ mặt của bà đổi qua một màn khác. Màn nói cạnh nói khóe. Bà làm mặt ngầm ý muốn mời tôi ra khỏi nhà để rộng chỗ cho bà kiếm cháu nối dõi. Tôi thì cũng chẳng tha thiết gì với chồng. Hai cái ơ hờ đã cắt đứt được mối nhân duyên hờn dỗi của tôi.

Phải chi lúc đó mà Thăng cũng cắt đứt được những hệ lụy của cuộc sống gượng gạo như tôi! Tôi biết tính Thanh Xuân. Tôi biết gan ruột của Thăng. Tôi không ngạc nhiên khi nghe được những lệch lạc trong cuộc sống chung của họ. Tia chớp chói chang tạo thành một đám cưới chẳng đủ dài để soi sáng suốt một đời lứa đôi. Cả hai đều chịu đựng nhau. Chỉ một người xuôi tay là vết rạn sẽ nứt thành một chiếc rãnh đủ sâu để chia thành hai bờ ngăn cách. Nhưng oái oăm thay, chuyện đó chỉ xảy ra về sau, khi mọi sự đối với tôi đã quá muộn màng.

Hành lang bệnh viện lúc chạng vạng trải dài như một đường hầm mờ mờ ánh sáng vàng vọt. Yên ắng từ đầu này tới đầu kia. Chút sinh khí trong chốn bệnh hoạn buồn thảm tạo được bằng những bước đi nhộn nhịp của các cô y tá, tiếng cười của các sinh viên thực tập, tiếng loa phóng thanh nhắn nhủ gọi nhau trong giờ hành chánh, tiếng nói chuyện nhỏ nhẹ nhưng lao xao của thân nhân thăm bệnh giờ đã bỏ đi. Chỉ còn tiếng động gây ra bằng những di chuyển cầm chừng của các y tá trực khua vang chút đỉnh bàu không khí lặng ngắt lặng ngơ. Thăng dựa vào tôi run rẩy dồn mọi cố gắng vào từng bước chân ngắn ngủi. Thân hình Thăng ngày xưa cuốn chặt tôi trong mỗi nụ hôn giờ nhẹ tênh bên vai tôi. Đôi chân khẳng khiu như không đủ sức chống đỡ dàn xương bọc da xiêu vẹo theo mỗi bước đi.

"Cho anh nghỉ một chút đi."

Tôi đỡ anh ngồi xuống ghế. Anh dựa ngửa người thở dốc. Cô y tá trực đi ngang dừng lại.

"Xà và không ông Thăng?"

Anh cố nhếch đôi môi sát sạt trên hàm răng lộ liễu.

"Không tệ lắm, cô ạ."

Cô y tá nhẹ nhàng như một bà mẹ trẻ cưng con.

"Ông cố đi mỗi ngày hai vòng hành lang như bác sĩ dặn nghe! — quay sang tôi — Bà nhớ bắt ông đi cho đủ dùm. Mấy bữa trước tôi dìu ông đi giỏi lắm. Bữa nay có bà ông hơi nhõng nhẽo đấy!"

Cô y tá quay đi không quên để lại một nụ cười hóm hỉnh. Tôi quàng tay qua vai Thăng.

"Anh đòi nợ em phải không? Ngày xưa em nhõng nhẽo với anh bây giờ anh nhõng nhẽo lại với em."

Thăng cười ngượng nghịu. Tay anh xiết tay tôi. Tôi cảm thấy những lóng xương gày guộc lỏng lẻo. Tay anh ngày xưa vững vàng ấm áp. Hàng cây hai bên đường cúi xuống ôm ấp những bóng đèn rạng rỡ nụ cười. Anh cúi xuống phả hơi ấm vào mặt tôi. Mỗi gốc cây là một chặng dừng cho môi anh tìm môi tôi ngọt lịm. Tôi nâng những ngón tay ngo ngoe xạm ngắt đưa lên môi hôn. Anh quay sang tôi bất giác buông tiếng thở dài. Tôi mềm người bên anh.

"Em nhớ những con đường xưa của chúng mình quá!"

"Anh cũng vậy."

"Nói nghe lẳng xẹt! Em nhớ rồi anh mới nhớ theo cho vui vậy thôi chứ gì!"

Thăng liếc xéo tôi.

"Anh đâu chỉ nhớ không. Đó là nỗi ám ảnh triền miên trong anh. Mà đâu chỉ có những con đường. Em lúc nào cũng ở trong anh. Khi thế này khi thế khác. Em là trăm ngàn dáng đi, điệu nói, tiếng cười. Em lúc là bờ vai, lúc là vòng môi, lúc là hơi thở, lúc là nồng ấm, lúc là cận kề, lúc là buông thả. Trăm ngàn mảnh em quấn anh ngày đêm kể từ khi chúng mình xa nhau."

Tôi thấy loang loáng trong mắt anh giọt lệ đắng cay. Tôi bụm miệng anh lại không cho nói tiếp. Tôi đưa môi chờ đợi. Anh cúi xuống nâng cằm tôi lên. Ngón tay anh chạy dài trên môi tôi. Anh thở ra. Bàn tay anh rơi xuống. Tôi cố kềm những giọt buồn phiền đang ứa lên trong mắt.

Những ý nghĩ lộn xộn chạy trong đầu tôi. Ừ thôi cũng xong. Bệnh tật của anh cũng có cái hay. Cứ thanh thản ngồi bên nhau sống với kỷ niệm như thế này tốt hơn là quấn vào nhau trong hương thừa canh cặn. Tôi rùng mình. Thân xác tôi đã quá ê chề.

Khi sửa soạn vượt biên, đám bạn gái chúng tôi đã to nhỏ dặn nhau ngừa thai cho kỹ. Tôi thảnh thơi nhìn đám bạn xuôi ngược kiếm thuốc. Tâm trạng chúng tôi lúc đó thật lạ. Chấp nhận mọi sự xảy ra miễn đừng để lại hậu quả. Chúng tôi lao vào sóng gió như đoàn cảm

tử quân lao vào lửa đạn. Chúng tôi bất chấp tất cả miễn sao thoát khỏi cuộc sống hiện tại. Lòng đã sắt đá khi bước lên tàu nhưng khi đám hải tặc đen trùi trũi lùa tất cả đám đàn ông qua tàu của chúng, hai chục thân phận đàn bà chúng tôi đã hồn xiêu phách lạc. Tôi đã lịm đi ngay khi tên đầu tiên giật hết quần áo và xô tôi xuống sàn tàu. Khi tôi tỉnh dậy, mình tê rát, miệng đắng ngắt, thân hình nhớp nháp bầy hầy. Cả một lũ giống cái nằm ngất ngư như một đàn cá bị phơi nắng. Cá còn có vẩy che chứ chúng tôi nồng nỗng trống trải. Mặt trời trên cao giương mắt nhìn xuống nóng bỏng. Tôi ngất lên ngất xuống đinh ninh đang đi vào cõi chết. Thời gian loang loáng khi có khi không. Tôi lơ mơ thấy thân hình mình được nhấc bổng lên.

Sau này Michel mới kể lại khi anh phủ tấm khăn lên người bế thốc tôi qua tàu anh, tôi ú ớ mê sảng chẳng biết gì. Sau một ngày nghỉ ngơi thuốc thang, tôi mới mở mắt nhìn thấy nụ cười của Michel. Anh như vị thần hộ mệnh quanh quẩn bên tôi suốt ngày. Khi biết tôi không có thân nhân ở bên này, anh đề nghị bảo lãnh tôi. Tôi đang như kẻ chết chìm thấy tấm phao là túm lấy liền chẳng cần suy nghĩ. Ai ngờ chiếc phao này lại đẩy đưa tôi tới nơi có Thăng. Michel để tôi ở nhà với bà mẹ già còn anh thì nổi trôi theo kiếp thủy thủ. Những lúc anh về, anh chăm sóc quí mến tôi, đưa đi chơi đây đó, mua sắm cho tôi. Anh nhẹ nhàng với tôi như gượng nhẹ với một con búp bê bằng thủy tinh. Anh vuốt ve tôi rồi cài lại áo quần tôi với đôi mắt xót thương trìu mến. Tôi không đọc được gì trong đôi mắt trong veo đó. Chắc anh không muốn tôi hãi hùng nhìn anh như đám hải tặc hung bạo trên thuyền. Tôi cảm tấm lòng nhân hậu của Michel. Có lần anh bảo tôi đời thủy thủ rày đây mai đó, đi về thất thường nên không muốn dính líu làm khổ một người đàn bà nào cả. Anh thương tôi nhưng không muốn tôi lệ thuộc vào cuộc sống bất định của anh. Anh khuyến khích tôi đi học, hội nhập vào đời sống mới và lúc nào muốn tự tạo cuộc sống riêng cho tương lai thì đừng ngại ngùng gì hết. Nỗi kinh hoàng trong thân xác tôi làm tôi e sợ sự chung đụng nhưng tự thâm tâm tôi vẫn muốn phơi thân đền nghĩa cho Michel. Tôi cố đóng vai tình tứ kéo sát anh vào người tôi. Anh e dè nhìn vào mặt tôi dò tìm. Tôi nhắm mắt lại ôm chặt anh hơn. Anh thận trọng đi vào tôi như đi vào miền chông gai. Tôi thấy nỗi hoan lạc của thân xác anh. Còn tôi, chẳng vứt bỏ được đớn đau cũ, rùng mình trong ê ẩm buốt giá.

Thân xác tôi đã liu riu, thân xác Thăng cũng thui chột. Ngồi bên nhau chỉ còn kỷ niệm của những tháng ngày cũ. Nghe ra cũng thấy rỡ ràng. Thanh Xuân cũng đã xa Thăng ngay từ những ngày đầu đặt chân tới vùng đất mới. Thăng chẳng còn ràng buộc. Tôi cũng thênh thang. Chúng tôi gọi quá khứ về trong khung cảnh khác. Buồn hơn. Thê lương hơn. Nhưng có gì cấm được lòng chúng tôi chối bỏ hiện tại để đắm mình vào những ngày tình nhân cũ.

Người con gái tươi mát, rộn ràng, tươm tất tiến về phía chúng tôi. Mặt Thăng sáng lên. Cô gái khẽ gật đầu chào tôi rồi quay sang Thăng.

"Thưa ba. Ba khỏe không ba?"

Tôi sững người nhìn thấy nét Thanh Xuân trong vóc dáng và giọng nói của người thiếu nữ đôi mươi này. Thăng giới thiệu.

"Cháu Thanh Trang! Cháu đi làm xa chỉ về thăm bố vào mỗi cuối tuần. Anh chỉ có độc một mụn này thôi. Thương bố lắm! Mà cũng ngoan và hiền lắm. Bạc triệu của anh đấy!"

Thanh Trang ngúng nguẩy trước lời khen của bố.

"Ba kỳ quá! Làm con mắc cở chết!"

Thăng vẫn say sưa nhìn con.

"Đó! Ba đã dặn đừng mang gì vào, trong này đủ hết rồi, mà tuần nào cũng xách một túi nặng chĩu như vậy. Tội vậy con!"

Thanh Trang đặt chiếc túi xách xuống đầu ghế.

"Con mang vào ít trái cây cho ba ăn thêm thôi chứ có gì đâu. Cả tuần mới được biểu diễn tình thương với ba một lần mà ba cứ là hoài!"

"Ba có la gì đâu. Thấy con là ba mừng muốn chết, cần gì phải trái cây. Ấy, mừng quá líu ríu với con, quên giới thiệu. Đây là cô Nghi, bạn cũ của ba."

Thanh Trang cúi đầu.

"Cháu hân hạnh được biết cô. Gặp lại bạn cũ chắc ba cháu mừng lắm. Phải không ba?"

Thăng hăng hái gật đầu. Tôi bừng tỉnh. Tôi đang mê mẩn ngồi ngắm hai cha con Thăng, chìm người trong ý nghĩ, nếu ngày xưa Thăng lấy tôi, anh đâu có được đứa con gái xinh đẹp dễ mến như thế này. Tôi đứng dậy, đặt tay lên hai vai Thanh Trang, giọng xúc động đến rạn vỡ.

"Gọi là dì nghe con. Dì cũng là bạn của mẹ con, ngày xưa!"

BÚN ỐC ANH BẢO

MẠCH NHA

Người ta đồn anh Bảo bán bún ốc ở chợ Nhỏ, Phú Nhuận pê đê.

Lời đồn ấy có lẽ làm gánh bún của anh thêm hấp dẫn. Đàn bà con gái vây quanh anh mỗi sáng đã đành, cánh đàn ông cũng nườm nượp chen nhau vào ăn, không hôm nào không phải chờ ghế.

Gánh bún của anh nhỏ thôi. Một góc hàng ba, một chiếc bàn dài đóng bằng gỗ tạp, trên phủ miếng ny lông bông xanh bông tím. Giữa bàn để ống đũa, vốn là một cái lon ghi- gô. Đũa gỗ, trắng có, đen có, nâu có, vàng có, trơn có, chạm có, vẽ có, sơn có. Lổn ngổn ngắn dài, khách ăn phải tự so lấy.á Cạnh ống đũa là thau ớt xào. Anh Bảo xào ớt khéo lắm, cay đậm và thơm sâu chứ không khét dầu như những hàng khác. Có người bảo mê bún ốc của anh chỉ vì khoản ớt này. Ngoài ra, anh còn bày một hũ gia keo nước mắm pha gừng đâm nhuyễn, một lọ mắm tôm quấy sền sệt và một cái thố sành đựng nước me đầm nâu sánh. Tôi nhớ cái thố sành này bị mẻ một góc quai. Cũng như mấy cái bát chiết yêu của anh, sứt mẻ tùm lum mà anh không đổi bát mới. Chẳng ai thắc mắc, người ta cứ và, cứ húp ngon lành. Trừ một lần, có một cô ra dáng tiểu thư nền nếp nhăn nhăn phàn nàn cái bát mẻ, làm anh Bảo tự ái xua tay hờn:

"Hàng tôi có thế thôi, cô ăn giúp."

Cô này thấy bà con bình dân chung quanh dòm mình dữ quá, đâm thẹn, bưng bát húp đại. Tội nghiệp, chắc bữa đó cô ăn không ngon.

Chiếm nhiều chỗ trên bàn nhất là cái mẹt nứa tròn, vun đầy một mớ thập cẩm gồm rau muống chẻ, húng quế, húng chó, kinh giới, giá, bẹ chuối bào và xà lách thái sợi.

Bên Tây này, mỗi lần nấu nồi bún, nan giải nhất chính là cái mẹt rau này đây. Phiên phiến đi thì chỉ bày có xà lách với rau menthe, làm giảm hẳn cơn thèm tô bún. Mà cứ nhất định đa mang thì mất toi bao nhiêu thì giờ rong ruổi các nơi mò cho đủ các loại rau thơm, mà có phải rẻ gì cho cam.

Quanh bàn, anh Bảo đặt độ mươi cái ghế đẩu thâm thấp, cũng đóng bằng gỗ tạp, xinh

vừa cho đít con gái mới lớn. (Lắm bà mông to bè bè, ngồi động lên, chẳng còn thấy cái ghế đâu nữa!)

Anh Bảo ngồi sau bàn. Bên phải anh là thùng nước lèo bốn mùa nóng bỏng. Anh chăm lửa luôn. Dáng anh cúi xuống trông lò, khi đẩy thêm khúc củi, khi cời cho đều lửa, cung cúc, tận tụy như bà mẹ kỹ tính chải chuốt cho cô con gái nhỏ. Bếp anh kê bằng mấy hòn gạch ống, đun củi khô nên nó lửa lắm. Ngày mưa, vào hàng anh rồi chỉ muốn ngồi luôn mà hưởng cái ấm cúng chan hòa từ bếp lên nồi, từ nồi qua tô, từ tô vào miệng, xuống bụng, ấm cả lòng.

Nhưng mùa nóng, trông anh Bảo đến khổ. Mồ hôi mẹ, mồ hôi con cứ là rưng rưng. Anh Bảo lại ưa mặc áo thun ba lỗ, mồ hôi anh chảy tới đâu, người ta dò theo tới đó. Dòm chừng coi cái dòng mặn mà ấy có lỡ chảy nhanh quá, anh quẹt không kịp lại rơi tòm vào tô bún trên tay anh không.

Ấy là sợ thế thôi, chứ anh Bảo rất ý thức về thân thể mình. Việc quẹt mồ hôi đối với anh cũng giống như thiếu nữ mới lớn vén tóc làm dáng. Bàn tay anh tuy đen đủi nhưng mềm dẻo, mỗi động tác đều dịu dàng như múa, chậm rãi như cố tình. Có lẽ ấy là một trong những dấu hiệu khiến người ta tủm tỉm cười hay nháy mắt với nhau để củng cố cái tin đồn anh bóng lại cái là thật.

Bàn tay năm ngón đa năng, thoắt gạt ngang vệt mồ hôi trườn dài trên trán ấy lại thoắt thò ngay qua thúng bún bên hông trái. Cái thúng to, đan bằng nan tre, đáy và chung quanh lưng lót lá chuối xanh mướt. Bún trắng tươi, được quấn thành từng con tròn tròn, to cỡ hai bàn tay chụm.

Anh Bảo chỉ bằng một bàn tay, vừa xé vừa xơi vừa bốc bún cho vào bát. Nhịp nhàng, chính xác. Đôi mắt là bàn cân, anh thêm vô một lọn, bớt ra một nhúm, sao cho tô nào cũng như tô nấy, lưng lưng vừa để khi chan nước lèo vào, tô bún không lõng bõng cũng không đặc cạn.

Đơm bún xong, anh khẩy vài con ốc bươu, đã được khều sẵn ra một cái xô nhựa gãy quai cho lên trên mặt bún (hàng anh vậy đấy, đồ nghề sứt càng gãy gọng hết trơn mà anh vẫn tiếp không kịp khách). Cái xô này được kẹp ở một vị trí tế nhị: giữa hai khoảng đùi gần đầu gối anh Bảo. Chẳng hiểu để thế nó tiện tay tiện chân cho anh hay chỗ đó dễ kiểm soát, chắc ăn nhất, không sợ bị gấp cắp vì ốc là thứ ai cũng chuộng ăn lại đắt vốn nhất cho anh Bảo.

Mỗi lần nhìn vào vị trí trớ trêu của xô ốc ấy, tôi lại nhớ câu chuyện có thật mẹ tôi kể mà vừa ghê vừa chết cười.

Thời mẹ tôi còn là nữ sinh Gia Long, cũng giống các cô bạn đồng môn khác, bà mê xe gỏi đu đủ khô bò trước cổng trường. Cứ tan học là các cô lại vây quanh xe gỏi thưởng thức trước tiên bằng mắt đôi bàn tay thông thạo của bác hàng gỏi bốc đu đủ cho vào cái dĩa nhôm, nhắp cái kéo sắt to đùng cắt vài miếng khô bò nâu đỏ, rải lên trên một nhúm húng quế xanh , một nhúm đậu phọng rang vàng đâm nhỏ, xịt nước tương, nước dấm, nước ớt lên cùng... và rồi thế là tha hồ xuýt xoa với miếng gỏi đậm đà trong miệng. Ăn xong, cô nào còn tiếc thì húp nốt miếng nước tương pha dấm rồi vui vẻ trả tiền, sung sướng, tung tăng ra về. Xe gỏi ấy sẽ mãi là kỷ niệm tinh đẹp cho mẹ tôi và các bạn bà nếu không có một hôm số trời run rủi...

Hôm ấy bác hàng gỏi quá đông khách. Chờ mãi không thấy bác có dịp rảnh tay đáp lại lời yêu cầu ỏõ Xin thêm chút dấm ỏõ của mình, cô bạn mẹ tôi đã nhanh nhẩu đi vòng ra sau xe, định lấy chai dấm tự phục vụ lấy. Dấm đâu không thấy, chỉ thấy cô tung hê cả dĩa gỏi lẫn cặp táp, vắt giò lên cổ vừa chạy vừa la không thành tiếng. Các cô khác thấy lạ cũng hoảng vía túa ra. Thì ra bác hàng gỏi nãy giờ lên cơn, thấy con gái trẻ đẹp bao quanh, bèn lôi của quý ra chào, ai ngờ đang tung hoành mó máy sau xe gỏi thì bị phát giác. Từ đó, trước cổng trường vắng xe gỏi một thời gắn bó.

Các cô mỗi lần điểm lại mình đã ăn gỏi do bàn tay ấy trộn bao nhiêu lần lại le lưỡi kinh hoàng cười với nhau.

Chà, khách ăn bún ốc anh Bảo không biết có mấy người liên tưởng thiếu trong sáng như tôi... Ý hại thân, cứ nhắm mắt ăn đi, đừng nghĩ ngợi này kia thì mới thấy ngon. Sợ dơ, sợ nọ sợ kia thì bao nhiêu hàng quán ra đấy, còn ai ăn, ai bán.

Cái thao tác chan nước lèo của anh Bảo cũng thật điệu nghệ, chăm chút. Trước khi chan, bao giờ anh cũng ngắm nghía coi tô bún đã cân bằng bún, ốc đàng hoàng chưa. Miệng nhắc thằng nhỏ phụ việc: "Đã có rau cho khách chưa?" Tay vung cao cái muôi như dũng tướng vung đường gươm quyết định. Anh múc một muôi nước lèo đầy chan ngập tô, rồi anh dùng bụng môi ngăn phần bún, ốc bên trong, nghiêng tô cho nước vừa chan chảy từ từ lại vào nồi. Ấy là trụng trước cho bún nóng. Rồi

sau đó anh chan nhấp. Anh nhấp từng hớp nước lèo một chan vào từng góc tô. Độ bốn năm hớp thì vừa đầy, thì trao được cho khách với lòng an tâm.

Khách nào anh thương thì anh nhắc: Có nước mắm gừng đấy em ơi, nêm tí mắm tôm cho đậm, bỏ ớt chưa, anh bỏ cho nhé...

Khách nào anh không cảm tình, cỡ như cái cô tiểu thư thắc mắc cái tô mẻ thì anh nguýt ngoáy, nói hờn, nói mát, đủ bộ điệu. Đôi khi có mấy chàng thanh niên vui tính, thích đùa nghịch, cố tình trêu chọc cho anh giận để anh liếc, anh bĩu mà cười với nhau chơi. Cũng có mấy chị, mấy bà gặp hôm anh trái tính dấm dẳn làm phật lòng, ra khỏi hàng giận lẫy thề từ giờ trở đi không thèm ghé hàng anh ăn nữa.

Của phải tội, anh thường cưng chiều khách nam nhi hơn nữ giới. Những bà bị anh hất hủi, cho toàn ốc gầy và trụng bún qua loa vào chợ kháo ầm lên rằng anh thấy đàn ông bô trai thì sóng mắt long lanh, tướng ngồi lắc lư, đưa đẩy.

KHÁNH HÀ

NHÀ

Sườn đồi năm nào rừng thông xanh
Năm nay mọc lên những mái nhà
Từng ô cửa mở nhìn trời đất
Ai đó buồn vui đang sống qua

Hãy giữ giùm giấc mơ hạnh phúc
Kỷ niệm bám đầy ngõ ngách thân quen
Làn khói quyện trong chiều hiu quạnh
Người đi xa chỉ muốn quay về

Nhà xưa mát rượi ngoài hiên gió
Lá trúc chao êm xuống mặt hồ
Hoa giấy tím rộ trên vòm cổng
Thời gian còn đọng tiếng con thơ

Nhà nay tuyết phủ ngoài hiên vắng
Bốn phía rừng thông ngăn ngắt xanh
Mùa hè đất xẻ tuôn dòng suối
Nước ngùi ngùi nước chảy loanh quanh.

Tôi một hôm trước khi đi Tây có ghé ra hàng anh ăn gỡ. Hôm đó nhằm ngày rằm, nên cũng khá trưa rồi mà anh còn ngồi đó. Hàng anh vắng. Múc cho tôi tô bún tươm tất, có phần hậu hĩ xong anh vắt một chân lên ven ghế, ngồi theo kiểu nước lụt. Tôi hết hồn. May quá, anh mặc quần dài đàng hoàng, chứ không xà loỏng tinh xà loỏng như thằng em trai vô ý vô tứ của tôi ở nhà.

Rồi tự nhiên trời tối đi, trời đổ mưa. Anh Bảo đẩy cái xô ốc qua một bên. Âu cũng là cái duyên kỳ ngộ, lần cuối cùng ra ăn hàng anh sau mười mấy năm tri kỷ tình bún ốc cũng là lần đầu tiên tôi thấy anh hờ hững rời cái xô ốc này. Rồi tôi thấy anh vấn thuốc. Anh cuốn, anh vê, anh liếm, anh đốt, anh lim dim. Thiếu điều tôi muốn bỏ tô bún ốc xuống mà nhìn anh cho đã cơn tò mò. Bên gánh bún cuối buổi chợ đã nghiêng nồi chỉ còn đôi làn khói nhạt, anh Bảo ngồi nghiêng nghiêng, tóc lơ thơ sợi bạc. Điếu thuốc vấn cháy hồng gần sát môi và đôi mắt đã lạc hẳn vào cõi khác. Tự nhiên tôi có cảm tưởng anh sắp ca vọng cổ. Tự nhiên tôi thấy anh đẹp não nùng.

Nhưng tôi đã không đủ cái duyên hệ lụy để truy tìm và thấu hiểu nguyên nhân phút xuất thần độc đáo của anh Bảo mà tôi được chứng kiến trước ngày rời xa góc hàng ba thân yêu đó.

Trong đời có những điều, đôi khi tầm phào, ta thắc mắc mà vì một nguyên do nào đó, hay chẳng vì sao cả, ta bỏ qua không tìm hiểu, để rồi sau đó cứ vương vấn mãi.

Lần về thăm nhà đầu tiên sau mấy năm đi xa, tôi đã vội vã ra chợ Nhỏ, Phú Nhuận tìm hàng bún ốc anh Bảo. Tôi buồn lặng người khi nhìn thấy góc hàng ba khi trước anh ngồi bày hàng vắng không. Thấy tôi hỏi thăm với vẻ hoang mang, tiếc nuối của người mất của, mấy người đi chợ chung quanh vui vẻ mách:

"Muốn ăn bún ốc hả, quẹo qua ngã tư một chút tới liền."

Tôi quẹo qua ngã tư, khấp khởi hy vọng là

anh chỉ dời hàng qua chỗ mới đấy thôi.

Tôi tìm được hàng bún ốc dễ dàng. Kìa bàn ghế, kìa nồi bếp, chỉ không thấy anh Bảo ngồi đó, cái ghế quan trọng của người chủ tọa gánh bún trống. Tôi chắc anh đi vào nhà trong lấy thêm ốc ra. Tôi mừng rỡ đi xăm xăm vào trong hàng tìm chỗ ngồi. Nơi đây hẳn hòi là một quán ăn. Có lẽ mấy năm nay khấm khá, anh Bảo đã thuê hẳn mặt bằng này để khuếch trương hàng bún ốc. Đưa mắt quan sát một vòng, tôi nhận ra những thay đổi. Khách đến ăn bún bây giờ được kê bàn kê ghế cao ráo, riêng biệt chứ không lê lết quây quần như xưa. Chồng tô kê trên bàn chủ tọa trắng muốt men sứ, vẽ hoa lá kiểu cọ, sang trọng. Tôi nhớ thương mấy cái tô bằng đất nung, có vẽ con gà nhổng đuôi đơn sơ ngày trước. Một thằng bé bước ra chào và đem cho tôi cái khăn lau mặt ướp lạnh có tẩm mùi nước hoa nồng nồng. Nó so cho tôi đôi đũa. Bảo là so chứ thật ra mớ đũa nhựa giả ngà trong ống cao ngang bằng nhau cả, nó chỉ việc rút ra một đôi đặt trước mặt tôi. Rồi nó hỏi tôi:

"Cô ăn gì?"

Tôi cười. Nghĩ thầm thằng bé này giỏi dở. Nhưng tôi cũng chọc lại nó:

"Em có thực đơn à?"

Không ngờ thằng bé chạy đi lấy cái thực đơn thật. Tôi thắc mắc mở tờ bìa gập đôi ra xem. Thì ra bên cạnh bún ốc còn có cả bún riêu, rồi bún chả giò, nem nướng.

Tôi kêu lên một tiếng ồ tiếc nuối. Thằng bé lại tưởng tôi thích thú với các món ăn, hỏi lại câu lúc nãy:

"Cô ăn gì?"

Tôi hỏi nó:

"Anh Bảo đâu em?"

Nó im. Chắc nó bực tôi lôi thôi. May quá, tôi nghe tiếng bước chân nặng nặng bước ra từ phía sau nhà. Chưa thấy mặt đã nghe lời. Anh chào tôi vui vẻ:

"Cô ghé quán, cô mạnh giỏi?"

Giọng anh là lạ. Tôi chưa kịp ngoái mặt lại đã chào đáp anh bằng một câu đùa:

"Anh bây giờ hết chuyên nghiệp rồi sao mà nấu tùm lum món hết vậy?"

Rồi tôi im lặng. Cho đến khi rời quán, tôi chỉ nghe anh kể chuyện mấy năm nay... Và tôi chỉ mở miệng nói hai câu:

"Một tô bún ốc." (Khi anh hỏi tôi ăn gì.)

"Lịch sự lắm." (Khi anh hỏi tôi thấy quán thế nào.)

Trong giấc ngủ ngật ngưỡng trên máy bay trở về Paris chuyến đi ấy, tôi mơ thấy anh Minh, người đàn ông trắng trẻo, phốp pháp, tươi tắn đã kể tôi nghe về anh Bảo. Tôi thấy anh Minh cười ẻo lả, khua tay khuấy nồi nước lèo. Tôi nghe loang loáng tiếng anh cao vút:

"Dã, xin lỗi cô, tôi là Minh, anh họ của Bảo, chứ hổng phải Bảo ... Bảo nó đi Pháp rồi cô ơi..."

...Thằng Bảo, tưởng qua Tây sướng, hóa ra lại khổ. Trước cũng nổi niêu, nhưng làm chủ, tha hồ vung vít. Giờ cũng nổi niêu, mà đi nấu cho người ta. Cày cho người ta, bảo sao nghe vậy, cô ơi. Tui sang lại của nó cái nghề này. Nấu y chang hồi xưa à, cô thấy hông? Chiều khách còn hơn nó nữa á..."

Hình như trong tất cả các tiệm ăn ở Paris, không có tiệm nào nấu món bún ốc. Tôi cứ băn khoăn không biết anh Bảo có ở Paris không. Anh đứng bếp cho nhà hàng nào. Bây giờ, anh nấu chuyên món gì. Tiếc quá, sao hôm ấy tôi không hỏi anh Minh...

Viết xong vào một buổi trưa mùa thu.
Trời đẹp, lặng và trong đến không ngờ.
Tháng mười, ngày 12 /1999

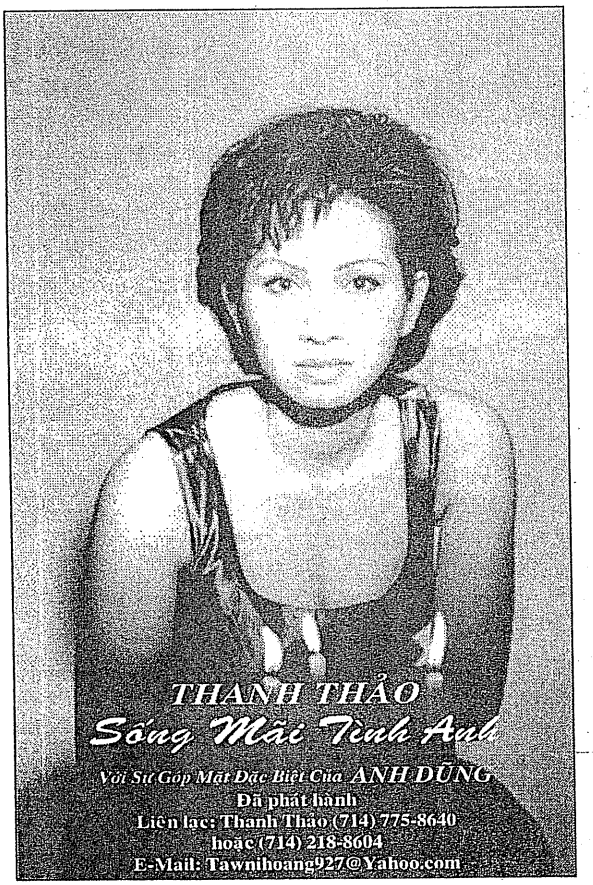

TRƯỜNG HỢP ÔNG CHIỂU ĐIỀN

Truyện

Trích từ tiểu thuyết Bên Dòng Sông Hằng,
nguyên tác Nhật ngữ của
VIỄN ĐẰNG CHU TÁC (Endo Shusaku)
bản dịch của **NGUYỄN VĂN THỰC**

Trên tàu bay đi Tân Đề Ly, người ta bắt đầu bán hàng miễn thuế. Các cô chiêu đãi viên, lúc nãy đến giờ tác phong đoan trang, thoắt một cái, vẻ mặt của họ trở thành vẻ mặt của những nữ nhân viên mậu dịch, bắt đầu đẩy xe chở rượu và thuốc lá đi bán. Ông Chiểu Điền đã tính kiếm cho vợ ở nhà một bình nước hoa, nhưng tới bây giờ vẫn chẳng biết bà thích loại nước hoa nào, ông ghé hỏi ông Cơ Biên ngồi bên cạnh:

- Xin lỗi, ông có rành về nước hoa không ạ?

Ông Cơ Biên cười cay đắng:

- Thưa ông, tôi chẳng biết gì về nước hoa cả.

- Để nhà tôi ở nhà, rồi một mình đi Ấn Độ... thì cũng phải kiếm cách gì đó tạ lỗi - Ông Chiểu Điền phân trần.

- À thì ra ông muốn mua quà tặng bà nhà? Ông thật tốt! Hay ông cứ thử hội ý với cô chiêu đãi viên xem sao.

- Ông có kiếm mua cho bà nhà món gì không?

- Nhà tôi mất rồi ông ạ!

- ..., tôi thật thất lễ với ông! - Ông Chiểu Điền xin lỗi - Tôi không biết bà nhà đã mất.

Cô chiêu đãi viên hỏi tên vợ ông Chiểu Điền, khuyến khích ông mua loại nước hoa hiệu Ambassador, và nở nụ cười nghề nghiệp:

- Thưa ông, ông muốn trả bằng đồng yen hay đôla ạ?

Ông Chiểu Điền nhận bình nước hoa và kín đáo bỏ vào túi xách của mình. Ông Cơ Biên nhắm mắt thiu thiu ngủ. Phía sau lưng ông, hai vợ chồng mới cưới Tam Điều, nói năng bất kể người bên cạnh, và mua hàng tới tấp:

- Mình phải mua hai chai rượu mạnh.

- Ở Ấn Độ không dễ gì kiếm được rượu.

- Mình chớp luôn nước hoa.

Cô chiêu đãi viên hỏi ông Chiểu Điền:

- Thật là tình cờ được gặp ông ở đây! Ông

là nhà văn Chiểu Điền chuyên viết chuyện nhi đồng phải không ạ?

Ông Chiểu Điền ngượng ngùng, lặng lẽ gật đầu. Cô ta nói tiếp:

- Hồi học đại học, học khoa văn học nhi đồng, tôi có đọc một số truyện nhi đồng của tiên sinh.

- Không hẳn là truyện nhi đồng, vì các nhân vật chính trong các truyện của tôi là chó và chim.

- Tôi thì tôi thích mèo.

Ông Cơ Biên nhắm mắt nghe hai người nói chuyện với nhau. Ông nghĩ nếu vợ ông còn sống, chắc ông chẳng đi Ấn Độ đâu.

Thời còn ấu thơ, ông Chiểu Điền sống ở Đại Liên, thuộc Mãn Châu, thời đó đang bị Nhật Bản chiếm làm thuộc địa. Ông còn nhớ lúc ấy Đại Liên vẫn còn mùi Nga; người Nga chiếm đóng vùng nầy trước dân Nhật. Nhà cửa và những cơ ngơi lợp ngói, không khác gì ở Nhật, hàng nối hàng. Đường xá xoè nan quạt bắt đầu từ quảng trường trung tâm thành phố. Các loại cây acasia, cây dương, không thấy có trên đất Nhật, ngoại trừ ở Bắc Hải Đạo, trồng hai bên đường. Những người Nhật giàu sổi khệnh khạng, hống hách, sống ở đây, và khinh khi người Trung Hoa định cư trước họ.

Dù là con nít, nhưng cậu bé Chiểu Điền hồi đó vẫn nhận ra khu người Tàu thật nghèo nàn, thảm hại. Những khi được bố mẹ đưa đi chợ, mùi tỏi bay đầy không gian; đầu heo và gà đã làm lông treo lủng lẳng. Cứ sáng sớm các người đàn bà Tàu và những đứa nhỏ gánh hàng đến cửa nhà người Nhật bán. Những con chim cun cút vừa kêu quang quác, vừa cào cào trong sọt; dưa hấu và loại dưa màu sẫm chất đầy gánh. Những chị đàn bà và các đứa bé gánh những thứ nặng như thế trên đôi vai hằn vết. Mấy cô mấy bà Nhật Bản tha hồ trả giá tới lui rồi mới mua.

Bố mẹ Chiểu Điền có thuê một chú bé người Hoa làm đứa ở. Ở Đại Liên, người Nhật ở trong những ngôi nhà xây kiểu Nga có ống khói. Thời đó người ta thường mướn những đứa nhỏ người Tàu làm việc nhà và sai vặt. Họ gọi chúng là bồi. Chú bé giúp việc cho nhà Chiểu Điền tên Lý, mười lăm tuổi. Chú líu lo nói tiếng Nhật, vụng về phụ việc bếp núc với mẹ Chiểu Điền, rồi cứ bắt đầu từ những tối mùa thu trở đi, châm than đá vào lò sưởi. Chú tính tình dễ thương: Mỗi lần thấy cậu nhỏ Chiểu Điền, sáu tuổi, bị bố mẹ mắng, chú ra sức che chở; thấy Chiểu Điền đi học về muộn, chú đâm ra lo lắng, bèn đi dọc đường kiếm Chiểu Điền đưa về.

Có lần trên đường từ trường về nhà, Chiểu Điền thấy một con chó con mắt toét, mình mẩy lấm lem, liền nhặt về nhà. Nó là một loại chó mun Mãn Châu, lưỡi đỏ tía. Bố mẹ bắt chú quẳng ngay cái thứ dơ dáy gớm ghiếc đó. "Cho con nuôi nó một ngày thôi mà mẹ!" - Chiểu Điền rơm rớm nước mắt van xin. Lý tắm và đặt nó vào trong một cái rương gỗ có lót rơm, để dưới nền nhà bếp.

Đêm đó, giữa canh khuya tịch mịch chú chó con tru lên thảm thiết. Khi Chiểu Điền xuống bếp xoa đầu nó, bố chú, trong bộ đồ ngủ, đã đứng sẵn đó, quát:

- Điếc tai chịu không nổi. Ngày mai lo mà tống nó đi nghe chưa!

Hôm sau, cậu đi học mà lòng cứ lo ngay ngáy; tan trường, Chiểu Điền phóng ngay về nhà. Lý đang chẻ củi, thấy Chiểu Điền, đưa ngón tay lên miệng ra hiệu đi theo. Chiểu Điền theo Lý tới kho than cạnh hàng dậu. Trên chỗ âm u của đống than đen loang loáng, Chiểu Điền thấy chú chó con được cột ở đó và đang tè vung vãi.

- Nầy cậu chủ, đừng nói cho bà biết nhé!

- Ừ mà!

Kể từ hôm đó, kho than trở thành nơi bí mật của hai đứa. Đi học về, Chiểu Điền lại len lén bưng tô cơm dư Lý đã để dành đến cho chó ăn. Hai người đặt tên cho nó là Mực. Khi thấy chó mắt đã lành, và có thể ngủ yên một mình được, Lý kiếm cách nói với mẹ Chiểu Điền:

- Thưa bà, con chó nó đã chạy trở lại. Nó khá rồi, không còn kêu như trước nữa.

Bà mẹ hình như biết Lý nói dối nhưng vì thấy Chiểu Điền cứ năn nỉ mãi, cầm lòng không đặng, bèn cho phép nuôi.

Dễ chừng được nửa năm, Lý bị đuổi. Ai đó đã mở khoá kho than, và cả một nửa kho than biến đi đâu mất. Viên cảnh sát người Nhật đến điều tra và nghi Lý. Người ta kháo với nhau rằng có kẻ thấy Lý bàn bạc gì đó với một thằng nhóc người Hoa, gần kho than.

- Thưa bà, chính cái thằng nhãi đó chứ còn ai vào đây, vì chỉ có mình nó tự do đóng mở cửa kho - Viên cảnh sát vừa nhấp trà cạnh cửa sổ vừa nói oang oang - Chớ có mà tin cái bọn đó! Vì chúng ra cái điều ngoan ngoãn hiền lành, nên khó mà biết được chúng đang rắp tâm làm cái gì.

Khi bố mẹ Chiểu Điền vặn hỏi, Lý lắc đầu

không nhận. Chiểu Điền nấp sau cách cửa trượt, nghẹn ngào, lén nhìn Lý ấp a ấp úng phân trần.

Cuối cùng, Lý cũng bị đuổi, vì ở Đại Liên, chẳng thiếu gì cái giống bồi và chị ở.

Ngày ra đi, đồ đoàn của Lý chỉ gói ghém được một gói nhỏ lem luốc. Khi cất bước ra đi, chú chào Chiểu Điền:

- Thôi, chào cậu chủ, tôi đi! Chào cậu chủ, tôi đi! - Rồi lại mở cửa nhà bếp, lặp lại - Chào cậu chủ, tôi đi! Chào cậu chủ, tôi đi!

Cho tới hôm nay, sau những năm tháng dài, Chiểu Điền vẫn còn nhớ nụ cười buông xuôi của Lý.

Con Mực đã lớn bộn, đuôi vẫy đến muốn rụng. Nay nó đã trở thành một con chó giống Mãn Châu khổng lồ, khác hẳn với con cún này xưa. Đã lớn như thế, vậy mà mỗi khi Chiểu Điền và các bạn đi chơi, nó cứ đứng dưới gốc cây acasia, phụng phịu chờ chơi xong. Khi Chiểu Điền đi học, nó lại lẽo đẽo theo sau.

- Học với hành thật chán! Giá mà chẳng trường lớp gì cả thì hay biết mấy! - Chiểu Điền vừa nói đại khái như thế vừa dõi mắt trông theo con Mun.

Vào mùa thu năm thứ ba tiểu học, hai thân sinh tình gắn bó không còn được như xưa; hai người bắt đầu nói đến chuyện bỏ nhau. Biến cố đột ngột này thật ngoài sức tưởng tượng của Chiểu Điền, vì cậu không hề nghĩ tới cảnh mình phải sống chia lìa với bố hoặc mẹ.

Đêm đêm, bố cậu về nhà say khướt; thấy thế, mẹ cậu lại cãi vã to tiếng với ông. Bố la hét, mẹ khóc lóc. Cậu trùm chăn phủ đầu, lấy ngón tay bịt tai lại không muốn nghe, và cố gắng ngủ.

Vào thời kỳ nầy, phải về nhà là cả một chuyện cay đắng, bởi vì cậu phải nhìn mẹ mình lâu nay vốn là một con người vui vẻ, nay cứ ngồi nhìn qua cửa sổ, đăm chiêu nghĩ ngợi. Đường từ trường về nhà không lấy gì làm xa, Chiểu Điền cứ lững thững đi đây đi đó, xem xác ve thu dính treo lưới nhện, và vẽ linh tinh trên các bức tường rào gạch đỏ, nấn ná chẳng muốn về nhà. Có tiếng rao bán hạt dẻ rang nơi ngã tư, tiếng đuôi đuổi mòng loạt xoạt trên đường từ những con ngựa kéo xe chở khách. Những khi cậu cứ nhìn quanh quất như thế, con Mực lại đứng lại đưa chân gãi đầu, khịt khịt đánh hơi loanh quanh đợi cậu chủ.

- Tớ chẳng muốn về! Chiểu Điền nói với con Mực.

Chuyện tư riêng gia đình, mà cậu không thể thổ lộ cùng thầy giáo và bạn học, những cay đắng chồng chất đó, Chiểu Điền lại có thể nói với nó.

- Tớ không thích. Tớ không thích ban đêm. Tớ không thích nghe tiếng bố mẹ cãi nhau.

Con Mực nhìn chăm Chiểu Điền, đuôi vẫy nhè nhẹ. " Thôi thì chịu thôi! Đời là thế đó!" - Con Mực góp chuyện.

Khi Chiểu Điền đã lớn khôn, hồi tưởng lại thời kỳ ấy, ông nhớ rõ ràng là con Mực đã từng nói như thế với cậu bé Chiểu Điền.

- Thôi thì chịu thôi!

- Ở với bố thì mẹ buồn, nhưng ở với mẹ thì bố lại giận.

- Thôi thì chịu thôi! Đời là thế!

Thời gian đó, Chiểu Điền chỉ có thể than thở được với con Mực. Chỉ có nó là người bạn tri âm.

Thu tàn, đông sang, và ở Đại Liên năm ấy mùa xuân mãi tháng Năm mới chớm. Thế rồi, mẹ đưa Chiểu Điền về lại Nhật. Những nụ hoa màu trắng của những cây acasia trồng hai bên đường, trông giống như những bông tai thiếu nữ, lủng lẳng trong chòm lá. Bên đường, một chiếc xe ngựa đang chờ đưa hai mẹ con Chiểu Điền đến hải cảng Đại Liên. Ông bố vẫn lầm lì, rút vào phòng, không ra đưa chân. Chỉ có con Mực đi lòng vòng phía trước, đuôi vẫy đuổi mòng xoàn xoạt.

Phần Chiểu Điền, khi xe ngựa bắt đầu chuyển bánh, cậu quay lại, đăm đăm nhìn con Mực đang đuổi theo mình. Tuy không khóc nhưng cũng rươm rướm nước mắt, cậu quay mặt không cho mẹ thấy. Xe đã qua khúc quẹo rồi, con Mực vẫn cứ phóng theo. Dường như nó cũng biết lần nầy đi là đi luôn. Nhưng cuối cùng mệt quá, nó đứng lại, không chạy theo nữa, buông xuôi nhìn theo Chiểu Điền đang rời xa; bóng con Mực nhỏ dần. Đôi mắt của con Mực hôm ấy, ông Chiểu Điền, khi đã thành người lớn, vẫn không quên được. Cũng nhờ Lý và con Mực, lần đầu tiên Chiểu Điền mới biết được ý vị biệt ly.

"Nếu hồi đó không có con Mực, có lẽ mình bây giờ đã chẳng viết được chuyện nhi đồng." - Sau này có lúc ông Chiểu Điền đã nghĩ như thế.

Con Mực là con chó đầu tiên dạy cho Chiểu Điền biết rằng động vật có thể chuyện trò với người được. Không những chuyện trò, nó còn cho thấy rằng nó là bạn có thể hiểu được những nỗi muộn phiền. Chuyện vật hiểu người như thế, ông Chiểu Điền nay mới biết; thời

nay người ta gọi là phương pháp Marchen. Ngay từ những ngày còn học đại học, ông đã chọn nghề viết chuyện nhi đồng để kiếm sống. Trong những cuốn truyện đó, ông bắt đầu viết về những chú chó, ngựa con và dê. Chúng hiểu thấu những nỗi buồn con trẻ, những nỗi buồn đời người đã sớm khởi sự nơi các em. Vâng, cả chuyện chim chóc nữa...

Khi đã trở thành nhà văn chuyên viết truyện nhi đồng, xảy ra chuyện ông Chiểu Điền nuôi một con chim lạ có tên Tê điểu. Chuyện nuôi con chim này chưa đáng nói cho bằng chuyện ông bị một ông lão có cửa tiệm bán chim và cá cảnh nước ngọt ép.

Ông lão là một người đàn ông kỳ lạ, có khuôn mặt giống mặt chim. Biết ông Chiểu Điền là nhà văn của tuổi thơ, và để biểu lộ lòng mộ mến, ông lão xăng xái bưng cả bể cá lẫn cá vàng đã đâu vào đó đến cho ông, và sau đó, dù không mời, còn đến nhà hăng hái chỉ dẫn cách nuôi.

Một ngày kia ông ta xuất hiện, tay ôm một tay nãi lớn, đi với một chú thanh niên trong bộ quần áo đi làm và nói với ông Chiểu Điền:

- Cậu này là bạn tôi, trông coi một cửa tiệm bán chim và thú nhỏ ở Xứt Cốc. Tiệm mới kiếm được con chim Tê này. Tôi đã bảo với cậu ta là, tiên sinh có lẽ thích con chim như thế này.

Ông Chiểu Điền cũng không hiểu tại sao mình lại là người được chọn để nuôi con chim Tê này, nhưng ông cụ, không cần biết, cứ gỡ nút tay nải ra. Trong chiếc lồng lưới kẽm, một con chim dài khoảng năm sáu phân đang đứng yên như thể đang đậu trên thanh đậu. Mỏ trên có một cục đỏ, hình dáng như sừng tê giác. Ông lão vặn hỏi người bạn:

- Có phải người ta bắt được con chim này ở Phi Châu?

- Vâng, loại chim nầy chỉ ở vùng nhiệt đới mới có. Cái mặt thiệt ngộ. Bởi nó có cái mặt kỳ lạ như thế, tôi nghĩ rằng ông thầy có thể dùng nó để viết những chuyện nhi đồng được.

Tại sao ông lão lại cho rằng con chim lạ này có thể trở thành một nhân vật trong chuyện nhi đồng của ông Chiểu Điền được, mặc dù những nhân vật xuất hiện trong tập chuyện nhỏ thiếu nhi của ông thường thường là những con heo, con thỏ, và những con chó rất thân quen với các em?

- Thế ông thầy không thích nó à? Tôi sẽ để nó lại đây một tuần, xin ông thầy cứ thử nuôi xem sao!

Thấy ông Chiểu Điền có vẻ ngần ngại, ông lão và người bạn bỏ lồng chim lại trong phòng làm việc, rồi đi ra.

Khi họ đã ra đi, chỉ còn lại ông Chiểu Điền và con chim Tê, phòng bỗng nhiên trở nên vắng lặng. Không gian yên ắng, con chim có khuôn mặt thằng hề pierrot đậu trên thanh đậu, nhìn vào một điểm trong hư không. Người ta có thể thấy mặt của nó, không chỉ bắt tức cười, mà còn tràn đầy nỗi buồn. Ông Chiểu Điền lên tiếng hỏi:

- Mi ở đâu mà người ta bắt đến đây? Có phải mi ở tận Phi Châu qua đây?

Ông Chiểu Điền chưa hề đến Phi Châu. So với Mỹ, Anh, thì Phi Châu là một thế giới xa diệu vợi, ngoài tầm tay với của ông. Cái con chim hề pierrot nầy sống tận rừng rậm Phi Châu, có nghĩ rằng một ngày kia sẽ bị đưa tới

HOÀNG KHANH

NỤ HÔN

Nhắm mắt lại đợi chờ
Môi người ủ hương thơ
Nửa cuộc đời khát vọng
Đã trôi mau không ngờ.

Nâng chén giữa ngàn sau
Hứng sương trời mộng ảo
Còn lại với đôi ta
Cuộc tình là giông bão.

Mở mắt níu vòng tay
Nỗi đam mê còn lại
Giữa đôi bờ môi em
Là cuộc đời hiện tại.

xứ Nhật Bản mà nó chưa từng thấy, biết? Làm thân chim chóc mà nó cũng có số mạng giống như người vậy.

Vợ ông Chiểu Điền tỏ vẻ không bằng lòng chuyện chồng mình nuôi con chim đầy phiền toái, nhưng mấy đứa con lại thích. Mấy đứa nhỏ đặt tên cho nó là Pierrot. Ngày nào chúng cũng thăm chuồng chim cho bằng được, nhưng chỉ nội trong vòng nửa tháng, đâm chán và hầu như chẳng thèm đến gần nữa. Con chim Tê không hót hay như chim yến, nó cứ ủ rũ thế nào đó. Đã thế, mùi hôi từ lồng chim còn bay ra nồng nặc.

- Này Pierrot - Ông Chiểu Điền lên tiếng - Tớ báo cho mà biết, ở đây chẳng ai ưa mi. Thế thì tao đưa mi trả lại tiệm, được không?

Nhưng chim vẫn không tỏ vẻ phản ứng gì, mắt cứ đăm đăm vào một điểm trong hư không như một con chim nhồi bông, đôi khi chỉ nhúc nhích thật nhẹ để đổi thế đứng.

Có một hôm, ông Chiểu Điền, mở cửa chuồng thả con Pierrot ra, muốn cho con chim từ rừng rú Phi Châu này được hưởng một chút tự do. Nhưng Pierrot có vẻ ngờ ngợ, đi từ từ rồi đứng lặng bên cạnh khung cửa kiếng đăm đăm nhìn ra ngoài khung cửa sổ.

Ông Chiểu Điền chăm chú vào công việc. Con chim Tê vẫn đứng im, mặt hướng ra ngoài. Hoàng hôn về gần, ánh nắng cửa sổ nhạt dần. Chỉ nghe tiếng lao xao khô khốc từ ngọn bút ông Chiểu Điền đang viết bản thảo. Rồi nghe có tiếng than van đứt ruột, như ngọn nến loé lên rồi tắt, chứa muôn vàn thê thiết, ray rứt: tiếng chim Tê kêu. Ông Chiểu Điền nghĩ là con Pierrot, với muôn vàn ẩn ức, như chỉ muốn hét lên: "Tôi cô đơn lắm!" Từ đó, ông cảm thấy một cái gì đó giống như lòng gắn bó với con chim có cái mặt tức cười này. Một mối ràng buộc giữa con Pierrot và ông đã khởi đầu. Trong ngày, ông cắt táo thành từng miếng nhỏ, và khi chán làm việc, ông quẳng từng miếng cho con Pierrot bên cửa sổ, nó vươn cổ ra và lấy mỏ chụp lấy thật thành thạo. Cái trò này xoa dịu ông rất nhiều khi ông cầm bút, giống như một trò chơi giữa hai anh em.

Đêm đêm, khi cả gia đình đã an giấc, ông Chiểu Điền ngồi vào bàn viết, con Pierrot lại mạnh dạn giang cánh, bay lên kệ sách bên cạnh, và từ trên đó nhìn ông làm việc.

- Ông làm gì vậy? - Con Pierrot hỏi.

- Tớ viết chuyện nhi đồng.

- Loại chuyện nhi đồng nào vậy?

- Tớ tha hồ miêu tả lại những giấc mơ của tuổi ấu thơ. Trong truyện đó... chó, chim giống như mi chuyện trò với cả những đứa bé. Con chó mang tên Mực. Con Mực này, cậu chủ của nó, hồi niên thiếu...

- Toàn chuyện vớ vẩn! Mấy cái thứ đó có lẽ chỉ là những giấc mơ ích kỷ của ông. Cứ xem đây này! Tôi đang sống với bạn bè trong rừng Phi Châu xa xôi, lại bị đưa đến đây để an ủi ông.

- Chẳng biết có phải vậy không, nhưng hồi còn nhỏ, tớ nói chuyện với con chó nhà, và những con chim giống như mi. Tớ không thể biết chúng đã an ủi tớ như thế nào. Đêm nay đây, có mi ở đây với tớ trong phòng này... cũng đỡ lắm!

Ông Chiểu Điền không biết cắt nghĩa thế nào cái lòng muốn gắn bó với muôn loài chúng sinh của ông. Hạt giống mà cuộc sống của con Mực gieo thời thơ ấu, cuối cùng đã lớn lên, làm nên một thế giới lý tưởng chỉ có thể được vẽ lại trong những truyện thiếu nhi của ông. Ở trong truyện, trẻ em hiểu được tiếng hoa xì xầm và cả tiếng cây cối chuyện trò với nhau, và có thể đọc được những dấu chỉ của con ong, cái kiến. Chúng có thể chia sẻ nỗi cô đơn, mà người lớn không tài nào hiểu được, với một con chó, một cánh chim...

Nhưng con Pierrot, như không để ý đến nỗi buồn đau của ông Chiểu Điền, từ trên giá sách, lại vỗ cánh bay trở lại góc phòng. Cuối cùng, khi nhìn về phía đó, ông thấy nó co một chân lên vén lông đầu qua một bên một chút, rồi bắt đầu ngủ...

"Nó làm bẩn cả phòng, em chịu không thấu! Lại còn ỉa lên cả trên sàn nhà."

Vợ ông cứ phàn nàn chuyện ông chồng cứ nuôi thả rông con chim Tê trong phòng như thế. Vợ chồng tiếng qua tiếng lại chẳng qua cũng vì nó. Đúng như lời bà vợ nói, phòng của ông, dù có mở cửa, mùi thối đặc biệt của phân chim vẫn cứ nồng nặc; thảm lốm đốm phân chim. Theo cái nhìn của một người vợ phải quán xuyến chuyện nhà, con chim có cái mặt kỳ quặc này, thật chẳng khác gì Đức Giêsu ngày xưa đã gây bực bội, phiền toái cho các thày cả Do Thái cùng thời. Đưa con chim Tê để so sánh với Đức Giêsu, lối ví von như thế thật buồn cười, nhưng chuyện gì cũng vậy, có sao người ta mới ví. Ông Chiểu Điền vốn thích tranh của họa sĩ Roualt; ông thấy có sự giống nhau giữa mặt của con chim Tê này và gương mặt của thằng hề pierrot trong tranh Roualt. Ông không biết rằng, theo bản ý của họa sĩ

Roualt, thằng hề tượng trưng cho Đức Giêsu. Hằng đêm, trong khi ông Chiểu Điền vẫn tiếp tục làm việc, con chim Tê cứ chăm chăm nhìn ông; vợ ông không làm gì hiểu được được mối giao cảm giữa ông và con chim. Dù là vợ chồng, ông vẫn biết rằng, trong khi tiếp tục sống đời hôn nhân, cô đơn vẫn cứ canh cánh bên lòng chẳng khuây và hai người chẳng dễ gì hoà tan nỗi cô đơn riêng lẻ vào nhau được, nhưng trong những đêm dài hiu quạnh, ông có thể chuyền qua cho chim Tê nỗi cô đơn của mình.

Thế là đã hai tháng. Lão chủ tiệm, người mang con chim Tê đến đây, từ hôm đó đến giờ, chẳng thấy tăm hơi đâu. Như thế, có lẽ những người nhập cảng chim nầy, vào một lúc nào đó, chuyện buôn bán đã gặp phải khó khăn; ông Chiểu Điền trong lòng cũng đoán thế.

Vào thời kỳ này, những cơn sốt nhẹ vào ban chiều cứ dai dẳng mãi, và ông bắt đầu cảm thấy không biết vì sao cứ mệt mỏi rã rời. Khi đi khám, ông bác sĩ tư cho biết tiếng nói của ông Chiểu Điền có vẻ khò khè, và đưa ông đi chụp quang tuyến. Ông thầy thuốc cứ hỏi vòng vòng:

- Ngày xưa ông có bị lao không? - Nhìn kết quả của tấm hình quang tuyến và hỏi như thế xong, ông ta im lặng. Nhờ sự giới thiệu của nhà xuất bản, ông Chiểu Điền khám ở bệnh viện đại học và được lệnh phải cấp tốc nằm điều trị thuốc men ở trong bệnh viện một năm. Biến cố thật bất ngờ. Cả vợ lẫn ông đều bị hụt hẫng như đứng trước một thiên tai, chẳng biết xoay xở đường nào. Hồi còn trẻ, ông có nhiễm lao nhẹ. Hồi đó người ta chỉ trị bệnh lao bằng cách hút nước giữa hai màng phổi. Những lổ hổng trong phổi mà ông nghĩ đã lành, tái phát lúc nào ông cũng chẳng rõ.

Trước khi vào nhà thương, vợ ông lo chuẩn bị các thứ cần dùng. - Còn... con chim nầy, tính làm sao đây? Anh thì anh nằm nhà thương rồi..- Bà sẵng giọng nói - Trong nhà, em một thân một mình, không thể cáng đáng hết mọi chuyện được. Anh làm ơn để cho người ta đưa nó trở lại tiệm, có được không?

Ông nghĩ bà nói rất phải và ông gật đầu: - Ừ! Khi trở lại thư phòng, ông đưa con Pierrot ra khỏi lồng. Nó theo thói quen đi lững thững lại phía cửa sổ, ngắm rặng Đơn Trạch đẫm ánh hoàng hôn màu rượu nho. Tay thọc túi, ông nhìn xuống con chim, thì thầm:

- Ta chia tay nhau nhé chim!

Bỗng cảnh biệt ly với con Mực sống lại trong trí ông. Hồi đó cũng thế, cậu bé Chiểu Điền rơi vào trong những tình huống bắt buộc, con Mực và ông đành chia xa. Còn trong lần này, vì trúng bệnh không ngờ, ông phải chia tay với con Pierrot đã từng đêm đêm an ủi ông.

Cuối cùng, ông cũng phải nằm nhà thương, không phải một nhưng hai năm. Vào thời kỳ nầy, ngoài các loại thuốc kháng sinh mới nhất đã từng mang lại hiệu quả tốt, người ta cũng dùng đến cả ngoại khoa. Nhưng dù người ta có dùng ngoại khoa, ông Chiểu Điền lúc trước đã được trị bằng cách hút nước giữa hai màng phổi, làm hai màng phổi bị dính lại, và cộng với hai lần mổ thất bại, thêm chứng viêm phổi, nên mới sinh ra bệnh màng phổi dính vào nhau như hôm nay. Khi người thầy thuốc đảm trách ông và cả vị bác sĩ giáo sư - mỗi tuần một lần xuất hiện với các sinh viên - nói gì đó với nhau, ông Chiểu Điền không hiểu được, nhưng qua vẻ ngần ngại của họ, ông biết hai người thầy thuốc đang bối rối không biết phải chữa làm sao.

Phần ông, ông ghét cái cảnh, từ nay trở đi, trong một năm hay mười năm, sống mà chẳng làm được gì. Ông và các người cùng phòng biết, hiện nay có một bệnh nhân bị chứng hai màng phổi bị dính lại, giải phẫu hai lần mà vẫn không đỡ, sống mà như chết.

- Tôi đã suy nghĩ rồi. Các vị cứ mổ cho tôi! - Ông xin vị bác sĩ coi sóc ông như thế, nhưng người thầy thuốc vẫn lấp lửng:

- Vâng, tôi cũng đang suy nghĩ... Nhưng vị bác sĩ giáo sư lại e rằng, ông Chiểu Điền trước đây đã trải qua hai phần mổ để tách màng phổi, nếu mổ nữa, sẽ bị xuất huyết mạnh.

Vào độ này, ông Chiểu Điền hay lên sân thượng bệnh viện, và trong khi nhìn trời chiều chạng vạng; dáng đứng của ông làm ông nhớ tới con chim Tê. Nó cũng thế, ra khỏi lồng, đứng cạnh khung cửa sổ thư phòng, nhìn rặng Đan Trạch đẫm hoàng hôn màu rượu nho. Bây giờ ông mới thấm thía được nỗi đớn đau của con chim Tê.

Ông tự hỏi không biết nó nay ra sao rồi? Nếu không có gì bất tiện, ông muốn được trải qua đêm dài với nó trong phòng bệnh. Ông đã quá mệt mỏi vì phải làm ra cái vẻ mạnh khỏe trước mặt bác sĩ, các cô y tá và vợ mình; ông muốn kiếm bạn, không phải là người, nhưng là con chim Tê, để được tâm sự với nó như những ngày xưa ấy. Con Pierrot có cái vẻ tội

nghiệp lẫn buồn cười như thể Roualt đã vẽ nó vậy.

Nhưng chẳng bao giờ ông nói với vợ những điều như thế. Nào là phải lo các con lúc nào cũng luẩn quẩn bên nàng và toan liệu việc nhà, nào là phải vào nhà thương thăm chồng, với ngần ấy thứ, nàng không thể cáng đáng thêm chuyện nào khác được nữa.

Nhưng có một ngày kia, đang khi đọc báo, ông chỉ bức ảnh chim thiên di trong báo cho nàng xem rồi tự nhiên buột miệng:

- Con chim Tê hồi ấy, nay ở đâu rồi vậy em?

Nghe ông hỏi, nàng vẫn làm thinh. Vài ngày sau, vợ ông xuất hiện trong phòng bệnh với một tay nãi lớn.

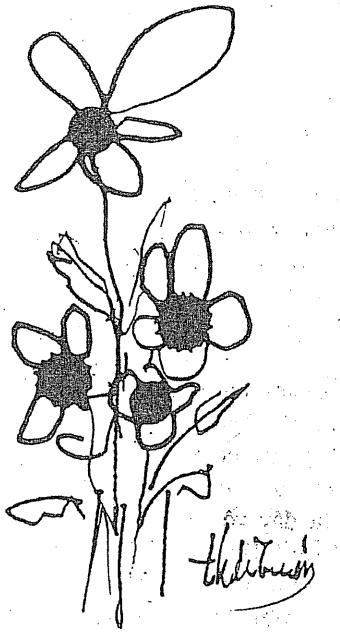

- Của anh đó! - Nàng phấn khởi cất tiếng, chưa bao giờ nàng phấn khởi như thế và khi thấy chồng bỡ ngỡ nhìn tay nãi, nàng lại nói

- Anh mở ra đi!

Lúc mở nút tay nãi ra, ông thấy một con nhồng, đen màu đen sơn mài, đang hoảng hốt đập cánh trong chiếc lồng gỗ vuông.

- Em! - Ông Chiểu Điền cảm động vì sự ân cần của vợ.

- Con chim Tê không còn nữa, thôi thì anh chịu khó chơi với con nhồng nầy cũng được.

- Hồi đó anh có hỏi em về con chim Tê, nhưng đâu có ý bóng gió gì đâu!

- Không sao đâu anh! Em thấy hình như anh cũng chuộng con này!

Ông Chiểu Điền cảm thấy mình có lỗi với vợ. Ngày còn nhỏ, ông thích giàn trải nỗi lòng thầm kín, không phải với người, nhưng với chó, với chim. Ngay cả trong hoàn cảnh bây giờ, sau những lần mổ mà chẳng đi đến đâu, một nơi nào đó trong lòng, ông ước ao được bày tỏ với con nhồng này, trông cũng giống như con chim Tê ngày xưa, nỗi chán chường của ông. Nhưng hôm nay ông vẫn cảm thấy tốt nhất là cứ để bụng. Dù có nói ra những âu lo với vợ đi nữa, thì cũng chỉ làm khổ nàng mà thôi. Làm cho nàng phải cực lòng thì có ích gì; chỉ có nàng là người gánh vác trách nhiệm, không phải vậy sao? Nhưng, nếu người bạn lòng là một con chim thì... nó sẽ chỉ biết lắng nghe.

- Kìa, anh có vẻ tươi lên được một chút rồi đó! - Vợ ông dường như đắc ý - Lâu lắm mới thấy anh vui như thế...

Chuông reo báo giờ thăm bệnh nhân đã hết, nàng nháy mắt với chồng rồi cố gắng rời khỏi phòng bệnh, về với những gánh nặng đang chờ ở nhà.

Con nhồng nhảy qua nhảy lại mãi không chán trên hai thanh đậu trong lồng, nhưng chẳng kêu lấy một tiếng. Có lẽ người bán chim chưa dạy cho nó bắt chước tiếng người: "Chào khách! Chào khách!" hay "Chào ông! Chào bà!"

Nhưng, khi đã ăn tối xong, sắp tới giờ đi ngủ, có tiếng kỳ lạ "Ha, ha, ha, ha!" từ trong lồng phát ra: Con nhồng kêu lần đầu tiên.

"Ha, ha, ha!" tiếng kêu như thế không phải là tiếng kêu tự nhiên của loài chim. Ông Chiểu Điền ngẫm nghĩ một lúc, cuối cùng ông mới hiểu đó là tiếng cười. Dám là con nhồng nầy trong tiệm đã được đặt cạnh một con nhồng biết nói tiếng người khác, nên nó mới nhớ được tiếng cười của những người khách như thế.

Đã nửa đêm rồi mà ông Chiểu Điền vẫn còn thức. Khi rón rén bưng chiếc lồng chim có khăn tay nải phủ, ông thấy con nhồng đang đậu trên thanh đậu nhìn ông chằm chằm. Ánh mắt của nó trông giống như ánh mắt của con chim Tê ngày xưa đậu trên giá sách nhìn ông ngồi làm việc.

- Không biết có trị được không đây? Màng phổi bị dính lại rồi. Lần này, nếu mổ - ông thố lộ với con nhồng điều ông không muốn nói với vợ - sẽ bị xuất huyết nhiều. Mấy thầy thuốc cứ sợ như thế. Nhưng tớ ghét phải nằm liệt giường. Tớ muốn mổ, tới đâu thì tới. Mi có lẽ

cũng hiểu vì sao.

Con nhồng đầu hơi cúi xuống, bay từ thanh đậu này qua thanh đậu khác và:

- Ha, ha, ha! - Nó nhại tiếng người cười. Mỗi đêm, ông giãi bày những lắng lo, ân hận với con nhồng, giống như ngày xưa, ông chỉ than van với con Mực nỗi niềm cô đơn của mình.

- Tớ chẳng muốn làm cho vợ tớ phải cực lòng, cho nên tớ mới tâm sự với mi! Tớ sợ chết lắm! Tớ chỉ muốn sống và muốn viết chuyện nhi đồng.

- Tớ những lo là, nếu tớ chết đi, cuộc đời vợ con tớ sẽ ra sao? Phải làm sao đây, nhồng?

Khi hỏi "Tớ phải làm sao đây?", mặc dầu câu hỏi chỉ nghe vang như tiếng diễn kịch, ông vẫn cảm thấy xấu hổ.

- Ha, ha, ha! - Con nhồng lại phát ra tiếng cười. Nó dùng tiếng cười vừa để nhạo cái hèn nhát của ông và vừa để khuyến khích ông. Ông tắt đèn trong phòng bệnh, và ước ao chuyện trò với người, nhưng rốt cuộc ông chỉ nói được với chim, với chó. Ông chẳng hiểu gì về Chúa, nhưng nếu con người tự bản tâm thích chuyện vãn với Chúa, thì đối với ông, mỗi lần muốn nói chuyện, ông sẽ nói chuyện với con Mực, con chim Tê, hay với con nhồng.

Một liều ba bảy cũng liều, ông lên bàn mổ vào tháng chạp. Vào một buổi sáng, tiếng lò sưởi hơi nước trong bệnh viện nghe lèo xèo hơn thường lệ. Ông Chiểu Điền nằm lên xe, chịu gây mê và được các cô y tá đẩy về phía hành lang, rồi vào phòng giải phẫu. "Khi mình được đưa trở lại phòng bệnh" - vừa nhìn lên ngọn đèn mổ ở trên trần, ông vừa nghĩ - "không biết mình có còn sống không?"

Bốn giờ sau, ông lại được đưa về phòng bệnh, nhưng mãi tới sáng hôm sau mới tỉnh lại được. Người ta đã đút ống cao su vào mũi, và lụi các mũi kim chuyền nước biển vào tay. Trong khi ông đang nửa mê nửa tỉnh, thỉnh thoảng y tá lại đến đo áp huyết, chích mọc phin cho ông. Giống y như hai lần trước. Vài ngày sau, khi đã khoẻ lại, ông hỏi vợ đang ở bên cạnh: - Em à, con nhồng?

- ... - Vợ ông ú ớ - Phải lo cho anh túi bụi; em phải để nó trên sân thượng bệnh viện rồi quên bẵng luôn. Khi nhớ ra, đi lên ... thì nó chết tự hồi nào rồi.

Lại một lần nữa, không phải lỗi ở vợ ông. Vì đã quá đỗi lo lắng chuyện sống chết của chồng, nàng không còn hơi sức nào leo lên sân thượng để chăm con nhồng được.

- Em xin lỗi anh.

Ông Chiểu Điền gật đầu, nhưng vẫn muốn xem lại chiếc lồng.

- Còn cái lồng? - Ông có vẻ như vô tình hỏi, như không muốn làm đau lòng vợ ông.

- Em vứt luôn trên ấy rồi. Mấy người y tá họ rầy.

- Trời đất, ai lại vứt đi như vậy! Anh thích cái lồng đó lắm. Anh tính là sau khi lành bệnh, sẽ mua chim chiền chiện hay chim gì đó để nuôi.

Đang khi nói chuyện như thế, ông bắt đầu cảm thấy khó thở, vết mổ nơi ngực buốt đau. Ông im lặng.

Chiều tối nàng lên sân thượng, đưa lồng xuống phòng bệnh.

- Em cứ để đây cho anh!

- Đừng có làm vấy bẩn ra! Tốt hơn hết để em lấy cái gì đó bao lại.

- Ồi chào, cứ để thế không sao đâu mà!

Người vợ đã đi đến phòng y tá; chỉ còn lại một mình trong phòng, ông chăm chú nhìn chiếc lồng. Phân chim màu nâu nhạt còn bám cả trên thanh đậu lẫn ở đáy chuồng. Hai chiếc lông màu đen còn dính cả vào phân. Nhìn những chiếc lông, ông cảm thấy thấm thía trong lòng cái chết của con chim đêm đêm vẫn lắng nghe nỗi đắng cay và những lời than vãn của ông. Đột nhiên ông nhớ tới tiếng ông đã hét với con nhồng: "Tớ phải làm sao đây?"

"Hay là con chim nầy đã thế mạng cho mình?" - Cái ý nghĩ tưởng như thật về chuyện thế mạng này cứ như nước sôi bốc lên trong lồng ngực mới giải phẫu. Ông cảm thấy trong cuộc đời ông, chó, chim đã nâng đỡ ông như thế nào đó. Các vị bác sĩ nhẹ nhõm khi thấy bệnh tình đáng ngại đến như thế mà lại lành gần như do phép lạ. Sau khi tái khám, thấy không còn dấu vết gì của chứng hai màng phổi bị dính lại, vị bác sĩ đẫm trách bắt tay ông, nói:

- Ông may mắn lắm! Từ nay cứ an tâm. Hôm nay tôi mới dám nói với ông như thế.

Ông Chiểu Điền gật đầu:

- Lúc đó thì cũng giống như đánh bạc, một được hai thua, tình huống thật hiểm nghèo; và tôi biết bác sĩ cũng đã rất lo ngại cho tôi.

- Quả thật là... khi đang còn ở trên bàn mổ, tim ông có ngừng đập một lúc!

Ngay lúc ấy, hình ảnh con chim Tê đậu trên giá sách nhìn xuống như đang ghẹo ông và con nhồng cười "Ha, ha, ha!" hiện lên trong trí ông.

QUẬN CAM

Gây quỹ thực hiện CD Tổ Khúc Giao Hưởng 1975 của Lê Văn Khoa

** Đưa nhạc Việt Nam đi vào giòng chính của thế giới*

Khoảng 500 khán giả chọn lọc đã tham dự một đêm nhạc thính phòng do ban hợp xướng Ngàn Khơi tổ chức với chủ đề Tình Hoài Hương tại rạp Ebell Theater, thành phố Santa Ana vào tối thứ Bẩy, 27 tháng Năm 2000. Mục đích của đêm ca nhạc nhằm mở đầu một cuộc gây quỹ cho dự án Tổ Khúc Giao Hưởng 1975 (Symphonic Suite: Vietnam 1975) của nhạc sĩ Lê Văn Khoa để giới thiệu dòng nhạc Việt Nam đến với dòng nhạc giao hưởng trên thế giới.

Một chương trình ca nhạc phong phú với phần trình diễn chủ lực của ban hợp xướng Ngàn Khơi qua sự điều khiển của nhạc trưởng Trần Chúc, đã tạo được một bầu không khí trang trọng và ấm cúng.

Theo lời của MC Phạm Long, đêm nhạc Tình Hoài Hương này do ban hợp xướng Ngàn Khơi tổ chức, mở đầu một cuộc gây quỹ để nhạc sĩ Lê Văn Khoa có đủ chi phí thực hiện thực hiện CD nhạc giao hưởng, nhằm đưa nền âm nhạc Việt Nam đi vào dòng nhạc của thế giới.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa cho biết tác phẩm *Tổ Khúc Giao Hưởng 1975* đã được ông sáng tác trong năm năm, từ 1990 đến 1995. Nội dung tác phẩm diễn tả những biến cố bi thương vừa qua của lịch sử Việt Nam và ông muốn dùng âm nhạc trong thể loại giao hưởng (Symphonic Music) là loại ngôn ngữ quốc tế để gửi đến người nghe thuộc mọi loại quốc tịch trên thế giới. Theo ông, cho đến nay chỉ mới có ba tác phẩm giao hưởng dùng năm xẩy ra biến cố quan trọng của quốc gia làm tên tác phẩm và cả ba đều dùng chất liệu nhạc dân tộc dàn trải tình cảm của mình:

- *Overture 1812* của P. Tchaikowsky, do ban tổ chức Triển Lãm Kỹ nghệ & Nghệ Thuật Moscow ủy thác cho tác giả sáng tác. Tác phẩm diễn tả sự kiện dân tộc Nga đánh đuổi quân Pháp của Napoléon ra khỏi lãnh thổ Nga.

- *Symphonic Suite: Vietnam 1975*, do Lê Văn Khoa soạn nói lên lịch sử cận đại Việt Nam qua biến cố 1975 và về người vượt biển ra đi với hy vọng sống còn trong tự do.

- *Symphony 1997* của Tan Dun nói lên niềm vui kết hợp do Ban tổ chức kỷ niệm ngày trao trả Hongkong về với lục địa Trung Hoa ủy thác.

Symphonic Suite 1975 do nhạc sĩ Lê Văn Khoa viết với tất cả lòng thao thức với quê hương, không do thúc đẩy của một yếu tố ngoại giới nào. Các trích đoạn trong tác phẩm này đã được trình diễn nhiều nơi do các dàn nhạc danh tiếng thực hiện như Pacific Symphony Orchestra, Pacific Symphony Institute Orchestra, Houston Metropolitan Symphony Orchestra, Springfield Symphony Orchestra và Festival Sumphony Orchestra, cùng với chương trình đại hợp ca hòa tấu của Ngàn Khơi. Sacramento Symphony Orchestra đang có ý định trình diễn toàn bộ tác phẩm này. Báo chí Hoa Kỳ và những nhạc trưởng của các đoàn giao hưởng đánh giá cao *Symphonic Suite: Vietnam 1975*.

Trang sử cận đại của Việt Nam đã được dân Việt Nam viết bằng máu và nước mắt, ngày nay đã được nhạc sĩ Lê văn Khoa diễn tả lại bằng dòng nhạc giao hưởng để đến với dòng nhạc giao hưởng của thế giới.

Chi phí thực hiện CD cho bản giao hưởng này ước lượng trên mức 50,000 đô la, gồm tiền trang trải cho một ban nhạc từ 80 đến 100 nhạc công, tiền làm đĩa... Để giúp nhạc sĩ Lê Văn Khoa có phương tiện thực hiện, ban hợp xướng Ngàn Khơi, một tổ chức văn hóa vô vị lợi, tình nguyện đảm trách phần quản lý và một phần gây quỹ cho dự án. Nhạc sĩ Lê Văn Khoa hy vọng sẽ hoàn tất được tác phẩm này trong năm nay đánh dấu 25 năm ly hương và đánh dấu một thiên niên kỷ mới.

Trong phần tâm sự với khán giả, MC Phạm Long kêu gọi mọi người tùy tâm đóng góp và ông còn nói thêm rằng nhạc sĩ Lê Văn Khoa mong những người sẽ tặng hoa điếu khi ông qua đời thì nên dành khoản tiền này vào trong tác phẩm giao hưởng của ông. Cũng trong đêm

này, nhạc sĩ Lê Văn Khoa cũng nhắc đến một câu chuyện cảm động của một người cựu tù cải tạo tên Trần Long đã gởi đến dự án giao hưởng của ông 20 đô la với một lá thư ngắn khuyến khích nhạc sĩ Lê Văn Khoa cố gắng giới thiệu nền nhạc Việt với thế giới. Ngay sáng ngày trình diễn 27 tháng Năm, nhạc sĩ điện thoại có nhã ý mời ông đến tham dự đêm nhạc Tình Hoài Hương này thì thân nhân của ông Trần Long cho biết ông đã qua đời cách đây mấy ngày vì cơn bệnh đã lâu và gia đình mới làm lễ hỏa táng vào hôm qua.

Khán giả đã hưởng ứng lời kêu gọi, đóng góp trong giờ giải lao của buổi diễn được trên hai ngàn đôla. Tổng cộng cho đến nay dự án đã thu được trên 10 ngàn. Trong thời gian sắp tới, nhạc sĩ Lê Văn Khoa sẽ đến với nhiều Cộng Đồng Việt Nam ở nhiều nơi tại Hoa Kỳ và có thể ở ngoại quốc nữa.

Ban Hợp xướng Ngàn Khơi, đơn vị tổ chức dự án gây quỹ thực hiện CD *Symphonic Suite: Viet Nam 1975*, sẽ hân hoan đón nhận mọi đóng góp của đồng bào khắp nơi để công trình văn hóa có ý nghĩa này sớm hoàn tất. Tiền đóng góp cho dự án này được miễn thuế. Những vị đóng góp từ 100 đô la trở lên sẽ nhận được một CD sau khi thực hiện xong cùng với tập sách nhỏ kèm theo có in tên của Mạnh Thường Quân. Những vị đóng góp từ 30 đô la trở lên sẽ nhận được một CD do ban Tổ chức Dự án gửi đến kính biếu.

Chi phiếu, bưu phiếu xin đề: Ngàn Khơi/CD75 (Tax ID # của Ngàn Khơi là: 330518099), và xin gửi về:

Ngàn Khơi, 14265 Brookhurst St, Garden Grove CA 92843 - USA

Bonsai, nghệ thuật thu nhỏ một góc trời

Hội Bonsai Việt đã mở cuộc triển lãm quy mô lần thứ ba để giới thiệu một thú tiêu khiển tao nhã mang đầy tính chất nghệ thuật Á Đông qua hơn 60 bộ cây kiểng, gỗ đá, non bộ dưới nhiều dạng thức khác nhau thu hút hàng ngàn khách thưởng lãm vào ngày 16 và 17 tháng Sáu năm 2000 tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam. Ngoài người Việt Nam còn có rất nhiều khách ngoại quốc như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Đại Hàn và Trung Hoa cũng đến xem những bàn tay tài hoa của người Việt Nam trong nghệ thuật Bonsai.

Trong giờ khai mạc, ông Cao Thu, Hội trưởng Hội Bonsai Viet (Viet Bonsai Association) hướng dẫn một số quan khách đi xem những tác phẩm đặc biệt trong kỳ triển lãm lần này. Ông Cao Thu cho biết ngoài những tác phẩm Bonsai còn có những nghệ phẩm về Non Bộ, Tiểu Cảnh, Đá Cảnh và Rễ Cây.

Khách ngắm nghía những hòn non bộ chứa đựng những nét hùng vĩ như những tảng núi của Vịnh Hạ Long trên mặt biển lặng sóng chỉ trong một cái khay với bề dài chừng một thước và bề ngang chừng sáu tấc, hoặc một khu rừng thông trên một ngọn đồi, hoặc những cây tùng, cây bách với nhiều tầng được thu nhỏ.

Mỗi tác phẩm là một góc trời thu nhỏ, một nghệ thuật uốn nắn, một sáng tạo công phu và tốn kém không ít thời gian và tiền bạc. Một rễ cây với hình dung cổ quái được con mắt của nghệ nhân trau chuốt cũng trở thành một tác phẩm nghệ thuật thu hút được nhiều khách thưởng ngoạn.

Bonsai là một phần trong nghệ thuật tạo hình được gọi là Penjing xuất phát từ Trung Hoa. Penjing còn có nghĩa là Phong cảnh thu nhỏ gồm 3 lãnh vực:

1.- Cây cối thu nhỏ (Bonsai)
2.- Núi non thu nhỏ (Non bộ)
3.- Cảnh thu nhỏ (Tiểu cảnh)

Lịch sử cây cảnh có từ cả ngàn năm trước đây, có nhiều trường phái xuất phát từ Trung Hoa sau lan qua Nhật Bản, Việt Nam và nhiều nơi khác. Tùy tâm hồn của nghệ nhân mà nghệ thuật Bonsai thể hiện mang những khám phá riêng biệt nhưng các nghệ nhân cũng đều phải nắm vững những nguyên tắc vận hành trong nghệ thuật về âm dương, về ngũ hành, về phối cảnh... chứ không đơn giản.

Trong thời đại khoa học quay cuồng nhanh chóng ngày nay, con người cần sự thư giản tâm hồn sau một ngày làm việc mệt mỏi. Nghệ thuật Bonsai và rộng hơn, Peijing, đã phần nào tạo sự thăng bằng cho con người. Chính vì vậy mà ngày càng có đông người tìm hiểu và say mê nghệ thuật cây cảnh này.

Theo lời ban tổ chức của Hội Bonsai Việt thì hội viên ngày nay đã gia tăng đáng kể, gần 200 hội viên sinh hoạt thường xuyên. Để tạo cơ hội học hỏi cho hội viên, Hội Bonsai Việt thường xuyên mời những danh sư về Bonsai hướng dẫn cũng như tạo cơ hội gặp gỡ nhau thường xuyên.

Trong kỳ triển lãm này, Hội Bonsai Việt có phát hành một tập Đặc san 2000 với nhiều bài vở liên quan đến nghệ thuật Bonsai.

Đêm thơ nhạc Hoàng Oanh - Trung Chỉnh

Trong bầu không khí êm dịu cuối mùa

Xuân, gần 600 khán giả mộ điệu đã đến dự Đêm Thơ Nhạc Hoàng Oanh tại nhà hàng Emerald Bay vào tối thứ Sáu 16 tháng 6 năm 2000 với một chương trình thi nhạc giao duyên phong phú, với sự đóng góp của nhiều thế hệ âm nhạc, đặc biệt là có sự góp mặt của ca sĩ Trung Chỉnh từ lâu ít xuất hiện.

Các nghệ sĩ tham dự Đêm Thơ Nhạc Hoàng Oanh

Tiếng hát cũng như tiếng thơ Hoàng Oanh đã trải qua nhiều thập niên trên các làn sóng điện cũng như trên dĩa nhựa trước năm 1975. Đêm hôm nay giọng ngâm Hoàng Oanh với tiếng sáo và tiếng đàn tranh của các nghệ sĩ Nguyễn Văn Châu và Ngọc Nôi đã làm cho khán giả liên tưởng đến chương trình Thi Văn Tao Đàn của thi sĩ Đinh Hùng phụ trách trước kia trên đài phát thanh Quốc Gia Saigon.

Nếu lấy Hoàng Oanh "làm chuẩn" thì có ba thế hệ ca sĩ cùng hiện diện trong buổi thơ nhạc này: các ca sĩ lớp trước Hoàng Oanh thì có Kim Tước, Xuân Sơn; cùng thời thì Trung Chỉnh, Mỹ Thúy, Trọng Nghĩa; lớp bây giờ, tức lớp trẻ, có Như Quỳnh đại diện.

Hoàng Oanh vẫn ngưỡng mộ đàn chị Kim Tước và mong có ngày được hát chung, thì nay ước mong được thực hiện. Trung Chỉnh là một người bạn thân quen cùng hát với Hoàng Oanh từ khi ông đang là một sinh viên Y khoa. Ông hiện đang hành nghề thầy thuốc tại Oklahoma, không ngờ hội ngộ với bạn cũ trong buổi sinh hoạt văn nghệ này. Hai tác phẩm mới của Hoàng Oanh được giới thiệu hôm nay: *Video Hoàng Oanh 2* và *Chuyện Tình TTKH*, chứng tỏ giọng ngâm thơ và giọng hát của người nữ sinh viên Văn Khoa của thập niên 60 đến nay vẫn phong độ, có thể nói càng quyến rũ hơn vì sự chín muồi của nó.

PHÁP

Nhà xuất bản An Tiêm ra mắt "Việt Nam Thương Khúc" của Kiệt Tấn

TỪ NGUYÊN

Việt Nam Thương Khúc, tập *trường thi* của Kiệt Tấn do An Tiêm xuất bản vừa ra mắt tại Paris tuần trước trong buổi họp mặt văn nghệ tổ chức tại Viện Đông Nam Á đường Saint-Jacques, Quận V, Paris. Tập *trường thi* gồm 3100 câu, được gói ghém trong cuốn sách trang nhã với lời giới thiệu của Nguyễn Văn Sâm và một thư ngỏ của chính tác giả.

Tại sao viết Việt Nam thương khúc? *Phải, tại sao? Có lẽ đó là câu đầu tiên và tự nhiên hết sức mà bạn muốn hỏi tôi khi cầm tập thơ này trên tay,* lời của Kiệt Tấn. Và tác giả trả lời một cách "đơn giản" và "chân thành" (vẫn chữ của K.T.) như sau :

Tôi viết để thỏa mãn một thèm muốn - tôi thèm làm thơ - và để bộc lộ sự xúc động mãnh liệt của mình khi hồi tưởng những gì đã xảy ra tại đất nước chúng ta đằng đẵng mấy chục năm qua. Kể từ lúc má tôi banh da xé ruột để ban cho tôi hơi thở đầu đời nóng hổi, tôi đã nghe tiếng súng nổ.

Bối cảnh đời sống tôi không ngớt vang rền đại pháo, và bây giờ xích sắt chiến xa không ngừng nghiến nát mộng mị của tôi ở xứ người. Như một trận mơ dữ chưa tỉnh - nhưng liệu có bao giờ tỉnh nổi?

"Việt Nam", địa danh nơi ta cắt rún. "Thương khúc," ca khúc thương tâm tột cùng của quê hương ta đó!

Buổi giới thiệu sách đã được phụ diễn bằng một chương trình văn nghệ thính phòng độc đáo do nhà văn Bùi Xuân Quang điều khiển. Hát thơ của Kiệt Tấn (Tố Lan trình bày bài *Biết bao giờ*, thơ Kiệt Tấn, nhạc của Trang Thanh Trúc), Minh Quyên đàn đại vĩ cầm bài *Suối Mơ* của Văn Cao và một tấu khúc của J.S. Bach, Stanislas de la Tousche đọc thơ của Vũ Khắc Khoan: *"Allons, allons ensemble vers l'autre rive," L'Albatros* của Baudelaire, tiếng hát Mộng Trang, và Đỗ Đăng Siêu, Nguyên Lộc... hát những bài nhạc đoạt giải thưởng sáng tác nhạc năm 2000 do Hội Y sĩ V.N. tại Pháp tổ chức.

Trên tường là tranh của Vĩnh Ấn và ảnh của Trần Quốc Hùng. Chung quanh còn là sách của Kiệt Tấn và của An Tiêm xuất bản.

Ông Giám đốc nhà Xb An Tiêm trước đó đã chào mừng và cảm ơn các văn, thi hữu và những người yêu mến Kiệt Tấn đã tới tham dự. Đây là lần đầu An Tiêm ra mắt bạn đọc và ước mong bắt được nhịp cầu tri âm.

Trong tập thơ còn có *Lược truyện* trang 137 và *Thư kết* trang 143, tất cả sẽ giúp bạn đọc yêu thích tác phẩm mà nhà văn Nguyễn Văn Sâm cho rằng "xứng đáng một thi phẩm lớn."

Sách đề giá 7 MK, ngoài Hoa Kỳ 8 MK. Địa chỉ của Nhà Xb An Tiêm : 3 Vincent Van Gogh 95170 Deuil La Barre FRANCE.

CANADA

Ra mắt "Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại năm 2000"

Trưa Chủ Nhật ngày 28 tháng 5 năm 2000, vào lúc 14 giờ, tại Thính Đường Maison Bellarmin, thành phố Montreal, trước khoảng 200 khán thính giả, nhóm Việt Thường đã ra mắt *Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000.*

Nhóm Việt Thường gồm sáu nhà văn, nhà thơ hiện cư ngụ tại Montreal: Hoàng Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Song Thao và Trang Châu. Tất cả là thành viên của Trung Tâm Văn Bút Quebec. Nhóm này trước đây đã in tập thơ đầu tiên của Bùi Giáng tại hải ngoại, tập Thơ Bùi Giáng, vào năm 1990.

Tuyển Tập dày 664 trang do Văn Mới xuất bản, bìa của Họa Sĩ Nguyễn Trọng Khôi. Đây là một tác phẩm có bề dày lẫn chiều sâu, trình bày trang nhã, mỹ thuật. Tác phẩm qui tụ 67 người viết ở khắp nơi tại hải ngoại: 11 nữ, 56 nam gồm 30 nhà thơ, 36 nhà văn và một nhà phê bình.

Sau lễ chào quốc kỳ và mặc niệm các chiến sĩ và đồng bào đã bỏ mình vì lý tưởng tự do, nhà văn Hồ Đình Nghiêm, đại diện Nhóm Việt Thường chào mừng quan khách tham dự và trình bày tiến trình thực hiện Tuyển Tập. Trong số quan khách hiện diện, đặc biệt có nhà thơ Chân Phương đến từ Boston, Hoa Kỳ. Nhà thơ Trang Châu, sau đó đã giới thiệu phần Thơ của Tuyển Tập. Về tuổi tác ông ghi nhận nhà thơ trẻ nhất ở vào tuổi 46, nhà thơ cao niên nhất ở vào tuổi 68. Như thế rõ ràng có một khoảng trống lớn ở những lứa tuổi 20, 30. Về mặt địa lý, ở Âu Châu có ba người, Canada có 10 người và Hoa Kỳ có 17 người. Về mặt nội dung, nổi bật lên những chủ đề sau: tinh thần hoài niệm, thân phận lưu vong, những suy tư trước cuộc đời và cuối cùng là tình yêu. Trong phần kết luận, nhà thơ Trang Châu ghi nhận: 25 năm ở hải ngoại, trong lãnh vực sáng tác, có những nhà thơ đã nỗ lực đổi mới hình thức lẫn nội dung thơ như khai thác đến tận cùng nhạc tính, nhịp ngắt, thay đổi ngôn ngữ và cấu trúc thơ.

Ông Trang Châu nhìn nhận hiện nay người đọc còn khá bỡ ngỡ trước một lối thơ gọi là thơ hậu hiện đại hay thơ tân hình thức. Nhưng ông hy vọng, với thời gian, độc giả sẽ quen và sẽ yêu mến như trong quá khứ chúng ta đã từng từ bỏ thơ Đường để đi vào Thơ Mới rồi xa dần Thơ Mới để đi vào thơ Tự Do.

Nhà văn Song Thao giới thiệu phần Văn của Tuyển Tập. Về mặt tuổi tác nhà văn trẻ nhất ở vào tuổi 38, nhà văn cao niên nhất ở vào tuổi 65. Về mặt địa lý, có một ở Úc, sáu ở Canada, tám ở Âu Châu và 22 ở Hoa Kỳ. Những chủ đề sau đã được các nhà văn đề cập tới: tù cải tạo, ám ảnh về cuộc chiến, tâm trạng mất quê hương, thực tế bẽ bàng của cuộc sống và những khúc mắc của tình yêu. Trong phần kết luận nhà văn Song Thao khiêm tốn nói ông chỉ làm công việc "đếm những con thuyền đậu trên bến mà không bắt được những cánh buồm no gió rong ruổi trên sông nước." Bởi vì ông thú nhận đã không trình bày được "những chở chuyên, những tinh túy, những thần sắc của các áng văn trong Tuyển Tập." Phần "bắt cái hồn của mỗi truyện" ông xin dành cho người đọc.

Trong Lời Vào Tập, nhóm Việt Thường nêu "mục đích khiêm tốn và nhỏ nhoi" của họ khi thực hiện Tuyển Tập là để giúp các thế hệ mai sau phương tiện để gìn giữ và hãnh diện về tiếng mẹ đẻ của mình tại hải ngoại. Tuyển Tập còn là một lưu niệm: "Những độc giả hôm nay có thể đánh giá những bài viết trong Tuyển Tập theo cái nhìn chủ quan của mỗi người. Nhưng những độc giả của các thế hệ mai sau chắc sẽ không khen chê mà chỉ sẽ, qua những trang sách, bồi hồi mường tượng lại tâm hồn, nhân dáng của lớp người đi trước mình." Và Nhóm Việt Thường ước mong Tuyển Tập sẽ có "một vị trí tốt đẹp trong thư viện, trong những tủ sách gia đình để 'sống,' để làm bạn đồng hành với những thế hệ mai sau."

Buổi ra mắt Tuyển Tập đã bế mạc vào khoảng 18 giờ cùng ngày sau phần trình diễn ca nhạc vui tươi và đặc sắc do các ca nhạc sĩ quen thuộc của thành phố Montreal đảm nhiệm.●

PHẠM XUÂN ĐÀI

Nhật Bản Dưới Mắt Người Việt

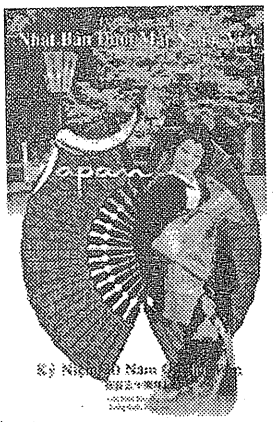

hồi ký biên khảo của **Đỗ Thông Minh**, Tân Văn (Đông Kinh) xuất bản, 443 trang, giá US$18.00. Liên lạc đại diện phát hành: Văn Nghệ P.O. Box 2301, Westminster CA 92683 USA; Tel: (714) 934-8574. Liên lạc với tác giả: Đỗ Thông Minh, 140-0014 Tokyo-To, Shinagawa-Ku, OI 1-11-4 OGAWAYA BLDG. 2F, Japan. Tel: 81-3-5742-2168.

Muốn tìm hiểu một nước hùng cường giàu có như Nhật Bản ngày nay thì có rất nhiều tài liệu. Nhưng để biết một Nhật Bản *dưới mắt người Việt* thì không dễ, có thể đây là lần đầu tiên có một quyển sách viết về nước Nhật vừa như một hồi ký của một người Việt Nam đã ở đất nước này từ 30 năm, vừa như một biên khảo về nhiều khía cạnh khác nhau của đất Phù Tang. Tác giả, ông Đỗ Thông Minh, nguyên là một cựu sinh viên từ Sài Sòn du học Nhật Bản vào năm 1970, vì biến cố 1975 đã ở luôn lập nghiệp tại Nhật từ đó đến nay.

Cuốn sách kể lại chuyện đời mình gồm từ ngày còn ở Sài Gòn, đến lúc đi du học Nhật Bản, quá trình học hành và sinh hoạt tại đây, đến lúc tốt nghiệp ra đời tạo dựng sự nghiệp, đồng thời xen kẽ những chương viết về các vấn đề kinh tế, kỹ nghệ, xã hội v.v... của Nhật. Tác giả là một người có kiến thức quảng bác, ông viết về đề tài gì, dù rất chuyên môn, cũng hấp dẫn dễ đọc, và nói chung không tạo ra mâu thuẫn khi trộn lộn chuyện riêng của mình với những bài có tính cách biên khảo. Có lẽ vì ông luôn luôn nhớ mục tiêu của ông là viết cho người Việt đọc, nên nhìn cái gì của nước Nhật cũng là nhìn với con mắt của một người Việt Nam chứ không nghiên cứu với thái độ khoa học khách quan lạnh lùng, phi cá tính. Khi viết về Kimono ông không quên nói về áo dài, viết về xe hơi Nhật ông liệt kê ngay những hãng xe nào đang mở nhà máy lắp ráp tại Việt Nam hiện nay, mô tả những thứ cờ bạc của người Nhật thì không quên bộ bài tứ sắc của người mình, nghiên cứu về tiền tệ Nhật Bản thì lại liên hệ tới những đồng tiền đời nhà Đinh, nhà Lý của xứ ta... Những điều ông viết có thể chỉ là các kiến thức phổ thông, nhưng nếu không có một hiểu biết rất bác học thì không viết được như thế.

Nếu muốn biết về nước Nhật một cách sinh động, vui vẻ, hấp dẫn thì không gì hơn là đọc *Nhật Bản dưới mắt người Việt* của Đỗ Thông Minh. Chúng ta sẽ hiểu thêm rất nhiều về Nhật Bản, nhưng đồng thời cũng hiểu thêm về chính chúng ta qua kiến thức và tình cảm của tác giả, một trong hàng triệu người Việt Nam bỏ xứ sinh sống ở nước ngoài đang nói về người, nhưng không lúc nào quên gốc gác văn hóa của mình.

Nước Nga Dưới Mắt Người Việt

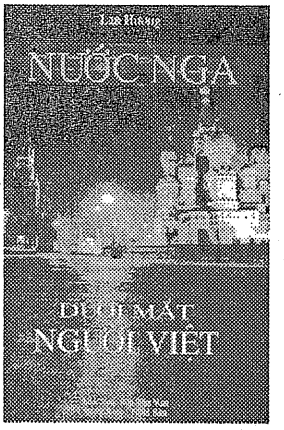

tự sự, biên khảo của **Lan Hương**, Tân Văn (Đông Kinh) xuất bản, 533 trang, giá US$20.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Nước Nga, hay là Liên Xô trước kia, thì ai cũng có nghe đến, vì là cường quốc đứng đầu thế giới cộng sản. Nhưng đa số người Việt Nam, nhất là ở miền Nam, biết về nước Nga rất ít. Hình như ngoài khía cạnh văn học, các mặt khác của đất nước và dân tộc này đối với người mình đều mù mờ, xa xăm.

Lịch sử đã gửi người Việt đi ra cư ngụ trên khắp thế giới, trong đó có nước Nga. Sau một thời gian sinh sống với biết bao đụng chạm, thích nghi, nỗi khổ, niềm vui, người di dân (có thể tạm thời, có thể vĩnh viễn) bắt đầu viết về đất nước mà mình sinh sống. Cuốn sách này

của Lan Hương có lẽ là cuốn đầu tiên trong loại này viết về nước Nga. Lan Hương là một du học sinh đi từ Hà Nội vào cuối thập niên 80, được học một trường nổi tiếng của Liên Xô, là trường Đại học Quan hệ Quốc tế Moscow. Cô tới Nga đúng vào lúc dân chúng đang đứng dậy vứt bỏ gông xiềng của chế độ độc tài xô viết, và cô đã tích cực tham gia vào sinh hoạt dân chủ của sinh viên, rồi dấn thân cho tới nay vào cuộc vận động dân chủ và nhân quyền cho đất nước Việt Nam của cô.

Sách gồm có hai phần: nước Nga, và Cộng đồng người Việt, cộng thêm một phần phụ lục "các thân hữu viết về nước Nga." Phần nước Nga có 33 chương đề cập nhiều khía cạnh rất khác nhau, từ lịch sử đại cương, đến các sự thật về Lenin, về Stalin, từ văn hóa, kinh tế, quân sự, ngành vũ trụ, đến những mối tình của Lev Tolstoi, thế giới tội phạm, việc buôn bán vũ khí... Hầu hết các bài viết như là những phóng sự, tường thuật, với một tinh thần phanh phui sự thật, để người đọc biết được những cái đằng sau bức màn tuyên truyền mà chính quyền cộng sản trong nhiều thập niên, đã dựng lên với biết bao đối trá.

Phần nói về cộng đồng người Việt tại Nga rất sống động, vì tác giả là người trong cuộc, nói về những gì đang diễn ra quanh mình. Ở đây tác giả vừa là cây bút nghiên cứu vừa phóng sự. Những đoạn viết về "các chú sứ" (tức các chú làm tại sứ quán VN tại Nga) với những hành vi hách dịch và tham lam, viết về "nghệ thuật ẩm thực" tức là cách biến chế thức ăn Việt Nam, về những chuyến bố ráp của cảnh sát... là những đoạn phóng sự hay, diễn tả sinh động các mặt của cuộc sống của người Việt tại đây.

Thập Nhị Môn Luận

sách giảng Phật pháp của **Long Thọ (Nàgàrjuna), Thích Viên Lý** dịch, Viện Triết Lý Việt Nam & Triết Học Thế Giới xuất bản, 133 trang, giá US$10.00. Liên lạc: 424 S. Ramona Ave., Monterey Park, CA 91754, USA. Tel: (626) 288-5359.

Theo giáo sư Hsueh-li Cheng, thuộc phân khoa nghiên cứu Triết học và Tôn giáo Đại học Hawaii, thì mối quan tâm chính yếu của Đức Phật là sự giải thoát của chúng sanh ra khỏi điều ác và đau khổ, và ngài áp dụng phương pháp truyền giảng *dễ hiểu* đối với những người thọ giáo. Bồ tát Long Thọ đã làm công việc quảng diễn sâu rộng lời Phật dạy

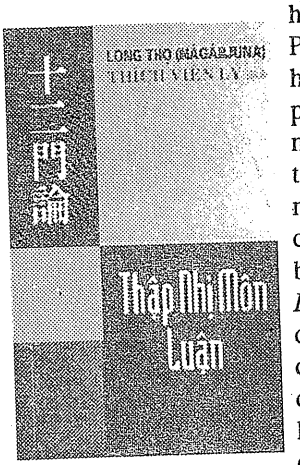

hầu trợ lực cho Đức Phật trong sứ mệnh hoằng dương chánh pháp. Một trong những bộ luận giải tinh mật nhất về giáo nghĩa Tánh Không của ngài Long Thọ là bộ *Thập Nhị Môn Luận*, (luận thuyết qua mười hai cánh cửa.) Chữ "Môn" ở đây nghĩa là cái cổng hoặc cửa, là ranh giới để ra khỏi một nơi và bước vào một nơi khác. Ở đây nó có nghĩa như là đường lối hoàn hảo để thoát ra khỏi những quan điểm cực đoan và đi vào chánh kiến.

Thượng tọa Thích Viên Lý đã dịch cuốn sách này từ bản dịch chữ Hán, và có đối chiếu với bản dịch Anh ngữ của giáo sư Hsueh-Li Cheng. Qua mười hai chương, người đọc sẽ nhận thấy trí tuệ cùng khả năng luận lý triết học của Bồ tát Long Thọ, người của hàng ngàn năm trước mà sự sắc bén và chặt chẽ tạo cho người thời nay một cảm tưởng rất mới mẻ. Cuốn sách chắc chắn sẽ đáp ứng những người có nhu cầu nghiên cứu đạo Phật ở trình độ cao.

Bông Hồng Vàng

sách về nghề viết văn, của **Konstantin Paustovsky**, bản dịch từ tiếng Nga của **Vũ Thư Hiên**, Văn Nghệ xuất bản, 328 trang, giá US$15.00, ngoài nước Mỹ $17.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683 USA. Tel: (714) 934-8574.

Thật là khó xếp loại một cách dứt khoát cho một cuốn sách như Bông Hồng Vàng. Đây không phải là những bài giảng trong một lớp dạy viết văn, cũng không phải là một công trình biên khảo về nghề viết. Đó đây các chương mở đầu như những truyện ngắn, có nhân vật, có câu chuyện, đọc rất thú vị, và cũng thú vị không kém là sau đó câu chuyện được quy chiếu vào một vấn đề của nghề văn, làm mọi chuyện trở nên rõ ràng, trong sáng và đầy thuyết phục. Bông Hồng Vàng chẳng hạn, là một truyện vô cùng cảm động, kể chuyện anh chàng Chamet đi quét rác của đô thành Paris, đã nhiều năm dành dụm những túi rác quét được trong các tiệm kim hoàn, sàng sảy đãi lọc để lấy số bụi vàng trong ấy, cuối cùng

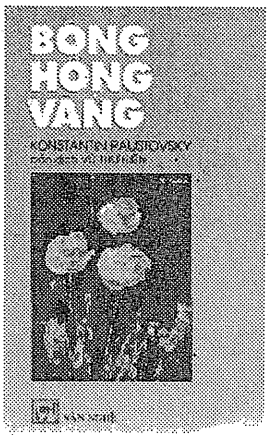

đủ để làm một cái bông hồng vàng. Và đó chính là hình ảnh tác phẩm văn chương của nhà văn!

Chúng ta, những nhà văn, chúng ta bòn đãi chúng trong hàng chục năm, hàng triệu những hạt cát đó, thu góp chúng lại cho mình, một cách thầm lặng mà chính mình cũng không nhận thấy, biến chúng thành một hợp kim và rồi từ hợp kim ấy ta đánh "bông hồng vàng" của ta — truyện, tiểu thuyết, hay là thơ.

Ở một chương khác, sau khi phân bua với người đọc *cần phải xóa bỏ cái quan niệm nhà văn là một người lang thang đây đó, tay lúc nào cũng cầm cuốn sổ ghi, như một "nhà ghi chép" chuyên nghiệp hay một tên mật thám của cuộc đời*, và khẳng định những thứ mà tâm hồn đã nghi nhận được thì sẽ *bỗng nhiên nổi bật lên trong trí nhớ đúng vào lúc chúng cần đến cho tác phẩm*, ông đã kể cả một câu chuyện của ông để chứng minh, một câu chuyện rất hay, và tất nhiên, rất thuyết phục.

Thật không gì bằng những chỉ dẫn viết văn của một nhà văn có tài, chính các chỉ dẫn của ông đã là văn chương, và không có một phương pháp sư phạm nào có thể hơn việc dùng văn chương để dạy về văn chương. Cả cuốn sách là một lối hướng dẫn như thế. Ta vừa được đọc văn, vừa được "học nghề."

Nhà văn Vũ Thư Hiên đã đọc tác phẩm này vào năm 1956 — một năm sau khi nó ra đời — khi ông du học tại Liên Xô, và đã say mê ngay. Bản dịch của ông được xuất bản lần đầu tại Hà Nội vào năm 1961, lần tái bản này ở hải ngoại ông có một vài sửa chữa nhỏ. Văn dịch của Vũ Thư Hiên cũng giống như văn viết của ông, luôn luôn uyển chuyển, duyên dáng. Và rất kỹ lưỡng. Người dịch luôn luôn chú thích những chỗ phải dịch thoát nguyên văn là gì, để người đọc thẩm định tính chất của nguyên bản. Dù ông đã tâm sự: *Ai cũng biết rằng dịch nếu không phải là phản thì cũng là một cái gì mất mát so với nguyên bản. Trong "Bông Hồng Vàng," sự mất mát đó không phải là ít*, nhưng chúng ta không khỏi khâm phục khi có trong tay một tác phẩm đẹp đẽ đến thế được chuyển qua từ tiếng Nga, một thứ tiếng của văn học, mà thời nào đất nước ấy cũng sản sinh ra những nhà văn lớn.

Những Kỳ Án Trong Việt Sử

biên khảo của **Trần Gia Phụng**, Non Nước xuất bản, 330 trang, giá $15.00. Liên lạc: Trần Gia Phụng, 69 Mc Farland Ave. Toronto, ONT. M6H 3M9 Canada.

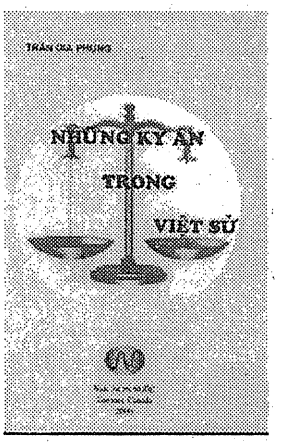

Trong loạt bài *Công Cuộc Nghiên Cứu Việt Sử Tại Bắc Mỹ (1975- 2000)* đăng trên Thế Kỷ 21, tác giả Trần Anh Tuấn nhận xét về Trần Gia Phụng như sau: *Trần Gia Phụng viết một cách thận trọng, và sử dụng phương pháp sử một cách nhuần nhuyễn. Phần chú thích trong sách nào của ông cũng hợp cách và công phu. Cuối mỗi sách đều có bản "Danh Mục" giúp độc giả tiện tra cứu chi tiết các nhân vật khi cần. Nội dung những sử phẩm của ông sẽ giúp cho độc giả những kiến giải lịch sử vững chắc kinh qua sự trình bầy tất cả những quan điểm khác nhau về một sự kiện lịch sử.*

Nhận xét trên đây là về bốn tác phẩm về sử mà Trần Gia Phụng cho ra đời "năm một" từ 1996 đến 1999. Trong đó chưa có cuốn *Những Kỳ Án...* này, ra đời năm 2000. Trong dòng làm việc liên tục như thế của tác giả, dĩ nhiên tác phẩm sau cùng này cũng mang những đặc tính mà tác giả Trần Anh Tuấn đã đưa ra sau khi đọc bốn cuốn trước. Đó là nói một cách tổng quát, còn nội dung thì dĩ nhiên mỗi cuốn một khác, ví như sinh con thì mỗi đứa là một cá thể riêng biệt, dù cho bố mẹ có cố tình cho mặc quần áo giống hệt nhau. Và đây lại một lần nữa, như Trần Anh Tuấn nhận xét về hình thức bốn cuốn sách đã được in: *Ai đọc sách của ông đều thấy bìa của tất cả bốn tác phẩm giống nhau như hệt, chỉ khác cái tên mà thôi! Bìa nào cũng vẫn một một mầu trắng tẻ nhạt với viền vàng đậm, trên cùng là tên tác giả và ở giữa là tên tác phẩm, người không để ý tất nghĩ bốn quyển là một!* Nếu cần một nhận xét về hình thức cuốn thứ năm này, chỉ cần thay chữ *bốn* trong đoạn vừa trích bằng chữ *năm* là đủ.

Dĩ nhiên hình thức cuốn sách rất cần để

thu hút cảm quan của độc giả, nhưng có lẽ tác giả chú trọng đến nội dung là chính. Cuốn *Những Kỳ Án Trong Việt Sử* một lần nữa chứng minh điều đó. Những oan khuất, âm mưu, thủ đoạn, những nỗi khổ đau nằm trong biết bao tấn kịch ly kỳ của lịch sử Việt đã được ông tìm tòi, dựng lại toàn cảnh, cố gắng *"đặt lại câu chuyện vào khung cảnh chính trị và xã hội khi vụ án xảy ra, cố gắng tìm tòi các ẩn số để lý giải vấn đề."* Độc giả sẽ được xem lại những đoạn phim tài liệu rất chi tiết, và có lẽ cũng có phảng phất ít nhiều tính chất gay cấn hồi hộp của phim truyện, về những vụ việc mà tác giả gọi là những "kỳ án," chẳng hạn: *Oan tình vườn vải* (vụ án Nguyễn Trãi), *Nồi da xáo thịt* (tương tranh giữa anh em nhà Tây Sơn), *Hoàng đế xử nhạc gia* (vụ Lê Chất), *Không thành công thì thành nhân* (vụ Yên Bái) v.v...

Đại khái những vụ như thế thì ai có học qua Việt sử cũng đã biết đến rồi, nhưng đọc Trần Gia Phụng thì mới nhận ra rằng những điều mình tưởng là biết ấy thực ra quá sơ sài. Trong vụ án Trần Liễu, nội cái việc tác giả liệt kê mối liên hệ bà con của những người đàn ông và những người đàn bà họ Trần lấy nhau làm vợ chồng cũng đủ làm chúng ta hoa cả mắt, và đôi khi, dựng tóc gáy. Đọc quyển sách này là một dịp để chúng ta đi sâu vào từng vụ việc đặc biệt đã xảy ra trong lịch sử nước nhà mà những cuốn sách lịch sử thường chỉ kể lại một cách tổng quát. Để giúp cho việc "đi sâu" ấy, tác giả đã bỏ ra nhiều công sức tìm, đọc và lựa chọn tài liệu, để cống hiến cho chúng ta những tấn tuồng dữ dội đã thực sự xảy ra vào một thời điểm đã xa.

Tiếng Xưa

tập truyện của **Đỗ Tiến Đức**, Thời Luận xuất bản, 309 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Thời Luận, P.O. Box 65705 Los Angeles CA 90065 USA. Tel: (323) 225-4561.

Đây là một tập truyện vừa chứ không phải truyện ngắn. Mỗi truyện đều nhiều trang, ngắn nhất cũng khoảng 50, dài thì đến bảy, tám chục, và dĩ nhiên với chiều dài như thế thì khó mà có một cấu trúc của truyện ngắn được, trái lại, có bóng dáng của những truyện dài thu nhỏ.

Vì thế truyện nào cũng có cốt truyện hẳn hoi, mà lại là truyện thuộc loại ly kỳ, gay cấn. Làm nền cho tất cả mọi truyện là những câu chuyện tình, mà hầu hết nhân vật chính là những người đàn ông đàn bà trung niên đang ở Mỹ; tình yêu của họ ngang trái, nói trắng ra là họ đang ngoại tình, nhưng họ vẫn đắm say nhau, thường xuyên gặp gỡ làm tình với nhau. Những mối tình vụng trộm một cách công khai như thế như là một mẫu số chung cho tất cả mọi truyện, như là một dấu ấn riêng của tác giả đóng lên tác phẩm của mình để khỏi lẫn lộn với những tác phẩm khác. Dù các nhân vật lúc nào cũng khẳng định rất yêu nhau, hình ảnh những mối tình ấy có vẻ dung tục, dễ dãi, nặng xác thịt, không thể mang lại sự rung động đồng cảm sâu xa về cái đẹp của tình yêu nơi người đọc.

Nhưng tác giả không chỉ nói về chuyện tình. Chuyện tình chỉ làm cái nền cho nhiều chuyện khác, và chính những chuyện này thỉnh thoảng làm nên đôi nét đặc biệt cuốn sách, đó là các khía cạnh thời sự của đời sống người Việt tị nạn. Tác giả có nhiều thông tin về phương diện này, và khi đưa vào truyện của mình, rõ ràng ông muốn phản ảnh một vài thực trạng. Trong truyện Bên Kia Sông, nhờ sự dẫn dắt của một mối tình - éo le, dĩ nhiên - mà tác giả có dịp trình bày một tình trạng lạ lùng của một nhóm dân tị nạn, mà những người đã được định cư an ổn tại nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới không thể ngờ được: khoảng ba ngàn, gồm những người trốn cưỡng bách hồi hương ở những trại tị nạn Thái Lan, những gái điếm Việt trốn được ra khỏi động ở Nam Vang, lính Việt cộng đào ngũ... sống lẩn lút trong rừng, khi bên Miên, khi bên Thái, như những con thú hoang. Hoặc truyện Tiếng Xưa, các cơ sở kinh doanh của Cộng sản Việt Nam bắt đầu được tạo dựng ngay tại trung tâm Los Angeles chắc không phải là chuyện hoàn toàn hư cấu. Còn về tâm lý và các loại sinh hoạt của cộng đồng Việt Nam tại Mỹ thì tác giả càng rành lắm, mô tả khá linh động, đọc thấy thì chúng ta có cảm tưởng như đang soi gương nhìn chính mình, và rất nhiều khi, cảm thấy ngượng, mặc dầu tác giả chẳng bao giờ chêm vào một lời bình phẩm nào. Chính đó là những điểm làm nên các mặt tích cực cho cuốn sách.●

CẦN CÓ CĂN BẢN ANH VĂN VỮNG CHẮC ĐỂ ĐƯỢC

TĂNG LƯƠNG TIẾN CHỨC

TRAU GIỒI ANH NGỮ NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÂN TIẾN

MODERN ENGLISH

Bộ sách **Modern English** sẽ giúp quí vị có một căn bản vững chắc về phát âm (*pronunciation and word drills*), ngữ vựng và thành ngữ (*vocabulary and idioms*), văn phạm và cú pháp (*grammar and syntax*) và rất nhiều điểm thiết yếu mà chỉ có giáo sư **Lê Bá Kông** với 40 năm kinh nghiệm trong việc dậy Anh văn cho người Việt mới hiểu tường tận các khía cạnh tỉ mỉ và cần thiết.

THÍCH HỢP NHẤT CHO NGƯỜI VIỆT

Những phương pháp thính thị (*audio-visual*), tranh ảnh (*flash cards*), video, ..., chỉ loanh quanh vài trăm ngữ vựng với một số rất hạn chế về cách đặt câu. Như thế chỉ có thể dậm chân tại chỗ với trình độ tiếng Anh sơ đẳng (*elementary English*). Học Anh văn để mỗi ngày tiến bộ lên trình độ cao hơn để đọc, nói và viết ngôn ngữ này chuẩn xác, chứ không phải nói liến thoắng, nhưng sai be bét, là mãn nguyện. Quí vị sẽ phải dùng tiếng Anh suốt đời, vậy phải trau giồi Anh văn, cần biết tường tận ngôn ngữ này, không nên tự mãn với vài câu nói thường đàm.

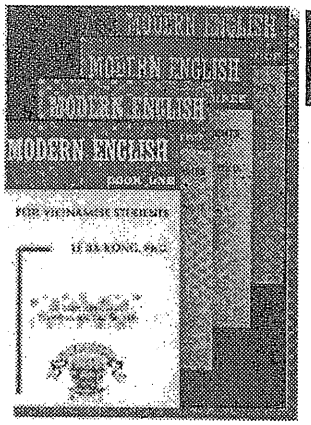

Bộ sách và băng cassettes **Modern English** gồm:

- **4 cuốn sách giáo khoa**, trình độ Sơ cấp tới Hoàn bị (có thể đọc sách, báo chí, đơn từ).
- **4 cuốn sách hướng dẫn**, dịch ra Việt ngữ toàn bộ 160 bài học trong bộ sách, phần hướng dẫn sửa hơn 1,000 bài tập, giúp người học trả lời các câu hỏi sau mỗi bài học.
- **8 cuộn băng cassettes C-90** với giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

KẾT QUẢ NHANH CHÓNG

Sau 30 ngày dùng phương pháp **Modern English** quý vị sẽ thấy tiến bộ ngay.

CĂN BẢN ANH NGỮ VỮNG CHẮC

Đặc điểm của bộ sách:

- Bài học vui, ý nghĩa, thích hợp, thực tế.
- Đặc biệt chú ý phát âm tỉ mỉ, chi tiết, phân biệt âm dài ngắn, vần nhấn mạnh (*stress*), lên xuống giọng (*intonation*).
- Phần vấn đáp nhằm luyện đàm thoại.
- Phần văn phạm và cách đặt câu (*grammar and syntax*) được dẫn giải kỹ lưỡng, giúp người Việt học dễ hiểu và thực hành nhanh.
- Mỗi bài học gia tăng số ngữ vựng và thành ngữ để người học dễ diễn đạt ý tưởng.

CÔNG PHU MỸ THUẬT

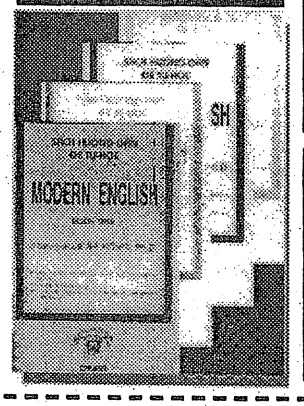

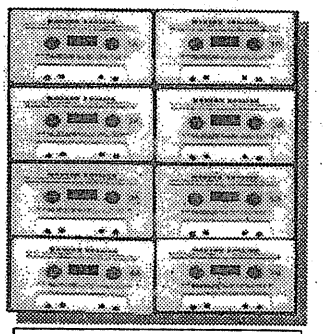

Giá cho bộ **Modern English** là **US$99 và US$10 cước phí.**

Giá đặc biệt khi mua chung bộ **Modern English** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT & VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng (phát âm tiếng Anh theo vần Quốc ngữ ta), bìa bọc plastic, là **US$120 và US$12 cước phí.**

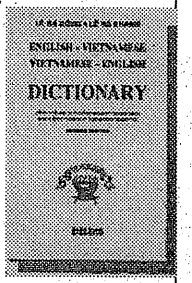

Canada xin thêm 15%, các nước khác 30% cho cước phí.

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money-order
Có nhận credit card

Xin gửi về: Zieleks Company Inc., 2109 Kilkenny Drive - Dept. TK, Pearland, Texas 77581, USA - phone (281) 481-3783
Xin gửi cho chúng tôi: ☐ Bộ Modern English - US$99 và US$10 cước phí.
☐ Bộ Modern English và bộ Tự Điển Anh-Việt & Việt-Anh - US$120 và US$12 cước phí.
Kèm theo đây là: ☐ check ☐ money order ☐ chi tiết cho credit card (*Canada xin thêm 15%, các nước khác 30% cho cước phí*)
Tên _____ Địa chỉ _____ Tỉnh _____ Tiểu bang _____ Zip _____
Nếu dùng credit card:
Số _____ Tháng/năm hết hạn _____ Chữ ký _____ Điện thoại _____

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

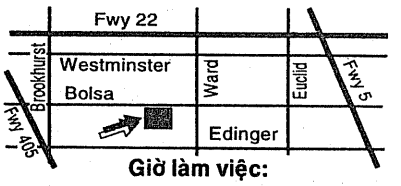

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn
B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ
B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già
B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát
B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên
B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương
B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình
B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa
B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương
B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên
B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột
B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa
B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ
B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn
B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em
BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình
B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ
B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ
B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng
B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Mới phát hành

CD và Cassette THƠ THIỀN

TRÚC LÂM THIỀN PHỔ & THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ

Thơ kệ: Thiền sư Thường Chiếu
Thiền sư Thanh Từ
Thiền sư Nhật Quang

Thi phẩm: Trần Nhân Tôn
Thiền sư Vạn Hạnh
Tuệ Trung Thượng Sĩ

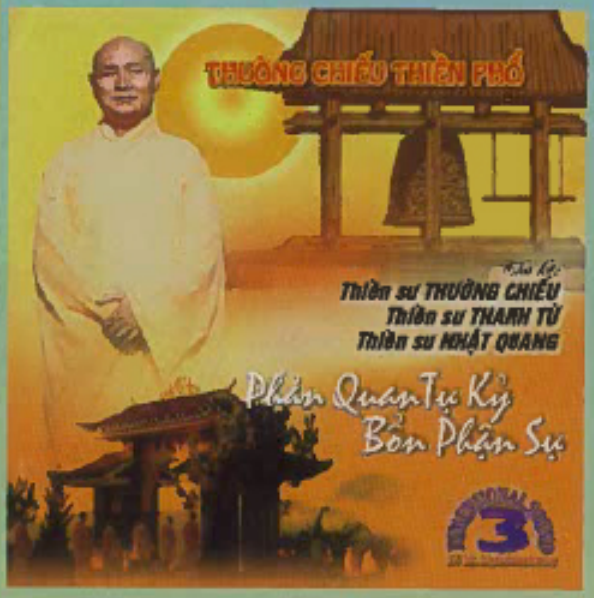

Diễn ngâm: Việt Hùng, Phương Dung, Quỳnh Hoa, Phương Hạnh, Xuân Phát.

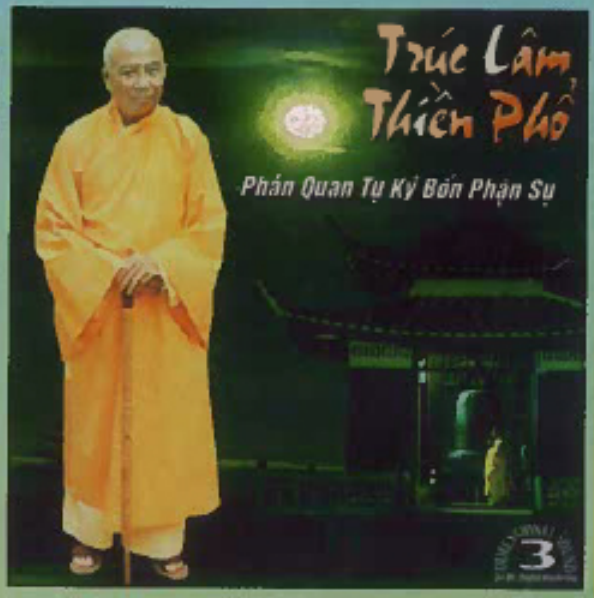

Diễn ngâm: Minh Nguyệt, Bích Thuận, Phượng Vũ, Trọng Nghĩa.

Để chào mừng Thiên niên kỷ thứ III, trong tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ, Nhân Bản và Khai Phóng của đạo Phật, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu *CD & Cassette* **TRÚC LÂM THIỀN PHỔ và THƯỜNG CHIẾU THƯỜNG PHỔ** gồm các thi kệ bất hủ của: ***Thiền sư Thường Chiếu***, một cao tăng lỗi lạc vào cuối thế kỷ 12 đời nhà Lý; Thiền sư khả kính hiện đại ***Thích Thanh Từ,*** Viện chủ Thiền Viện Trúc Lâm; ***Thiền sư Thích Nhật Quang,*** trụ trì Thiền Viện Thường Chiếu...

Phát hành tại:

- **Hoa Phát Dịch Vụ: (714) 531-2700**
- **Saigon Pharmacy: (714) 531-1740**

hay liên lạc **Đạo hữu Mãn Tâm Anh: (714) 839-6704**

Địa chỉ: 9490 Madison Ave., Westminster, CA 92683. USA

Chúng tôi có phát hành Video và băng Cassette Học Phật

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim